

QUYỂN “BỐN”

(*Catukka-Nipāta*)

Về Bản Dịch AN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bô-Đề (*Bhikkhu Bodhi*, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên thâm, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Đề quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh **AN** này có 11 *QUYỂN* (*nipāta*) được đặt tên lần lượt từ *QUYỂN “MỘT”* cho đến *QUYỂN “MƯỜI MỘT”*, trong đó “*Một*”... vừa là *tên* của Quyển kinh (nói về một điều, một pháp, một người...) vừa là *số thứ tự* của Quyển kinh. Mỗi Quyển lại có nhiều *NHÓM* kinh (*vagga, phasm*), toàn bộ kinh **AN** này có 180 *NHÓM* kinh, gồm có 8.122 bài kinh (và kinh tóm lược). Các Quyển 1, 2 và 11 đơn giản đánh số các *NHÓM* kinh từ 1 đến cuối. Các Quyển từ 3-10 thì gom các *NHÓM* kinh thành những phần “*Năm Mươi Kinh*” và một số phần “*thêm vào*” phần “*Năm Mươi Kinh*” cuối.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch, và cả những phần chú thích cuối sách, trong ngoặc vuông [...] là của thầy Tỳ Kheo Bô-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú giải thuộc các giảng luận (như **Mp, Mp-ṭ...**) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu.

- Có những số hiệu và thông tin các kinh được TKBĐ dẫn ra trong các chú thích để chỉ ra sự trùng lặp, so sánh, đối chiếu... là các số hiệu của PTS (như đã giải thích trong “*BẢNG VIẾT TẮT*” ở cuối sách). Người dịch Việt cũng cố gắng đưa ra những số hiệu kinh tương ứng trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ, (như các bản dịch Việt).

- Cuối mỗi chú thích của bản dịch Việt có ghi một số trong ngoặc tròn, ví dụ: (8), (241) ... đó là số của các chú thích trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ. Mục đích để cho những người đọc muốn đối chiếu chúng với những chú thích tiếng Việt.

- Một số chữ Hán-Việt đã rất quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố-ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), gôi ngòi thiền (tọa cụ)

...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: *người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật*, một cách không mấy khó khăn. Mỗi ngày dành ít thời gian đọc một NHÓM kinh dài hay vài NHÓM kinh ngắn, thì trong số ít ngày quý vị sẽ đọc hết bộ kinh. Bản dịch Việt này ai cũng có thể đọc hiểu được. Đọc qua các kinh sẽ có một cách-nhìn bao quát hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, giác ngộ giáo lý đích thực của Phật để tu hành.

Do bộ kinh có nhiều NHÓM kinh với các chủ-đề khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ *Quyển* nào hoặc trong một *Quyển* có thể chọn chủ-đề nào mình quan tâm để đọc trước. Nhìn vào Mục Lục sẽ thấy. Nếu không phải ưu tiên quan tâm hay cần tra cứu theo những chủ-đề nào đó, quý vị hãy đọc từ đầu đến cuối một *Quyển* kinh... và một Bộ kinh.

+ *Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối* để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyên nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú thích này nọ. Nếu có chữ nào hay thuật ngữ nào không hiểu thì nên đọc chú thích để hiểu. Nếu đã đọc và hiểu nghĩa các câu chữ thì không cần phải tra cứu chú thích, vì đa phần những chú thích chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

+ Là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm và kỹ càng nhất của Ngài Tỳ Kheo Bô-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn và cảm niệm công đức như thái dương của thầy.

*Nhà Bè, mùa đại dịch Covid-19 (PL 2564)
(dịch xong và in giữa năm 2020)*

MỤC LỤC

Về Bản Dịch AN.....	iii
[Năm Mười Kinh Đầu]	1
NHÓM 1. LÀNG BHANĐA	1
1 (1) <i>Đã Hiểu</i>	1
2 (2) <i>Bị Rớt Khởi</i>	2
3 (3) <i>Bị Hư Tổn (1)</i>	3
4 (4) <i>Bị Hư Tổn (2)</i>	4
5 (5) <i>Theo Dòng Chảy</i>	6
6 (6) <i>Người Ít Học</i>	7
7 (7) <i>Họ Làm Đẹp</i>	9
8 (8) <i>Sự Tự Tin</i>	10
9 (9) <i>Dục Vọng</i>	12
10 (10) <i>Sự Trói Buộc</i>	12
NHÓM 2. ĐANG BƯỚC ĐI	16
11 (1) <i>Khi Đang Bước Đi...</i>	16
12 (2) <i>Giới Hạnh</i>	17
13 (3) <i>Sự Phấn Đấu</i>	19
14 (3) <i>Sự Kiểm Chế</i>	20
15 (5) <i>Được Cho Là Bạc Nhất</i>	21
16 (6) <i>Sự Vi Tế</i>	22
17 (7) <i>Đường Sai (1)</i>	23
18 (8) <i>Đường Sai (2)</i>	23

19	(9) <i>Đường Sai</i> (3).....	24
20	(10) <i>Người Phân Phần Cơm Trưa</i>	24
NHÓM 3. URUVELĀ.....		25
21	(1) <i>Ở Uruvelā</i> (1)	25
22	(2) <i>Ở Uruvelā</i> (2)	27
23	(3) <i>Thế Giới</i>	30
24	(4) <i>Kāḷaka</i>	32
25	(5) <i>Đời Sống Tâm Linh</i>	34
26	(6) <i>Những Kẻ Lừa Gạt</i>	35
27	(7) <i>Sự Hài Lòng</i>	35
28	(8) <i>Truyền Thống Thánh Thiện</i>	36
29	(9) <i>Những Yếu Tố Của Giáo Pháp</i>	39
30	(10) <i>Những Du Sĩ</i>	40
NHÓM 4. BÁNH XE		43
31	(1) <i>Bánh Xe</i>	43
32	(2) <i>Duy Trì</i>	43
33	(3) <i>Sự Tử</i>	44
34	(4) <i>Niềm Tin</i>	46
35	(5) <i>Bà-la-môn Vassakāra</i>	48
36	(6) <i>Bà-la-môn Doṇa</i>	50
37	(7) <i>Không Sa Sút</i>	52
38	(8) <i>Lui Về</i>	54
39	(9) <i>Bà-la-môn Ujjaya</i>	56
40	(10) <i>Bà-la-môn Udāyī</i>	58

NHÓM 5. ROHITASSA	59
41 (1) <i>Sự Định Tâm</i>	59
42 (2) <i>Những Câu Hỏi</i>	61
43 (3) <i>Giận Dữ (1)</i>	62
44 (4) <i>Giận Dữ (2)</i>	63
45 (5) <i>Rohitassa (1)</i>	63
46 (6) <i>Rohitassa (2)</i>	65
47 (7) <i>Rất Xa Nhau</i>	66
48 (8) <i>Visākha</i>	66
49 (9) <i>Những Sự Đảo Điên</i>	67
50 (10) <i>Những Ô Nhiễm</i>	69
[Năm Mươi Kinh Thứ Hai]	73
NHÓM 1. NHỮNG DÒNG CHẢY PHƯỚC ĐỨC	73
51 (1) <i>Những Dòng Phước Đức (1)</i>	73
52 (2) <i>Những Dòng Phước Đức (2)</i>	74
53 (3) <i>Sống Chung (1)</i>	76
54 (4) <i>Sống Chung (2)</i>	79
55 (5) <i>Sống Giống Nhau (1)</i>	79
56 (6) <i>Sống Giống Nhau (2)</i>	80
57 (7) <i>Suppavāsā</i>	81
58 (8) <i>Sudatta</i>	82
59 (9) <i>Thức Ăn</i>	83
60 (10) <i>Sự Thực Hành Đúng Dẫn Của Người Tại Gia</i>	83
NHÓM 2. NHỮNG VIỆC LÀM XỨNG ĐÁNG	84

61	(1) <i>Những Việc Làm Xứng Đáng</i>	84
62	(2) <i>Không Bị Nợ Nần</i>	89
63	(3) <i>Sống Với Trời Brahmā</i>	90
64	(4) <i>Đọa Địa Ngục</i>	91
65	(5) <i>Dựa Theo Thân Sắc</i>	92
66	(6) <i>Tham Dục</i>	93
67	(7) <i>Rắn</i>	93
68	(8) <i>Đề-Bà-Đạt-Đa</i>	95
69	(9) <i>Sự Phấn Đấu</i>	96
70	(10) <i>Bất Chính</i>	97
NHÓM 3. KHÔNG THỂ LÀM LỖI		99
71	(1) <i>Sự Phấn Đấu</i>	99
72	(2) <i>Cách Nhìn</i>	99
73	(3) <i>Người Xấu: Cô Dâu</i>	99
74	(4) <i>Bậc Nhất (1)</i>	102
75	(5) <i>Bậc Nhất (2)</i>	102
76	(6) <i>Kusinārā</i>	102
77	(7) <i>Những Vấn Đề Không Thể Nghĩ Tới</i>	104
78	(8) <i>Những Sự Cúng Dường</i>	104
79	(9) <i>Việc Làm Ăn</i>	105
80	(10) <i>Kamboja</i>	106
NHÓM 4. KHÔNG LAY CHUYỀN		107
81	(1) <i>Sát Sinh</i>	107
82	(2) <i>Nói Dối</i>	107

83	(3) <i>Chê Bai</i>	108
84	(4) <i>Sự Tức Giận</i>	108
85	(5) <i>Bóng Tối</i>	109
86	(6) <i>Cúi Xuống</i>	111
87	(7) <i>Bốn Loại Sa-Môn</i> (Con trai).....	111
88	(8) <i>Bốn Loại Sa-Môn</i> (Những gông cùm)	114
89	(9) <i>Bốn Loại Sa-Môn</i> (Chánh kiến...)	115
90	(10) <i>Bốn Loại Sa-Môn</i> (Năm uẩn)	116
NHÓM 5. A-TU-LA		117
91	(1) <i>A-tu-la</i>	117
92	(2) <i>Đạt Định... (1)</i>	118
93	(3) <i>Đạt Định... (2)</i>	118
94	(4) <i>Đạt Định... (3)</i>	120
95	(5) <i>Như Gõ Hỏa Táng</i>	121
96	(6) <i>Trừ Bỏ Tham...</i>	122
97	(7) <i>Nhanh Trí</i>	123
98	(8) <i>Vì Phúc Lợi Của Mình</i>	125
99	(9) <i>Những Giới Luật Tu Hành</i>	125
100	(10) <i>Potaliya</i>	127
[Năm Mươi Kinh Thứ Ba]		131
NHÓM 1. MÂY		131
101	(1) <i>Mây (1)</i>	131
102	(2) <i>Mây (2)</i>	132
103	(3) <i>Những Cái Bình</i>	133

104	(4) <i>Những Hồ Nước</i>	134
105	(5) <i>Xoài</i>	135
106	(6) <i>Xoài</i>	137
107	(7) <i>Chuột</i>	137
108	(8) <i>Bò</i>	138
109	(9) <i>Cây Cối</i>	140
110	(10) <i>Rắn</i>	141
NHÓM 2. KESI		142
111	(1) <i>Kesi</i>	142
112	(2) <i>Tốc Độ</i>	145
113	(3) <i>Gậy Thúc Ngựa</i>	145
114	(4) <i>Voi Đực</i>	149
115	(5) <i>Việc Mình Làm</i>	151
116	(6) <i>Sự Chuyên Chú</i>	152
117	(7) <i>Sự Phòng Hộ</i>	153
118	(8) <i>Truyền Cảm Hứng</i>	154
119	(9) <i>Những Hiểm Họa (1)</i>	154
120	(10) <i>Những Hiểm Họa (2)</i>	155
NHÓM 3. NHỮNG HIỂM HỌA		155
121	(1) <i>Phải Tự Trách Mình</i>	155
122	(2) <i>Hiểm Họa Bị Sóng Cuốn</i>	157
123	(2) <i>Sự Khác Biệt (1)</i>	160
124	(4) <i>Sự Khác Biệt (2)</i>	162
125	(5) <i>Tâm Tì (1)</i>	163

126	(6) <i>Tâm Từ (2)</i>	166
127	(7) <i>Kỳ Lạ (1)</i>	167
128	(8) <i>Kỳ Lạ (2)</i>	168
129	(9) <i>Kỳ Lạ (3)</i>	169
130	(10) <i>Kỳ Lạ (4)</i>	170
NHÓM 4. NGƯỜI.....		171
131	(1) <i>Những Gông Cùm</i>	171
132	(2) <i>Sự Nhận Định</i>	173
133	(3) <i>Thuộc Loại Hiểu Nhanh</i>	173
134	(4) <i>Nỗ Lực</i>	173
135	(5) <i>Có Tội</i>	174
136	(6) <i>Giới Hạnh (1)</i>	174
137	(7) <i>Giới Hạnh (2)</i>	175
138	(8) <i>Tách Ly Để Tu</i>	175
139	(9) <i>Người Thuyết Pháp</i>	176
140	(10) <i>Những Người Nói</i>	177
NHÓM 5. NHỮNG HÀO QUANG.....		178
141	(1) <i>Những Hào Quang</i>	178
142	(2) <i>Những Sự Chiếu Sáng</i>	178
143	(3) <i>Những Ánh Sáng</i>	178
144	(4) <i>Những Sự Tỏa Sáng</i>	178
145	(5) <i>Những Thứ Chiếu Sáng</i>	179
146	(6) <i>Những Thời Lúc (1)</i>	179
147	(7) <i>Những Thời Lúc (2)</i>	179

148	(8) <i>Hành Vi (1)</i>	180
149	(9) <i>Hành Vi (2)</i>	180
150	(10) <i>Những Cốt Lỗi</i>	180
[Năm Mười Kinh Thứ Tư]		183
NHÓM 1. CÁC CĂN		183
151	(1) <i>Các Căn</i>	183
152	(2) <i>Năng Lực Niềm Tin...</i> (các lực).....	183
153	(3) <i>Năng Lực Trí Tuệ</i>	183
154	(4) <i>Năng Lực Chánh Niệm</i>	183
155	(5) <i>Năng Lực Quán Xét</i>	184
156	(6) <i>Những Đại Kiếp</i>	184
157	(7) <i>Bệnh</i>	184
158	(8) <i>Sa Sút</i>	186
159	(9) <i>Tỳ Kheo Ni</i>	186
160	(10) <i>Một Bạc Phúc Lành</i>	189
NHÓM 2. NHỮNG CÁCH THỨC TU TẬP		192
161	(1) <i>Ngẩn Gợn</i>	192
162	(2) <i>Chi Tiết</i>	193
163	(3) <i>Sự Không Hấp Dẫn</i>	194
164	(4) <i>Kham Nhẫn (1)</i>	197
165	(5) <i>Kham Nhẫn (2)</i>	198
166	(6) <i>Cả Hai</i>	199
167	(7) <i>Mục-Kiểm-Liên</i>	199
168	(8) <i>Xá-Lợi-Phát</i>	200

169	(9) <i>Nhờ Sự Cố Gắng</i>	200
170	(10) <i>Kết Hợp Với Nhau</i>	202
NHÓM 3. CỐ Ý		204
171	(1) <i>Sự Cố Ý</i>	204
172	(2) <i>Phân Tích</i>	207
173	(3) <i>Câu-Hi-La</i>	209
174	(4) <i>Ānanda</i>	210
175	(5) <i>Upavāṇa</i>	210
176	(6) <i>Mong Cầu</i>	212
177	(7) <i>Rāhula</i>	212
178	(8) <i>Hồ Giữ Nước</i>	214
179	(9) <i>Niết-Bàn</i>	215
180	(10) <i>Những Sự Tham Chiếu Lớn</i>	216
NHÓM 4. BÀ-LA-MÔN.....		219
181	(1) <i>Chiến Binh</i>	219
182	(2) <i>Người Bảo Đảm</i>	221
183	(3) <i>Điều Đã Được Nghe</i>	222
184	(4) <i>Không Sợ Hãi</i>	223
185	(5) <i>Những Sự Thật Của Bà-La-Môn</i>	225
186	(6) <i>Sự Tinh Nhạy</i>	227
187	(7) <i>Vassakāra</i>	229
188	(8) <i>Upaka</i>	232
189	(9) <i>Sự Chứng Ngộ</i>	233
190	(10) <i>Ngày Bố-Tát</i>	234

NHÓM 5. NHÓM LỚN	237
191 (1) <i>Nghe Theo Bằng Tai</i>	237
192 (2) <i>Những Điều Sự Thật.....</i>	240
193 (3) <i>Ông Bhaddiya</i>	244
194 (4) <i>Thị Trấn Sāpūga.....</i>	249
195 (5) <i>Ông Vappa</i>	251
196 (6) <i>Ông Sālha.....</i>	255
197 (7) <i>Hoàng Hậu Mallikā.....</i>	259
198 (8) <i>Tự Hành Xác</i>	261
199 (9) <i>Dục Vọng.....</i>	270
200 (10) <i>Tình Cảm</i>	272
[Năm Mươi Kinh Thứ Năm]	277
NHÓM 1. NGƯỜI TỐT	277
201 (1) <i>Những Giới Tu.....</i>	277
202 (2) <i>Không Có Niềm Tin.....</i>	278
203 (3) <i>Bảy Hành Động</i>	279
204 (4) <i>Mười Hành Động</i>	280
205 (5) <i>Tám Phần Tu (của Bát thánh đạo)</i>	280
206 (6) <i>Mười Phần Tu</i>	281
207 (7) <i>Tính Cách Xấu (1).....</i>	282
208 (8) <i>Tính Cách Xấu (2).....</i>	282
209 (9) <i>Tính Cách Xấu (3).....</i>	283
210 (10) <i>Tính Cách Xấu (4).....</i>	284
NHÓM 2. LÀM ĐẸP CHO HỘI CHÚNG	284

211	(1) <i>Hội Chúng</i>	284
212	(2) <i>Cách Nhìn</i>	285
213	(3) <i>Không Biết Ôn</i>	285
214	(4) <i>Sát Sinh</i>	286
215	(5) <i>Đạo (1)</i>	286
216	(6) <i>Đạo (2)</i>	286
217	(7) <i>Cách Nói Ra (1)</i>	287
218	(8) <i>Cách Nói Ra (2)</i>	287
219	(9) <i>Không Biết Xấu Hổ Về Mặt Đạo Đức</i>	287
220	(10) <i>Không Có Trí</i>	288
NHÓM 3. HÀNH VI THIÊN		288
221	(1) <i>Hành Vi Sai Trái</i>	288
222	(2) <i>Cách Nhìn</i>	289
223	(3) <i>Không Biết Ôn</i>	289
224	(4) <i>Giới Sát Sinh</i>	290
225	(5) <i>Đạo (1)</i>	290
226	(6) <i>Con Đường (2)</i>	290
227	(7) <i>Cách Nói Ra (1)</i>	290
228	(8) <i>Cách Nói Ra (2)</i>	291
229	(9) <i>Không Biết Xấu Hổ Về Mặt Đạo Đức</i>	291
230	(10) <i>Không Có Trí</i>	291
231	(11) <i>Thi Sĩ</i>	292
NHÓM 4. NGHIỆP		292
232	(1) <i>Một Cách Ngăn Gọn</i>	292

233	(2) <i>Một Cách Chi Tiết</i>	292
234	(3) <i>Soṇakāyana</i>	294
235	(4) <i>Những Giới Luật Tu Hành (1)</i>	295
236	(5) <i>Những Giới Luật Tu Hành (2)</i>	296
237	(6) <i>Tám Phần Thánh Đạo</i>	297
238	(7) <i>Bảy Yếu Tố Giác Ngộ</i>	297
239	(8) <i>Đáng Chê Trách</i>	298
240	(9) <i>Không Gây Đau Khổ</i>	298
241	(10) <i>Những Tu Sĩ</i>	299
242	(11) <i>Những Ích Lợi Của Một Người Tốt</i>	300
NHÓM 5. NHỮNG HIỀM HỌA CỦA TỘI LỖI		300
243	(1) <i>Sự Chia Rẽ</i>	300
244	(2) <i>Những Tội Lỗi</i>	302
245	(3) <i>Sự Tu Tập</i>	305
246	(4) <i>Tư Thế Nằm</i>	307
247	(5) <i>Đáng Được Xây Bảo Tháp</i>	308
248	(6) <i>Tăng Trưởng Trí Tuệ</i>	308
249	(7) <i>Hữu Ích</i>	308
250	(8) <i>Những Tuyên Bố (1)</i>	308
251	(9) <i>Những Tuyên Bố (2)</i>	308
252	(10) <i>Những Tuyên Bố (3)</i>	309
253	(11) <i>Những Tuyên Bố (4)</i>	309
NHÓM 6. SỰ HIỂU BIẾT TRỰC TIẾP		309
254	(1) <i>Sự Hiểu Biết Trực Tiếp</i>	309

255	(2) <i>Những Sự Tìm Cầu</i>	310
256	(3) <i>Duy Trì</i>	311
257	(4) <i>Māluṅkyāputta</i>	311
258	(5) <i>Những Gia Đình</i>	312
259	(6) <i>Thuần Chứng (1)</i>	313
260	(7) <i>Thuần Chứng (2)</i>	314
261	(8) <i>Những Năng Lực</i>	315
262	(9) <i>Sống Trong Rừng</i>	315
263	(10) <i>Hành Động</i>	315
NHÓM 7. NHỮNG ĐƯỜNG NGHIỆP		316
264	(1) <i>Sát Sinh</i>	316
265	(2)—273 (10) <i>Gian Cấp</i>	317
NHÓM 8. NHÓM “THAM” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC		317
274	(1) <i>Bốn Nền Tảng Chánh Niệm</i> (tứ niệm xứ)	318
275	(2) <i>Bốn Sự Phấn Đấu Đúng Đắn</i> (tứ chánh cần)	318
276	(3) <i>Bốn Cơ Sở Thần Thông</i> (tứ thần túc)	319
277	(4)—303 (30)	319
304	(31)—783 (510)	319
BẢNG VIẾT TẮT		323
CHÚ THÍCH		329

*Kính Lễ Đức Thế Tôn,
bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

[Năm Mười Kinh Đầu]

NHÓM 1

LÀNG BHANDA

1 (1) Đã Hiểu

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Vajji (Bạt-kỳ) ở làng Bhandā. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:⁵⁰⁶

“Này các Tỳ kheo, do không hiểu và không thâm nhập bốn điều nên ta và các thầy đã lang thang và trôi giạt trong quãng thời gian dài thăm thẳm như vậy.⁵⁰⁷ Bốn đó là gì?⁵⁰⁸

“Này các Tỳ kheo, do không hiểu và không thâm nhập giới-hạnh thánh thiện, thiên-định [sự định tâm] thánh thiện, trí-tuệ thánh thiện, và sự giải-thoát thánh thiện nên ta và các thầy đã lang thang và trôi giạt trong quãng thời gian dài thăm thẳm như vậy.

“Thánh giới-hạnh đã được hiểu và được thâm nhập. Thánh thiên-

định đã được hiểu và được thâm nhập. Thánh trí-tuệ đã được hiểu và được thâm nhập. Thánh giải-thoát đã được hiểu và được thâm nhập. Dục-vọng muốn được hiện-hữu đã bị cắt đứt; đường dẫn tới hiện-hữu đã bị phá hủy;⁵⁰⁹ từ nay không còn sự tái hiện-hữu nào nữa.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Giới hạnh, thiên định, trí tuệ; (giới, định, tuệ)

Và sự giải-thoát vô thượng:

Cồ-đàm, bậc lòng danh,

Đã tự mình hiểu hết những điều đó.

“Sau khi đã trực-tiếp biết những điều đó,

Phật đã chỉ dạy Giáo Pháp cho các Tỳ kheo.

Vị Sư Thầy, người đã chấm dứt sự khổ,

Là bậc có Tầm Nhìn, đã chứng ngộ Niết-bàn.”⁵¹⁰

2 (2) Bị Rớt Khỏi

Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, người không có bốn điều thì coi như đã bị rớt khỏi Giáo Pháp và giới-luật này. Bốn đó là gì? (1) Một người không có giới-hạnh thánh thiện thì coi như đã bị rớt khỏi Giáo Pháp và giới-luật này. (2) Người không có thiên-định thánh thiện ... (3) Người không có trí-tuệ thánh thiện ... (4) Người không có sự giải-thoát thánh thiện thì coi như đã bị rớt khỏi Giáo Pháp và giới-luật này.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, người có được bốn điều thì được coi là an toàn⁵¹¹ trong Giáo Pháp và giới-luật này. Bốn đó là gì? (1) Người có được giới-hạnh thánh thiện thì được coi là an toàn trong Giáo Pháp và Giới Luật này. (2) Người có được thiên-định thánh thiện ... (3)

Người có được trí-tuệ thánh thiện ... (4) Người có được sự giải-thoát thánh thiện thì được coi là an toàn trong Giáo Pháp và giới-luật này.”

Bị sụp đổ và sa ngã,
Kẻ tham bị rút khỏi (Giáo Pháp),
Thì quay trở lại (thế tục).
(Còn người) đã làm xong trách phận,
Vui thích điều đáng vui thích;
Thì đạt tới hạnh phúc nhờ có được hạnh phúc.⁵¹²

3 (3) Bị Hư Tổn (1)

— “Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất thì người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại (về đức hạnh, về tâm); người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều thất đức. Bốn đó là gì?

(1) “Không điều tra và suy xét kỹ, người đó nói lời khen người đáng bị chê trách. (2) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó nói lời chê người đáng được khen ngợi. (3) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó tin một vấn đề đáng bị nghi ngờ. (4) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó nghi ngờ một vấn đề đáng được tin chắc. Có bốn phẩm chất này thì người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại; người đó là đáng chê trách và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều thất đức.

— “Này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất, người trí, giỏi, tốt thiện giữ bản thân mình không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không bị chê trách (không tội lỗi) và không bị quở trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước đức. Bốn đó là gì?

(1) “Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó nói lời chê trách người đáng bị chê trách. (2) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó

nói lời khen ngợi người đáng được khen ngợi. (3) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó nghi ngờ một vấn đề còn đáng nghi ngờ. (4) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó tin một vấn đề đáng được tin chắc. Có được bốn phẩm chất này, người trí, giỏi, tốt thiện giữ bản thân mình không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không bị chê trách và không bị quả trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước đức.”

Khen người đáng chê trách,⁵¹³

Hoặc chê người đáng khen ngợi,

Coi như chọn lấy vận xui,

Khó tìm được hạnh phúc.

Xui rủi như ném một con súc sắc,

Dẫn tới mất hết tiền bạc của cải, thậm chí cả bản thân;

Nhưng điều xui đó chỉ là nhỏ nhặt so với sự xui rủi,

Của một người thù ghét những bậc thánh.⁵¹⁴

Người vu khống những thánh nhân,

Và phỉ báng họ bằng những lời lẽ và ý nghĩ tà ác,

Thì bị đọa địa ngục lâu thăm thẳm,

Suốt thời gian 436 ngàn *nirabbuda*, cộng 5 *abbuda*.⁵¹⁵

4 (4) Bị Hư Tổn (2)

— “Này các Tỳ kheo, do đối xử sai trái với bốn người, người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại (về đức hạnh, về tâm); người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quả trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều thất đức. Bốn đó là gì? (1) Đối xử sai trái với mẹ, thì người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại; người đó là đáng chê trách và bị quả trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều thất đức. (2) Đối xử sai trái với cha ... (3) Đối xử sai trái với Như Lai ... (4) Đối xử

sai trái với đệ tử của Như Lai ... Do đối xử sai trái với bốn người này, người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại; người đó là đáng chê trách và bị quả trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều thất đức.

— “Này các Tỳ kheo, do đối xử đúng đắn với bốn người, người trí, giỏi, tốt thiện giữ bản thân mình không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không bị chê trách (không tội lỗi) và không bị quả trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước đức. Bốn đó là gì? (1) Đối xử đúng đắn với mẹ, thì người trí, giỏi, tốt thiện giữ bản thân mình không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không bị chê trách và không bị quả trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước đức. (2) Đối xử đúng đắn với cha ... (3) Đối xử đúng đắn với Như Lai ... (4) Đối xử đúng đắn với đệ tử của Như Lai ... Do đối xử đúng đắn với bốn người này, người trí, giỏi, tốt thiện giữ bản thân mình không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không bị chê trách và không bị quả trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước đức.”

Người cư xử sai trái với cha mẹ,
Với Như Lai, hay đệ tử của Như Lai,
Thì tạo nhiều thất đức.

Do hành vi bất chính với cha mẹ,
Bậc trí hiền phê phán loại người đó trong thế gian,
Sau khi chết người đó bị đày trong cảnh giới cùng khổ.

Người cư xử đúng đắn với cha mẹ,
Với Như Lai, hay đệ tử của Như Lai,
Thì tạo nhiều phước đức.

Do hành vi chân chính với cha mẹ,
Bậc trí hiền khen ngợi loại người đó trong thế gian,
Sau khi chết người đó hưởng phúc trong cõi trời.

5 (5) Theo Dòng Chảy

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người đi theo dòng chảy; người đi ngược dòng chảy; người vững chắc ở bên trong; và bà-la-môn đứng trên nền đất cao, sau khi đã vượt qua và vượt khỏi.⁵¹⁶

(1) “Và cái gì là người đi theo dòng chảy? Ở đây, có người mê đắm những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) và làm những việc xấu ác. Đây được gọi là người đi theo dòng chảy.

(2) “Và cái gì là người đi ngược dòng chảy? Ở đây, có người không mê đắm những khoái-lạc giác-quan và không làm những việc xấu ác. Dù bị đau khổ hay ưu buồn đến giàn giụa nước mắt, người đó vẫn sống đời sống tâm linh trong sạch và toàn thiện. Đây được gọi là người đi ngược dòng chảy.

(4) “Và cái gì là người vững chắc ở bên trong? Ở đây, có người, với sự đã tiêu diệt sạch sẽ năm gông-cùm nhẹ đô (đầu tiên; hạ phần kiết sử), đã thành bậc tái sinh tự động (trong một cõi trời trong sạch, tịnh cư thiên) và sau đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn luôn, chứ không quay lại thế gian này nữa (Bất-lai). Đây được gọi là người vững chắc ở bên trong.

(5) “Và cái gì là bà-la-môn đứng trên nền đất cao (chỗ an toàn), sau khi đã vượt qua (bờ bên kia) và vượt khỏi (luân hồi). Ở đây, có người, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này đã tự mình chứng ngộ, bằng trí-biết trực-tiếp, sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây được gọi là người đã vượt qua và đã vượt khỏi, là bà-la-môn đứng trên nền đất cao.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

Người thiếu kiểm soát về dục-lạc,

Không từ bỏ nhục-dục, khoái hưởng dục-lạc,
Thì tái tục quay lại⁵¹⁷ cảnh sinh-già,
Chìm đắm trong dục-vọng,
Đó là “người buông xuôi theo dòng”.

Do vậy, người có trí biết thiết lập sự chánh-niệm,
Không nương thân nơi dục-lạc và những việc làm xấu ác,
Mà nên từ bỏ dục-lạc, cho dù phải chịu nhiều đau khổ:
Đó được gọi là “người lội ngược dòng”.

Người đã dẹp bỏ năm ô-nhiễm,
Là học nhân đã hoàn thành,⁵¹⁸ đã bất khả thoái lui,
Đã chứng đắc sự làm-chủ cái tâm,
Với các căn đều điềm tĩnh:
Đó được gọi là “người vững chắc ở bên trong”.

Người đã thấu ngộ mọi thứ cao, thứ thấp,
Đã đốt sạch chúng, nên chúng đã tiêu mất,
Không còn tồn tại nữa:
Bậc sa-môn đó đã sống được đời sống tâm linh,
Đã đạt tới sự chấm-dứt khỏi thế gian:
Đó được gọi là “người đã vượt qua, vượt khỏi”.

6 (6) *Người Ít Học*

“Này các Tỳ kheo, bốn loại này người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Một người học ít không có ý định (dụng ý, mục đích) về những điều mình đã học; người học ít có ý định về những điều mình đã học; người học nhiều không có ý định về những điều mình đã học; và người học nhiều có ý định về những điều mình đã học.

(1) “Và theo cách nào là một người học ít không có ý định về những điều mình đã học? Ở đây, có người đã học ít—về những thể loại

kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bốn sinh (của Phật), kinh những sự kiện thần diệu, và kinh vấn đáp⁵¹⁹—và người đó không hiểu ý nghĩa của những điều mình đã học; người đó không hiểu được Giáo Pháp; và người đó không thực hành đúng theo Giáo Pháp. Theo cách như vậy là một người học ít không có ý định về những điều mình đã học.

(2) “Và theo cách nào là một người học ít có ý định về những điều mình đã học? Ở đây, có người đã học ít—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... và kinh vấn đáp—nhưng người đó hiểu ý nghĩa của những điều mình đã học; người đó hiểu được Giáo Pháp; và người đó thực hành đúng theo Giáo Pháp. Theo cách như vậy là một người ít học có ý định về những điều mình đã học.

(3) “Và theo cách nào là một người học nhiều không có ý định về những điều mình đã học? Ở đây, có người đã học nhiều—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... và kinh vấn đáp—nhưng người đó không hiểu ý nghĩa của những điều mình đã học; người đó không hiểu được Giáo Pháp; và người đó không thực hành đúng theo Giáo Pháp. Theo cách như vậy là một người học nhiều không có ý định về những điều mình đã học.

(4) “Và theo cách nào là một người học nhiều có ý định về những điều mình đã học? Ở đây, có người đã học nhiều—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... và kinh vấn đáp—và người đó hiểu ý nghĩa của những điều mình đã học; người đó hiểu được Giáo Pháp; và người đó thực hành đúng theo Giáo Pháp. Theo cách như vậy là một người học nhiều có ý định về những điều mình đã học.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

Người ít học, và không ổn định về đức-hạnh,
Người khác chê bai người đó về cả hai mặt đó.

Người học ít, nhưng thiện khéo ổn định về đức-hạnh,
 Người khác khen ngợi người đó về giới-hạnh,
 Và sự học ít mà thành công.

Người học nhiều học cao, nhưng không ổn định về đức-hạnh,
 Người khác chê bai người đó vì phần thiếu giới-hạnh,
 Và sự học nhiều mà không thành công.
 Người học nhiều học cao, và thiện khéo ổn định về đức-hạnh,
 Người khác khen ngợi người đó về cả hai mặt đó.

Một đệ tử của Phật là người học cao rộng,
 Là bậc thông thạo về Giáo Pháp,
 Được phú cho trí-tuệ,
 Giống như đồng tiền được đúc từ vàng núi được tinh luyện,
 Thì ai còn có thể chê trách vị đó?
 Ngay cả những thiên thần cũng khen ngợi vị ấy,
 Ngay cả Trời Brahmā cũng khen ngợi vị ấy.

7 (7) Họ Làm Đẹp

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này là giỏi, có kỷ luật, tự tin, có học hiểu, thông thạo về Giáo Pháp, thực hành đúng theo Giáo Pháp, là họ làm đẹp cho Tăng Đoàn. Bốn đó là gì?

(1) “Một Tỳ kheo là giỏi, có kỷ luật, tự tin, có học hiểu, thông thạo về Giáo Pháp, thực hành đúng theo Giáo Pháp, là người đó làm đẹp cho Tăng Đoàn. (2) Một Tỳ kheo ni là giỏi ... (3) Một đệ tử tại gia nam là giỏi ... (4) Một đệ tử tại gia nữ là giỏi, có kỷ luật, tự tin, có học hiểu, là thông thạo về Giáo Pháp, thực hành đúng theo Giáo Pháp, là người đó làm đẹp cho Tăng Đoàn.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người là giỏi, có kỷ luật, tự tin, có học hiểu, thông thạo về Giáo Pháp, thực hành đúng theo Giáo Pháp,

là họ làm đẹp cho Tăng Đoàn.”

Một người tu là giỏi và tự tin,
Học nhiều, thông thạo về Giáo Pháp,
Thực hành đúng theo Giáo Pháp,
Thì người đó là sự làm đẹp cho Tăng Đoàn.

Một Tỷ kheo thành tựu về giới-hạnh,
Một Tỷ kheo ni có học hiểu,
Một đệ tử tại gia nam được phú cho niềm-tin,
Một đệ tử tại gia nữ được phú cho niềm-tin:
Đó là những người làm đẹp cho Tăng Đoàn;
Họ là những sự tô điểm cho Tăng Đoàn.

8 (8) Sự Tự Tin

“Này các Tỷ kheo, có bốn loại sự tự-tin mà Như Lai có được, do có được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, đã cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và đã thiết lập bánh xe của trời Brahma (= bánh xe Giáo Pháp).⁵²⁰ Bốn đó là gì?

(1) “Ta không thấy có căn cứ gì dựa vào đó một tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma-vương hay trời Brahmā hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý nếu phê phán ta như vậy: ‘Ông tuyên bố mình đã giác ngộ hoàn toàn, nhưng ông chưa giác ngộ hoàn toàn về những điều đó.’ Do ta không thấy có căn cứ nào như vậy nên ta sống an toàn, không sợ hãi, và tự tin.

(2) “Ta không thấy có căn cứ gì dựa vào đó một tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma-vương hay trời Brahmā hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý nếu phê phán ta như vậy: ‘Ông tuyên bố mình đã tiêu diệt ô-nhiễm, nhưng ông chưa tiêu diệt hoàn toàn mọi ô-nhiễm.’ Do ta không thấy có căn cứ nào như vậy nên ta sống an toàn, không sợ

hãi, và tự tin.

(3) “Ta không thấy có căn cứ gì dựa vào đó một tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma-vương hay trời Brahmā hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý nếu phê phán ta như vậy: ‘Những điều ông cho là những chướng-ngại thì không phải là chướng ngại cho những người thực hành (dính tới) chúng.’ Do ta không thấy có căn cứ nào như vậy nên ta sống an toàn, không sợ hãi, và tự tin.

(4) “Ta không thấy có căn cứ gì dựa vào đó một tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma-vương hay trời Brahmā hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý nếu phê phán ta như vậy: ‘Giáo Pháp không đưa người thực hành nó đi tới sự diệt-khổ, là mục tiêu mà vì nó ông đã chỉ dạy Giáo Pháp đó.’⁵²¹ Do ta không thấy có căn cứ nào như vậy nên ta sống an toàn, không sợ hãi, và tự tin.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn sự tự-tin mà Như Lai có được, do có được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, đã cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và đã thiết lập bánh xe của trời Brahma.”

Những căn cứ khác nhau,
 Những tu sĩ và bà-la-môn đã dựa vào,
 Để phê phán này nọ,
 Cũng không đụng được đến Như Lai:
 Là bậc tự-tin, bậc đã vượt trên những lý lẽ đó.

Là bậc toàn thiện, đã vượt trên [mọi sự thế gian],
 Người đã thiết lập chuyển dịch bánh xe Giáo Pháp,
 Vì lòng bi-mẫn dành cho chúng sinh.
 Chúng sinh kính lễ một bậc như vậy:
 Là bậc bậc nhất trong những thiên thần và loài người,
 Là bậc đã vượt thoát khỏi sự hiện-hữu.

9 (9) Dục Vọng

“Này các Tỳ kheo, có bốn cách dục-vọng khởi sinh bên trong một Tỳ kheo. Bốn đó là gì? Dục-vọng khởi sinh bên trong một Tỳ kheo vì chuyện y áo, thức ăn, chỗ ở, hay vì sự sống ở đây hay ở nơi khác.⁵²² Đây là bốn cách dục-vọng khởi sinh bên trong một Tỳ kheo.”

Với dục-vọng như hình bóng đồng hành,
Với những người lang thang trôi giạt thăm thẳm.
Từ trạng thái này tới trạng thái khác,
Không thoát khỏi luân hồi sinh tử.

Sau khi nhìn thấy sự nguy-hại—
Rằng dục-vọng chính là nguồn gốc của khổ đau—
Một Tỳ kheo lang thang một cách có chánh-niệm,
Bỏ hết dục-vọng, không còn dính-chấp.

10 (10) Sự Trói Buộc

— “Này các Tỳ kheo, có bốn sự trói-buộc này. Bốn đó là gì? Sự trói buộc của nhục-dục, sự trói buộc của sự hiện-hữu, sự trói buộc của quan-điểm này nọ, và sự trói buộc của vô-minh.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự trói buộc của nhục-dục? Ở đây, có người không hiểu được nguồn-gốc (sinh, có) và sự phai-biến (diệt, hết), sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), đúng như chúng thực là. Khi một người không hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì tham-muốn nhục dục (thuộc giác quan), sự khoái-thích nhục dục, sự luyến-ái nhục dục, sự mê đắm nhục dục, sự thèm-khát nhục dục, sự đam-mê nhục dục, sự dính-chấp nhục dục, và dục-vọng nhục dục cứ nằm sâu bên trong

người đó đối với/vì những khoái-lạc giác-quan. Đây được gọi là sự trói buộc của nhục-dục.

(2) “Đó là sự trói buộc của nhục-dục. Và cái gì là sự trói buộc của sự hiện-hữu? Ở đây, có người không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với những trạng thái hiện-hữu.⁵²³ Khi một người không hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì tham-muốn được hiện hữu, sự khoái-thích hiện hữu, sự mê-đắm được hiện hữu, sự thèm-khát được hiện hữu, sự đam-mê được hiện hữu, sự dính-chấp theo sự hiện hữu, và dục-vọng muốn được hiện hữu cứ nằm sâu bên trong người đó đối với những trạng thái hiện-hữu. Đây được gọi là sự trói buộc của sự hiện-hữu.

(3) “Đó là sự trói buộc của nhục-dục và sự trói buộc của sự hiện-hữu. Và cái gì là sự trói buộc của những quan-điểm này nọ (tà kiến)? Ở đây, có người không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với những quan-điểm này nọ. Khi một người không hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì tham-muốn vì những quan-điểm, sự khoái-thích những quan-điểm, sự mê-đắm vì những quan-điểm, sự thèm-khát vì những quan-điểm, sự đam-mê vì những quan-điểm, sự dính-chấp theo những quan-điểm sự hiện hữu, và dục-vọng vì những quan-điểm cứ nằm sâu bên trong người đó đối với những quan-điểm này nọ. Đây được gọi là sự trói buộc của những quan-điểm này nọ.

(4) “Đó là sự trói buộc của nhục-dục, sự trói buộc của sự hiện-hữu, và sự trói buộc của những quan-điểm này nọ. Và cái gì là sự trói buộc của vô-minh? Ở đây, có người hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu giác quan). Khi một người không hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì sự vô-minh và sự không-hiểu-biết cứ nằm sâu bên trong người đó đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc. Đây được gọi là sự trói buộc của vô-minh.

“Đó là sự trói buộc của nhục-dục, sự trói buộc của sự hiện-hữu, và sự trói buộc của những quan-điểm này nọ, và sự trói buộc của vô-minh.

“Một người bị gông cùm bởi những trạng thái bất thiện xấu ác—những thứ làm ô nhiễm người đó, chúng dẫn dắt tới sự hiện-hữu mới (tái sinh), chúng là phiền não, kết cuộc là khổ đau, dẫn tới sự sinh-già-chết trong tương lai—thì người đó được cho là ‘không được an toàn thoát khỏi sự trói buộc’. Đó là bốn sự trói-buộc.

— “Này các Tỳ kheo, có bốn sự cắt-đứt trói buộc này. Bốn đó là gì? Sự cắt đứt trói buộc của nhục-dục, sự cắt đứt trói buộc của sự hiện-hữu, sự cắt đứt rói buộc của quan-điểm này nọ, và sự cắt đứt trói buộc của vô-minh.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt đứt trói buộc của nhục dục? Ở đây, có người hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), đúng như chúng thực là. Khi một người hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì tham-muốn nhục dục (thuộc giác quan), sự khoái-thích nhục dục, sự luyến-ái nhục dục, sự mê đắm nhục dục, sự thèm-khát nhục dục, sự đam-mê nhục dục, sự dính-chấp nhục dục, và dục vọng nhục dục không nằm bên trong người đó đối với những khoái-lạc giác-quan. Đây được gọi là sự cắt đứt trói buộc của nhục-dục.

(2) “Đó là sự cắt đứt trói buộc của nhục-dục. Và cái gì là sự cắt đứt trói buộc của sự hiện-hữu? Ở đây, có người hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với những trạng thái hiện-hữu. Khi một người hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì tham-muốn được hiện hữu, sự khoái-thích hiện hữu, sự mê-dắm được hiện hữu, sự thèm-khát được hiện hữu, sự đam-mê được hiện hữu, sự dính-chấp theo sự hiện hữu, và dục-vọng muốn được hiện hữu không nằm bên trong người đó đối với những

trạng thái hiện-hữu. Đây được gọi là sự cắt đứt trói buộc của sự hiện-hữu.

(3) “Đó là sự cắt đứt trói buộc của nhục-dục và sự cắt-đứt trói buộc của sự hiện-hữu. Và cái gì là sự cắt đứt trói buộc của những quan-điểm này nọ (tà kiến)? Ở đây, có người hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với những quan-điểm này nọ. Khi một người hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì tham-muốn vì những quan-điểm, sự khoái-thích những quan-điểm, sự mê-đắm vì những quan-điểm, sự thèm-khát vì những quan-điểm, sự đam-mê vì những quan-điểm, sự dính-chấp theo những quan-điểm sự hiện hữu, và dục-vọng vì những quan-điểm không nằm bên trong người đó đối với những quan-điểm này nọ. Đây được gọi là sự cắt đứt trói buộc của những quan-điểm này nọ.

(4) “Đó là sự cắt đứt trói buộc của nhục-dục, sự cắt đứt trói buộc của sự hiện-hữu, và sự cắt đứt trói buộc của những quan-điểm này nọ. Và cái gì là sự cắt đứt trói buộc của vô-minh? Ở đây, có người hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với sáu cơ-sở (đề) tiếp-xúc (sáu giác quan). Khi một người hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì sự vô-minh và sự không-hiểu-biết không có bên trong người đó đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc. Đây được gọi là sự cắt đứt trói buộc của vô-minh.

“Đó là sự cắt đứt trói buộc của nhục-dục, sự cắt đứt trói buộc của sự hiện-hữu, và sự cắt đứt trói buộc của những quan-điểm này nọ, và sự cắt đứt trói buộc của vô-minh.

“Một người tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện xấu ác—những thứ làm ô nhiễm người đó, chúng dẫn dắt tới sự hiện-hữu mới, chúng là phiền não, kết cuộc là khổ đau, dẫn tới sự sinh-già-chết trong tương lai—thì người đó được cho là được ‘an toàn thoát khỏi sự trói buộc’. Đó là bốn sự cắt-đứt trói buộc.”

Bị gông cùm bởi sự trói buộc của nhục-dục, và
Sự trói buộc vì hiện-hữu,
Bị gông cùm bởi những tà-kiến này nọ,
Do vô-minh dẫn đầu,
Nên chúng sinh cứ đi mãi trong vòng luân hồi,
Sinh tử, tử sinh.

Nhưng sau khi đã thấu hiểu,
Những khoái-lạc giác-quan,
Sự trói buộc vì hiện-hữu;
Sự trói buộc bởi những tà-kiến này nọ,
Sau khi đã bứng bỏ chúng,
Và đã hóa giải sự vô-minh,
Bậc sa-môn đã cắt đứt mọi sự trói buộc;
Họ đã vượt khỏi sự trói buộc.⁵²⁴

NHÓM 2

ĐANG BƯỚC ĐI

11 (1) Khi Đang Bước Đi...⁵²⁵

— (1) Đây các Tỳ kheo, nếu một ý nghĩ tham-dục, một ý nghĩ ác-ý, hay một ý nghĩ gây-hại khởi sinh bên trong một Tỳ kheo trong khi người đó đang bước đi (như: đang đi bộ, đang đi thiền), và người đó dung dưỡng nó, chứ không dẹp bỏ nó, xua tan nó, chấm dứt nó và xóa sổ nó, thì Tỳ kheo đó được cho là không có sự nhiệt-thành (của một người tu) và sự sợ-hãi về mặt đạo đức; người đó cứ liên tục lười-biếng và thiếu nỗ-lực trong khi đang bước đi.

(2) “Nếu một ý nghĩ tham-dục ... khởi sinh bên trong một Tỳ kheo khi người đó đang đứng ... (3) Nếu một ý nghĩ tham-dục ... khởi

sinh bên trong một Tỳ kheo khi người đó đang ngồi ... (4) Nếu một ý nghĩ tham-dục ... khởi sinh bên trong một Tỳ kheo khi đang nằm [còn thức], và người đó dung dưỡng nó, chứ không dẹp bỏ nó, xua tan nó, chấm dứt nó và xóa sổ nó, thì Tỳ kheo đó được cho là không có sự nhiệt-thành và sự sợ-hãi về mặt đạo đức; người đó cứ liên tục lười-biếng và thiếu nỗ-lực trong khi đang đứng ... đang ngồi ... đang nằm.”

Dù đang đi hay đang đứng,
Đang ngồi hay đang nằm,
Tỳ kheo nào nghĩ những ý nghĩ xấu ác,
Của đời sống tại gia,
Coi như đã dính vào con đường tai hại,
Còn mê theo những thứ giả lừa:
Người đó không thể nào đạt đến sự giác-ngộ cao nhất.

Nhưng khi đang đi hay đang đứng,
Đang ngồi hay đang nằm,
Tỳ kheo nào làm lắng lặn những ý nghĩ (bất thiện),
Và vui thích việc làm lắng lặn những ý nghĩ đó:
Người như vậy thì có thể đạt đến sự giác ngộ cao nhất.

12 (2) Giới Hạnh

“Này các Tỳ kheo, hãy sống giữ giới theo giới-hạnh, giữ giới theo Pātimokkha [Giới Luật Tỳ Kheo]. Hãy sống được kiềm chế bởi Pātimokkha, có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt lành, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới luật, hãy tu tập theo những giới luật tu hành đó. Nếu đã làm được như vậy, các thầy còn làm thêm gì nữa?

(1) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo đã trừ bỏ tham-dục và ác-ý trong khi đi; nếu người đó dẹp bỏ luôn sự đờ-đần và buồn-ngủ, sự bất-

an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ;⁵²⁶ nếu sự nỗ lực (tinh tấn) của người đó được phát khởi chứ không bị gia giảm; nếu sự chánh-niệm của người đó được thiết lập và không bị lãng xãng; nếu thân người đó được tĩnh lặng và không bị quấy động; nếu tâm người đó đạt định và đạt nhất điểm, thì Tỳ kheo đó được cho là nhiệt-thành và biết lo-sợ làm điều sai trái; người đó đều đặn và liên tục nỗ-lực và kiên-định trong khi đang đi.

(2) “Nếu một Tỳ kheo đã trừ bỏ tham-dục và ác-ý trong khi đang đứng ... (3) Nếu một Tỳ kheo đã trừ bỏ tham-dục và ác-ý trong khi đang ngồi ... (4) Nếu một Tỳ kheo đã trừ bỏ tham-dục và ác-ý trong khi đang nằm [thức]; nếu người đó dẹp bỏ luôn sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ; nếu sự nỗ lực (tinh tấn) của người đó được phát khởi chứ không bị gia giảm; nếu sự chánh-niệm của người đó được thiết lập và không bị lãng xãng; nếu thân người đó được tĩnh lặng và không bị quấy động; nếu tâm người đó đạt định và đạt nhất điểm, thì Tỳ kheo đó được cho là nhiệt-thành và biết lo-sợ làm điều sai trái; người đó đều đặn và liên tục nỗ-lực và kiên-định trong khi đang đứng ... đang ngồi ... đang nằm.”

Khi đi biết kiềm chế,
 Khi đứng biết kiềm chế,
 Khi ngồi và khi nằm biết kiềm chế,
 Biết kiềm chế khi co chân,
 Biết kiềm chế khi duỗi chân.

Trên, dưới, dọc, ngang,
 Đến tận cùng thế giới,
 Người đó xem xét kỹ càng sự sinh-diệt,
 Của những hiện tượng như vậy,
 Là những đóng (uẩn) hiện tượng (pháp uẩn).

Tu tập theo những điều (giáo pháp),
 Dẫn đến sự tĩnh-tại của tâm;
 Luôn có chánh-niệm,
 Thì người đó được gọi là:
 Một Tỳ kheo luôn luôn kiên-định.

13 (3) *Sự Phấn Đấu*

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự phấn-đấu đúng đắn (tứ chánh cần)? Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn không làm khởi sinh những trạng thái bất xấu ác; người đó nỗ lực, phát khởi năng lượng tinh tấn, áp dụng tâm mình, và phấn đấu. (2) Người đó khởi tạo mong-muốn dẹp bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác; người đó nỗ lực, phát khởi năng lượng tinh tấn, áp dụng tâm mình, và phấn đấu. (3) Người đó khởi tạo mong-muốn làm khởi sinh những trạng thái thiện lành; người đó nỗ lực, phát khởi năng lượng tinh tấn, áp dụng tâm mình, và phấn đấu. (4) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, làm cho chúng không suy giảm, gia tăng, phát triển, và hoàn thiện chúng thông qua sự tu tập; người đó nỗ lực, phát khởi năng lượng tinh tấn, áp dụng tâm mình, và phấn đấu.”

Những ai phấn đấu một cách đúng đắn,
 Sẽ vượt qua cõi Ma-vương [Māra];
 Họ không còn bị dính buộc,
 Đã hết sự sợ hãi sinh tử.

Họ hài lòng, không còn bị khích động,
 Đã chinh phục Ma-vương và yên cương của hấn;
 Những bậc hạnh phúc đó đã chinh phục,
 Tất cả đội quân của Namuci [tức Ma-vương].⁵²⁷

14 (3) Sự Kiểm Chế

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự phẩn-đầu (tinh cần) này. Bốn đó là gì? Sự phẩn đầu bằng cách kiểm-chế, sự phẩn đầu bằng cách dẹp-bỏ, sự phẩn đầu bằng cách tu-tập, và sự phẩn đầu bằng cách phòng-hộ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phẩn đầu bằng cách kiểm-chế? Ở đây, khi nhìn thấy một hình sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu (tướng) và những nét-riêng của nó. Bởi vì, nếu người đó để mắt không được kiểm chế thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thích-muốn (tham) và phiền-bực (uỷ) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập kiểm chế nó, người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm trách sự kiểm chế căn mắt.

“Khi nghe thấy một âm-thanh ... ngửi thấy một mùi-hương ... nếm thấy một mùi-vị ... cảm thấy một đối tượng chạm xúc với thân ... nhận thấy một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu (tướng) và những nét-riêng của nó. Bởi vì, nếu người đó để mắt không được kiểm chế thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thích-muốn (tham) và phiền-bực (uỷ) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập kiểm chế nó, người đó phòng hộ căn tâm, người đó đảm trách sự kiểm chế căn tâm.

(2) “Và cái gì là sự phẩn đầu bằng cách dẹp-bỏ? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh mỗi khi nó khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, chấm dứt nó, và xóa sổ nó.

“Người đó không dung dưỡng ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh ... một ý nghĩ gây-hại đã khởi sinh ... những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh mỗi khi chúng khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, chấm dứt nó, và xóa sổ nó. Đây được gọi là sự phẩn đầu bằng cách dẹp-bỏ.

(3) “Và cái gì là sự phẩn đầu bằng cách tu-tập? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố (giúp) giác-ngộ là sự chánh-niệm, [sự tu tập đó] dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự

buông bỏ giải thoát.

“Người đó tu tập yếu-tổ giác-ngộ là sự phân-giải những hiện-tượng (trạch pháp) ... sự nỗ-lực tinh tấn ... sự hoan-hỷ ... sự tĩnh-lặng ... sự chánh-định ... sự buông-xả, [sự tu tập đó] dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Đây được gọi là sự phân đầu bằng cách tu tập.

(4) “Và cái gì là sự phân đầu bằng cách phòng-hộ? Ở đây, một Tỳ kheo phòng hộ một đối-tượng thiền đã khởi sinh là nền tảng rất tốt để đạt-định: nhận-thức về một bộ xương người, nhận-thức về một tử thi bị giòi đục, nhận-thức về một tử thi đã tái xanh, nhận-thức về một tử thi đang thúi mủ, nhận-thức về một tử thi đang nứt banh, nhận-thức về một tử thi đang phồng trướng.⁵²⁸ Đây được gọi là sự phân đầu bằng cách phòng hộ.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại sự phân-đầu.”

Sự kiềm-chế và sự dẹp-bỏ,
 Sự tu-tập và sự phòng-hộ:
 Đây bốn cách phân đầu tinh cần,
 Đã được dạy bởi Hậu Duệ Mặt Trời (chỉ Phật).
 Bằng những cách này,
 Một Tỳ kheo nhiệt thành ở đây,
 Có thể chứng đắc sự diệt-khổ.

15 (5) Được Cho Là Bạc Nhất

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tuyên bố về những người là bạc nhất. Bốn đó là gì?

“Bạc nhất về thân-sống là Rāhu, vua của những quỷ thần a-tu-la [asura].⁵²⁹ (2) Bạc nhất về thụ hưởng dục-lạc là Vua Mandhātā.⁵³⁰ (3) Bạc nhất về quyền hành là Ma-vương Ác Ma. (4) Trong thế giới này có

những thiên thần, Ma-vương, và Trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác được tuyên bố là bậc nhất. Đây là bốn sự tuyên bố về những người là bậc nhất.”

Rāhu là bậc nhất về thân-sống,
Vua Mandhātā là bậc nhất về thụ hưởng dục-lạc,
Ma-vương là bậc nhất trong những kẻ cai trị,
Sáng chói với quyền lực và vinh quang.

Trong thế giới này có những thiên thần,
Trên, dưới, dọc, ngang,
Đến tận cùng thế giới,
Đức Phật được cho là bậc nhất.

16 (6) Sự Vi Tế

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại sự vi tế này.⁵³¹ Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo có được sự vi tế tuyệt vời về *thể-sắc*. Người đó không còn nhận thức bất kỳ sự vi tế nào khác về thể-sắc tốt hơn hay siêu vi hơn sự vi tế đó; người đó không cầu mong bất kỳ sự vi tế nào khác về thể-sắc tốt hơn hay siêu vi hơn sự vi tế đó. (2) Người đó có được sự vi tế tuyệt vời về *cảm-giác* (thọ) ... (3) ... sự vi tế tuyệt vời về *nhận-thức* (tưởng) ... (4) ... sự vi tế tuyệt vời về *những sự tạo-tác cố-ý* (hành) ... Người đó không còn nhận thức bất kỳ sự vi tế nào khác về những sự tạo-tác cố-ý tốt hơn hay siêu vi hơn sự vi tế đó; người đó không cầu mong bất kỳ sự vi tế nào khác về những sự tạo-tác cố-ý tốt hơn hay siêu vi hơn sự vi tế đó.

“Đây là bốn loại sự vi tế.”

Sau khi đã biết sự vi tế của thể-sắc,

Biết nguồn gốc của những cảm-giác,
 Biết cách những nhận-thức khởi sinh,
 Và biết nơi chúng biết mất;
 Sau khi đã biết những sự tạo-tác cố-ý chỉ như là ‘kẻ lạ’,
 Chứ không phải cái ‘ta’,
 Đích thực Tỳ kheo đó đã nhìn thấy một cách đúng đắn,
 Được bình an, và vui thích trạng thái bình an.
 Thân này là thân cuối cùng của vị đó,
 Sau khi đã chinh phục Ma-vương và yên cương của hân.

17 (7) Đường Sai (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn cách khiến người ta chọn đường sai. Bốn đó là gì? Người chọn đường sai vì tham, vì sân, vì si, hay vì sợ-hãi. Đó là bốn cách khiến người ta chọn đường sai.”

Nếu bởi vì tham, sân, si hay sợ-hãi,
 Khiến người ta ngược ngạo với Giáo Pháp,
 Danh tiếng người đó càng lúc càng tiêu giảm,
 Như trăng trong hai tuần khuyết tối.

18 (8) Đường Sai (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn cách giúp người ta không chọn đường sai. Bốn đó là gì? Người không chọn đường sai vì tham, vì sân, vì si, hay vì sợ-hãi. Đó là bốn cách giúp người ta không chọn đường sai.”

Nếu không vì tham, sân, si hay sợ hãi,
 Thì người ta không ngược ngạo với Giáo Pháp,
 Danh tiếng người đó càng lúc càng tròn đầy,
 Như trăng trong hai tuần tròn sáng.

19 (9) Đường Sai (3)

[Lời kinh này là lời của hai kinh kể trên gộp lại, và phần thi kệ là thi kệ của hai kinh đó gộp lại.]

20 (10) Người Phân Phần Cơm Trưa

“Này các Tỳ kheo, nếu một người phân phần cơm trưa⁵³² có bốn phẩm chất này thì người đó bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người đó chọn đường sai vì tham, vì sân, vì si, hay vì sợ-hãi. Nếu một người phân phần cơm trưa có bốn phẩm chất như vậy thì người đó bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, nếu một người phân phần cơm trưa có được bốn phẩm chất này thì người đó được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Người đó không chọn đường sai vì tham, vì sân, vì si, hay vì sợ-hãi. Nếu một người phân phần cơm trưa có-được bốn phẩm chất như vậy thì người đó được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.

Nhóm người tu không kiểm soát những khoái-lạc giác-quan,
Những người không chân chính, không tôn trọng Giáo Pháp,
Cứ lạc lối bởi tham, sân, và sợ-hãi,⁵³³
Thì được gọi là hội chúng nhơ nhiễm.
Bậc Sa-Môn hiểu-biết (tức Phật) đã gọi như vậy.

Bởi vậy, nhóm người tốt thiện thì đáng khen ngợi,
Họ vững chắc về Giáo Pháp, không làm điều xấu,
Không bị lạc lối bởi tham, sân, và sợ-hãi,
Thì được gọi là hội chúng ưu tú.

Bậc Sa-Môn hiểu-biết đã gọi như vậy.

NHÓM 3

URUVELĀ

21 (1) Ở Uruvelā (1)

Tôi nghe như vậy. ⁵³⁴ Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, trong một lần khi ta đang sống ở Uruvelā, gần chỗ gốc cây đa đề [banyan, nigrodha] của những người chăn dê bên bờ sông Ni-liên-thiên [Neranjara], ngay sau khi ta chứng ngộ sự toàn-giác. Lúc đó, trong khi ta đang ở một mình trong sự tách ly như vậy, một tiến trình ý nghĩ đã khởi sinh trong tâm ta như vậy: ‘Người mà không có sự tôn vinh và tôn kính (người khác) thì sống trong đau khổ. Giờ có tu sĩ hay bà-la-môn nào để ta có thể tôn vinh, tôn kính, và sống nương dựa theo người đó?’

“Rồi điều này đã xảy đến với ta: (1) ‘Nếu đống (uẩn) giới-hạnh của ta là chưa toàn thiện, để hoàn thiện nó ta sẽ tôn vinh, tôn kính, và sống nương dựa theo một tu sĩ hay bà-la-môn khác. Tuy nhiên, trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương và Trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, ta không thấy có một tu sĩ hay bà-la-môn nào khác đã hoàn thiện hơn ta về giới-hạnh để ta có thể tôn vinh, tôn kính, và sống

nương dựa theo người đó.

(2) “‘Nếu đồng thiên-định của ta là chưa toàn thiện, để hoàn thiện nó tôi sẽ tôn vinh, tôn kính, và sống nương dựa vào một tu sĩ hay bà-la-môn khác. Tuy nhiên ... ta không thấy có một tu sĩ hay bà-la-môn nào khác đã hoàn thiện hơn ta về thiên-định để ta có thể tôn vinh, tôn kính, và sống nương dựa theo người đó.

(3) “‘Nếu đồng trí-tuệ của ta là chưa toàn thiện, để hoàn thiện nó ta sẽ tôn vinh, tôn kính, và sống nương dựa vào một tu sĩ hay bà-la-môn khác. Tuy nhiên ... ta không thấy có một tu sĩ hay bà-la-môn nào khác đã hoàn thiện hơn ta về trí-tuệ để ta có thể tôn vinh, tôn kính, và sống nương dựa theo người đó.

(4) “‘Nếu đồng giải-thoát của ta là chưa toàn thiện, để hoàn thiện nó ta sẽ tôn vinh, tôn kính, và sống nương dựa vào một tu sĩ hay bà-la-môn khác. Tuy nhiên ... ta không thấy có một tu sĩ hay bà-la-môn nào khác đã hoàn thiện hơn ta về sự giải-thoát để ta có thể tôn vinh, tôn kính, và sống nương dựa theo người đó.

“Điều này đã xảy đến với ta: ‘Vậy ta chỉ tôn vinh, tôn kính, và sống nương dựa theo Giáo Pháp mà nhờ đó mới đây ta đã được giác ngộ toàn thiện.’

“Lúc đó vị trời Brahmā Sahampati, sau khi bằng tâm mình biết được sự phản chiếu trong tâm ta, đã vụt biến mất khỏi cõi trời và hiện ra ngay trước ta, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi hay co cánh tay. Vị trời xếp lại phần y áo trên một vai, đầu gối phải quỳ xuống mặt đất, kính lễ chào ta, và nói: ‘Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Thưa Thế Tôn, những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác trong quá khứ—những bậc Thế Tôn đó cũng chỉ tôn vinh, tôn kính, và sống nương dựa theo Giáo Pháp mà thôi. Những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác trong tương lai—những bậc Thế Tôn đó cũng chỉ tôn vinh, tôn kính, và sống nương dựa theo Giáo Pháp mà

thôi. Giờ đức Thế Tôn là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác trong hiện tại, cũng chỉ tôn vinh, tôn kính, và sống nương dựa theo Giáo Pháp mà thôi.’

“Đây là điều vị trời Brahmā Sahampati đã nói. Sau khi nói xong điều này, vị ấy đã nói thêm như vậy:

“‘Những vị Phật toàn giác trong quá khứ,
 Những vị Phật trong tương lai,
 Và vị Phật hiện tại,
 Là người đã trừ bỏ mọi sự ưu sầu:
 Tất cả đều đã sống, đang sống, và sẽ sống
 Tôn kính Giáo Pháp thiện lành.
 Đây là phẩm chất của tất cả chư Phật.

“‘Bởi vậy ai mong muốn sự tốt lành,
 Mong cầu đạt tới sự lớn lao,
 Thì nên kính trọng Giáo Pháp thiện lành,
 Tưởng niệm giáo lý của những vị Phật.’

Đây là lời vị trời Brahmā Sahampati đã nói. Sau đó vị trời kính lễ chào ta, giữ ta ở hướng bên phải của mình và vị ấy biến mất ngay tại đó. Sau đó, sau khi đã nhận biết lời thỉnh cầu của vị trời đó và điều đó cũng phù hợp đối với bản thân ta, ta chỉ tôn vinh, tôn kính, và sống nương dựa theo Giáo Pháp mà nhờ đó mới đây ta đã được giác ngộ toàn thiện. Và nay Tăng Đoàn đã đạt được sự lớn lao, ta cũng có luôn sự tôn kính đối với Tăng Đoàn.”

22 (2) Ở Uruvelā (2)

“Này các Tỳ kheo, trong một lần khi ta đang sống ở Uruvelā, gần chỗ gốc cây đa đề [banyan, nigrodha] của những người chăn dê bên bờ

sông Ni-liên-thiên [Neranjara], ngay sau khi ta chứng ngộ sự toàn-giác. Lúc đó có một số bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã ở tuổi xế chiều của cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối, họ đã đến gặp ta và chào hỏi qua lại với ta. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và nói với ta:

“Thầy Cồ-đàm, chúng tôi đã nghe nói: ‘Tu sĩ [sa-môn] Cồ-đàm không kính lễ những bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã ở tuổi xế chiều của cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối; ông ta cũng không đứng dậy hay nhường chỗ ngồi cho họ.’ Đây đúng là sự thật, bởi vì Thầy Cồ-đàm không kính lễ những bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã ở tuổi xế chiều của cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối; thầy cũng không đứng dậy hay nhường chỗ ngồi cho họ. Thầy Cồ-đàm, điều này là không phù hợp (không phải phép).”⁵³⁵

“Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với ta: Những vị này không biết cái gì là một bậc trưởng lão hay những phẩm chất nào làm nên một bậc trưởng lão. Mặc dù có người là già tuổi—tám mươi, chín mươi, hay một trăm năm—nhưng nếu người đó nói lúc không phù hợp, nói sai sự thật, nói điều không ích lợi, nói trái với Giáo Pháp và giới-luật; nếu vào lúc không phù hợp người đó nói những lời không chính đáng, vô lý, dong dài và không ích lợi, thì người đó được coi là một người già ngu ngốc [như con nít].

“Nhưng có người dù trẻ tuổi, một thanh niên tóc còn xanh, được phú cho hạnh phúc của tuổi trẻ, đang trong thời thanh xuân của cuộc đời, nếu người đó nói lúc phù hợp, nói điều sự thật, nói điều có ích lợi, nói về Giáo Pháp và giới-luật, và nếu vào lúc phù hợp người đó nói những lời chính đáng, hữu lý, gọn gàng và có ích lợi, thì người đó được coi là một trưởng lão khôn trí.

“Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất này làm nên một bậc trưởng

lão. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế bởi Pātimokkha [Giới Luật Tỳ Kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt lành, nhìn thấy sự nguy-hại trong những lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới luật, người đó sống theo những giới luật đó.

(2) “Người đó học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những gì mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành từ lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, chúng cho thấy [tuyên bố] đời sống tâm linh tinh khiết và toàn thiện—những giáo lý như vậy người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm trí, đã tụng đọc, đã điều tra tìm hiểu bằng tâm trí, và đã thâm nhập tốt bằng tâm-nhìn (chánh kiến).

(3) “Người đó là người nếu muốn, không rắc rối hay khó khăn gì, có-thể chứng đắc những tầng thiền định; những tầng thiền định tạo nên (trạng thái) tâm bậc cao và là những sự lạc trú ngay trong kiếp này.

(4) “Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Đây là bốn phẩm chất làm nên một bậc trưởng lão.”

Người đàn độn với tâm bất an,
 Người nói chuyện tầm phào,
 Ý nghĩ thì này nọ búa xua
 Thích nghe những lời dạy xấu ác,
 Nắm giữ những quan điểm xấu ác, thiếu tôn trọng,
 Là kẻ đứng rất xa tầm vóc của một bậc trưởng lão.

Nhưng người đã thành tựu về giới-hạnh,
 Đã học nhiều và thấy biết,

Tự chủ về những yếu tố của sự vững chắc,
Là người thấy rõ ý nghĩa bằng trí-tuệ;
Đã vượt trên tất cả mọi hiện-tượng,
Không bị cản cỗi, luôn thấy biết;⁵³⁶

Người đã dẹp bỏ sự sinh tử,
Đã đạt đỉnh cao trong đời sống tâm linh,
Bên trong mình không còn những ô-nhiễm—
Đó là người ta gọi là bậc trưởng lão.
Một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm,
Thì được gọi là một bậc trưởng lão.

23 (3) Thế Giới⁵³⁷

“Này các Tỳ kheo, Như Lai đã hoàn toàn tỉnh thức [giác ngộ] đối với thế giới;⁵³⁸ Như Lai đã tách ly khỏi thế giới. Như Lai đã hoàn toàn tỉnh thức đối với nguồn-gốc của thế giới; Như Lai đã dẹp bỏ nguồn-gốc của thế giới. Như Lai đã hoàn toàn tỉnh thức đối với sự chấm-dứt của thế giới; Như Lai đã chứng ngộ sự chấm-dứt của thế giới. Như Lai đã hoàn toàn tỉnh thức đối với con-đường dẫn tới sự chấm dứt thế giới; Như Lai đã tu tập con-đường dẫn tới sự chấm dứt thế giới.

(1) “Này các Tỳ kheo, trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—Như Lai đã hoàn toàn tỉnh thức đối với tất cả những thứ đó; do vậy bậc ấy mới được gọi là Như Lai.⁵³⁹

(2) “Này các Tỳ kheo, những gì Như Lai nói, thốt ra, hay tuyên thuyết vào canh giữa cái đêm Như Lai đã tỉnh thức đến sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng (lúc giác ngộ) vào cái đêm Như Lai đã chứng ngộ Niết-

bàn cuối cùng (bát-niết-bàn; lúc qua đời),⁵⁴⁰ tất cả đều chỉ là vậy và không sai khác; do vậy bậc ấy mới được gọi là Như Lai.⁵⁴¹

(3) “Này các Tỳ kheo, Như Lai nói sao làm vậy; làm sao nói vậy. Bởi Như Lai nói sao làm vậy và làm sao nói vậy, nên bậc ấy mới được gọi là Như Lai.⁵⁴²

(4) “Này các Tỳ kheo, trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, Như Lai là người chiến thắng, là người không ai thắng, là người nhìn thấy toàn thể, là người nắm lấy sự làm-chủ; do vậy bậc ấy mới được gọi là Như Lai.”

Sau khi đã trực-tiếp biết tất cả thế giới—
Tất cả trong thế giới đúng như nó thực là—
Người đó tách ly khỏi thế giới,
Không còn dính líu gì với tất cả thế giới.

Đó là người chiến thắng trong tất cả,
Là bậc trí đã tháo bỏ mọi gút mắc.
Đã đạt tới sự bình an tốt thượng,
Là Niết-bàn, không còn sự sợ hãi nào nữa.

Người đó là Đức Phật,
Đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, không còn phiền não,
Mọi sự nghi-ngờ đều đã dứt sạch;
Sau khi đã đạt tới sự diệt-nghiệp,
Người đó được giải thoát trong sự tuyệt-dứt mọi sở hữu sở đắc.

Người đó là đức Thế Tôn, là Đức Phật,
Người đó là con sư tử tối thắng,
Trong thế giới này có những thiên thần,
Người đó thiết lập sự chuyển dịch bánh xe của trời Brahmā.

Như vậy là những thiên thần và loài người,
Ai đã quy y theo Phật,
Tề tựu lại, và cùng kính lễ Đức Phật,
Bậc vĩ đại không còn xao động hay nghi ngại:

“Được thuần phục, người là bậc thuần phục tốt nhất;
Được bình an, người là bậc nhìn-thấy trong những người mang
lại bình an;
Được giải thoát, người là đứng-đầu trong những người giải
thoát;
Vượt qua bờ, người là bậc dẫn-dắt tốt nhất để qua bờ.”

Thực đúng như vậy, họ kính lễ Đức Phật,
Bậc vĩ đại không còn xao động hay nghi ngại.
Trong thế giới này có những thiên thần,
Không ai có thể đối ngang với Phật.

24 (4) *Kāḷaka*

[Tôi nghe như vậy.]⁵⁴³ Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở
Sāketa, ở Khu Vườn Kāḷaka. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:
“Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói
điều này:

(i) “Này các Tỳ kheo, trong thế giới này có những thiên thần, Ma-
vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ
và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, thứ gì được nhìn thấy,
được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được
tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—ta đều biết.

(ii) “Này các Tỳ kheo, trong thế giới này có những thiên thần,
Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu

sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—ta đã trực-tiếp biết. Nó (thế giới) đã được biết rõ bởi Như Lai, nhưng Như Lai đã không còn bị lệ thuộc theo nó.⁵⁴⁴

(iii) “Này các Tỳ kheo, nếu ta nói: ‘Trong thế giới này có những thiên thần ... thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—ta đều không biết’, nói vậy là ta nói sai trái (so với sự biết rõ của ta).

(iv) “Này các Tỳ kheo, nếu ta nói: ‘Trong thế giới này có những thiên thần ... thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—ta biết và không biết’, nói vậy là ta cũng nói sai trái (tức cũng sai giống như câu trên).

(v) “Này các Tỳ kheo, nếu ta nói: ‘Trong thế giới này có những thiên thần ... thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—ta không biết cũng không phải không biết’, nói vậy là ta nói bị lỗi (tức cũng sai như hai câu trên).

“Vậy đó, (1) sau khi đã nhìn thấy thứ có thể được nhìn thấy, Như Lai không nhận làm thứ được nhìn thấy, không nhận làm thứ không được nhìn thấy, không nhận làm thứ có thể được nhìn thấy, không nhận làm ai là người nhìn thấy.⁵⁴⁵ (2) Sau khi đã nghe thấy thứ có thể được nghe, Như Lai không nhận làm thứ được nghe, không nhận làm thứ không được nghe, không nhận làm thứ có thể được nghe, không nhận làm ai là người nghe. (3) Sau khi đã cảm thấy (cảm nhận) thứ có thể được cảm thấy, Như Lai không nhận làm thứ được cảm thấy, không nhận làm thứ không được cảm thấy, không nhận làm thứ có thể được cảm thấy, không nhận làm ai là người cảm thấy. (4) Sau khi đã nhận

biết thứ có thể được nhận biết, Như Lai không nhận làm thứ được nhận biết, không nhận làm thứ không được nhận biết, không nhận làm thứ có thể được nhận biết, không nhận làm ai là người nhận biết.

“Như vậy đó, này các Tỳ kheo, luôn tự tại (vẫn vậy, vững chắc, bình ổn, bình tâm, thăng bằng trước mọi sự) đối với những thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, và được nhận biết, Như Lai là bậc tự tại.⁵⁴⁶ Và, ta nói rằng, không có người tự tại nào siêu xuất hơn hay siêu phàm hơn bậc tự tại đó (tức Như Lai).”

Giữa những người tự biết kiểm chế,
Bậc Tự Tại không coi nào là đúng, nào là sai,
Đối với những thứ được nhìn thấy, nghe thấy, hay cảm nhận,
Mà người đời hay chấp chúng là thực hay là này là nọ.

Mũi tên (độc) mà người đời bị dính phải,
[Nên họ cứ nói] “Tôi biết, tôi thấy, nó là vậy, nó là vậy”,
Bậc Như Lai đã nhìn thấy mũi tên đó,⁵⁴⁷
Nên Như Lai không còn dính chấp vào điều gì.

25 (5) Đời Sống Tâm Linh

“Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này không phải được sống vì mục đích lừa gạt và xu nịnh người ta; cũng không phải vì lợi, vinh, danh; cũng không phải vì lợi ích chiến thắng trong các cuộc tranh luận; cũng không phải vì ý nghĩ: ‘Để người ta biết mình (đi tu) như vậy.’ Thay vì vậy, đời sống tâm linh này được sống vì mục đích là sự kiểm-chế, sự từ-bỏ, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt.”⁵⁴⁸

Đức Thế Tôn chỉ dạy đời sống tâm linh,
Không dựa theo truyền thống (những tôn giáo khác),
Mà dẫn đến đỉnh cao là niết-bàn,

Nó được sống với mục đích là sự kiềm-chế và sự từ-bỏ.⁵⁴⁹

Đây là đạo của những chúng sinh vĩ đại,⁵⁵⁰

Là con đường được đi bởi những bậc nhìn-thấy vĩ đại.

Những người thực hành con đường, được dạy bởi Phật,

Làm theo sự chỉ dẫn của Phật,

Sẽ chấm dứt được sự khổ.

26 (6) Những Kẻ Lừa Gạt⁵⁵¹

(1) “Này các Tỳ kheo, những ai là những kẻ lừa gạt, bướng bỉnh, nói nhiều, giả danh, kiêu căng, và không định tâm đều không phải những Tỳ kheo của ta. (2) Họ đã lạc đường khỏi Giáo Pháp và giới-luật này, và họ không đạt được sự trưởng thành, sự tiến bộ, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. (3) Nhưng những Tỳ kheo trung thực, chân thành, kiên định, biết tuân thủ, và khéo định tâm là những Tỳ kheo của ta. (4) Họ đã không lạc đường khỏi Giáo Pháp và giới-luật này, và họ đạt được sự trưởng thành, sự tiến bộ, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này.”

Những ai là những kẻ lừa gạt, bướng bỉnh, nói nhiều,

Giả danh, kiêu căng, và không định tâm,

Thì không tiến bộ trong Giáo Pháp,

Mà bậc Toàn Giác đã chỉ dạy.

Nhưng những người trung thực và chân thành,

Kiên định, biết tuân thủ, và khéo đạt định,

Thì làm được sự tiến bộ trong Giáo Pháp,

Mà bậc Toàn Giác đã chỉ dạy.

27 (7) Sự Hài Lòng

“Này các Tỳ kheo, có bốn thứ nhỏ nhất, chúng dễ dàng có được và không đáng chê (không tội lỗi). Bốn đó là gì?

(1) “Y áo làm từ giẻ rách là thứ nhỏ nhất so với đủ loại y áo, nó dễ dàng có được và không đáng chê. (2) Chút thức ăn khát thực là thứ nhỏ nhất so với đủ loại bữa ăn, nó dễ dàng có được và không đáng chê. (3) Chỗ gốc cây là thứ nhỏ nhất so với đủ loại chỗ ở, nó dễ dàng có được và không đáng chê. (4) Chút nước tiểu hôi thối là thứ nhỏ nhất so với đủ loại thuốc men, nó dễ dàng có được và không đáng chê.”⁵⁵²

“Có bốn thứ nhỏ nhất, chúng dễ dàng có được và không đáng chê. Khi một Tỳ kheo biết hài lòng với thứ nhỏ nhất và dễ dàng có được như vậy, ta nói, người đó có một trong những yếu tố của đời sống tu sĩ [sammôn].”

Khi một người biết hài lòng với những thứ:

Không đáng chê, nhỏ nhất, và dễ dàng có được;

Khi tâm một người không bị phiền não vì những thứ:

Chỗ ở, quần áo, thức ăn, thức uống,

Thì người đó ở đâu cũng không thấy trở ngại.

Những phẩm chất này được cho là,

Phù hợp với đời sống tu hành,

Và chúng được có bởi một Tỳ kheo,⁵⁵³

Là người biết hài lòng và chuyên chú (tu hành).

28 (8) Truyền Thống Thánh Thiện⁵⁵⁴

“Này các Tỳ kheo, có bốn truyền thống thánh thiện, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo hài lòng với mọi thứ y-áo, và người đó nói lời đề cao sự biết hài lòng với mọi thứ y áo, và người đó không vì chuyện y áo mà dính vào sự tìm kiếm sai trái hay làm những việc không phù hợp (với quy định của giới luật).⁵⁵⁵ Nếu không có được y áo, người đó cũng không bị kích động, và nếu có được y áo, người đó dùng nó nhưng không bị trói buộc theo nó, không mê thích nó, và không bị thu hút trong nó một cách mù quáng; người đó nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và hiểu được sự giải-thoát khỏi nó. Hơn nữa, người đó không tự khen mình hay chê bai người khác về vấn đề (y áo) này. Tỳ kheo nào là người thiện khéo về điều này, chuyên cần, thường rõ-biết (tỉnh giác) và thường chánh-niệm, thì được cho là đang đứng trong một truyền thống thánh thiện nguyên thủy, cổ xưa.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo hài lòng với mọi thứ thức-ăn khát thực, và người đó nói lời đề cao sự biết hài lòng với mọi thứ thức ăn khát thực, và người đó không vì chuyện thức ăn mà dính vào sự tìm kiếm sai trái hay làm những việc không phù hợp. Nếu không có được thức ăn, người đó cũng không bị kích động, và nếu có được thức ăn, người đó dùng nó nhưng không bị trói buộc theo nó, không mê thích nó, và không bị thu hút trong nó một cách mù quáng; người đó nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và hiểu được sự giải-thoát khỏi nó. Hơn nữa, người đó không tự khen mình hay chê bai người khác về vấn đề (thức ăn) này. Tỳ kheo nào là người thiện khéo về điều này, chuyên cần, thường rõ-biết và thường chánh-niệm, thì được cho là đang đứng trong một truyền thống thánh thiện nguyên thủy, cổ xưa.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo hài lòng với mọi thứ chỗ-ở, và người đó nói lời đề cao sự biết hài lòng với mọi thứ chỗ ở, và người đó không vì chuyện chỗ ở mà dính vào sự tìm kiếm sai trái hay làm những việc không phù hợp. Nếu không có được chỗ ở, người đó cũng không bị kích động, và nếu có được chỗ ở, người đó dùng nó nhưng không bị trói buộc theo nó, không mê thích nó, và không bị thu hút trong nó một

cách mù quáng; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và hiểu được sự giải-thoát khỏi nó. Hơn nữa, người đó không tự khen mình hay chê bai người khác về vấn đề (chỗ ở) này. Tỳ kheo nào là người thiện khéo về điều này, chuyên cần, thường rõ-biết và chánh-niệm, thì được cho là đang đứng trong một truyền thống thánh thiện nguyên thủy, cổ xưa.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo tìm thấy niềm vui thích trong sự thiền-tập (tu thiền), vui thích với sự thiền-tập; tìm thấy niềm vui thích trong sự từ-bỏ, vui thích với sự từ-bỏ.⁵⁵⁶ Hơn nữa, người đó không tự khen mình hay chê bai người khác về vấn đề (tu tập, từ bỏ) này. Tỳ kheo nào là người thiện khéo về điều này, chuyên cần, thường rõ-biết và chánh-niệm, thì được cho là đang đứng trong một truyền thống thánh thiện nguyên thủy, cổ xưa.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn truyền thống thánh thiện, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có được bốn truyền thống thánh thiện này, nếu sống ở xứ đông, người đó chiến thắng sự bất mãn, sự bất mãn không thắng người đó; nếu sống ở xứ tây ... nam ... bắc người đó chiến thắng sự bất mãn, sự bất mãn không thắng người đó. Vì lý do gì? Vì người đó là một bậc kiên định, người chiến thắng sự bất mãn và khoái lạc.”

Sự bất mãn không thắng bậc kiên trung,

[Bởi vì] bậc kiên trung không bị thắng bởi sự bất mãn.

Bậc kiên trung chiến thắng sự bất mãn,

[Bởi vì] bậc kiên trung là một người chiến thắng sự bất mãn.

Ai có thể cản trở người đã xua tan,

Người đã loại bỏ tất cả các nghiệp?
 Ai xứng đáng để chê trách người đó,
 Người giống như đồng tiền làm từ vàng núi tinh luyện?
 Ngay cả những thiên thần cũng khen ngợi,
 Ngay cả vị trời Brahmā cũng khen ngợi một người như vậy.

29 (9) *Những Yếu Tố Của Giáo Pháp*

“Này các Tỳ kheo, có bốn yếu tố Giáo Pháp này,⁵⁵⁷ từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Bốn đó là gì?

(1) “Sự không thêm-muốn (biết hài lòng) là một yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. (2) Sự thiện-ý là một yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu ... (3) Sự chánh-niệm là một yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu ... (4) Sự chánh-định là một yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu ... không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.

“Đây là bốn yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.”

Người tu nên sống không thêm-muốn,
 Với trái tim đầy thiện-ý.
 Người tu nên có chánh-niệm,

Và sự nhất-điểm trong tâm, nội tâm khéo đạt định.

30 (10) Những Du Sĩ

Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền. Bấy giờ, vào lúc đó có một số du sĩ rất nổi tiếng cũng đang trú ngụ trong khu ở của những du sĩ bên bờ sông Sappinī; đó là những du sĩ Annabhāra, Varadhara, Sakuludāyī, và những du sĩ rất nổi tiếng khác.

Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn cư và đi đến khu ở của những du sĩ bên bờ sông Sappinī. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với các du sĩ đó:

“Này các du sĩ, có bốn yếu tố Giáo Pháp này, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Bốn đó là gì?

(1) “Sự không thêm-muốn (biết hài lòng) là một yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, nó không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. (2) Sự thiện-ý là một yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu ... (3) Sự chánh-niệm là một yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu ... (4) Sự chánh-định là một yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu ... không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.

“Đây là bốn yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng

không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.”

(1) “Này các du sĩ, nếu có ai nói rằng: ‘Tôi không đồng ý sự vô-tham [sự không thèm muốn] là một yếu tố Giáo Pháp, và tôi có thể chỉ ra một tu sĩ hay bà-la-môn [thực thụ, đúng nghĩa] mà có đầy thèm muốn, đắm sâu trong dục lạc’ thì ta sẽ trả lời người đó như vậy: ‘(Nếu có ai nói mình là tu sĩ/ bà-la-môn thực thụ mà như vậy thì): Hãy mời họ đến, nói chuyện, và thảo luận. Hãy cho ta thấy họ mạnh mẽ ra sao!’. Thực vậy, không ai có thể không đồng ý sự vô-tham là một yếu tố Giáo Pháp và có thể chỉ ra ‘một tu sĩ hay bà-la-môn [thực thụ] mà có đầy thèm muốn, đắm sâu trong dục lạc’ như vậy.

(2) “Nếu có ai nói rằng: ‘Tôi không đồng ý sự vô-ác [thiện ý] là một yếu tố Giáo Pháp, và tôi có thể chỉ ra một tu sĩ hay bà-la-môn [thực thụ] mà có tâm đầy sự ác-ý và ý định thù-ghét’ thì ta sẽ trả lời người đó như vậy: ‘Hãy mời họ đến, nói chuyện, và thảo luận. Hãy cho ta thấy họ mạnh mẽ ra sao!’. Thực vậy, không ai có thể không đồng ý sự vô-ác là một yếu tố Giáo Pháp và có thể chỉ ra ‘một tu sĩ hay bà-la-môn [thực thụ] mà có đầy thèm muốn, đắm sâu trong dục lạc’ như vậy.

(3) “Nếu có ai nói rằng: ‘Tôi không đồng ý sự chánh-niệm là một yếu tố Giáo Pháp, và tôi có thể chỉ ra một tu sĩ hay bà-la-môn [thực thụ] mà có tâm lăng-xăng (thất niệm) và thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác)’ thì ta sẽ trả lời người đó như vậy: ‘Hãy mời họ đến, nói chuyện, và thảo luận. Hãy cho ta thấy họ mạnh mẽ ra sao!’. Thực vậy, không ai có thể không đồng ý sự chánh-niệm là một yếu tố Giáo Pháp và có thể chỉ ra ‘một tu sĩ hay bà-la-môn [thực thụ] mà có tâm lăng-xăng và thiếu rõ-biết’ như vậy.

(4) “Nếu có ai nói rằng: ‘Tôi không đồng ý sự chánh-định là một yếu tố Giáo Pháp, và tôi có thể chỉ ra một tu sĩ hay bà-la-môn [thực thụ] mà tâm không đạt-định (thất định), có một cái tâm trôi-giạt’ thì ta sẽ trả lời người đó như vậy: ‘Hãy mời họ đến, nói chuyện, và thảo luận. Hãy

cho ta thấy họ mạnh mẽ ra sao!’. Thực vậy, không ai có thể không đồng ý sự chánh-định là một yếu tố Giáo Pháp và có thể chỉ ra ‘một tu sĩ hay bà-la-môn [thực thụ] mà tâm không đạt-định và có một cái tâm trôi-giạt’ như vậy.

“Này các du sĩ, nếu có ai nghĩ bốn yếu tố Giáo Pháp này nên được phản bác và chối bỏ, thì chính họ, ngay trong kiếp này, phải chịu sự phê phán và phản bác dựa bốn căn cứ hợp lý này. Bốn đó là gì?

“(1) Nếu các người phản bác và chối bỏ sự vô-tham là một yếu tố Giáo Pháp, thì các người phải kính trọng và khen ngợi ‘những tu sĩ và bà-la-môn đầy thềm-muốn và mê đắm dục-lạc’, hay sao? (2) Nếu các người phản bác và chối bỏ sự vô-ác là một yếu tố Giáo Pháp, thì các người phải kính trọng và khen ngợi ‘những tu sĩ và bà-la-môn có tâm đầy ác-ý và ý định thù-ghét’, hay sao? (3) Nếu các người phản bác và chối bỏ sự chánh-niệm là yếu tố Giáo Pháp, thì các người phải kính trọng và khen ngợi ‘những tu sĩ và bà-la-môn có tâm lãng-xăng và thiếu sự rõ-biết’, hay sao? (4) Nếu các người phản bác và chối bỏ sự chánh-định là một yếu tố Giáo Pháp, thì các người phải kính trọng và khen ngợi ‘những tu sĩ và bà-la-môn không đạt-định và có tâm trôi-giạt’, hay sao?.

“Này các du sĩ, nếu có ai nghĩ bốn yếu tố Giáo Pháp này nên bị phản bác và chối bỏ, thì chính họ, ngay trong kiếp này, phải chịu sự phê phán và phản bác dựa bốn căn cứ hợp lý như vậy. Ngay cả những du sĩ như Vassa và Bhañña ở xứ Ukkalā, là những phần tử theo thuyết phi nhân duyên, thuyết phi hành động, và thuyết tự hủy diệt, cũng không hề nghĩ những yếu tố Giáo Pháp này nên bị phản bác và chối bỏ. Vì lý do gì? Vì họ sợ sẽ bị chê bai, bị công kích, và bị phản bác.”⁵⁵⁸

Người thiện-ý, luôn có chánh-niệm

Khéo định-tâm bên trong,

Tu tập để trừ bỏ sự thềm-muốn,

Đó được gọi là người tu chuyên chú.

NHÓM 4

BÁNH XE

31 (1) *Bánh Xe*

“Này các Tỳ kheo, có bốn bánh xe này. Khi bốn bánh xe này quay chuyển, những thiên thần và những người nào có được chúng thì sẽ sớm chứng đắc sự lớn lao và sự giàu có. Bốn bánh xe đó là gì? Đó là: sống ở nơi thích hợp, dựa vào những người tốt, sự kiên định đúng đắn, và những công đức đã tạo được trong quá khứ.⁵⁵⁹ Đây là bốn bánh xe. Khi bốn bánh xe này quay chuyển, những thiên thần và những người nào có được chúng thì sẽ sớm chứng đắc sự lớn lao và sự giàu có.”

Khi một người sống ở nơi thích hợp,
Và giao hữu với những bậc thánh hiền,
Khi người đó đã lập được sự kiên định đúng đắn,
Và tạo được nhiều công đức trong quá khứ,
Thì lúa gạo, của cải, danh tiếng và danh phận,
Cùng với sự hạnh phúc của người đó càng tích lũy.

32 (2) *Duy Trì*

“Có bốn phương tiện để duy trì một mối quan hệ tốt đẹp (hữu hảo). Bốn đó là gì? Quà tặng, lời nói thân ái, hành vi thiện ích (từ thiện), và sự vô tư (không thiên vị).⁵⁶⁰ Đây là bốn phương tiện để duy trì một mối quan hệ.”

Sự bố thí tặng quà, lời nói thân ái,
Hành vi thiện ích, và sự không thiên vị

Trong thế sự đa đoan,
Là thích hợp để điều chỉnh mọi trường hợp:
Là những phương tiện để duy trì mối quan hệ tốt lành,
Giống như chốt trục bánh xe của chiếc xe đang chạy.

Nếu không có những phương tiện như vậy,
Để duy trì mối quan hệ tốt lành,
Thì không cha mẹ nào,
Có thể có được sự tôn trọng,
Và sự kính trọng từ những con cháu.

Nhưng do đã có những phương tiện này,
Để duy trì mối quan hệ tốt lành,
Nên những bậc hiền trí tôn trọng những cha mẹ;
Nhờ vậy họ có được sự lớn lao,
Và họ được ngợi khen.

33 (3) *Sư Tử*

“Này các Tỷ kheo, vào buổi chiều tối, sư tử, vua của những loài thú, ra khỏi hang ổ của nó, rướn duỗi mình, quan sát bốn hướng xung quanh, và gầm lên tiếng gầm sư tử ba lần. Rồi nó bắt đầu đi săn mồi.

“Khi nghe tiếng gầm của sư tử, hầu hết những con thú đều cảm thấy sợ-hãi, cảm nhận sự cấp-bách và sự khủng-khiếp. Những con sống trong hang lỗ liền chui vô hang lỗ; những con sống dưới nước liền lặn xuống nước; những con sống trong rừng liền chạy vô rừng; và chim chóc thì bay thoát lên trên trời. Ngay cả những con voi đực hoàng gia, đang được cột chặt bằng dây thừng chắc chắn trong những làng mạc, thành thị, và trong kinh thành, cũng vùng vẫy bứt phá dây thừng; chúng sợ hãi đến mức tiêu tiện đại tiện và tháo chạy tứ tung. Trong những loài thú, sư tử, vua của những loài thú, thật là mạnh mẽ, thật uy dũng và uy

lực.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi Như Lai khởi sinh trong thế gian này, là một bậc A-la-hán, bậc toàn giác, đã hoàn thiện về sự hiểu-biết đích-thực (chân trí) và đức-hạnh (hành vi, minh hạnh túc), là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, là người huấn luyện tối thượng của những người cần được huấn luyện, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn, bậc ấy đã chỉ dạy Giáo Pháp như vậy: ‘(1) Này là sự hiện-hữu cá thể (danh tính), (2) này là nguồn-gốc của sự hiện-hữu cá thể, (3) này là sự chấm-dứt của sự hiện-hữu cá thể, (4) này là con đường dẫn tới sự chấm dứt sự hiện-hữu cá thể.’⁵⁶¹

“Khi những thiên thần, là những chúng sinh sống đại thọ, đẹp đẽ, đang hưởng lạc, đang sống rất lâu trong những thiên cung cõi trời, nghe thấy lời dạy của Như Lai về Giáo Pháp như vậy, hầu hết họ đều cảm thấy sợ-hãi, cảm nhận sự cấp-bách và sự khủng-khiếp, (họ nghĩ như vậy):⁵⁶² ‘Coi chừng chúng ta đích thực là vô thường, cho dù chúng ta nghĩ mình là thường hằng; coi chừng chúng ta đích thực là biến hoại, cho dù chúng ta nghĩ mình là trường tồn; coi chừng chúng ta đích thực là không bất tử, cho dù chúng ta nghĩ mình là bất tử. Coi chừng chúng ta là vô thường, biến hoại, không bất tử, đang bị nằm trong sự hiện-hữu cá thể (danh tính).’⁵⁶³ Trong thế giới này có những thiên thần, Như Lai thật là mạnh mẽ, thật uy dũng và uy lực.”

Đức Phật, vị sư thầy, bậc vô song,
 Trong thế giới này có những thiên thần,
 Bằng trí-biết trực tiếp (tự trí),
 Quay chuyển bánh xe Giáo Pháp,
 [Phật dạy] về ‘danh-tính’,
 Sự nguồn-gốc của nó,
 Sự chấm-dứt của nó,
 Và con-đường Bát thánh đạo dẫn tới

Sự lắng lặn của khổ.

Sau khi những thiên thần sống đại thọ—

Đẹp đẽ, hào quang sáng chói—

Nghe được lời nói của (Phật) bậc A-la-hán,

Bậc Vững Chắc, bậc đã giải thoát,

Họ trở nên sợ-hãi và đầy khủng-khiếp,

Như khi những con thú nghe tiếng gầm sư tử.

(Họ nghĩ:) “Coi chừng chúng ta cũng vô-thường,

Không vượt khỏi ‘danh-tính’.”

34 (4) Niềm Tin

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại niềm-tin bậc nhất. Bốn đó là gì?

(1) “Dù chúng sinh có cao siêu tới mức nào, từ loài không chân hoặc hai chân, bốn chân, hoặc nhiều chân, có sắc thân hoặc không có sắc thân, có nhận thức hoặc không có nhận thức, cho tới loại vừa không có nhận thức vừa có nhận thức (phi tưởng phi phi tưởng), thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi loài. Những ai có niềm-tin vào Phật là có niềm-tin vào chỗ bậc nhất, và đối với ai có niềm-tin vào chỗ bậc nhất thì kết quả sẽ là bậc nhất.

(2) “Dù những hiện tượng có điều kiện (pháp hữu vi) có cao siêu tới mức nào, thì Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi thứ. Những ai có niềm-tin vào Bát Thánh Đạo là có niềm-tin vào đạo bậc nhất, và đối với ai có niềm-tin vào đạo bậc nhất thì đạo quả sẽ là bậc nhất.

(3) “Dù những hiện tượng có điều kiện (hữu vi) hay không còn điều kiện (vô vi)⁵⁶⁴ có cao siêu tới mức nào, thì sự bỏ-tham được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi điều, đó là sự nghiền nát tính tự-cao, sự loại bỏ sự thêm-khát, sự bừng sạch gốc rễ dính-chấp, sự chấm dứt vòng

luân-hồi sinh-tử, sự tiêu diệt dục-vọng, sự chán bỏ, sự ngừng diệt, Niết-bàn. Những ai có niềm-tin vào Giáo Pháp là có niềm-tin vào chỗ bậc nhất, và đối với ai có niềm-tin vào chỗ bậc nhất thì đạo quả sẽ là bậc nhất.

(4) “Dù các cộng đồng hay đoàn thể (tôn giáo) có cao siêu tới mức nào, thì Tăng Đoàn các đệ tử của Như Lai được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn của Như Lai là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức (phước điền) tốt nhất trong thế gian. Những ai có niềm-tin vào Tăng Đoàn là có niềm-tin vào chỗ bậc nhất, và đối với ai có niềm-tin vào chỗ bậc nhất, thì đạo quả sẽ là bậc nhất.”

Đối với ai có niềm tin loại bậc nhất,
 Đối với ai hiểu biết Giáo Pháp tốt nhất,
 Đối với ai có niềm-tin vào Phật,
 Là bậc vô thượng đáng cúng dường;
 Đối với ai có niềm-tin vào Giáo Pháp,
 Sống trong sự bỏ-tham đầy hạnh phúc,
 Trong sự bình-an hoàn hảo;
 Đối với ai có niềm-tin vào Tăng đoàn,
 Là phước điền tốt nhất ở trên đời;
 Đối với ai cúng dường cho những chỗ tốt nhất,
 Thì loại công đức bậc nhất sẽ gia tăng:
 Tuổi thọ, sắc đẹp và tiếng tăm tốt nhất,
 Danh tiếng, hạnh phúc và sức mạnh tốt nhất.
 Dù được tái sinh thành thiên thần hay làm người,

 Người có-trí biết cúng dường là người bậc nhất,
 Đã chú trọng vào Giáo Pháp tốt nhất,
 Nên sau khi này tái sinh thành thiên thần hay làm người,

Sẽ vui mừng vì đã đạt được kết (phước) quả bậc nhất.

35 (5) Bà-la-môn Vassakāra

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ tìm thức ăn của bầy sóc. Lúc đó có một bà-la-môn tên Vassakāra, là quan tể tướng của nước Magadha (Ma-kiệt-đà), đã đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói:

“Thầy Cò-đàm, chúng tôi mô tả một người có được bốn phẩm chất là một bậc đại nhân đại trí. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người học cao trong nhiều lĩnh vực học thuật. (2) Người đó hiểu nghĩa của những điều khác nhau, nên người đó có thể nói ‘Đây là nghĩa của điều này; đây là nghĩa của điều kia.’ (3) Người đó có trí nhớ tốt; người đó nhớ và nhớ lại những gì đã được làm và nói từ lâu. (4) Người đó giỏi giang và chuyên cần chú tâm vào những công việc khác nhau của một gia chủ; người đó có sự phán đoán giỏi về chúng để thực hiện và sắp xếp chúng một cách phù hợp. Chúng tôi mô tả người có được bốn phẩm chất đó là một bậc đại nhân đại trí. Nếu Thầy Cò-đàm nghĩ điều tôi mới nói ra nên được tán đồng, thì thầy tán đồng nó. Nếu thầy nghĩ điều tôi mới nói ra nên được bác bỏ, thì thầy bác bỏ nó.”

“Này bà-la-môn, ta không tán đồng hay bác bỏ điều đó. Thay vì vậy, ta mô tả một người có được bốn phẩm chất [khác] là một bậc đại nhân đại trí. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, người đó thực hành vì ích lợi và hạnh phúc của nhiều người; người đó là người thiết lập nhiều người trong phương pháp thánh thiện, đó là, trong sự tốt đẹp của Giáo Pháp, trong sự thiện lành của Giáo Pháp.⁵⁶⁵ (2) Người đó nghĩ điều mình muốn nghĩ và không nghĩ điều mình không muốn nghĩ; người đó ý định những điều mình ý định và không ý định những điều mình không muốn ý định; như vậy người đó đã đạt tới sự làm-chủ tâm trí đối với những

cách thức suy nghĩ tư duy. (3) Người đó, nếu muốn, không rắc rối hay khó khăn gì, có thể chứng đắc những tầng thiên định; những tầng thiên định đó tạo nên (trạng thái) tâm bậc cao và chúng là những sự lạc trú ngay trong kiếp này. (4) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Này bà-la-môn, ta không tán đồng hay bác bỏ điều đó. Nhưng ta mô tả một người có được bốn phẩm chất như vậy là một bậc đại nhân đại trí.”

“Thật kỳ lạ và kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm, cái cách điều này đã được tuyên thuyết bởi Thầy Cồ-đàm. Và chúng tôi coi Thầy Cồ-đàm là một người có được bốn phẩm chất này. (1) Thầy Cồ-đàm đang thực hành vì ích lợi và hạnh phúc của nhiều người; thầy ấy là người đã thiết lập nhiều người trong phương pháp thánh thiện, đó là, trong sự tốt đẹp của Giáo Pháp, trong sự thiện lành của Giáo Pháp. (2) Thầy Cồ-đàm nghĩ những điều mình muốn nghĩ và không muốn nghĩ những điều mình không muốn nghĩ; thầy ấy ý định những điều mình ý định và không ý định những điều mình không muốn ý định; như vậy thầy ấy đã đạt tới sự làm-chủ tâm trí đối với những cách thức suy nghĩ tư duy. (3) Thầy Cồ-đàm, nếu muốn, bị rắc rối hay khó khăn gì, có thể chứng đắc những tầng thiên định; những tầng thiên định đó tạo nên (trạng thái) tâm bậc cao và chúng là những sự lạc trú ngay trong kiếp này. (4) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp Thầy Cồ-đàm đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, Thầy Cồ-đàm an trú trong đó.”

“Chắc chắn là như vậy, này bà-la-môn, lời của ông dù có vẻ như đang moi móc và chọc ghẹo.⁵⁶⁶ Tuy nhiên, ta sẽ trả lời lại cho ông rõ. (1) Đúng là ta đang thực hành vì ích lợi và hạnh phúc của nhiều người;

ta là người đã thiết lập nhiều người trong phương pháp thánh thiện, đó là, trong sự tốt đẹp của Giáo Pháp, trong sự thiện lành của Giáo Pháp. (2) Ta nghĩ những điều mình muốn nghĩ và không muốn nghĩ những điều mình không muốn nghĩ; ta ý định những điều mình định và không ý định những điều mình không ý định; như vậy ta đã đạt tới sự làm-chủ tâm trí đối với những cách thức suy nghĩ tư duy. (3) Ta, nếu muốn, không rắc rối hay khó khăn gì, có thể chứng đắc những tầng thiên định; những tầng thiên định đó tạo nên (trạng thái) tâm bậc cao và chúng là những sự lạc trú ngay trong kiếp này. (4) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp ta đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, ta an trú trong đó.”

Bậc ấy lập nên Giáo Pháp để chúng sinh được giải thoát,
 Khỏi lưới bẫy thân chết;
 Bậc ấy khai mở Giáo Pháp, phương pháp (tu tập),
 Vì ích lợi của những thiên thần và loài người;
 Bậc ấy là người mà nhiều người có được niềm-tin,
 Sau khi họ gặp và lắng nghe bậc ấy;
 Bậc ấy thiện thảo những nẻo đường của đạo,
 Và những thứ không thuộc về đạo,
 Bậc vô-nhiễm đã hoàn thành bốn trách;
 Bậc Giác Ngộ mang thân cuối cùng này,
 Được gọi là “bậc đại nhân đại trí”.

36 (6) Bà-la-môn Doṇa

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi trên đường lộ từ Ukkatṭhā đến Setavya. Có bà-la-môn tên là Doṇa cũng đang đi trên tuyến đường này. Lúc đó bà-la-môn Doṇa nhìn thấy những bánh xe ngàn căm trong dấu chân của đức Thế Tôn, với những vành và trục, đầy đủ mọi chi

tiết,⁵⁶⁷ và nghĩ rằng: “Thật là kỳ lạ và kỳ diệu! Đây không phải những dấu chân của người thường!”

Rồi đức Thế Tôn ra khỏi đường lộ và ngồi dưới một gốc cây, ngồi tréo chân, giữ thân thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Lần theo dấu chân của đức Thế Tôn, bà-la-môn đến nơi nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây—đẹp đẽ, đáng tin tưởng, với các căn bình an và tâm bình an, một người đã chứng đắc sự tu luyện và sự tỉnh mặc cao nhất, giống như một con voi đực đã được thuần chủng và được phòng hộ với các căn được kiểm soát. Rồi ông ta đến gặp đức Thế Tôn và nói:

(1) “Thưa ngài, có phải ngài là thiên thần?”

“Ta sẽ không là thiên thần, này bà-la-môn.”

(2) “Có phải ngài là càn-thát-bà [gandhabba]?”

“Ta sẽ không là càn-thát-bà, này bà-la-môn.”

(3) “Có phải ngài là quỷ dạ-xoa [yakkha]?”⁵⁶⁸

“Ta sẽ không là quỷ dạ-xoa, này bà-la-môn.”

(4) “Có phải ngài là người?”

“Ta sẽ không là người, này bà-la-môn.”

“Này ngài, khi được hỏi: ‘Có phải ngài là thiên thần?’ ... ‘Có phải ngài là càn-thát-bà?’ ... ‘Có phải ngài là quỷ dạ-xoa?’ ... ‘Có phải ngài là người?’, ngài trả lời ‘Ta sẽ không là người, này bà-la-môn’. Vậy thì ngài là gì?”

(1) “Này bà-la-môn, ta đã dẹp bỏ những ô-nhiễm mà do chúng ta sẽ (tái sinh) thành thiên thần; ta đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. (2) Ta đã dẹp bỏ những ô-nhiễm mà do chúng ta sẽ thành càn-thát-bà ... (3) ... do chúng ta sẽ thành quỷ dạ-xoa ... (4)

...do chúng ta sẽ thành con người; ta đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai.

“Giống như một bông sen xanh, sen hồng, hay sen trắng, dù được sinh ra trong nước và lớn lên trong nước, nó đã mọc lên khỏi nước và không dính nước dơ; cũng giống như vậy, dù được sinh ra trong thế gian này và lớn lên trong thế gian này, ta đã vượt lên khỏi thế gian và sống không dính thế gian. Nay bà-la-môn, hãy nhớ rằng, ta là một vị Phật.

“Ta đã tiêu diệt những ô-nhiễm,
Mà nếu còn chúng ta sẽ bị tái sinh thành thiên thần,
Hay thành càn-thát-bà bay qua lại trên trời;
Hay thành quỷ dạ-xoa;
Hay trở lại làm người:
Ta đã xua tan và cắt bỏ những ô-nhiễm đó.

“Đẹp đẽ như một bông sen trắng,
Không còn bị dính bùn dơ bởi nước,
Ta không còn bị dính nhiễm bởi thế gian:
Do vậy, nay bà-la-môn, ta là một vị Phật.”⁵⁶⁹

37 (7) Không Sa Sút

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có được bốn phẩm chất thì không thể nào sa sút và đang ở gần Niết-bàn. Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo đã hoàn thiện về giới-hạnh, phòng hộ các cửa của sáu-căn cảm nhận [giác quan], tuân thủ sự điều-độ trong ăn uống, và luôn chú ý tới [hết lòng vì, chủ đích vì] sự tỉnh-thức.

(1) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo đã hoàn thiện về giới-hạnh? Ở đây, một Tỳ kheo có giới-hạnh; người đó sống được kiểm chế bởi

Pātimokkha, có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt lành, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới luật, hãy tu tập theo những giới luật tu hành đó. Theo cách này là một Tỳ kheo đã hoàn thiện về mặt giới-hạnh.

(2) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo phòng hộ các cửa của sáu-căn cảm nhận? Ở đây, khi nhìn thấy một hình sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét (hình tướng) của nó. Bởi vì, nếu người đó để mắt không được kiểm chế thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thích-muốn (tham) và phiền-bực (uỷ) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập kiểm chế nó, người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách sự kiểm chế căn-mắt.

“Khi nghe thấy một âm-thanh ... ngửi thấy một mùi-hương ... nếm thấy một mùi-vị ... cảm thấy một đối tượng chạm xúc với thân ... nhận thấy một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu (tướng) và đường-nét của nó. Bởi vì, nếu người đó để mắt không được kiểm chế thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thích-muốn (tham) và phiền-bực (uỷ) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập kiểm chế nó, người đó phòng hộ căn-tai ... căn-tâm, người đó đảm trách sự kiểm chế căn-tai ... căn-tâm.

(3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo tuân thủ sự điều-độ trong ăn uống? Ở đây, sau khi quán xét kỹ càng, một Tỳ kheo tiêu dùng thức ăn không phải vì khoái thích, không phải để chuốc độc (vào thân), không phải để (thân) được đẹp đẽ và hấp dẫn, nhưng chỉ để nuôi thân và duy trì thân này, để tránh nguy hại, và để trợ giúp đời sống tu hành, người đó suy xét như vậy: ‘Như vậy ta sẽ chấm dứt cảm-giác cũ và không phát khởi cảm-giác mới,⁵⁷⁰ và ta sẽ được khỏe mạnh và không bị chê trách (không tội lỗi) và sống được thư thái.’⁵⁷¹ Theo cách này là một Tỳ kheo tuân thủ sự điều độ trong ăn uống.

(4) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo thường chú ý tới sự tinh-

thức? Ở đây, trong suốt ngày, trong khi đang đi tới đi lui và trong khi đang ngồi, một Tỷ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những phẩm chất [tâm tính] gây chướng ngại (như bất thiện). Vào canh một của đêm, trong khi đang đi tới đi lui và trong khi đang ngồi, người đó thanh lọc tâm mình khỏi những phẩm chất gây chướng ngại. Trong canh giữa của đêm, người đó nằm xuống nghiêng mình bên phải theo tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh-niệm và thường rõ-biết (tỉnh giác), sau khi đã lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ thức dậy. Sau khi thức dậy, trong canh cuối của đêm, trong khi đang đi tới đi lui và trong khi đang ngồi, người đó thanh lọc tâm mình khỏi những phẩm chất gây chướng ngại. Theo cách này là một Tỷ kheo thường chú ý tới sự tỉnh-thức.

“Một Tỷ kheo có được bốn phẩm chất này thì không thể nào bị sa sút và đang ở gần Niết-bàn.”

Được thiết lập trong giới-hạnh,
 Kiểm chế sáu-căn cảm nhận,
 Tiết-độ trong ăn uống,
 Luôn chú ý về sự tỉnh-thức:
 Một Tỷ kheo sống một cách nhiệt thành như vậy,
 Ngày đêm không biết mệt mỏi,
 Tu tập những phẩm chất thiện lành,
 Để đạt tới sự an-toàn thoát khỏi sự trôi-buộc (sinh tử).

Một Tỷ kheo vui thích sự chuyên-cần,
 Nhìn thấy sự nguy-hại trong sự lơ-tâm phóng dật,
 Thì không thể nào sa sút:
 Người đó ở gần Niết-bàn.⁵⁷²

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo đã xua tan những sự thật thuộc cá nhân, đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm kiếm, và đã làm lắng lặn hành vi của thân [thân hành] thì được cho là đã lui về (thu mình, ẩn tu).⁵⁷³

(1) “Và này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo đã xua tan những sự thật thuộc cá nhân?⁵⁷⁴ Ở đây, có những sự thật thuộc cá nhân bình thường được nắm giữ bởi những tu sĩ và bà-la-môn bình thường—như là, ‘thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới không bất diệt’; ‘Thế giới là hữu hạn’ hay ‘Thế giới là vô hạn’; ‘Linh hồn và thể xác là một’ hay ‘Linh hồn và thể xác là khác nhau’; ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’—một Tỳ kheo đã dục bỏ và xua tan tất cả những vấn đề này, đã từ bỏ chúng, đã từ chối chúng, đã buông bỏ chúng, đã trừ bỏ và dẹp bỏ chúng.⁵⁷⁵ Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã xua tan những sự thật thuộc cá nhân.

(2) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm kiếm? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ sự tìm kiếm những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), và đã ngừng sự tìm cầu một đời sống tâm linh.⁵⁷⁶ Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm kiếm.

(3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo đã làm lắng lặn thân-hành? Ở đây, với sự dẹp bỏ sự sừng-khổ, và với sự không còn buồn-vui trước đó, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sừng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã làm lắng lặn thân-hành.⁵⁷⁷ (Thân hành ở đây là hơi thở ra-vào; hơi thở sẽ “ngưng lặn” khi đạt trạng thái tứ thiền)

(4) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo đã lui-về? Ở đây, một Tỳ kheo đã trừ bỏ cái ‘ta-là’ (tự ngã), đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương

lai. Theo cách như vậy là một Tỷ kheo đã lui về.

“Này các Tỷ kheo, một Tỷ kheo đã xua tan những sự thật thuộc cá nhân, đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm kiếm, và đã làm lắng lặn thân hành như vậy thì được cho là đã lui về.”

Tìm kiếm dục-lạc,
Tìm kiếm sự hiện-hữu,
Tìm kiếm đời-sống (chứng đắc) tâm-linh;
Cố chấp ‘Vây mới là sự thật’,
Những quan điểm đó chỉ là sự phòng lên:⁵⁷⁸

Đối với người đã tách ly khỏi dục-vọng,
Đã giải thoát bằng sự diệt-dục,
Thì họ đã dẹp bỏ những sự tìm-kiếm,
Và đã bứng bỏ những kiến-chấp này nọ.

Vị Tỷ kheo bình an, có chánh niệm
Tĩnh lặng, đã không bị đánh bại,
Đã giác ngộ bằng sự phá tan sự ‘tự-ta’ (phá ngã),
Thì được gọi là “người đã lui-về.”

39 (9) Bà-la-môn Ujjaya

Lúc đó có bà-la-môn tên Ujjaya đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm có đề cao việc cúng tế?”

“Này bà-la-môn, ta không đề cao tất cả mọi sự cúng tế cũng không thoái thác tất cả mọi sự cúng tế. (1) Ta không đề cao sự cúng tế bạo lực trong đó những trâu, bò, dê, cừu, gà, heo bị sát hại, trong đó những sinh vật khác nhau bị lôi tới lò mổ. (2) Vì lý do gì? Vì những A-la-hán và

những người đã bước vào thánh đạo A-la-hán không tham dự sự cúng tế bạo lực.

“(3) Nhưng ta đề cao sự cúng tế phi bạo lực trong đó những trâu, bò, dê, cừu, gà, heo không bị sát hại, trong đó những sinh vật khác nhau không bị tàn sát, đó là, sự thường xuyên bố-thí, đó là sự dâng cúng theo phong tục của gia đình. (4) Vì lý do gì? Vì những A-la-hán và những người đã bước vào thánh đạo A-la-hán sẽ tham dự sự dâng cúng phi bạo lực.”⁵⁷⁹

Cúng tế ngựa, cúng tế người,
Sammāpāsa, vājapeyya, niraggaḷa.⁵⁸⁰
 Những lễ cúng tế lớn như vậy,
 Chứa đầy bạo lực, đâu mang lại phước quả lớn gì.

Bậc đại giác với đức-hạnh,
 Và nơi nương-tựa tốt lành chân chính,
 Sẽ không tham dự những màn cúng tế đó,
 Với dê, cừu, trâu, bò,
 Và những sinh vật bị sát hại.

Nhưng khi họ thường xuyên bố thí theo phong tục gia đình,
 Đó là những sự dâng cúng không bạo lực,
 Không có dê, cừu, trâu, bò,
 Hay những sinh vật bị sát hại.

Sự dâng cúng như vậy,
 Thì bậc đại giác với đức-hạnh,
 Và nơi nương-tựa tốt lành chân chính, sẽ tham dự.
 Người có trí biết bố thí như vậy,
 Sự bố thí như vậy mới thật có phước quả.

Với người biết hiến dâng như vậy,

Chỉ có thể là tốt hơn, không bao giờ xấu hơn.
Sự dâng cúng đó thực là lớn lao,
Những thiên thần cũng thấy vui lòng.

40 (10) Bà-la-môn Udāyī

Lúc đó có bà-la-môn tên là Udāyī đã đến gặp đức Thế Tôn ... và nói với đức Thế Tôn:

[Phần lời kinh giống hết lời kinh kể trên.]

Khi sự dâng cúng là hợp lúc và phải phép,
Được chuẩn bị kỹ càng và không có bạo lực,
Thì những người đang theo đòi sống tâm linh,
Và biết tự chủ, họ sẽ tham dự sự dâng cúng đó.

Những ai trong thế gian đã tháo bỏ vỏ bọc bên ngoài,
Là người đã vượt trên thời gian và số phận,⁵⁸¹
Đó là những vị Phật biết rành rõ về sự cúng tế,
Sẽ đề cao sự dâng cúng như vậy.

Sau khi đã chuẩn bị món quà thích hợp,
Dù là lễ dâng cúng bình thường, hay tưởng nhớ người đã chết,
Một người thực hiện sự dâng cúng với một cái tâm thành-tín,
Đối với những bậc chân tu,
Đó là ruộng công đức màu mỡ.

Khi những thứ gì có được một cách chân chính
Được cúng dường một cách chân chính,
Được dâng cúng một cách chân chính,
Cho những người xứng đáng được cúng dường,
Thì sự dâng cúng đó là lớn lao,

Và những thiên thân cũng vui lòng.

Người có-trí được phú cho niềm-tin,
Sau khi đã dâng cúng như vậy với cái tâm bố-thí,
Sẽ được tái sinh trong một cõi hạnh phúc,
Trong một nơi [cõi] không có khổ đau.

NHÓM 5

ROHITASSA

41 (1) Sự Định Tâm

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tu tập sự định-tâm. Bốn đó là gì? (1) Có sự tu tập định-tâm dẫn tới sự an trú hạnh phúc (lạc trú) trong kiếp này. (2) Có sự tu tập định-tâm dẫn tới sự đạt tới trí-biết và tầm-nhìn (minh và nhãn). (3) Có sự tu tập định-tâm dẫn tới sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác). (4) Có sự tu tập định-tâm dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận).

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập định-tâm dẫn tới sự an trú hạnh phúc trong kiếp này? Ở đây, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.

“Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm.

“Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ, người đó an trú buông-

xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc’.

“Với sự dẹp bỏ sự sợ hãi (không còn sợ hãi hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn vui hay buồn), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sợ hãi hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.⁵⁸²

(2) “Và cái gì là sự tu tập định-tâm dẫn tới sự đạt được trí-biết và tầm-nhìn?⁵⁸³ Ở đây, một Tỷ kheo chú ý tới sự nhận-thức về ánh sáng; người đó tập trung vào sự nhận-thức về ban ngày như vậy: ‘Ngày ra sao, đêm như vậy; đêm ra sao, ngày như vậy.’⁵⁸⁴ Vậy đó, với một cái tâm mở rộng và không bị che đậy, người đó tu tập một cái tâm thẩm nhuần sự chiếu sáng. Đây là sự tu tập định-tâm dẫn tới sự đạt được trí-biết và tầm-nhìn.

(3) “Và cái gì là sự tu tập định-tâm dẫn tới sự chánh-niệm và rõ-biết? Ở đây, một Tỷ kheo biết những cảm-giác khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất; người đó biết những nhận-thức giác khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất; người đó biết những ý-nghĩ giác khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất;⁵⁸⁵ Đây là sự tu tập định-tâm dẫn tới sự chánh-niệm và sự rõ-biết.

(4) “Và cái gì là sự tu tập định-tâm dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm? Ở đây, một Tỷ kheo sống quán sát sự khởi sinh và biến mất [sự sinh-diệt] trong năm uẩn bị dính chấp, như vậy: ‘Đây là sắc, đây là nguồn-gốc của nó, đây là sự phai-biến của nó; đây là cảm-giác (thọ) ... đây là nhận-thức (tưởng) ... đây là những sự tạo-tác cố-ý (hành) ... đây là

thức, này là nguồn-gốc của nó ... này là sự phai-biến của nó.’ Đây là sự tu tập định-tâm dẫn tới sự tiêu-diệt ô-nhiễm.

“Đây là bốn sự tu tập định-tâm. Và khi đề cập về trạng thái này, ta đã nói trong phần “*Những Câu Hỏi Của Punṇaka*”, thuộc chương “*Pārāyana*” (Qua Bờ Bên Kia, Đáo Bì Ngạn) như sau:

“Sau khi đã thấu hiểu những điều cao điều thấp trong thế giới,
Người đó không còn lo ngại bởi thứ gì trong thế gian.
Bình an, bình thản, hết bị phiền rối, hết mong cầu,
Ta nói rằng, người đó đã vượt khỏi sinh-già.”⁵⁸⁶

42 (2) *Những Câu Hỏi*

“Này các Tỳ kheo, có bốn cách này để trả lời những câu hỏi.⁵⁸⁷
Bốn đó là gì? (1) Có câu hỏi nên được trả lời một cách dứt dạc; (2) có câu hỏi nên được trả lời sau khi phân giải; (3) có câu hỏi nên được trả lời bằng câu hỏi lại; và (4) có câu hỏi nên được bỏ qua (không trả lời; như Phật, chỉ im lặng). Đây là bốn cách trả lời những câu hỏi.”

Có câu hỏi được trả lời một cách dứt khoát,
Có câu hỏi được trả lời sau khi phân giải;
Loại thứ ba được trả lời bằng câu hỏi lại,
Loại thứ tư thì nên bỏ qua.

Khi một Tỳ kheo biết cách trả lời,
Mỗi câu hỏi theo mỗi cách phù hợp,
Người đó được cho là thiện khéo,
Về bốn loại câu hỏi.

Người đó khó bị tấn công, khó bị đánh bại,
Sâu sắc, khó bị công kích;
Người đó biết giỏi về cả hai điều:

Điều gì ích lợi và điều gì gây hại.

Người có trí tránh điều gây hại,
Chỉ làm lấy những điều ích lợi,
Bằng cách đạt tới điều ích lợi,
Người vững chãi đó được gọi là hiền trí.

43 (3) Giận Dữ (1)

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người coi trọng [đánh giá cao] sự tức giận, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (2) người coi trọng sự chê bai, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (3) người coi trọng lợi lộc, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (4) người coi trọng vinh danh, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người [khác] thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng sự giận dữ; (2) người coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng sự chê bai; (3) người coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng lợi lộc; (4) người coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng vinh danh. Đây là bốn loại người [khác] thấy có trong thế gian.”

Những Tỳ kheo coi trọng sự tức giận và sự chê bai,
Coi trọng lợi lộc và vinh danh,
Thì không phát triển trong Giáo Pháp tốt lành,
Đã được chỉ dạy bởi bậc Giác Ngộ.

Nhưng những ai coi trọng Giáo Pháp thiện lành,
Trong quá khứ và hiện tại đều sống như vậy,
Là thực sự trưởng thành trong Giáo Pháp,
Được chỉ dạy bởi bậc Giác Ngộ.

44 (4) *Giận Dữ* (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn điều này trái với Giáo Pháp tốt lành. Bốn đó là gì? (1) Coi trọng sự tức giận, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (2) coi trọng sự chê bai, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (3) coi trọng lợi lộc, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (4) coi trọng vinh danh, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.

“Này các Tỳ kheo, có bốn điều [khác] hợp với Giáo Pháp tốt lành. Bốn đó là gì? (1) Coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng sự giận dữ; (2) coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng sự chê bai; (3) coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng lợi lộc; (4) coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng vinh danh. Đây là bốn điều [khác] hợp với Giáo Pháp tốt lành.”

Những Tỳ kheo coi trọng sự giận dữ và sự chê bai,
Coi trọng lợi lộc và vinh danh,
Thì như những hạt giống bị thổi rửa trong ruộng đồng:
Họ không lớn lên trong Giáo Pháp tốt lành.

Những người coi trọng Giáo Pháp,
Trong quá khứ và hiện tại đều sống như vậy,
Thì giống như những cây được thảo được tưới ướn:
Họ lớn lên trong Giáo Pháp thiện lành.

45 (5) *Rohitassa* (1)⁵⁸⁸

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó, khi đêm đã khuya, có một thiên thần trẻ tên Rohitassa, với vẻ đẹp rạng ngời, chiếu sáng toàn Khu Vườn của thái tử Jeta,

đã đến gặp đức Thế Tôn. Vị tiên kính lễ đức Thế Tôn, đứng sang một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, có thể nào, bằng cách du hành đến một nơi để biết, để thấy, hay để tới được chỗ kết thúc của thế giới (chỗ chấm dứt thế giới), nơi mà người ta không còn sinh ra, không già và chết, không bị chết và tái sinh?”

“Này quý hữu,⁵⁸⁹ ta nói rằng, chỉ bằng cách du hành thì không thể biết, thấy, hay tới được (đạt tới) chỗ kết-thúc thế giới, nơi mà người ta không còn sinh ra, không già và chết, không bị chết và tái sinh.”

“Thật kỳ lạ và kỳ diệu, thưa Thế Tôn, cách mà đức Thế Tôn đã tuyên thuyết như vậy: ‘Này quý hữu, ta nói rằng, chỉ bằng cách du hành thì không thể biết, thấy, hay tới được chỗ kết-thúc thế giới, nơi mà người ta không còn sinh ra, không già và chết, không bị chết và tái sinh.’

“Thưa Thế Tôn, trong quá khứ, con từng là một người nhìn-thấy (người có chánh kiến) có tên là Rohitassa, là con trai của Bhoja, con là người có được năng lực thần thông, có thể bay trên trời. Tốc độ của con như một mũi tên nhẹ được bắn bởi một cung thủ dùng loại cứng lớn⁵⁹⁰—được thao luyện, thiện thạo, và đầy kinh nghiệm⁵⁹¹—bắn xuyên qua bóng một cây bô đa [palmyra]. Sải chân của con có thể bước từ bờ đông đại dương sang bờ tây. Lúc đó, khi con có được tốc độ và sải chân như vậy, một ước nguyện đã khởi sinh trong con như vậy: ‘Ta sẽ đến được chỗ kết-thúc thế giới nhờ sự du hành.’ Nhờ có tuổi thọ 100 năm, sống được 100 năm, con đã du hành suốt 100 năm không dừng lại, trừ những lúc ăn, uống, nhai, và nếm, đại tiện, và tiểu tiện, và ngủ để xua tan sự mệt mỏi; nhưng con đã qua đời dọc đường mà vẫn chưa tới được chỗ kết-thúc thế giới.

“Thật kỳ lạ và kỳ diệu, thưa Thế Tôn, cách mà Thế Tôn đã tuyên thuyết như vậy: ‘Này quý hữu, ta nói rằng, chỉ bằng cách du hành thì không thể biết, thấy, hay tới được chỗ kết-thúc thế giới, nơi mà người ta

không còn sinh ra, không già và chết, không bị chết và tái sinh.”

“Này quý hữu, ta nói rằng, chỉ bằng cách du hành thì không thể biết, thấy, hay tới được chỗ kết-thức thể giới, nơi mà người ta không còn sinh ra, không già và chết, không bị chết và tái sinh. Và ta nói rằng, nếu không tới được chỗ kết-thức thể giới thì không tới (làm) được sự chấm-dứt khổ. Chính trong cái thân dài hơn một thước tám này có [được phú cho] nhận-thức và tâm, ta tuyên bố về (1) thể giới, (2) nguồn-gốc thể giới, (3) sự chấm-dứt của thể giới, và (4) con-đường dẫn tới sự chấm-dứt thể giới.”

Chỗ kết-thức thể giới không bao giờ tới được,
Bằng cách đi du hành [khắp thể giới].
Nhưng nếu không tới được chỗ kết-thức thể giới,
Thì không đạt tới sự chấm-dứt khổ.

Vì vậy người có trí, người hiểu biết thể giới,
Là người đã đạt tới chỗ chấm-dứt của thể giới,
Sau khi đã biết chỗ chấm-dứt của thể giới, vị đó bình an,
Không còn mong muốn thể giới này hay thể giới nào khác.

46 (6) Rohitassa (2)

Rồi khi đêm đã qua, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần trẻ tên Rohitassa, với vẻ đẹp rạng ngời, chiếu sáng toàn Khu Vườn của thái tử Jeta, đã đến gặp ta. Vị tiên kính lễ ta, đứng sang một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, có thể nào, bằng cách du hành đến một nơi để biết, để thấy, hay để tới được chỗ kết thúc của thể giới, nơi mà người ta không còn sinh ra, không già và chết, không bị chết và tái sinh?”

[Phần còn lại giống hệt kinh kể trên, bao gồm cả phần thi kệ, chỉ

khác là được nói bởi ngôi thứ nhất của người kể lại (tức Phật).]

47 (7) Rất Xa Nhau

“Này các Tỳ kheo, có bốn cặp này cực kỳ xa nhau. Bốn đó là gì? (1) Trời và đất. (2) Bờ này [gần] và bờ kia [xa] của đại dương. (3) Nơi mặt trời mọc và nơi nó lặn. (4) Giáo lý của người thiện và giáo lý của kẻ ác. Đây là bốn cặp cực kỳ xa nhau.”

Trời và đất xa vời nhau,
Bờ này bờ kia của đại dương xa vời nhau,
Và nơi mặt trời mọc và lặn cũng rất xa nhau.

Nhưng còn xa nhau hơn nhiều,
Là giáo lý của người thiện và giáo lý của người ác.⁵⁹²
Người theo giáo lý thiện thì bền lòng,
Thủy chung, trước sau như một.
Người theo giáo lý ác thì đổi thay, tráo trở;
Do vậy mới nói giáo lý người thiện,
Là rất xa vời với giáo lý kẻ ác.

48 (8) Visākha⁵⁹³

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Visākha Pañcālīputta đang chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo trong hội trường (chỗ tụ họp của các Tỳ kheo, chỗ hội chúng, sảnh đường) bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, [được nói] bằng lời nói được trau chuốt, rõ ràng, rõ tiếng, giảng bày khéo léo ý nghĩa, sâu rộng, và không dính chấp (cản trở).

Rồi, vào buổi chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến hội đường. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dành sẵn, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, (lúc này) ai đã đang chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo trong hội đường này bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, [được nói] bằng lời nói được trau chuốt, rõ ràng, rõ tiếng, giảng bày khéo léo ý nghĩa, sâu rộng, và không dính chấp, như vậy?”

“Đó là Ngài Visākha Pañcālīputta, thưa Thế Tôn.” Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Visākha Pañcālīputta như vậy: “Tốt, tốt, này Visākha! Tốt thay thầy đã chỉ dạy các Tỳ kheo bằng một cuộc nói chuyện Giáo Pháp như vậy.” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Khi người trí ở giữa những người ngu,
Họ không biết vị đó nếu vị đó không thuyết giảng.⁵⁹⁴
Nhưng họ sẽ biết vị đó nếu vị đó thuyết giảng,
(Và) chỉ ra trạng thái bất-tử (sự giải thoát).

“Vị đó nên nói và giảng giải Giáo Pháp
Vị đó giương cao ngọn cờ của bậc nhìn-thấy.
Những lời thuyết thiện khéo là ngọn cờ của bậc nhìn-thấy:
Bởi Giáo Pháp là ngọn cờ của những bậc nhìn-thấy.”

49 (9) Những Sự Đảo Điên

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự đảo điên (đảo lộn, điên đảo) của nhận-thức, sự đảo điên của tâm, và sự đảo điên của cách-nhìn.⁵⁹⁵ Bốn đó là gì? (1) Sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là coi thứ vô thường là thường hằng; (2) sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-

nhìn là coi thứ khổ là sướng;⁵⁹⁶ (3) sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là coi thứ vô ngã là bản ngã; (4) sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là coi thứ không hấp dẫn (ô ứ, không sạch) là hấp dẫn (đáng mê, đáng thích). Đây là bốn sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn.

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự không đảo điên của nhận-thức, sự đảo điên của tâm, và sự đảo điên của cách-nhìn. Bốn đó là gì? (1) Sự không đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là coi thứ vô thường là vô thường; (2) sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là coi thứ khổ là khổ; (3) sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là coi thứ vô ngã là vô ngã; (4) sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là coi thứ không hấp dẫn (ô ứ, không sạch) là không hấp dẫn. Đây là bốn sự không đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn.”

Thứ vô thường mà nhận thức (tưởng, nhận lầm) là thường hằng,
 Thứ khổ đau mà nhận thức là sướng,
 Thứ vô ngã mà nhận thức là bản ngã,
 Và thứ ô ứ bất tịnh mà nhận thức là đẹp đẽ, hấp dẫn.
 Chúng sinh cứ kẹt mãi trong cách-nhìn sai lạc (tà kiến),⁵⁹⁷
 Tâm-trí họ bị đảo lộn, nhận-thức họ bị đảo điên.

Do vậy cứ bị trói buộc bởi gông cùm của Ma-vương,
 Không thể đạt tới sự an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc.
 Chúng sinh tiếp tục trong vòng luân hồi,
 Cứ mãi đi trong sinh tử.

Nhưng khi những vị Phật khởi sinh trong thế gian,
 Phát chiếu hào quang sáng tỏ,
 Soi chiếu Giáo Pháp này,
 Dẫn tới sự lắng dịu khổ đau.

Sau khi nghe thấy Giáo Pháp,

Người khôn lấy lại được sự tỉnh táo sáng suốt,
Họ nhìn thấy thứ vô thường là vô thường,
Thứ khổ là khổ.

Họ nhìn thấy thứ vô ngã là vô ngã,
Thứ ô uế không sạch là ô uế, không hấp dẫn.
Nhờ có được chánh kiến như vậy,
Họ thoát khỏi sự khổ.

50 (10) Những Ô Nhiễm

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự ô-nhiễm này làm cho mặt trời và mặt trăng không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng. Bốn đó là gì? Mây-mù là một ô nhiễm làm cho mặt trời và mặt trăng không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng; sương-mù là một ô nhiễm⁵⁹⁸ ... khói-bụi là một ô nhiễm ... và Rāhu, vua của những quỷ thần, là một ô nhiễm làm cho mặt trời và mặt trăng không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có bốn sự ô-nhiễm của những tu sĩ và bà-la-môn làm cho họ không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng. Bốn đó là gì?

(1) “Có những tu sĩ và bà-la-môn uống rượu nặng rượu nhẹ (hay bia) và không kiêng cử việc uống rượu bia. Đây là sự ô nhiễm thứ nhất làm cho những tu sĩ và bà-la-môn không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng.

(2) “Có những tu sĩ và bà-la-môn mê thích dâm dục và không kiêng cử sự dâm dục. Đây là sự ô nhiễm thứ hai làm cho những tu sĩ và bà-la-môn không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng.

(3) “Có những tu sĩ và bà-la-môn nhận vàng bạc và không kiêng cử việc nhận vàng bạc (bị cấm theo giới luật). Đây là sự ô nhiễm thứ ba làm cho những tu sĩ và bà-la-môn không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát

sáng.

(4) “Có những tu sĩ và bà-la-môn sống bằng sự mưu sinh sai trái (tà hạnh) và không kiêng cử việc tà hạnh. Đây là sự ô nhiễm thứ tư làm cho những tu sĩ và bà-la-môn không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng.

“Đây là bốn sự ô-nhiễm của những tu sĩ và bà-la-môn làm cho họ không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng.”⁵⁹⁹

Có những tu sĩ và bà-la-môn,
Bị cuốn bởi tham và sân;
Những người bị che cản bởi vô-minh,
Cứ đi tìm những thứ khoái lạc.

Họ uống rượu uống bia,
Đánh lú tình dục;
Những kẻ rò dại đó,
Cũng nhận lấy tiền bạc quý kim.

Có những tu sĩ và bà-la-môn,
Sống bằng việc mưu sinh sai trái.
Đó là những ô nhiễm mà Đức Phật—
Là hậu duệ của Thái Dương—đã mô tả.

Bị dính nhiễm bởi những thứ này
Có những tu sĩ và bà-la-môn—
Thành những chúng sinh không trong sạch, bụi bân—
Nên không thể tỏa sáng và chiếu sáng.

Bị che lấp trong màn đêm,
Làm nô lệ cho dục-vọng,
Họ cứ bị tái sinh rồi chết,
Xác chất đầy bãi tha ma kinh khủng.

[Năm Mười Kinh Thứ Hai]

NHÓM 1

NHỮNG DÒNG CHẢY PHƯỚC ĐỨC

51 (1) *Những Dòng Phước Đức* (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy này của phước-đức, là những dòng chảy của thiện lành, những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, dẫn tới cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người cúng dường. Bốn đó là gì?⁶⁰⁰

“Khi một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trong sự định-tâm vô lượng của tâm⁶⁰¹ trong khi đang hưởng dụng (1) y-áo [được cúng dường cho vị đó] thì người cúng dường [thí chủ] đó tích tạo một dòng chảy của phước-đức vô lượng, là một dòng chảy của thiện lành, một của hạnh phúc ... dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của thí chủ đó... (2) thức-ăn ... (3) chỗ-ở ... (4) thuốc-thang và chu cấp cho người bệnh [được cúng dường cho vị đó] thì người cúng dường [thí chủ] đó tích tạo một dòng chảy của phước-đức vô lượng, là một dòng chảy của thiện lành, một dưỡng chất của hạnh phúc ... dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của thí chủ đó.

“Đây là bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của thiện lành, là những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, dẫn tới cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người cúng dường.

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn dòng chảy của phước-đức, là bốn dòng chảy của thiện lành, thì không dễ gì đo lường phước-đức của người đó mà nói: ‘Dòng chảy phước đức, dòng chảy thiện lành của người đó là nhiều bao nhiêu vậy hay bao nhiêu vậy’; mà phải coi đó là một khối phước-đức khổng lồ, vô lường, vô lượng.

“Này các Tỳ kheo, giống như không dễ gì đo lường nước trong đại dương mà nói: ‘Có rất nhiều thùng nước’, hay ‘nhiều trăm thùng nước’, hay ‘nhiều ngàn thùng nước’, hay ‘nhiều trăm ngàn thùng nước’ như vậy hay như vậy; mà phải coi đó là một khối nước khổng lồ, vô lường, vô lượng; cũng giống như vậy, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn dòng chảy phước-đức ... phải coi đó là một khối phước-đức khổng lồ, vô lường, vô lượng.”

“Như nhiều dòng sông được dùng bởi bao quần chúng,
Đều chảy xuống dốc,
Cuối cùng ra tới biển,
Thành một khối nước khổng lồ, một biển nước vô biên,
Bể chứa đáng sợ, lại chứa đầy châu báu;

“Giống vậy, những dòng chảy ủa (phước đức)
tới người có trí—
Đó là người biết bố thí thức ăn, thức uống, quần áo,
Chu cấp giường chiếu, chỗ ngồi, và chăn mền—
Như những dòng sông ủa nước tới biển cả.”⁶⁰²

52 (2) Những Dòng Phước Đức (2)⁶⁰³

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của thiện lành, những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, dẫn tới cõi trời—chúng dẫn tới điều

thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người cúng dường. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, một người đệ tử thánh thiện có được niềm-tin không lay chuyển vào Phật như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã hoàn thiện về sự hiểu-biết đích-thực (chân trí) và đức-hạnh, bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế gian, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Đây là dòng chảy thứ nhất của phước-đức ...

(2) “Lại nữa, một người đệ tử thánh thiện có được niềm-tin không lay chuyển vào Giáo Pháp như vậy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’ Đây là dòng chảy thứ hai của phước-đức ...

(3) “Lại nữa, một người đệ tử thánh thiện có được niềm tin không lay chuyển vào Tăng Đoàn như vậy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’ Đây là dòng chảy thứ ba của phước-đức ...

(4) “Lại nữa, một người đệ tử thánh thiện có được đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng, (đức hạnh đó) không bị bể gãy, không bị đứt rách, không bị dính nhiễm, không bị chắm đỏ, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi người hiền trí, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Đây là dòng chảy thứ tư của phước-đức ...

“Đây là bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của

thiện lành, những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, dẫn tới cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người cúng dường.”

Khi người có niềm-tin vào Như Lai,
Niềm-tin đã được khéo thiết lập và bất lay chuyển,
Và hành-vi thiện được xây trên nền đức-hạnh
Được những bậc thánh nhân quý trọng và khen ngợi;

“Khi người đã có niềm-tin vào Tăng Đoàn
Và cách-nhìn đã được tu sửa đúng đắn,
Thì người ta nói rằng người đó không nghèo nàn,
Rằng đời sống của người đó là không vô ích.

“Bởi vậy, người thông minh có trí,
Nên ghi nhớ Giáo Pháp của Phật,
Nên trọn lòng với niềm-tin và đức-hạnh,
Với sự tự-tin và tầm-nhìn của Giáo Pháp.⁶⁰⁴

53 (3) Sống Chung (1)

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang đi trên đường lộ từ Madhurā tới Verañjā, và có một số người gồm các gia chủ và các bà vợ cũng đang đi trên tuyến đường đó. Rồi đức Thế Tôn bước ra khỏi đường lộ và đến ngồi dưới một gốc cây. Các gia chủ và các bà vợ của họ nhìn thấy Đức Thế Tôn đang ngồi đó, họ đến gặp, kính chào⁶⁰⁵ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ:

“Này các gia chủ, có bốn sự sống chung [hôn nhân]. Bốn là gì?

Một kẻ bất hạnh sống với một kẻ bất hạnh; một kẻ bất hạnh sống với một nữ thiên thần; một thiên thần sống với một kẻ bất hạnh; một thiên thần sống với một nữ thiên thần.

(1) “Và theo cách nào là một kẻ bất hạnh sống với một kẻ bất hạnh?⁶⁰⁶ Ở đây, này các gia chủ, người chồng thì sát-sinh, gian cấp, tà dâm ngoại tình, nói dối, và rượu chè hút chích, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật; người chồng thiếu đạo đức, tính nết xấu ác; người chồng sống ở nhà với một cái tâm bị dính đầy tính keo kiệt; người chồng chê bai và chửi mắng những tu sĩ và bà-la-môn. Và người vợ thì cũng có đầy những tính xấu y như vậy. Theo cách như vậy là một kẻ bất hạnh đang sống với một kẻ bất hạnh.

(2) “Và theo cách nào là một kẻ bất hạnh sống với một nữ thiên thần? Ở đây, này các gia chủ, người chồng thì sát-sinh . . . chê bai và chửi mắng những tu sĩ và bà-la-môn. Nhưng người vợ thì sống không sát-sinh . . . không rượu chè hút chích; người vợ thì đức hạnh, tính nết tốt lành; người vợ sống ở nhà với cái tâm không bị dính tính keo kiệt; người vợ không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Theo cách như vậy là một kẻ bất hạnh đang sống với một nữ thiên thần.

(3) “Và theo cách nào là một thiên thần sống với một kẻ bất hạnh? Ở đây, này các gia chủ, người chồng sống, không sát-sinh . . . không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Nhưng người vợ thì sát-sinh . . . chê bai và chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Theo cách như vậy là một thiên thần đang sống với một kẻ bất hạnh.

(4) “Và theo cách nào là một thiên thần sống với một nữ thiên thần? Ở đây, này các gia chủ, người chồng sống không sát-sinh . . . không rượu chè, hút chích; người chồng thì đức hạnh, tính nết tốt lành; người chồng sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm

bởi tính keo kiệt; người chồng không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Và người vợ cũng có đầy những tính tốt y như vậy. Theo cách như vậy là một thiên thần đang sống với một thiên thần.

“Này các gia chủ, đó là bốn sự sống chung.”

Khi cả hai đều thất đức,
Ti tiện và chửi bới,
Đó là vợ và chồng,
Sống chung như những kẻ chết rồi.

Khi người chồng là thất đức,
Ti tiện và chửi bới,
Nhưng vợ thì đức hạnh,
Rộng lòng, từ thiện.
Cô ấy là nữ thiên thần,
Sống chung với một kẻ chết rồi.

Khi người chồng là đức hạnh,
Rộng lòng, từ thiện,
Nhưng vợ thì thất đức,
Ti tiện và chửi bới,
Cô ấy là kẻ đã chết rồi,
Sống chung với một thiên thần.

Nếu vợ và chồng được phú cho niềm-tin,
Từ thiện và biết tự chủ,
Sống cuộc đời chân chính,
Nói với nhau bằng những lời dễ chịu.
Thì sẽ tích được nhiều ích lợi,
Và họ sống thư thái.
Kẻ thù cũng không thể làm gì,

Khi cả hai đều sống trong giới-hạnh.

Sau khi đã thực hành Giáo Pháp ở đây,
Cùng sống trong giới hạnh và kiên cữ,
Vui thích sống trong một cõi trời [sau khi chết],
Cùng hoan hỷ, hưởng phước lạc cõi trời.

54 (4) *Sống Chung (2)*

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự sống chung [hôn nhân]. Bốn là gì? Một kẻ bất hạnh sống với một kẻ bất hạnh; một kẻ bất hạnh sống với một nữ thiên thần; một thiên thần sống với một kẻ bất hạnh; một thiên thần sống với một nữ thiên thần.

[Phần tiếp theo, gồm cả phần thi kệ, giống hệt như kinh kể trên.]

55 (5) *Sống Giống Nhau (1)*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Bhagga, gần Sumsumāragiri, trong khu Vườn Nai thuộc khu vườn Bhesakalā. Một buổi sáng đức Thế Tôn mặc y phục, mang cà sa và bình bát đi tới nhà của gia chủ tên Nakulapitā. Sau khi đến nơi, đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn cho mình. Rồi gia chủ Nakulapitā và vợ của ông ta là Nakulamātā bước tới đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên.⁶⁰⁷ Sau khi ngồi xuống như vậy, gia chủ Nakulapitā thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, kể từ khi người vợ trẻ Nakulamātā được cưới về nhà cho con từ khi con vẫn còn trẻ, con không biết mình có làm gì sai với cô ta chưa, ngay cả trong ý-nghĩ, càng không có trong hành-động. Mong ước của chúng con là sẽ được ở với nhau dài lâu cho hết kiếp này và trong cả kiếp sau.”

Rồi người vợ là Nakulamātā đã thưa với đức Thế Tôn như vậy: “Thưa Thế Tôn, kể từ khi con được cưới về nhà của người chồng trẻ Nakulapitā từ khi con vẫn còn là cô gái trẻ, con không biết mình có làm điều gì sai với chồng con chưa, ngay cả trong ý-nghĩ, càng không có trong hành-động. Mong ước của chúng con là sẽ được ở với nhau dài lâu cho hết kiếp này và trong cả kiếp sau.”

Rồi đức Thế Tôn đã nói như vậy: “Này gia chủ, nếu cả vợ và chồng đều mong ước được ở với nhau dài lâu cho hết kiếp này và trong cả kiếp sau, thì hai người phải đều có cùng niềm-tin, cùng giới-hạnh đạo đức, cùng rộng lòng bố-thí, cùng trí-tuệ hiểu biết; nếu được vậy thì hai người sẽ được ở với nhau dài lâu cho hết kiếp này và trong cả những kiếp sau.”

Khi cả hai đều có niềm-tin và rộng lượng bố-thí,
Cùng giới-hạnh, sống chân chính,
Thì đến với nhau như vợ và chồng
Đầy lòng yêu thương với nhau.
Nhiều phước lành sẽ đến với họ,
Họ cùng sống với nhau trong hạnh phúc,
Mọi kẻ thù không phá được họ,
Khi cả hai đều đức hạnh như nhau.
Đã sống theo Giáo Pháp trong thế gian này,
Cùng sống trong đức hạnh và giới hạnh,
Thì sau khi chết họ sẽ tái hợp trên cõi thiên thần,
Hưởng phước lạc ở đó.

56 (6) Sống Giống Nhau (2)

“Này các Tỷ kheo, nếu cả vợ và chồng đều mong ước được ở với nhau dài lâu cho hết kiếp này và trong cả kiếp sau, thì hai người phải đều có cùng niềm-tin, cùng giới-hạnh đạo đức, cùng rộng lòng bố-thí,

cùng trí-tuệ hiểu biết; nếu được vậy thì hai người sẽ được ở với nhau dài lâu cho hết kiếp này và trong cả những kiếp sau.”

[Phần thi kệ giống hết phần thi kệ của kinh kể trên.]

57 (7) *Suppavāsā*

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang sống ở chỗ những người dân Koliya (Câu-lợi) ở một thị trấn của họ có tên là Sajjanela. Một buổi sáng đức Thế Tôn mặc y phục, mang cà sa và bình bát đi đến nhà của cô Suppavāsā, một phụ nữ người Koliya. Sau khi đến nơi, Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn.⁶⁰⁸ Cô Suppavāsā người Koliya đã đích thân hầu cận đức Thế Tôn và phục vụ đức Thế Tôn nhiều món ăn ngon. Sau khi đức Thế Tôn ăn xong bữa cơm và đã bỏ tay ra khỏi bình bát, cô Suppavāsā ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn đã nói với cô như sau:

“Này Suppavāsā, một nữ đệ tử thánh thiện, bằng cách cúng dường thức ăn, là cô cho tặng bốn thứ cho những người nhận thức ăn. Bốn đó là gì? Cô cho tặng tuổi thọ, sắc đẹp, hạnh phúc, và sức mạnh. (1) Bằng cách cho tặng tuổi-thọ, bản thân cô sẽ được phú cho tuổi thọ, cho dù (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời. (2) Bằng cách cho tặng sắc-đẹp, bản thân cô sẽ được phú cho sắc đẹp, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (3) Bằng cách cho tặng hạnh-phúc, bản thân cô sẽ được phú cho hạnh phúc, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (4) Bằng cách cho tặng sức-mạnh, bản thân cô sẽ được phú cho sức mạnh, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Một nữ đệ tử thánh thiện, bằng cách cúng dường thức-ăn là cho tặng bốn thứ nói trên cho những người nhận thức ăn.”

Khi một người bố thí thức ăn,
Sạch, ngon, thơm,
Cho những bậc chân đức chánh trực,
Là những người được khen ngợi,

Và có đạo hạnh tốt,
 Thì sự cúng dường đó,
 Là nối kết những công đức,
 Được khen ngợi bởi những bậc hiểu-biết thế giới,⁶⁰⁹
 Là rất nhiều phước quả.

Những ai tưởng niệm tâm rộng lòng bố-thí như vậy,
 Thì họ sống trong thế gian vui vầy bởi niềm hoan-hỷ.
 Sau khi đã loại bỏ ô-nhiễm là tánh keo kiệt và gốc rễ của nó,
 Họ không còn tội lỗi, và sẽ sinh lên cõi trời.

58 (8) Sudatta

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc [Sudatta Anāthapiṇḍika] đến gặp đức Thế Tôn. Rồi Đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này gia chủ, một đệ tử thánh thiện, bằng cách cúng dường thức ăn, là người đó cho tặng bốn thứ cho những người nhận thức ăn. Bốn đó là gì? Người đó cho tặng tuổi thọ, sắc đẹp, hạnh phúc, và sức mạnh. (1) Bằng cách cho tặng tuổi-thọ, bản thân người đó sẽ được phú cho tuổi thọ, cho dù (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời. (2) Bằng cách cho tặng sắc-đẹp, bản thân người đó sẽ được phú cho sắc đẹp, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (3) Bằng cách cho tặng hạnh-phúc, bản thân người đó sẽ được phú cho hạnh phúc, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (4) Bằng cách cho tặng sức-mạnh, bản thân người đó sẽ được phú cho sức mạnh, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Một đệ tử thánh thiện, bằng cách cúng dường thức-ăn là cho tặng bốn thứ nói trên cho những người nhận thức ăn.”

Khi một người cúng dường thức ăn đúng lúc,
 Và một cách kính trọng cho những bậc tự-chủ,
 Là những người ăn thức ăn của người khác bố thí,

Là người cúng đã cho tặng họ bốn thứ:
Sự sống, sắc đẹp, hạnh phúc, và sức mạnh.

Người cho tặng sự sống và sắc đẹp,
Cho tặng hạnh phúc và sức mạnh,
Thì sau này sẽ có được tuổi thọ và thanh danh,
Cho dù tái sinh ở nơi nào.

59 (9) *Thức Ăn*

“Này các Tỳ kheo, khi một thí chủ cúng dường thức ăn là người đó cho tặng bốn thứ cho những người nhận thức ăn. Bốn đó là gì? Người đó cho tặng tuổi thọ, sắc đẹp, hạnh phúc, và sức mạnh ... [*tiếp tục y hệt kinh kể trên, cho tới:*] ... Này các Tỳ kheo, khi một thí chủ cúng dường thức ăn là người đó cho tặng bốn thứ nói trên cho những người nhận thức ăn.”

[*Phần thi kệ cũng giống hệt kinh kể trên.*]

60 (10) *Sự Thực Hành Đúng Đắn Của Người Tại Gia*

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc [Anāthapiṇḍika] đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện có được bốn phẩm chất này là đang thực hành theo cách đúng đắn của người tại gia, là cách dẫn tới sự tới sự chứng đắc thanh danh và dẫn tới cõi trời. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết phục vụ y-áo cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo; người đó phục vụ thức-ăn ... chỗ-ở ... thuốc-thang và chu cấp người bệnh cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo.

“Này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện có được bốn phẩm chất

này là đang thực hành theo cách đúng đắn của người tại gia, là cách dẫn tới sự tới sự chứng đắc thanh danh và dẫn tới cõi trời.”

Khi người có trí thì thực hành,
Theo cách đúng đắn đời của hàng đệ tử tại gia,
Họ phục vụ cho những Tỷ kheo có giới-hạnh,
Có đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt lành chánh trực,
Những y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang:
Thì đời với họ cả ngày và đêm,
Công đức luôn gia tăng;
Sau khi đã làm những việc làm hay khéo như vậy,
Họ sẽ chết đi và tái sinh trong một cõi trời.

NHÓM 2

NHỮNG VIỆC LÀM XỨNG ĐÁNG

61 (1) *Những Việc Làm Xứng Đáng*

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc [Anāthapiṇḍika] đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

(I) “Này gia chủ, có bốn điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Người ta nghĩ: ‘Cầu cho sự giàu có đến với tôi một cách chân chính!’ Đây là điều thứ nhất được mong ước nhưng khó đạt được trong thế gian.

(2) “Sau khi có được sự giàu có một cách chân chính, người ta lại nghĩ: ‘Cầu cho danh tiếng đến với tôi và người thân và những vị thầy của tôi!’⁶¹⁰ Đây là điều thứ hai được mong ước nhưng khó đạt được trong thế gian.

(3) “Sau khi có được sự giàu có một cách chân chính và có được danh tiếng cho mình và cho người thân và những vị thầy của mình, người ta lại nghĩ: ‘Cầu cho tôi sống lâu và hưởng được tuổi thọ!’ Đây là điều thứ ba được mong ước nhưng khó đạt được trong thế gian.

(4) “Sau khi có được sự giàu có một cách chân chính và có được danh tiếng cho mình và cho người thân và những vị thầy của mình, và sống lâu và hưởng được tuổi thọ của mình, người ta lại nghĩ: ‘Khi thân tan rã, sau khi chết, cầu cho tôi được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời!’ Đây là điều thứ tư được mong ước nhưng khó đạt được trong thế gian.

“Đây là bốn điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian.

(II) “Này gia chủ, có bốn điều [khác] dẫn tới đạt được bốn điều (mong ước) nói trên. Bốn đó là gì? Sự thành tựu về niềm-tin, sự thành tựu về giới-hạnh, sự thành tựu về sự rộng lòng bố-thí, và sự thành tựu về trí-tuệ.

(1) “Và, này gia chủ, cái gì là sự thành tựu về niềm-tin? Ở đây, một người đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin; người đó đặt niềm-tin vào sự giác ngộ của Như Lai như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã thành tựu về trí-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế gian, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Đây được gọi là sự thành tựu về niềm-tin. (tín)

(2) “Và cái gì là sự thành tựu về giới-hạnh? Ở đây, một người đệ tử thánh thiện kiêng cử sát-sinh, kiêng cử uống rượu nặng, rượu nhẹ (bia), và dùng các chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây là sự thành tựu về giới-hạnh. (giới).

(3) “Cái gì là thành tựu về sự rộng lòng bố-thí? Ở đây, một

người đệ tử thánh thiện sống tại gia với một cái tâm không còn dính nhiễm tính keo kiệt, rộng lòng hào hiệp, mở rộng bàn tay, vui thích sự từ bỏ, đóng góp từ thiện, thích cho đi và chia sẻ.’ Đây được gọi là sự thành tựu về sự rộng lòng bố-thí. (thí)

(4) “Và cái gì là sự thành tựu về trí-tuệ? Nếu một người sống với cái tâm (trái tim, lòng dạ) bị điều khiển bởi sự thèm-muốn và tham-dục bất chính, thì người đó cứ làm những việc không nên làm và không làm những bổn phận mình nên làm, do vậy danh tiếng và hạnh phúc của người đó sẽ bị hủy hoại. Nếu người đó sống với một cái tâm bị điều khiển bởi sự ác-ý ... bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ ... bởi sự bất-an và hối-tiếc ... bởi sự nghi-ngờ, thì người đó cứ làm những việc không nên làm và không làm những bổn phận mình nên làm, do vậy danh tiếng và hạnh phúc của người đó sẽ bị hủy hoại.

“Này gia chủ, khi một người đệ tử thánh thiện đã hiểu được như vậy: ‘Sự thèm-muốn và tham-dục bất chính là một sự ô-nhiễm của tâm’, thì người đó dẹp bỏ nó. Khi người đó hiểu được như vậy: ‘Sự ác-ý... ‘Sự đờ-đẫn và buồn-ngủ ... ‘Sự bất-an và hối-tiếc ... ‘Sự nghi-ngờ là một sự ô-nhiễm của tâm’, thì người đó dẹp bỏ nó.

“Này gia chủ, khi một người đệ tử thánh thiện đã hiểu được như vậy: ‘Sự thèm-muốn và tham-dục bất chính là một sự ô-nhiễm của tâm’ và dẹp bỏ nó; khi người đó hiểu được như vậy: ‘Sự ác-ý... ‘Sự đờ-đẫn và buồn-ngủ ... ‘Sự bất-an và hối-tiếc ... ‘Sự nghi-ngờ là một sự ô-nhiễm của tâm’ và dẹp bỏ nó, thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện có trí-tuệ lớn, có trí-tuệ rộng, là người nhìn thấy tầm hiểu biết,⁶¹¹ người đã thành tựu về trí-tuệ. Đây được gọi là sự thành tựu về trí-tuệ.

“Này gia chủ, đây là bốn điều [khác] dẫn tới đạt được bốn điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó mà đạt được trong thế gian, (như đã nói trên).

(III) “Với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, người đệ tử thánh thiện đảm nhận làm bốn việc xứng đáng. Bốn đó là gì?

(1) Với tài sản được làm ra như vậy, người đó **(i)** làm cho bản thân mình hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho mình được hạnh phúc như vậy; người đó **(ii)** làm cho cha mẹ hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó **(iii)** làm cho vợ con mình, người ở, người làm, và người phục vụ hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó **(iv)** làm cho bạn bè và đồng sự hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy. Đây là trường hợp thứ nhất tài sản được tiêu dùng cho mục đích đúng đắn, được ứng dụng một cách hiệu quả, và được dùng cho một lý do xứng đáng.

(2) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết chia ra các khoản dự phòng rủi ro bị mất mát do hỏa hoạn và lũ lụt, bị cướp hoặc bị tịch thu bởi các vua chúa, hoặc bị chiếm đoạt bởi những người thừa kế bất nghĩa; người đó làm cho bản thân mình được an toàn khỏi những rủi ro đó. Đây là trường hợp thứ hai tài sản được tiêu dùng cho mục đích đúng ...

(3) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết thực hiện năm loại cúng lễ: đối với những người thân thuộc, khách khứa, ông bà tổ tiên, nhà vua, và các thiên thần. Đây là trường hợp thứ ba tài sản được tiêu dùng cho mục đích đúng....

(4) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện thiết lập một sự cúng dường cao thượng là cúng dường thức ăn cho những tu sĩ và những bà-la-môn là những người đã kiềm chế khỏi sự phù hoa và phóng túng, những người đã sống an định

trong sự nhẫn nhịn và hiền từ, những người đã dồn hết mình vào việc (tu tập) để thuần hóa bản thân mình, làm tĩnh lặng bản thân mình, và để đạt tới Niết-bàn—đó là một sự cúng dường thuộc cõi trời (phạm trú thí), dẫn tới an lạc, dẫn tới (tái sinh) cõi trời. Đây là trường hợp thứ tư tài sản được tiêu dùng cho mục đích đúng đắn, được ứng dụng một cách hiệu quả, và được dùng cho một lý do xứng đáng.

“Này gia chủ, đó là bốn việc xứng đáng mà người đệ tử thánh thiện đảm nhận làm với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính.

“Đối với ai chỉ biết tiêu dùng vào những mục đích khác ngoài bốn việc xứng đáng nói trên, thì tài sản đó coi như đã bị tiêu xài uổng phí, bị lãng phí, và bị dùng một cách vô công ích. Nhưng đối với ai biết tiêu dùng tài sản vào bốn việc xứng đáng nói trên, thì tài sản đó coi như đã được tiêu dùng cho mục đích đúng đắn, được ứng dụng một cách hiệu quả, và được dùng cho lý do xứng đáng.”

“Tôi đã hưởng thụ sự giàu có,
 Đã nuôi nấng những người thân,
 Và đã vượt qua những nghịch cảnh.
 Tôi đã làm sự cúng dường cao thượng,
 Và đã thực hiện năm sự lễ cúng.
 Tôi đã phụng sự những Tỳ kheo đức hạnh,
 Những bậc sống độc thân với tâm tự chủ.

“Tôi đã đạt tới mọi mục đích,
 Mà một người trí, đang sống tại gia,
 Có thể muốn làm nếu được giàu có.
 Những việc tôi đã làm tôi không hề hối tiếc.”

Người vốn sinh tử nên nghĩ nhớ lời trên,

Nên giữ mình chắc chắn trong Giáo Pháp thánh thiện.
 Người ta khen ngợi người đó ngay trong kiếp này.
 Và sau khi chết người đó về với cõi trời.

62 (2) *Không Bị Nợ Nần*

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc [Anāthapiṇḍika] đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này gia chủ, có bốn loại hạnh-phúc có thể đạt được bởi một người tại gia sống đời thụ hưởng khoái-lạc giác-quan (dục lạc) tùy lúc và tùy thời. Bốn đó là gì? Đó là hạnh-phúc khi có tài sản, hạnh-phúc khi hưởng thụ, hạnh-phúc vì không nợ nần, và hạnh-phúc vì không tội-lỗi.

(1) “Và, này gia chủ, cái gì là hạnh-phúc khi có tài sản? Ở đây một người tại gia sở hữu tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính. Mỗi khi người đó nghĩ: ‘Tôi sở hữu tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát ... có được một cách chân chính’, thì người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc và vui mừng. Đây được gọi là niềm hạnh-phúc khi có tài sản.

(2) “Và, này gia chủ, cái gì là hạnh-phúc khi hưởng thụ? Ở đây, với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, một người tại gia được thụ hưởng của cải và làm những việc công đức. Mỗi khi người đó nghĩ: ‘Với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát ... có được một cách chân chính, tôi được hưởng thụ của cải của tôi và làm những việc công đức’, thì người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc và vui mừng. Đó được gọi là niềm hạnh-phúc khi thụ hưởng.

(3) “Và, này gia chủ, cái gì là hạnh-phúc vì không bị nợ nần? Ở

đây một người tại gia không nợ bất cứ ai ở mức độ nào, dù lớn hay nhỏ. Mỗi khi người đó nghĩ: ‘Tôi không nợ bất cứ ai ở mức độ nào, dù lớn hay nhỏ’, thì người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc và vui mừng. Đó được gọi là niềm hạnh-phúc vì không bị nợ nần.

(4) “Và, này gia chủ, cái gì là hạnh-phúc vì không tội lỗi? Ở đây, này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện được phú cho đức-hạnh không tội lỗi trong hành-động, lời-nói, và tâm-ý. Mỗi khi người đó nghĩ: ‘Tôi được phú cho đức-hạnh không tội lỗi trong hành-động, lời-nói, và tâm-ý’, thì người đó trải nghiệm một niềm hạnh-phúc và vui mừng. Đó được gọi là niềm hạnh-phúc vì không tội lỗi.

“Này gia chủ, đó là bốn loại hạnh-phúc mà một người tại gia sống đời thụ hưởng khoái-lạc giác-quan (dục lạc) có thể đạt được, tùy lúc và tùy thời.”

Sau khi biết sự hạnh phúc khi không bị nợ nần,
 Người nên nhớ lại sự hạnh phúc khi có tài sản.
 Thụ hưởng niềm hạnh phúc của sự hưởng thụ,
 Một người vốn sinh tử nhìn thấy những điều đó bằng trí-tuệ.

Trong khi đang nhìn thấy những điều đó một cách rõ ràng,
 Người trí biết rõ cả hai loại hạnh phúc.
 Những (3) loại hạnh phúc đầu thì không bằng
 Một phần mười sáu của loại hạnh phúc nhờ không tội lỗi.⁶¹²

63 (3) Sống Với Trời *Brahmā*...⁶¹³

“Này các Tỷ kheo, (1) những gia đình sống có vị trời Brāhma (Phạm thiên) khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (2) Những gia đình sống có các vị tổ sư khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (3) Những gia đình sống có các vị tổ thiên thần khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (4) Những gia đình sống có những bậc thánh nhân khi trong nhà

cha mẹ được con cái tôn kính.

“Này các Tỳ kheo, ‘vị trời Brāhma’ ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. ‘Các vị tổ sư’ (những vị thầy đầu tiên) ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. ‘Các vị tổ thiên thần’ ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. ‘Các bậc thánh nhân’ là chữ chỉ bậc cha mẹ. Vì lý do gì? Bởi cha mẹ là nguồn giúp đỡ to lớn đối với con cái; cha mẹ nuôi lớn, nuôi ăn, và giúp cho con cái nhìn thấy thế gian.”

Cha mẹ được gọi là “trời Brahmā”,
Cũng được gọi là “những vị thầy đầu tiên”.
Họ đáng được tặng quà bởi con cháu,
Vì họ có lòng bi-mẫn dành cho con cháu.
Do vậy người có trí nên biết kính trọng cha mẹ,
Đối xử cha mẹ bằng lòng tôn kính.

Người ta nên phục vụ cha mẹ thức ăn, thức uống,
Quần áo và giường chiếu,
Xoa bóp và tắm rửa,
Và rửa chân cho cha mẹ.

Nhờ sự phụng dưỡng cha mẹ,
Được những bậc hiền trí khen ngợi trong đời này,
Và sau khi chết người con được về với cõi trời.

64 (4) Đọa Địa Ngục⁶¹⁴

“Này các Tỳ kheo, ai có bốn bản tính này thì bị đày xuống địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người đó sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, và nói-dối nói láo. Ai có bốn bản tính này thì bị đày xuống địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó.”

Sát-sinh, lấy của không được cho,

Nói sai nói dối,
Và ăn ở với vợ người khác:
Bậc trí hiền không khen ngợi những việc làm đó.

65 (5) Dựa Theo Thân Sắc...

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người xét đoán và tin dựa theo thân sắc. (2) Người xét đoán và tin dựa theo trên lời nói. (3) Người xét đoán và tin dựa theo sự thanh bần khổ hạnh. (4) Người xét đoán và tin dựa theo Giáo Pháp. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”⁶¹⁵

Người xét đoán dựa theo thân tướng,
Và người xét đoán dựa theo giọng nói,
Đều do bị điều khiển bởi sự tham thích và tham dục;
Những người đó không hiểu biết.

Người không biết bên trong (tâm mình),
Và không hiểu biết bên ngoài (người khác),
Như kẻ ngu bị che cản mọi phía,
Bị lôi cuốn theo lời nói.

Người không biết bên trong,
Nhưng nhìn thấy rõ bên ngoài (người khác),
Nhìn thấy kết quả ở bên ngoài,
Thì cũng bị lôi cuốn theo lời nói.

Nhưng người biết bên trong,
Và nhìn thấy rõ bên ngoài,
Nhìn thấy không bị những chướng-ngại,
Thì không bị lôi cuốn theo lời nói.

66 (6) *Tham Dục...*

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người tham dục, người sân hận, người si mê, và người tự đại. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

Chúng sinh say đắm những thứ khêu gợi,
Tìm kiếm khoái lạc trong những thứ dễ chịu,
Chúng sinh hạ đẳng bị trói buộc bởi si mê (vô minh),
Càng ngày càng thêm bị trói buộc.

Đường lối vô minh,
Tạo ra nghiệp bất thiện,
Phát sinh từ tham, sân, si:
Những việc làm gây ưu phiền chỉ tạo ra khổ đau.

Người bị che cản bởi vô minh,
Mù lòa, thiếu mắt để nhìn
Cho đúng bản chất của mọi sự,
Không biết nghĩ suy mọi sự theo cách đó.⁶¹⁶

67 (7) *Rắn*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó, ở Sāvathī, có một Tỳ kheo bị rắn cắn chết.⁶¹⁷ Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp và kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có một Tỳ kheo đã bị rắn cắn chết.”

[Đức Thế Tôn đã nói:] “Đúng vậy, này các Tỳ kheo, vị Tỳ kheo đó đã không bao trùm (phóng rải, hướng) tâm-từ tới bốn họ nhà [gia đình, dòng] rắn chúa [vua rắn].⁶¹⁸ Vì nếu thầy ấy biết làm như vậy thì

thầy ấy đã không bị rắn cắn chết. Bốn đó là gì? Họ rắn chúa *virūpakkha*, họ rắn chúa *erāpatha*, họ rắn chúa *chabyāputta*, và họ rắn chúa *gotamaka*. Đúng vậy, vị Tỳ kheo đó đã không bao trùm tâm-từ tới bốn họ nhà rắn chúa. Vì nếu thầy ấy biết làm như vậy thì thầy ấy đã không bị rắn cắn chết.

“Này các Tỳ kheo, ta chỉ dụ các thầy bao trùm tâm-từ tới khắp bốn họ nhà rắn chúa, vì sự an ninh, sự an toàn, và sự bảo hộ cho các thầy.”

Tôi có tâm-từ đối với họ rắn *virūpakkha*;

Đối với họ rắn *erāpatha* tôi có tâm-từ.

Tôi có tâm-từ đối với họ rắn *chabyāputta*;

Đối với họ rắn *gotamaka*, tôi có tâm-từ.

Tôi có tâm-từ đối với những loài không chân;

Đối với loài hai chân tôi cũng có tâm-từ.

Tôi có tâm-từ đối với loài bốn chân;

Đối với loài nhiều chân tôi cũng có tâm-từ.

Cầu cho loài không chân không hại tôi;

Cầu cho loài hai chân không hại tôi;

Cầu cho loài bốn chân không hại tôi;

Cầu cho loài nhiều chân không hại tôi.

Cầu tất cả chúng sinh,

Cầu tất cả chúng vật đang sống,

Cầu tất cả sinh vật, tất cả,

Gặp được may phúc;

Không ai bị điều xấu.

Đức Phật là vô lượng, Giáo Pháp là vô lượng, Tăng Đoàn là vô lượng; những loài bò sát, rắn, bò cạp, rít, nhện, thằn lằn, và chuột đều

là hữu hạn. Tôi đã làm được sự phòng hộ, tôi đã làm được sự bảo hộ. Những sinh vật hãy tránh lui. Tôi kính lễ đức Thế Tôn, kính lễ bảy vị Phật Toàn Giác.⁶¹⁹

68 (8) Đề-Bà-Đạt-Đa⁶²⁰

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha, trên Đỉnh Núi Kền Kền, không lâu sau khi Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã bỏ đi (khỏi giáo đoàn của Phật). Ở đó, khi đề cập tới Đề-bà-đạt-đa, đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo như vậy:

“Này các Tỷ kheo, cái sự ‘lợi, danh, vinh’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh dẫn tới sự suy-đòi và hủy-hoại của chính ‘thầy ấy’. Giống như (1) cây chuối lá, (2) cây tre, hay (3) cây sậy khi nó ra hoa kết quả là dẫn tới sự suy-tàn và hủy-hoại của chính nó; (như cây chuối ra hoa ra trái rồi chết luôn, không như những cây khác vẫn sống và tiếp tục ra hoa trái); tương tự vậy, sự ‘lợi, danh, vinh’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh là dẫn tới sự suy-đòi và hủy-hoại của chính thầy ấy. (4) Giống như một con la khi nó mang thai là dẫn tới sự suy-tàn và hủy-hoại của chính nó; ([con la không sinh con được mà sẽ bị mổ bụng khi sinh con, và sẽ bị chết sau khi sinh]); tương tự vậy, cái sự ‘lợi, danh, vinh’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh là dẫn tới sự suy-đòi và hủy-hoại của chính thầy ấy. Sự ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy, đã nói như vậy:

“Như chính trái quả của mình hủy diệt mình,
Đó là cây chuối, cây tre, và cây sậy,
Như chính bào thai của mình hủy diệt con la,
Cũng như cái danh hủy diệt người vô lại.”

69 (9) Sự Phấn Đấu

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự phấn đấu (tinh cần) này. Bốn đó là gì? Sự phấn đấu bằng cách kiềm-chế, sự phấn đấu bằng cách dẹp-bỏ, sự phấn đấu bằng cách tu-tập, và sự phấn đấu bằng cách phòng-hộ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phấn đấu bằng cách kiềm-chế? Ở đây, một Tỳ kheo phát tạo (phát tâm) mong-muốn không làm khởi sinh những phẩm chất bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo nỗ lực, phát khởi năng lượng (tinh tấn), ứng dụng tâm mình, và phấn đấu. Đây được gọi là sự phấn đấu bằng cách kiềm-chế.

(2) “Và cái gì là sự phấn đấu bằng cách dẹp-bỏ? Ở đây, một Tỳ kheo phát tạo mong-muốn dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện xấu ác đã khởi sinh; người đó tạo nỗ lực, phát khởi năng lượng (tinh tấn), ứng dụng tâm mình, và phấn đấu. Đây được gọi là sự phấn đấu bằng cách dẹp-bỏ.

(3) “Và cái gì là sự phấn đấu bằng cách tu-tập? Ở đây, một Tỳ kheo phát tạo mong-muốn tu tập những phẩm chất thiện lành chưa khởi sinh; người đó tạo nỗ lực, phát khởi năng lượng (tinh tấn), ứng dụng tâm mình, và phấn đấu. Đây được gọi là sự phấn đấu bằng cách tu-tập.

(4) “Và cái gì là sự phấn đấu bằng cách phòng-hộ? Ở đây, một Tỳ kheo phát tạo mong-muốn duy trì những phẩm chất thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để gia tăng, phát triển và hoàn thiện chúng; người đó tạo nỗ lực, phát khởi năng lượng (tinh tấn), ứng dụng tâm mình, và phấn đấu. Đây được gọi là sự phấn đấu bằng cách phòng-hộ.

“Đây là bốn sự phấn đấu.”

Kiểm chế và từ bỏ,
Tu dưỡng và hộ trì:

Là những cách phân đầu,
 Được chỉ dạy bởi Hậu Duệ Thái Dương.
 Một Tỳ kheo nhiệt thành ở đây,
 Thì có thể chứng ngộ sự diệt khổ.

70 (10) Bất Chính⁶²¹

— “Khi vua chúa là bất chính (phi pháp), các chư hầu hoàng gia cũng trở nên bất chính. Khi các chư hầu là bất chính, các bà-la-môn và các gia chủ cũng trở nên bất chính. Khi các bà-la-môn và các gia chủ là bất chính, những người trong thành thị và làng quê cũng trở nên bất chính. Khi những người trong thành thị và làng quê là bất chính, mặt trời và mặt trăng mọc chiếu lệch tà. Khi mặt trời và mặt trăng mọc chiếu lệch tà, những vì sao và chòm sao cũng mọc chiếu lệch tà. Khi những vì sao và chòm sao mọc chiếu lệch tà, ngày và đêm cũng đến đi lệch thời . . . tháng và nửa tháng cũng đến đi lệch thời . . . các mùa và năm cũng đến đi lệch thời. Khi các mùa và năm đến đi lệch thời, gió thổi lệch thời và trái gió khó ngờ. Khi gió thổi lệch thời và trái gió khó ngờ, các thiên thần trở nên buồn bã. Khi các thiên thần buồn bã, nước mưa khô cạn. Khi nước mưa khô cạn, mùa màng bị trái thời trái vụ. Khi người ăn gạo cốc trái quả trái thời trái vụ (không đều đặn, lúc đói lúc no), họ sống không được thọ, trở nên xấu xí, yếu sức, và bệnh tật.

— “Nhưng, khi vua chúa là chân chính (hợp pháp), các chư hầu hoàng gia cũng trở nên chân chính. Khi các chư hầu là chân chính, các bà-la-môn và các gia chủ cũng trở nên chân chính. Khi các bà-la-môn và các gia chủ là chân chính, những người trong thành thị và làng quê cũng trở nên chân chính. Khi những người trong thành thị và làng quê là chân chính, mặt trời và mặt trăng mọc chiếu đúng hướng. Khi mặt trời và mặt trăng mọc chiếu đúng hướng, những vì

sao và chòm sao cũng mọc chiếu đúng hướng. Khi những vì sao và chòm sao mọc chiếu đúng hướng, ngày và đêm cũng đến đi đúng thời . . . tháng và nửa tháng cũng đến đi đúng thời . . . các mùa và năm cũng đến đi đúng thời. Khi các mùa và năm đến đi đúng thời, gió thổi đúng thời và thuận gió dễ canh. Khi gió thổi đúng thời và thuận gió dễ canh, các thiên thần không bị buồn bã. Khi các thiên thần không bị buồn bã, mưa nước đủ đầy. Khi mưa nước đủ đầy, mùa màng được thuận thời đúng vụ. Khi người ăn gạo cốc trái quả thuận thời đúng vụ (đều đặn, đầy đủ), họ sống sẽ sống được thọ, trở nên đẹp đẽ, sức mạnh, và sức khỏe.

Khi đàn bò đi ngang ngã ba đường,
 Nếu con đầu đàn đi quanh co,
 Thì những con khác cũng đi theo quanh co,
 Bởi con đầu đàn đã đi quanh co.
 Trong quần thể con người cũng vậy,
 Khi một người đứng đầu, lãnh đạo,
 Mà hành xử bất chính tà đạo,
 Thì người khác cũng bắt theo như vậy.
 Cả kinh thành đều chán ngán thất vọng,
 Nếu nhà vua là bất chính, tà đạo.

Khi đàn bò đi ngang ngã ba đường,
 Nếu con đầu đàn đi thẳng đường băng qua,
 Thì những con khác cũng thẳng đường băng qua,
 Bởi con đầu đàn đã đi thẳng qua.
 Trong quần thể con người cũng vậy,
 Khi một người đứng đầu, lãnh đạo,
 Biết hành xử chân chính, chánh đạo,
 Thì người khác cũng bắt theo như vậy.
 Cả kinh thành đều hân hoan vui sướng,

Nếu nhà vua là chân chính, chánh đạo.

NHÓM 3

KHÔNG THỂ LÀM LỖI

71 (1) Sự Phấn Đấu

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có được bốn phẩm chất này là đang tu tập theo cách không thể làm lỗi (không thể sai được, chắc chắn đúng đắn), và đã đặt nền móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm.⁶²² Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là đức hạnh, có học hiểu, nỗ lực tinh tấn, và khôn trí. Một Tỳ kheo có được bốn phẩm chất này là đang tu tập theo cách không thể làm lỗi và đã đặt nền móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

72 (2) Cách Nhìn

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có được bốn phẩm chất này là đang tu tập theo cách không thể làm lỗi (không thể sai được, chắc chắn đúng đắn) và đã đặt nền móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Bốn đó là gì? Ý nghĩ từ-bỏ, ý nghĩ thiện-chí, ý nghĩ vô-hại, và cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến).⁶²³ Một Tỳ kheo có-được bốn phẩm chất này là đang tu tập theo cách không thể làm lỗi, và đã đặt nền móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

73 (3) Người Xấu: Cô Dâu

(I) “Này các Tỳ kheo, ai có bốn phẩm chất này thì có thể được hiểu là một người xấu. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người xấu thì nói ra (chỉ ra, khai

mở, vạch trần) những lỗi-sai của người khác ngay cả khi không ai hỏi gì về họ, lấy chi khi được hỏi còn nói đến mức nào nữa. Khi được hỏi từng câu về họ và phải trả lời, người đó kể ra hết những lỗi-sai của người khác một cách đầy đủ, kể không chút ngập ngừng hay bỏ sót. Điều này có thể hiểu: “Đây là một người xấu”.

(2) “Hơn nữa, người xấu thì không nói ra những đức-hạnh của người khác ngay cả khi có người hỏi về họ, lấy chi khi không được hỏi thì câm nín đến mức nào nữa. Khi được hỏi từng câu về họ và phải trả lời, người đó chỉ nói qua loa về những đức hạnh của người khác, nói một cách ngập ngừng và bỏ bớt. Điều này có thể hiểu: “Đây là một người xấu”.

(3) “Hơn nữa, người xấu thì không nói ra (để lộ, cho thấy) những lỗi-sai của mình ngay cả có người hỏi về chúng, lấy chi khi không được hỏi thì câm nín đến mức nào. Khi được hỏi từng câu về chúng và phải trả lời, người đó chỉ nói qua loa về những lỗi-sai của mình, nói một cách ngập ngừng và bỏ bớt. Điều này có thể hiểu: “Đây là một người xấu”.

(4) “Hơn nữa, người xấu thì kể ra (nói ra, khoe ra) những đức-hạnh của mình ngay cả khi không ai hỏi gì về chúng, lấy chi khi có ai hỏi về chúng thì khoe ra đến mức nào. Khi được hỏi từng câu về chúng và phải trả lời, người đó kể ra hết những đức-hạnh của mình một cách đầy đủ, kể không chút ngập ngừng hay bỏ sót. Điều này có thể hiểu: “Đây là một người xấu”.

“Người có bốn phẩm chất này thì có thể được hiểu là một người xấu.

(II) “Này các Tỷ kheo, ai có được bốn phẩm chất này thì có thể được hiểu là một người tốt. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỷ kheo, một người tốt thì không nói ra những lỗi-sai của người khác ngay cả khi có ai hỏi về họ, lấy chi khi không

được hỏi thì càng im lặng đến mức nào. Khi được hỏi từng câu về họ và phải trả lời, người đó chỉ nói sơ sài về những lỗi-sai của người khác, nói một cách ngập ngừng và bỏ bớt. Điều này có thể hiểu: “Đây là một người tốt”.

(2) “Hơn nữa, người tốt thì nói ra những đức-hạnh của người khác ngay cả khi không được hỏi về họ, lấy chi khi được hỏi thì càng chỉ ra đến mức nào. Khi được hỏi từng câu về họ và phải trả lời, người đó kể ra hết những đức-hạnh của người khác một cách đầy đủ, kể không chút ngập ngừng hay bỏ sót. Điều này có thể hiểu: “Đây là một người tốt”.

(3) “Hơn nữa, người tốt thì nói ra những lỗi-sai của mình ngay cả khi không ai hỏi về chúng, lấy chi khi được hỏi về chúng thì sẽ khai nhận đến mức nào. Khi được hỏi từng câu hỏi về chúng, người đó nói ra hết những lỗi-sai của mình một cách đầy đủ, không chút ngập ngừng hay bỏ bớt. Điều này có thể được hiểu: “Đây là một người tốt”.

(4) “Hơn nữa, người tốt thì không kể ra những đức-hạnh của mình ngay cả khi có ai hỏi về chúng, lấy chi khi không được hỏi thì càng câm nín đến mức nào. Khi được hỏi từng câu về chúng và phải trả lời, người đó nói một cách sơ sài về những đức-hạnh của mình, nói một cách ngập ngừng và bỏ bớt. Điều này có thể được hiểu: “Đây là một người tốt”.

“Người có bốn phẩm chất này thì có thể được hiểu là một người tốt.

(III) “Này các Tỳ kheo,⁶²⁴ như có một cô dâu lúc vừa mới được cưới về nhà, dù là ban đêm hay ban ngày, đầu tiên thì cô ta thiết lập một cảm nhận nhạy bén biết xấu-hổ và biết sợ-hãi về mặt đạo đức (tức là sợ mắc lỗi, sợ làm điều sai, sợ thất lễ) đối với mẹ chồng, cha chồng, chồng, và thậm chí đối với những nô bộc, những người làm công, và những người hầu. Nhưng sau một thời gian, sau khi đã sống chung và thân thiện với họ, cô ta lại nói giọng như vậy với mẹ chồng, cha chồng, và chồng: ‘Biến đi! Các người thì biết gì mà nói?’

“Cũng giống như vậy, như có mấy Tỳ kheo ở đây lúc vừa mới rời bỏ đời sống tại gia và bước vào đời sống xuất gia tu hành, dù là ban đêm hay ban ngày, đầu tiên họ cũng thiết lập một cảm nhận nhạy bén biết xấu-hổ và biết sợ-hãi về mặt đạo đức (tức là sợ mắc lỗi, sợ làm điều phạm giới, sợ thất lễ) đối với những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam, những đệ tử tại gia nữ, và thậm chí đối với những sadi và những người làm công quả (ở chùa). Nhưng sau một thời gian, sau khi đã sống chung và thân thiện với họ, mấy Tỳ kheo này lại nói giọng như vậy với họ: ‘Biến đi! Các người thì biết gì mà nói?’

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm giống như tâm của một cô dâu mới bước vào nhà chồng.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

74 (4) Bậc Nhất (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn thứ này là bậc nhất. Bốn đó là gì? Bậc nhất về giới-hạnh, bậc nhất về thiền-định, bậc nhất về trí-tuệ, và bậc nhất về giải-thoát. Đây là bốn thứ bậc nhất.”

75 (5) Bậc Nhất (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn thứ này là bậc nhất. Bốn đó là gì? Bậc nhất về thể-sắc, bậc nhất về cảm-giác (thọ), bậc nhất về nhận-thức (tưởng), và bậc nhất trong những trạng thái hiện-hữu. Đây là bốn thứ bậc nhất.”⁶²⁵

76 (6) Kusinārā

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống ở

Kusinārā, đang trú nghỉ ngay chỗ giữa hai cây sa-la (long thọ) trong khu vườn cây sa-la của những người Malla ở xứ Upavattana, vào lúc Phật (sắp) bát-niết-bàn. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có thể có Tỳ kheo còn có sự nghi-ngờ hay không chắc-chắn về Phật, hay về Giáo Pháp, hay về Tăng Đoàn, hay về con đường Đạo, hay về cách tu tập.⁶²⁶ Này các Tỳ kheo, các thầy cứ hỏi. Đừng để sau này hối tiếc khi nghĩ lại rằng: ‘Vị Thầy của chúng ta đã ở trước mặt chúng ta, mà chúng ta đã không thể tự mình hỏi đức Thế Tôn khi chúng ta đang ở trước mặt Thế Tôn.’”

Sau khi Phật nói xong điều này, các Tỳ kheo vẫn im lặng.

Thêm một lần thứ hai và đến lần thứ ba, Đức Thế Tôn vẫn hỏi các Tỳ kheo như vậy. Các Tỳ kheo vẫn im lặng sau lần thứ ba.

Rồi Đức Phật đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, có thể là trường hợp các thầy không muốn đặt câu hỏi vì lòng kính trọng đối với người Thầy, vậy hãy nói câu hỏi của mình cho một đạo hữu.”⁶²⁷ Sau khi điều này được nói ra, các Tỳ kheo cũng vẫn im lặng.

Sau đó, Ngài Ananda mới thưa với Đức Thế Tôn rằng:

“Thật kỳ lạ và kỳ diệu, thưa đức Thế Tôn. Con có một niềm tin rằng, thưa Đức Thế Tôn, trong đoàn thể Tỳ kheo ở đây không có một người nào còn có sự nghi-ngờ hay không chắc-chắn về Đức Phật, hay về Giáo Pháp, hay về Tăng Đoàn, hay về con đường Đạo, hay về sự tu tập.”

“Này Ananda, thầy đã nói ra niềm tin của mình. Nhưng Như Lai

cũng biết rõ điều đó là đúng thật (rằng không có Tỳ kheo nào còn có sự nghi ngờ về Phật, Pháp, Tăng, hay về đạo, hay sự tu tập). Vì trong năm trăm Tỳ kheo ở đây, người thấp nhất cũng là bậc Nhập-lưu, không còn bị dính [tái sinh] trong cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng đến giác-ngộ.”

77 (7) Những Vấn Đề Không Thể Nghĩ Tới

“Này các Tỳ kheo, có bốn vấn đề không thể nghĩ tới (nghĩ ra, hiểu ra, tưởng ra)⁶²⁸ này mà người thường không nên cố gắng để hiểu tới; ai cố để hiểu ra chúng thì chỉ gặt lấy sự điên khùng và thất vọng mà thôi. Bốn đó là gì? (1) Lãnh địa (giới) của những vị Phật là không thể nghĩ tới nên người thường không nên cố gắng để hiểu tới; ai cố để hiểu ra nó thì chỉ gặt lấy sự điên khùng và thất vọng mà thôi. (2) Lãnh địa của người tu trong tầng thiên định [jhāna] là không thể nghĩ tới ... (3) Nghiệp quả là không thể nghĩ tới ... (4) Sự phán đoán về thế gian là không thể nghĩ tới nên người thường không nên cố gắng để hiểu tới; ai cố để hiểu ra nó thì chỉ gặt lấy sự điên khùng và thất vọng mà thôi.⁶²⁹ Đây là bốn vấn đề không thể nghĩ tới nên người thường không nên cố gắng để hiểu tới; ai cố để hiểu ra nó thì chỉ gặt lấy sự điên khùng và thất vọng mà thôi.”

78 (8) Những Sự Cúng Dường

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự thanh lọc (thanh tịnh) của những sự cúng dường.⁶³⁰ Bốn đó là gì? (1) Có sự cúng dường được thanh lọc nhờ người cúng dường (thí chủ), nhưng không nhờ người nhận; (2) có sự cúng dường được thanh lọc nhờ người nhận, nhưng không nhờ người cúng dường; (3) có sự cúng dường không được thanh lọc bởi người cúng dường hay người nhận; (4) có sự cúng dường được thanh lọc nhờ cả người cúng dường và người nhận.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cúng dường được thanh lọc nhờ người cúng dường, nhưng không nhờ người nhận? Ở đây, người cúng dường là đức hạnh và có tính cách tốt, nhưng người nhận là thất đức và có tính cách xấu. Theo cách này là sự cúng dường được thanh lọc nhờ người cúng dường, không nhờ người nhận.

(2) “Và cái gì là sự cúng dường được thanh lọc nhờ người nhận, nhưng không nhờ người cúng dường? Ở đây, người cúng dường là thất đức và có tính cách xấu, nhưng người nhận là đức hạnh và có tính cách tốt. Theo cách này là sự cúng dường được thanh lọc nhờ người nhận, không nhờ người cúng dường.

(3) “Và cái gì là sự cúng dường không được thanh lọc nhờ người nhận hay người cúng dường? Ở đây, người cúng dường là thất đức và có tính cách xấu, và người nhận cũng là thất đức và có phẩm chất xấu. Theo cách này là sự cúng dường không được thanh lọc nhờ người cúng dường hay người nhận.

(4) “Và cái gì là sự cúng dường được thanh lọc nhờ cả người nhận và người cúng dường? Ở đây, người cúng dường là đức hạnh và có phẩm chất tốt, và người nhận cũng là đức hạnh và có phẩm chất tốt. Theo cách này là sự cúng dường được thanh lọc nhờ cả người cúng dường và người nhận.

“Đây là bốn sự thanh lọc của những sự cúng dường.”

79 (9) Việc Làm Ăn

Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đến gặp và kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, tại sao cùng một loại công việc làm ăn, (1) có người làm là thất bại; (2) có người làm không đạt tới mức mong đợi; (3) có người đạt được mức mong đợi; (4) có người đạt hơn mức mong

đợi?

(1) “Này Xá-lợi-phất, ở đây có người đến gặp một tu sĩ hay bà-la-môn và hỏi họ cần những thứ gì (để mình cúng dường, bố thí), nhưng sau đó không chịu bố thí những thứ mà họ đang cần. Sau khi qua đời, nếu có được tái sinh lại cõi này, người đó có làm công việc làm ăn gì cũng bị thất bại.

(2) “Có người đến gặp một tu sĩ hay bà-la-môn và hỏi họ cần những thứ gì (để mình cúng dường, bố thí), nhưng sau đó không bố thí đầy đủ những thứ mà họ đang cần. Sau khi qua đời, nếu có được tái sinh lại cõi này, người đó có làm công việc làm ăn gì cũng không đạt được mức mong đợi.

(3) “Có người đến gặp một tu sĩ hay bà-la-môn và hỏi họ cần những thứ gì (để mình cúng dường, bố thí), và sau đó bố thí đầy đủ những thứ mà họ đang cần. Sau khi qua đời, nếu có được tái sinh lại cõi này, người đó có làm công việc làm ăn gì cũng đạt được mức mong đợi.

(4) “Có người đến gặp một tu sĩ hay bà-la-môn và hỏi họ cần những thứ gì (để mình cúng dường, bố thí), và sau đó bố thí nhiều hơn những thứ mà họ đang cần. Sau khi qua đời, nếu có được tái sinh lại cõi này, người đó có làm công việc làm ăn gì cũng đạt được nhiều hơn mức mong đợi.

“Này Xá-lợi-phất, đây là lý do tại sao với cùng một loại công việc làm ăn, có người làm là thất bại; có người làm không đạt tới mức kỳ vọng; có người đạt được mức mong đợi; có người đạt nhiều hơn mức mong đợi.”

80 (10) Kamboja

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá Ghosita (do gia chủ Ghosita cúng dường). Lúc đó có Ngài Ānanda đến

gặp và kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, tại sao những phụ nữ không ngồi trong các hội đồng, hay tham gia việc làm ăn kinh doanh, hay đi tới Kamboja?”⁶³¹

“Này Ānanda, phụ nữ dễ bị tức giận; phụ nữ hay ghen tỵ; phụ nữ hay hà tiện; phụ nữ ít trí khôn. Đây là lý do tại sao những phụ nữ không ngồi trong các hội đồng, hay tham gia việc làm ăn kinh doanh, hay đi tới Kamboja.”

NHÓM 4

KHÔNG LAY CHUYỀN

81 (1) Sát Sinh

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, và nói-dối nói láo. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Người không cử sát-sinh, không cử gian-cấp, không cử tà-dâm tà dục, và không cử nói-dối nói láo. Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

82 (2) Nói Dối

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người nói-dối nói láo, nói lời gây chia rẽ, nói lời gắt gỏng nạt nộ, và nói chuyện tán

gấu tầm phào. Người có được bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất [khác] thì được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Người không cứ nói-dối nói láo, không cứ nói lời gây chia rẽ, không cứ nói lời gắt gỏng nạt nộ, và không cứ nói chuyện tán gẫu tầm phào. Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

83 (3) Chê Bai

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? (1) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó khen ngợi người đáng bị chê trách. (2) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó chê bai người đáng được khen ngợi. (3) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó tin một vấn đề đáng bị nghi ngờ. (4) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó không tin một vấn đề đáng tin tưởng. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất [khác] thì được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? (1) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó chê trách người đáng bị chê trách. (2) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó khen ngợi người đáng được khen ngợi. (3) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó nghi ngờ vấn đề đáng bị nghi ngờ. (4) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó tin một vấn đề đáng tin tưởng. Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

84 (4) Sự Tức Giận

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người coi trọng sự tức giận, không coi trọng thiện Pháp (Giáo Pháp tốt lành); người coi trọng sự chê bai, không coi trọng thiện Pháp; người coi trọng lợi lộc, không coi trọng thiện Pháp; người coi trọng vinh danh, không coi trọng thiện Pháp. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất [khác] thì được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Người coi trọng thiện Pháp, không coi trọng sự tức giận; người coi trọng thiện pháp, không coi trọng sự chê bai; người coi trọng thiện Pháp, không coi trọng lợi lộc; người coi trọng thiện Pháp, không coi trọng vinh danh. Người có bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

85 (5) *Bóng Tối*⁶³²

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người hướng từ tối tới tối, người hướng từ tối tới sáng, người hướng từ sáng tới tối, và người hướng từ sáng tới sáng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người hướng từ tối tới tối? Ở đây, có người được tái sinh trong một gia đình thấp kém—như một gia đình của người hạ tiện (caṇḍāla, chiên-đà-la, nô lệ), gia đình thợ đan tre, thợ săn bắn, thợ đóng xe ngựa, hay người hốt rác—gia đình thì nghèo khổ, thiếu ăn thiếu uống, khó có được thức ăn và quần áo, bươn sống vất vả; và người đó thô鄙, xấu xí, lùn tùn, nhiều bệnh tật như bệnh tật như mất mũi, bị què, bị gù vẹo, bị hay liệt. Người đó còn không kiếm được thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ; nói chi tới vòng hoa, nước hoa và phấn sáp; nói chi tới giường chiếu, nhà cửa và đèn sáng.⁶³³ Và người đó còn hành xử sai trái trong hành động, lời nói, và tâm ý (ba tà nghiệp).

Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Theo cách như vậy là một người đi từ tối tới tối.

(2) “Và theo cách nào là một người đi từ tối tới sáng? Ở đây có người được sinh ra trong một gia đình thấp kém ... *(như đoạn kể trên)*. Nhưng người đó hành xử đúng đắn trong hành động, lời nói, và tâm ý (ba chánh nghiệp). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Theo cách như vậy là một người đi từ tối tới sáng.

(3) “Và theo cách nào là một người đi từ sáng tới tối? Ở đây, có người được sinh ra trong một gia đình cao quý—như một gia đình giàu có của người giai cấp chiến-sĩ (khattiya), gia đình giàu có của bà-la-môn, hay gia đình giàu có của một gia chủ—gia đình thì giàu có, với nhiều tài sản và của cải, nhiều vàng bạc, nhiều báu vật và tư trang, nhiều của cải và lúa gạo; và người đó thì đẹp trai, hấp dẫn, duyên dáng, có làn da đẹp bậc nhất. Người đó có được thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ; vòng hoa, nước hoa và phấn sáp; giường chiếu, nhà cửa và đèn sáng. Nhưng người đó còn hành xử sai trái trong hành động, lời nói, và tâm ý (ba tà nghiệp). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Theo cách như vậy là một người đi từ sáng tới tối.

(4) “Và theo cách nào là một người đi từ sáng tới sáng? Ở đây, có người được sinh ra trong một gia đình cao quý ... *(như đoạn kể trên)*. Và người đó hành xử đúng đắn trong hành động, lời nói, và tâm ý (ba chánh nghiệp). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Theo cách như vậy là một người đi từ sáng tới sáng.

“Này các Tỷ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

86 (6) *Cúi Xuống*

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người cúi xuống thì cúi xuống thấp luôn, người cúi xuống rồi đứng lên thấp, người đứng lên rồi lại cúi xuống, và người đứng lên thì đứng lên cao nữa.⁶³⁴

“Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

87 (7) *Bốn Loại Sa-Môn* (Con trai)

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Tu sĩ [sa-môn] bất lay động, tu sĩ hoa sen trắng, tu sĩ hoa sen hồng, và tu sĩ tinh tể trong những hạng tu sĩ.⁶³⁵

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người là một tu sĩ bất lay động? Ở đây, một Tỳ kheo là một bậc học-nhân đang tu tập theo con đường (đạo), người sống khát nguyện sẽ đạt tới sự an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc (của luân hồi sinh tử). Giống như người con trai cả (thái tử) của một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được phong vương [được xúc dầu lên đầu]—thái tử đó giờ chưa được phong vương, nhưng rồi cũng sẽ được phong vương—sẽ đạt tới sự bất lay động.⁶³⁶ Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo là một bậc học-nhân đang tu tập theo con đường, sống khát nguyện sẽ đạt tới sự an-toàn khỏi sự trói-buộc.⁶³⁷ Theo cách như vậy một người là một tu sĩ bất lay động.

(2) “Và theo cách nào một người là một tu sĩ sen trắng? Ở đây, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó; nhưng người đó vẫn chưa an trú (trong trạng thái sau khi) đã tiếp xúc bằng thân tâm sự giải-thoát; (tức vẫn chưa có sự trải nghiệm trực tiếp về tâm sự giải-thoát). Theo cách như vậy một người là

một tu sĩ sen trắng.⁶³⁸

(3) “Và theo cách nào một người là tu sĩ sen hồng? Ở đây, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó; và người đó an trú (trong trạng thái) sau khi đã tiếp xúc bằng thân tám sự giải-thoát. Theo cách này một người là tu sĩ sen hồng.⁶³⁹

(4) “Và theo cách nào một người là tu sĩ tinh tế trong những hạng tu sĩ? Ở đây, **(i)** một Tỷ kheo thường dùng *y áo* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình;⁶⁴⁰ người đó thường ăn *thức ăn* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi ăn thứ không được cúng dường cho chính mình; người đó thường dùng *chỗ ở* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình; người đó thường dùng *thuốc thang và chu cấp cho người bệnh* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình. **(ii)** Những Tỷ kheo đạo hữu mà vị ấy đang sống chung thường cư xử với vị ấy bằng những hành động, lời nói, và tâm ý dễ chịu, hiếm khi có hành động, lời nói hay tâm ý gì khó chịu. Họ thường tặng cho vị ấy những thứ dễ thích, hiếm khi có thứ gì khó thích. **(iii)** Những sự khó chịu sinh ra từ mật, đờm, gió, hay sự kết hợp của chúng;⁶⁴¹ sự khó chịu sinh ra từ thay đổi khí hậu; sự khó chịu sinh ra từ hành vi bất cần; sự khó chịu sinh ra do bị tấn công; hoặc sự khó chịu sinh ra từ quả của nghiệp [kamma]—những sự khổ này không thường khởi sinh trong vị ấy nữa.⁶⁴² Vị ấy hiếm khi bệnh yếu. **(iv)** Vị ấy nếu muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, chứng đắc bốn tầng thiên định [jhāna]—(những tầng thiên định đó) tạo nên (những trạng thái) tâm bậc cao và chúng là những sự lạc trú ngay trong kiếp này. **(v)** Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp,

vị ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Theo cách như vậy một người là một tu sĩ tinh tế trong những hạng tu sĩ.

“Này các Tỳ kheo, nếu ai có thể nói một cách đúng đắn mà nói về người nào như vậy: ‘Vị ấy là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn’ thì chính là ta người đó nói điều đó. **(i)** Bởi vì ta thường dùng *y áo* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính ta; ta thường ăn *thức ăn* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi ăn thứ không được cúng dường cho chính ta; ta thường dùng *chỗ ở* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính ta; ta thường dùng *thuốc thang và chu cấp cho người bệnh* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính ta. **(ii)** Những Tỳ kheo mà ta đang sống chung thường cư xử với ta bằng những hành động, lời nói, và tâm ý dễ chịu, hiếm khi có hành động, lời nói hay tâm ý gì khó chịu. Họ thường tặng cho ta những thứ dễ thích, hiếm khi có thứ gì khó thích. **(iii)** Những sự khó chịu sinh ra từ mật, đờm, gió, hay sự kết hợp của chúng; sự khó chịu sinh ra từ thay đổi khí hậu; sự khó chịu sinh ra từ hành vi bất cẩn; sự khó chịu sinh ra do bị tấn công; hoặc sự khó chịu sinh ra từ quả của nghiệp [kamma]—những sự khổ này không thường khởi sinh trong ta nữa. Ta hiếm khi bệnh yếu. **(iv)** Ta, nếu muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, chứng đắc bốn tầng thiền định [jhāna]—(những tầng thiền định đó) tạo nên (những trạng thái) tâm bậc cao và chúng là những sự lạc trú ngay trong kiếp này. **(v)** Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, ta đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, ta an trú trong đó. Nếu ai có thể nói một cách đúng đắn mà nói về người nào như vậy: ‘Vị ấy là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn’ thì

chính là ta người đó nói điều đó.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người được thấy có trong thế gian.”

88 (8) Bốn Loại Sa-Môn (Những gông cùm)

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Tu sĩ [sa-môn] bất lay động, tu sĩ hoa sen trắng, tu sĩ hoa sen hồng, và tu sĩ tinh tế trong những hạng tu sĩ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người là một tu sĩ bất lay động? Ở đây, với sự đã tiêu diệt ba gông-cùm (đầu tiên), một Tỳ kheo là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị dính [tái sinh] trong cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng đến sự giác-ngộ. Theo cách này một người là một tu sĩ bất lay động.

(2) “Và theo cách nào một người là một tu sĩ sen trắng? Ở đây, với sự tiêu diệt ba gông-cùm (đầu tiên), cộng với sự làm giảm thiểu (tâm tính) tham, sân, si, một Tỳ kheo là một bậc thánh Nhất-lai, chỉ còn quay lại thế gian này một lần nữa, và sau đó sẽ chấm dứt sự khổ. Theo cách này một người là một tu sĩ sen trắng.

(3) “Và theo cách nào một người là một tu sĩ sen hồng? Ở đây, với sự tiêu diệt năm gông-cùm nhẹ đô (thấp hơn; năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử), một Tỳ kheo là một bậc tái sinh tự động (trong một trong năm cõi trời trong sạch, Tịnh cư thiên), và sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn ở đó chứ không còn quay lại thế gian này nữa (tức bậc thánh Bất-lai). Theo cách này một người là một tu sĩ sen hồng.

(4) “Và theo cách nào một người là một tu sĩ tinh tế trong những hạng tu sĩ? Ở đây, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập

trong đó, người đó an trú trong đó. Theo cách này một người là một tu sĩ tinh tế trong những hạng tu sĩ.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

89 (9) Bốn Loại Sa-Môn (Chánh kiến...)

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Tu sĩ [sa-môn] bất lay động, tu sĩ hoa sen trắng, tu sĩ hoa sen hồng, và tu sĩ tinh tế trong những hạng tu sĩ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người là một tu sĩ bất lay động? Ở đây, một Tỳ kheo là một người có được cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn; (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh hạnh, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định). Theo cách này một người là một tu sĩ bất lay động.

(2) “Và theo cách nào một người là một tu sĩ sen trắng? Ở đây, một Tỳ kheo là một người có được cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, sự hiểu-biết đúng đắn (chánh trí), và sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát); nhưng người đó chưa an trú (trong trạng thái) sau khi đã tiếp xúc bằng thân tám sự giải-thoát. Theo cách này một người là một tu sĩ sen trắng.

(3) “Và theo cách nào một người là một tu sĩ sen hồng? Ở đây, một Tỳ kheo là một người có được cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, sự hiểu-biết đúng đắn (chánh trí), và sự giải-thoát đúng đắn; và người đó an trú (trong trạng thái) sau khi đã tiếp xúc bằng thân tám sự giải-thoát. Theo cách này một người là một tu sĩ sen hồng.

(4) “Và theo cách nào một người là tu sĩ tinh tế trong những hạng tu sĩ? Ở đây, một Tỳ kheo thường dùng y áo đã được (thí chủ) cúng

đường cho chính mình, hiềm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình ... [giống như đoạn (4) trong kinh 4:87 ở trên] ... Nếu ai có thể nói một cách đúng đắn mà nói về người nào như vậy: ‘Vị ấy là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn’ thì chính là ta người đó nói điều đó.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”⁶⁴³

90 (10) Bốn Loại Sa-Môn (Năm uẩn)

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Tu sĩ [sa-môn] bất lay động, tu sĩ hoa sen trắng, tu sĩ hoa sen hồng, và tu sĩ tinh tế trong những hạng tu sĩ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người là một tu sĩ bất lay động? Ở đây, một Tỳ kheo là một bậc học-nhân chưa đạt tới lý tưởng của tâm mình, là người sống khát nguyện sẽ đạt tới sự an-toàn khỏi sự trôi-buộc (của luân hồi sinh tử). Theo cách này một người là một tu sĩ bất lay động.

(2) “Và theo cách nào một người là tu sĩ sen trắng? Ở đây, một Tỳ kheo sống quán sát (thiền quán) sự sinh và sự diệt trong năm-uẩn bị dính chấp: ‘Này là thể-sắc, này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó; này là cảm-giác, này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó; này là nhận-thức, này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó; này là những sự tạo-tác cố-ý; này là nguồn gốc của chúng, này là sự biến qua của chúng; này là thức, này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó’; nhưng người đó vẫn chưa an trú (trong trạng thái) sau khi đã tiếp xúc bằng thân tám sự giải-thoát. Theo cách này một người là một tu sĩ sen trắng.

(3) “Và theo cách nào một người là một tu sĩ sen hồng? Ở đây,

một Tỳ kheo sống quán sát (thiền quán) sự sinh và sự diệt trong năm-uân bị dính chấp: ‘Này là thể-sắc, này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó; này là cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó’; và người đó đã an trú (trong trạng thái) sau khi đã tiếp xúc bằng thân tám sự giải-thoát. Theo cách này một người là một tu sĩ sen hồng.

(4) “Và theo cách nào một người là tu sĩ tinh tế trong những hạng tu sĩ? Ở đây, một Tỳ kheo thường dùng *y áo* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình ... [*giống như đoạn (4) trong kinh 4:87 ở trên*] ... Nếu ai có thể nói một cách đúng đắn mà nói về người nào như vậy: ‘Vị ấy là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn’ thì chính là ta người đó nói điều đó.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

NHÓM 5

A-TU-LA

91 (1) A-tu-la

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người (cá thể, chúng sinh) này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Quỷ thần [a-tu-la, asura] với đoàn quỷ thần tùy tùng, quỷ thần với đoàn thiên thần [deva] tùy tùng; thiên thần với đoàn quỷ thần tùy tùng, và thiên thần với đoàn thiên thần tùy tùng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người là một quỷ thần với đoàn quỷ thần tùy tùng? Ở đây, có người là thất đức, có tính cách xấu ác, và đoàn tùy tùng của người đó cũng là thất đức, có tính cách xấu ác. Theo cách này một người là một quỷ thần với đoàn

quỷ thần tùy tùng.

(2) “Và theo cách nào một người là một quỷ thần với đoàn thiên thần tùy tùng? Ở đây, có người là thất đức, có tính cách xấu ác, nhưng đoàn tùy tùng của người đó là đức hạnh, có tính cách thiện. Theo cách này một người là một quỷ thần với đoàn thiên thần tùy tùng.

(3) “Và theo cách nào một người là một thiên thần với đoàn quỷ thần tùy tùng? Ở đây, có người là đức hạnh, có tính cách thiện, nhưng đoàn tùy tùng của người đó là thất đức, có tính cách xấu ác. Theo cách này một người là một thiên thần với đoàn quỷ thần tùy tùng.

(4) “Và theo cách nào một người là một thiên thần với đoàn thiên thần tùy tùng? Ở đây, có người là đức hạnh, có tính cách thiện, và đoàn tùy tùng của người đó cũng là đức hạnh, có tính cách thiện. Theo cách này một người là một thiên thần với đoàn thiên thần tùy tùng.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

92 (2) Đạt Định... (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người đạt được định [*sự tĩnh-lặng bên trong của tâm*], nhưng chưa đạt được tuệ [*trí-tuệ minh-sát*] bậc cao nhìn thấu những hiện-tượng (pháp).⁶⁴⁴ (2) Có người khác đạt tuệ bậc cao nhìn thấu những hiện-tượng, nhưng lại chưa đạt định. (3) Lại có người khác chưa đạt định cũng chưa đạt tuệ bậc cao nhìn thấu những hiện-tượng. (4) Lại có người khác đạt cả định và tuệ bậc cao nhìn thấu những hiện-tượng.

“Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

93 (3) Đạt Định... (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người đạt được (phần định) [nguyên văn: *sự tĩnh-lặng bên trong của tâm*], nhưng chưa đạt được (phần tuệ) [nguyên văn: *trí-tuệ bậc cao của sự minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng*].⁶⁴⁵ (2) Có người khác đạt được (phần tuệ), nhưng chưa đạt được (phần định). (3) Lại có người chưa đạt (phần định), cũng chưa đạt được (phần tuệ). (4) Lại có người đạt cả (phần định) và (phần tuệ).

(1) “Này các Tỳ kheo, trong số đó, loại người thứ nhất nên dựa [mình] vào (phần định) (đã đạt được), và nỗ lực tu để đạt được (phần tuệ). Rồi đến lúc người đó sẽ đạt cả (phần định) và (phần tuệ).

(2) “Loại người thứ hai nên dựa [mình] vào (phần tuệ), và nỗ lực để đạt được (phần định). Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt cả (phần tuệ) và (phần định).

(3) “Loại người thứ ba (do chưa có được phần nào) thì nên đặt ra sự mong muốn phi thường, sự nỗ lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tỉnh giác) phi thường để đạt được cả hai (phần) phẩm chất thiện đó. Giống như một người có quần áo hay đầu tóc đang bị cháy thì người đó phải có mong muốn phi thường, sự nỗ lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết phi thường để dập tắt ngay [lửa cháy] trên quần áo hay đầu tóc của mình; cũng giống như vậy, loại người thứ ba nên đặt ra sự mong muốn phi thường, sự nỗ lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tỉnh giác) phi thường để đạt được cả hai (phần) phẩm chất thiện đó. Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt cả hai (phần định) và (phần tuệ).

(4) “Loại người thứ tư (do đã có đủ hai phần) nên dựa mình trên cả hai phần đó, và tạo thêm sự nỗ-lực (tỉnh tấn) để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm.

“Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

94 (4) Đạt Định... (3)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người đạt được định [*sự tĩnh-lặng bên trong của tâm*], nhưng chưa đạt được tuệ [*trí-tuệ minh-sát*] bậc cao nhìn thấu những hiện-tượng (pháp). (2) Có người khác đạt tuệ bậc cao nhìn thấu những hiện-tượng, nhưng lại chưa đạt định. (3) Lại có người khác chưa đạt định cũng chưa đạt tuệ bậc cao nhìn thấu những hiện-tượng. (4) Lại có người khác đạt cả định và tuệ bậc cao nhìn thấu những hiện-tượng.

(1) “Này các Tỳ kheo, trong số đó, loại người thứ nhất (chỉ đạt phần định) nên đến gặp người đã đạt tuệ bậc cao nhìn thấu những hiện-tượng, và xin vấn hỏi vị đó: ‘Này đạo hữu, theo cách nào để nhìn thấy những hiện-tượng có điều kiện (những pháp hữu vi)? Theo cách nào để nhận ra những hiện-tượng có điều kiện bằng sự minh-sát?’ Rồi vị đó trả lời cho người đó cách vị đó đã thấy và hiểu: ‘Những hiện-tượng có điều kiện nên được nhìn thấy theo cách này, được khám phá theo cách như vậy, được nhận ra bằng sự minh-sát theo cách như vậy.’⁶⁴⁶ Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt cả định và tuệ bậc cao.

(2) “Loại người thứ hai (chỉ đạt phần tuệ bậc cao) nên đến gặp người đã đạt định, và xin vấn hỏi vị ấy: ‘Này đạo hữu, theo cách nào làm ổn định tâm? Theo cách nào để làm tâm bình tĩnh? Theo cách nào làm tâm được hợp nhất? Theo cách nào làm tâm đạt định?’ Rồi vị đó trả lời cho người đó cách vị đó đã thấy và hiểu: ‘Tâm nên được ổn định theo cách này, được bình tĩnh theo cách như vậy, được đạt định theo cách như vậy.’⁶⁴⁷ Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt cả tuệ bậc cao và định.

(3) “Loại người thứ ba (chưa đạt được phần nào) nên đến gặp người đã đạt cả định và tuệ bậc cao, xin vấn hỏi vị đó: (a) ‘Này đạo

hữu, theo cách nào làm ổn định tâm? Theo cách nào để làm tâm bình tĩnh? Theo cách nào làm tâm được hợp nhất? Theo cách nào làm tâm đạt định?’ (b) ‘Này đạo hữu, theo cách nào để nhìn thấy những hiện-tượng có điều kiện (những pháp hữu vi)? Theo cách nào để nhận ra những hiện-tượng có điều kiện bằng sự minh-sát?’ Rồi vị đó trả lời cho người đó cách vị đó đã thấy và hiểu: (a) ‘Tâm nên được ổn định theo cách này, được bình tĩnh theo cách như vậy, được đạt định theo cách như vậy.’ (b) ‘Những hiện-tượng có điều kiện nên được nhìn thấy theo cách này, được khám phá theo cách như vậy, được nhận ra bằng sự minh-sát theo cách như vậy.’ Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt cả định và tuệ bậc cao.

(4) “Loại người thứ tư (đã đạt cả hai phần) nên dựa mình trên hai phẩm chất đó và tạo thêm sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới sự tiêu-diệt ô-nhiễm.

“Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

95 (5) *Như Gỗ Hỏa Táng*

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành không vì phúc lợi của mình hay phúc lợi của người khác (*không vì ta không vì người*); (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình (*vì người không vì ta*); (3) người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác (*vì ta không vì người*); và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác (*vì ta và người*).

(1) “Giống như một khúc gỗ trong giàn thiêu xác đang bị cháy ở hai đầu và dính phân dơ ở khúc giữa: nó không thể được dùng như gỗ mộc ở trong làng hay trong rừng. Tương tự, ta nói, người thực

hành không vì phúc lợi của mình hay phúc lợi của người khác thì cũng giống như vậy. (*tức là người vô dụng—làm những điều không vì ta cũng không vì người*).

(2) “Người nào thuộc loại người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình là tốt hơn và cao thượng hơn loại người đầu.

(3) “Người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác thì tốt hơn và cao thượng hơn hai loại người đầu.

(4) “Người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác là bậc nhất, là tốt nhất, cao thượng nhất, ưu việt nhất và đẹp đẽ nhất trong bốn loại người. Giống như từ con bò mới có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ trong có ván kem được coi là tốt nhất trong tất cả; cũng giống vậy, người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác là bậc nhất, là tốt nhất, cao thượng nhất, ưu việt nhất và đẹp đẽ nhất trong bốn loại người.

“Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

96 (6) Trừ Bỏ Tham...

“Này các Tỷ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác; (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình; (3) người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác; và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác.

(1) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người thực hành để trừ bỏ tham, sân, si của mình nhưng không khuyến khích người khác trừ bỏ tham, sân, si của họ. Theo cách như vậy là người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác.

(2) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi người khác nhưng không vì phúc lợi của mình? Ở đây, có người khuyến khích người khác trừ bỏ tham, sân, si của họ nhưng không chịu tu tập để trừ bỏ tham, sân, si của mình. Theo cách như vậy là người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình. *(Loại này lại có nhiều trong thế gian!)*.

(3) “Và theo cách nào người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người không chịu tu tập để trừ bỏ tham, sân, si của mình và cũng không khuyến khích người khác trừ bỏ tham, sân, si của họ. Theo cách như vậy là người người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác. *(Loại này cũng có nhiều trong thế gian!)*.

(4) “Và theo cách nào người thực hành vì phúc lợi của mình và cũng vì phúc lợi của người khác. Ở đây, có người tu tập để trừ bỏ tham, sân, si của mình và cũng khuyến khích người khác trừ bỏ tham, sân, si của họ. Theo cách như vậy là người người thực hành vì phúc lợi của mình và cũng vì phúc lợi của người khác của người khác. *(Loại này là quý hiếm trong thế gian!)*.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

97 (7) Nhanh Trí

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế

gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác; (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình; (3) người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác; và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác.

(1) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người nhanh trí trong việc lắng nghe những giáo lý thiện lành, có thể ghi nhớ trong tâm những giáo lý đã nghe được, và suy xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã ghi nhớ. Do đã hiểu được ý nghĩa và Giáo Pháp, người đó thực hành đúng theo Giáo Pháp. Tuy nhiên người đó không phải là người khéo nói hay giỏi truyền đạt (cho người khác); người đó không được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, diễn đạt rõ ý nghĩa; và người đó không chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỷ kheo đồng đạo (bằng sự thuyết giảng Giáo Pháp). Chính theo cách như vậy là một người đang thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác.

(2) “Và theo cách nào là một người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình? Ở đây, có người không nhanh trí trong việc lắng nghe những giáo lý thiện lành, có nghe cũng không thể ghi nhớ trong tâm những giáo lý đã nghe được, và có ghi nhớ cũng không suy xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã ghi nhớ. Do không hiểu được ý nghĩa và Giáo Pháp, người đó không thực hành đúng theo Giáo Pháp. Tuy nhiên người đó là người khéo nói và giỏi truyền đạt; người đó được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, diễn đạt rõ ý nghĩa; và người đó chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỷ kheo đồng đạo. Chính theo cách như vậy là một người đang thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình.

(3) “Và người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng

không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người không nhanh trí trong việc lắng nghe những giáo lý thiện lành ... người đó không thực hành đúng theo Giáo Pháp. Hơn nữa, người đó không phải là người khéo nói hay giỏi truyền đạt ... và người đó không chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỷ kheo đồng đạo. Chính theo cách như vậy là một người đang thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác.

(4) “Và người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác? Ở đây, có người nhanh trí trong việc lắng nghe những giáo lý thiện lành ... người đó thực hành đúng theo Giáo Pháp. Hơn nữa, người đó là người khéo nói và giỏi truyền đạt ... và người đó chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỷ kheo đồng đạo. Chính theo cách như vậy là một người đang thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác.

“Này các Tỷ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

98 (8) Vì Phúc Lợi Của Mình

“Này các Tỷ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác; (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình; (3) người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác; và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

99 (9) Những Giới Luật Tu Hành

“Này các Tỷ kheo, có bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành vì phúc lợi của mình

nhưng không vì phúc lợi của người khác; (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình; (3) người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác; và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác.

(1) “Và theo cách nào người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người sống kiêng cử sát-sinh, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cử sát-sinh. Người đó kiêng cử gian-cấp, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cử gian-cấp. Người đó kiêng cử tà-dâm tà dục, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cử dâm dục bất chính. Người đó kiêng cử nói dối nói láo, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cử nói dối nói láo. Người đó kiêng cử uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cử những điều đó. Theo cách đó là người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác.

(2) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình? Ở đây, có người sống không kiêng cử sát-sinh ... gian-cấp ... tà-dâm tà dục ... nói dối ... sự uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, nhưng khuyến khích người khác kiêng cử những điều đó. Theo cách như vậy là người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình.

(3) “Và theo cách nào là người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người sống không kiêng cử sát-sinh ... gian-cấp ... tà-dâm tà dục ... nói dối ... sự uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, và cũng không khuyến khích người khác kiêng cử những điều đó. Theo cách như vậy là người thực hành

không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác.

(4) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác? Ở đây, có người sống kiêu căng sát-sinh ... gian-cấp ... tà-dâm tà dục ... nói dối ... sự uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, và cũng khuyến khích người khác kiêu căng những điều đó. Theo cách như vậy là người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác.

“Này các Tỷ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

100 (10) Potaliya

Lúc đó có du sĩ tên Potaliya đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, du sĩ Potaliya ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này Potaliya, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) Ở đây, có người nói lời chê về người đáng bị chê trách, và sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; nhưng người đó lại không nói lời khen về người đáng được khen ngợi, cho dù sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (*chỉ chê, không khen*)

(2) Có người khác nói lời khen về người đáng được khen ngợi, và sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; nhưng lại không nói lời chê về người đáng bị chê trách, cho dù sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (*chỉ khen, không chê*)

(3) Lại có người không nói lời chê về người đáng bị chê trách, cho dù sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; và người đó cũng không nói lời khen về người đáng được khen ngợi,

cho dù sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (*không chê, không khen*)

(4) Và lại có người nói lời chê về người đáng bị chê trách, và sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; và người đó cũng nói lời khen về người đáng được khen ngợi, và sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (*có khen, có chê*).

“Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian. Nay Potaliya, giờ trong số bốn loại người đó, loại người nào là xuất sắc và siêu phàm hơn hết?”

“Thưa Thầy Cồ-đàm, bốn loại người đó được thấy có trong thế gian.⁶⁴⁸ Đối với tôi có lẽ người xuất sắc và siêu phàm nhất là người không nói lời chê về người đáng bị chê trách, cho dù sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; và là người không nói lời khen về người đáng được khen ngợi, cho dù sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (*người không chê, không khen*) Vì lẽ gì? Bởi vì, thưa Thầy Cồ-đàm, cái hay chính là sự buông-xả.”

“Nay Potaliya, trong bốn loại người đó, người mà ta coi là xuất sắc và siêu phàm nhất là người nói lời chê về người đáng bị chê trách, và sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; và nói lời khen về người đáng được khen ngợi, và sự khen ngợi là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (*người chê đúng, khen đúng*) Vì lẽ gì? Bởi vì, nay Potaliya, cái hay chính là sự hiểu-biết về *lúc* nào là thích hợp để nói những lời (*khen hay chê*) đó tùy theo mỗi trường hợp.⁶⁴⁹

“Thật hay khéo, Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như thầy đã dựng đứng những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy hình sắc. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-

đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời.”

[Năm Mười Kinh Thứ Ba]

NHÓM 1

MÂY

101 (1) Mây (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại mây. Bốn đó là gì? Mây sấm chớp nhưng không mưa; mây mưa nhưng không sấm chớp; mây không sấm chớp cũng không mưa; và mây sấm chớp và mưa. Đây là bốn loại mây. Cũng giống như vậy, bốn loại người này thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người sấm chớp nhưng không mưa; người mưa nhưng không sấm chớp; người không làm sấm chớp cũng không mưa; và người sấm chớp và mưa.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người sấm chớp nhưng không mưa? Ở đây, có người chỉ là người nói, không phải người làm. Theo cách như vậy một người là người sấm chớp nhưng không mưa. Vì vậy, ta nói, người này giống như loại mây chỉ sấm chớp chứ không mưa.

(2) “Và theo cách nào là người mưa nhưng không sấm chớp? Ở đây, có người là người làm, không phải người nói. Theo cách như vậy

một người là người mưa nhưng không sấm chớp. Vì vậy, ta nói, người này giống như loại mây mưa nhưng không sấm chớp.

(3) “Và theo cách nào là người không mưa cũng không sấm chớp? Ở đây, có người không phải là người làm cũng không phải người nói. Theo cách như vậy một người là người không mưa cũng không sấm chớp. Vì vậy, ta nói, người này giống như loại mây không mưa cũng không sấm chớp.

(4) “Và theo cách nào là người sấm chớp và mưa? Ở đây, có người vừa là người nói và là người làm. Theo cách như vậy một người là người sấm chớp và mưa. Vì vậy, ta nói, người này giống như loại mây vừa sấm chớp vừa mưa.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

102 (2) Mây (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại mây. Bốn đó là gì? ... *[tiếp tục như đoạn này trong kinh kể trên, cho đến:]*

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người sấm chớp nhưng không mưa? Ở đây, có năm vững Giáo Pháp—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bốn sinh (của Phật), kinh những sự kiện thần diệu, và kinh vấn đáp—⁶⁵⁰ nhưng người đó không hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là: ‘Đây là khổ’, ‘Đây là nguồn gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm dứt khổ’, và ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Theo cách như vậy là một người sấm chớp nhưng không mưa. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại mây chỉ sấm chớp chứ không mưa.

(2) “Và theo cách nào là người mưa nhưng không sấm chớp? Ở đây, có người không nắm vững Giáo Pháp—về những thể loại kinh:

kinh văn xuôi ... và kinh văn đáp—nhưng người đó hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là ... Theo cách như vậy là một người mưa nhưng không sấm chớp. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại mây mưa chứ không sấm chớp.

(3) “Và theo cách nào là người không mưa cũng không sấm chớp? Ở đây, có người không nắm vững Giáo Pháp—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... và kinh văn đáp—và người đó cũng không hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là ... Theo cách như vậy là một người không mưa cũng không sấm chớp. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại mây không mưa cũng không sấm chớp.

(4) “Và theo cách nào là người sấm chớp và mưa? Ở đây, có nắm vững Giáo Pháp—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... và kinh văn đáp—và người đó hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là ... Theo cách như vậy là một người sấm chớp và mưa. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại mây vừa sấm chớp vừa mưa.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống như những loại mây thấy có trong thế gian.”

103 (3) Những Cái Bình

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại bình. Bốn đó là gì? Bình rỗng và đầy kín; bình đầy và để mở; bình rỗng và để mở; và bình đầy và đầy kín. Đây là bốn loại bình. Cũng giống như vậy, bốn loại người này giống bốn loại bình thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người rỗng và đầy kín; người đầy và để mở; người rỗng và mở; và người đầy và đầy kín.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người rỗng và đầy kín? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm tin (tức mọi tư thế, hành vi của người đó làm cho người khác thấy tin tưởng người đó) khi đi tới và

đi lui, khi nhìn thẳng hay nhìn bên, khi co hay duỗi tay chân, khi mặc y áo và mang theo cà sa và bình bát; nhưng người đó không hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là: “Đây là khổ”, “Đây là nguồn gốc khổ”, “Đây là sự chấm dứt khổ”, và “Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ”. Theo cách như vậy một người là rỗng và đầy kín. Vì vậy, ta nói, người này giống như cái bình rỗng và đầy kín.

(2) “Và theo cách nào là một người đầy và để mở? Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm tin khi đi tới và đi lui ... và khi mang cà sa và bình bát; nhưng người đó hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là ... Theo cách như vậy một người là đầy và để mở. Vì vậy, ta nói, người này giống như cái bình rỗng và để mở.

(3) “Và theo cách nào là một người rỗng và để mở? Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm tin khi đi tới và đi lui ... và khi mang cà sa và bình bát; và người đó cũng không hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là ... Theo cách như vậy một người là rỗng và để mở. Vì vậy, ta nói, người này giống như cái bình rỗng và để mở.

(4) “Và theo cách nào là một người đầy và đầy kín? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm tin khi đi tới và đi lui ... và khi mang cà sa và bình bát; và người đó cũng hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là ... Theo cách như vậy một người là đầy và đầy kín. Vì vậy, ta nói, người này giống như cái bình đầy và đầy kín.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn oai người giống như bốn loại bình thấy có trong thế gian.”

104 (4) Những Hồ Nước

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại hồ nước này. Bốn đó là gì? Loại hồ cạn nhưng nhìn có vẻ sâu; loại hồ sâu nhưng nhìn có vẻ cạn; loại hồ cạn và nhìn thấy cạn; và loại hồ sâu và nhìn thấy sâu. Đây là bốn loại

hồ nước.⁶⁵¹ Cũng giống như vậy, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người nông cạn nhưng nhìn có vẻ sâu sắc; người sâu sắc nhưng nhìn có vẻ nông cạn; người nông cạn nhìn thấy nông cạn; người sâu sắc nhìn thấy sâu sắc.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người nông cạn nhưng nhìn có vẻ sâu sắc? Ở đây, có người ... [*Mô tả giống hết loại người (1) trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách như vậy một người là nông cạn nhưng nhìn có vẻ sâu sắc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại hồ nước cạn nhưng nhìn có vẻ sâu.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người sâu sắc nhưng nhìn có vẻ nông cạn? Ở đây, có người ... [*Mô tả giống hết loại người (2) trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách như vậy một người là sâu sắc nhưng nhìn có vẻ nông cạn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại hồ nước sâu nhưng nhìn có vẻ cạn.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người nông cạn và nhìn thấy nông cạn? Ở đây, có người ... [*Mô tả giống hết loại người (3) trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách như vậy một người là nông cạn và nhìn thấy nông cạn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại hồ nước cạn và nhìn thấy cạn.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người sâu sắc và nhìn thấy sâu sắc? Ở đây, có người ... [*Mô tả giống hết loại người (4) trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách như vậy một người là sâu sắc và nhìn thấy sâu sắc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại hồ nước sâu và nhìn thấy sâu.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống những loại hồ nước được thấy có trong thế gian.”

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại xoài này. Bốn đó là gì? Loại xoài chưa chín nhưng nhìn có vẻ chín; loại xoài chín nhưng nhìn có vẻ chưa chín; loại xoài chưa chín và nhìn thấy chưa chín; và loại xoài chín và nhìn thấy chín. Đây là bốn loại xoài. Cũng giống như vậy, bốn loại người này giống bốn loại xoài được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người chưa chín chắn nhưng nhìn có vẻ chín chắn; người đã chín chắn nhưng nhìn có vẻ chưa chín chắn; người chưa chín chắn nhìn thấy chưa chín chắn; và người đã chín chắn nhìn thấy đã chín chắn.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người chưa chín chắn nhưng nhìn có vẻ đã chín chắn? Ở đây, có người ... [*Mô tả giống hệt loại người (1) trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách như vậy một người là chưa chín chắn nhưng nhìn có vẻ đã chín chắn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại xoài chưa chín nhưng nhìn có vẻ chín.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người đã chín chắn nhưng nhìn có vẻ chưa chín chắn? Ở đây, có người ... [*Mô tả giống hệt loại người (2) trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách như vậy một người là đã chín chắn nhưng nhìn có vẻ chưa chín chắn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại xoài đã chín nhưng nhìn có vẻ chưa chín.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người chưa chín chắn và nhìn thấy chưa chín chắn? Ở đây, có người ... [*Mô tả giống hệt loại người (3) trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách như vậy một người là chưa chín chắn và nhìn thấy chưa chín chắn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại xoài chưa chín và nhìn thấy chưa chín.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người đã chín chắn và nhìn thấy đã chín chắn? Ở đây, có người ... [*Mô tả giống hệt loại người (4) trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách như vậy một người là đã chín chắn và nhìn thấy đã chín chắn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại xoài chín và nhìn thấy chín.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống những loại xoài

được thấy có trong thế gian.”

106 (6) Xoài

[TKBD: Không có lời của kinh này trong phiên bản nào cả. Trong phần thi kệ [*uddāna*] tóm tắt ở cuối chương có câu: *dve honti ambāni* [*Có hai (kinh) xoài*], đây rõ ràng là lý do tại sao **Be** mới đặt tên kinh **106** này. **Mp** chỉ nói: “(Kinh) thứ sáu là trống”. Cả **Ce** và **Be**, khi đề cập tới câu luận giảng này đều có ghi: “*Luận giảng nói rằng ‘(Kinh) thứ sáu là trống’*, nhưng câu này đâu thấy được ghi trong bộ kinh.” (Coi lại thêm chú thích ở kinh **4:104** kể trên).]

107 (7) Chuột

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại chuột này. Bốn đó là gì? Loại chuột đào hang nhưng không ở trong hang; loại chuột ở trong hang nhưng không đào hang nào; loại chuột không đào hang cũng không ở trong hang; và loại chuột đào hang và ở trong hang. Đây là bốn loại chuột. Cũng giống như vậy, bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Loại người đào hang nhưng không ở trong hang; loại người ở trong hang nhưng không đào hang nào; loại người không đào hang cũng không ở trong hang; và loại người đào hang và ở trong hang.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người đào hang nhưng không ở trong hang? Ở đây, có người ... [*Mô tả giống hệt loại người (1) trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách như vậy là một người đào hang nhưng không ở trong hang. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống loại chuột đào hang nhưng không ở trong hang.

(2) “Và theo cách nào là một người ở trong hang nhưng không đào hang? Ở đây, có người ... [*Mô tả giống hệt loại người (2) trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách như vậy là một người ở trong hang nhưng

không đào hang. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống loại chuột ở trong hang nhưng không đào hang.

(3) “Và theo cách nào là một người không đào hang cũng không ở trong hang? Ở đây, có người ... [*Mô tả giống hết loại người (3) trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách như vậy là một người không ở trong hang cũng không đào hang. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống loại chuột không đào hang cũng không ở trong hang.

(4) “Và theo cách nào là một người không ở trong hang cũng không đào hang? Ở đây, có người ... [*Mô tả giống hết loại người (4) trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách như vậy là một người đào hang và ở trong hang. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống loại chuột đào hang và ở trong hang.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống bốn loại chuột thấy có trong thế gian.”

108 (8) Bò

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại bò [đực] này. Bốn đó là gì? Loại bò hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò khác; loại bò hung dữ với đàn bò của người khác, không hung dữ với đàn bò của mình; loại bò hung dữ với đàn bò của mình và đàn bò của người khác; loại bò không hung dữ với đàn bò của mình và đàn bò của người khác. Đây là bốn loại bò. Cũng giống như vậy, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Loại người hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò khác; loại người hung dữ với đàn bò của người khác, không hung dữ với đàn bò của mình; loại người hung dữ với đàn bò của mình và đàn bò của người khác; loại người không hung dữ với đàn bò của mình và đàn bò của người khác.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người hung dữ

với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người khác? Ở đây, có người hung dữ với tùy tùng của mình, không hung dữ với tùy tùng của người khác. Theo cách như vậy một người là hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người khác. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại bò hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người khác.

(2) “Và theo cách nào là một người hung dữ với đàn bò của người khác, không hung dữ với đàn bò của mình? Ở đây, có người hung dữ với tùy tùng của người khác, không hung dữ với tùy tùng của mình. Theo cách như vậy một người là hung dữ với đàn bò của người khác, không hung dữ với đàn bò của mình. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại bò hung dữ với đàn bò của người khác không hung dữ với đàn bò của mình.

(3) “Và theo cách nào là một người hung dữ với đàn bò của mình và đàn bò của người khác? Ở đây, có người hung dữ với tùy tùng của mình và cũng hung dữ với tùy tùng của người khác. Theo cách như vậy một người là hung dữ với đàn bò của mình và đàn bò của người khác. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại bò hung dữ với đàn bò của mình và đàn bò của người khác.

(4) “Và theo cách nào là một người không hung dữ với đàn bò của mình và đàn bò của người khác? Ở đây, có người không hung dữ với tùy tùng của mình và cũng không hung dữ với tùy tùng của người khác. Theo cách như vậy một người là không hung dữ với đàn bò của mình và đàn bò của người khác. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại bò không hung dữ với đàn bò của mình và đàn bò của người khác.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống bốn loại bò thấy có trong thế gian.”

109 (9) Cây Cối

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại cây này. Bốn đó là gì? Loại cây thuộc thân gỗ mềm được bao quanh bởi những cây thân gỗ mềm; loại cây thân gỗ mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng; loại cây thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm; và loại cây thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng. Đây là bốn loại cây. Cũng giống như vậy, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Loại người thuộc thân gỗ mềm được bao quanh bởi những người thân gỗ mềm; loại người thân gỗ mềm được bao bọc bởi những người thân gỗ cứng; loại người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những người thân gỗ mềm; và loại người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những người thân gỗ cứng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người thân gỗ mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm? Ở đây, có người là thất đức, có tính cách xấu ác, và những người tùy tùng của người đó cũng là thất đức, có tính cách xấu ác. Theo cách như vậy là một người thân gỗ mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại cây thân gỗ mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người thân gỗ mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng? Ở đây, có người là thất đức, có tính cách xấu ác, nhưng những người tùy tùng của người đó cũng là đức hạnh, có tính cách thiện. Theo cách như vậy là một người thân gỗ mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại cây thân gỗ mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm? Ở đây, có người là đức hạnh, có tính cách thiện, nhưng những người tùy tùng của người

đó là thất đức, có tính cách xấu ác. Theo cách như vậy là một người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại cây thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm? Ở đây, có người là đức hạnh, có tính cách thiện, và những người tùy tùng của người đó cũng là đức hạnh, có tính cách thiện. Theo cách như vậy là một người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại cây thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống bốn loại cây thấy có trong thế gian.”

110 (10) Rắn

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại rắn độc này. Bốn đó là gì? Loại có nọc phun nhanh nhưng không độc; loại có nọc độc nhưng không phun nhanh; loại có nọc vừa độc vừa phun nhanh; và loại có nọc không độc cũng không phun nhanh. Đây là bốn loại rắn. Cũng giống như vậy, có bốn loại người giống như bốn loại rắn được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Loại người có nọc phun nhanh nhưng không độc; loại người có nọc độc nhưng không phun nhanh; loại người có nọc vừa độc vừa phun nhanh; và loại người có nọc không độc cũng không phun nhanh.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có nọc phun nhanh nhưng không độc? Ở đây, có người thường giận dữ, nhưng sự sân giận của người đó không kéo dài trong thời gian lâu. Theo cách như vậy đó là một người có nọc phun nhanh nhưng không độc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại rắn có nọc phun nhanh

nhưng không độc.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có nọc không phun nhanh nhưng độc? Ở đây, có người ít khi giận dữ, nhưng (nếu có thì) sự sân giận của người đó kéo dài trong thời gian lâu. Theo cách như vậy đó là một người có nọc độc nhưng không phun nhanh. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại rắn có nọc độc nhưng không phun nhanh.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có nọc phun nhanh và độc? Ở đây, có người thường giận dữ, và sự sân giận của người đó cũng kéo dài trong thời gian lâu. Theo cách như vậy đó là một người có nọc phun nhanh và độc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại rắn có nọc vừa phun nhanh vừa độc.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có nọc không phun nhanh cũng không độc? Ở đây, có người ít khi giận dữ, và sự sân giận của người đó (nếu có thì) cũng không kéo dài trong thời gian lâu. Theo cách như vậy đó là một người có nọc không phun nhanh cũng không độc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại rắn có nọc không phun nhanh cũng không độc.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống bốn loại rắn thấy có trong thế gian.”

NHÓM 2

KESI

111 (1) Kesi

Lúc đó có người huấn luyện ngựa tên là Kesi đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này Kesi, anh nổi tiếng là một người huấn luyện ngựa (nài ngựa). Vậy theo cách nào anh chăn dắt để huấn luyện một con ngựa?”

“Thưa Thế Tôn, có ngựa con chăn dắt một cách nhẹ nhàng, có ngựa con chăn dắt một cách nghiêm khắc, và có ngựa con chăn dắt một cách vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc.”

“Nhưng, này Kesi, nếu có ngựa nào được anh chăn dắt huấn luyện nhưng không phục tùng theo phương pháp nào anh mới nói, thì anh sẽ xử lý nó theo cách nào?”

“Thưa Thế Tôn, nếu có ngựa nào được con chăn dắt nhưng không phục tùng theo phương pháp nào con mới nói, thì con sẽ giết nó luôn. Vì sao? Vì làm vậy sẽ không bị quê nhục đối với phường hội những người dạy ngựa của con. Nhưng, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là người huấn luyện tối thượng của những người cần được thuần phục. Vậy theo cách nào Thế Tôn chỉ dẫn để thuần phục một người?”

“Có người ta chỉ dẫn một cách nhẹ nhàng, có người ta chỉ dẫn một cách nghiêm khắc, và có người ta chỉ dẫn một cách vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc.

(1) “Này Kesi, phương pháp nhẹ nhàng là (chỉ dẫn) như vậy: ‘Như vậy là hành động thiện, như vậy là kết quả của hành động thiện; như vậy là lời nói thiện, như vậy là kết quả của lời nói thiện; như vậy là tâm ý thiện, như vậy là kết quả của tâm ý thiện; như vậy là chúng thiên thân, như vậy là chúng người.’

(2) “Phương pháp nghiêm khắc là như vậy: ‘Như vậy là hành động bất thiện, như vậy là kết quả của hành động bất thiện; như vậy là lời nói bất thiện, như vậy là kết quả của lời nói bất thiện; như vậy là tâm ý bất thiện, như vậy là kết quả của tâm ý bất thiện; như vậy là địa ngục, như vậy là cõi súc sinh, như vậy là cõi ngạ quỷ đầy đọa.’

(3) “Phương pháp vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc là như vậy:

‘Nhu vậy là hành động thiện, như vậy là kết quả của hành động thiện; như vậy là lời nói thiện, như vậy là kết quả của lời nói thiện; như vậy là tâm ý thiện, như vậy là kết quả của tâm ý thiện; Như vậy là hành động bất thiện, như vậy là kết quả của hành động bất thiện; như vậy là lời nói bất thiện, như vậy là kết quả của lời nói bất thiện; như vậy là tâm ý bất thiện, như vậy là kết quả của tâm ý bất thiện; Như vậy là chúng thiên thần, như vậy là chúng người; Như vậy là địa ngục, như vậy là cõi súc sinh, như vậy là cõi ngạ quỷ đầy đọa.’”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, nếu có người nào được Thế Tôn chỉ dẫn thuần phục nhưng không phục tùng theo phương pháp nào Thế Tôn nói trên, thì Thế Tôn sẽ xử lý người đó theo cách nào?”

(4) “Nếu có người nào được ta chỉ dẫn thuần phục nhưng không phục tùng theo phương pháp nào ta nói trên, thì ta sẽ giết người đó.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, bậc Thế Tôn thì đâu được phép sát-sinh. Nhưng Thế Tôn lại mới nói: ‘Thì ta sẽ giết người đó.’”

“Đúng là vậy, này Kesi, rằng bậc Như Lai thì không được phép sát-sinh. Tuy nhiên, khi một người khi được chỉ dẫn thuần phục nhưng không phục tùng theo phương pháp chỉ dạy nhẹ nhàng, hay phương pháp nghiêm khắc, hay phương pháp vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc, thì Như Lai nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa, và những Tỳ kheo đồng đạo trí hiền của người đó cũng nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa. Này Kesi, vì lẽ này nên chữ “giết” theo giới luật Thánh Nhân ở đây có nghĩa là: Như Lai nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa, và những Tỳ kheo đồng đạo trí hiền của người đó cũng nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa.”

“Thưa Thế Tôn, quả thực người đó (coi như) đã ‘bị giết’ rồi, (vì đã đến mức độ mà) Như Lai nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa, và những Tỳ kheo đồng đạo trí hiền của người

đó cũng nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa.

“Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Đức Thế Tôn đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như Người đã dựng đứng những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được hình sắc. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời.”

112 (2) Tốc Độ

“Này các Tỳ kheo, có được bốn yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua xứng đáng là của nhà vua, là một thứ (vật dụng) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Bốn đó là gì? Sự trực tánh, tốc độ, sự kiên nhẫn, và sự ngoan hiền. Có được bốn yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc xứng đáng là của nhà vua ... được coi là một yếu tố của vương triều.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất này một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, xứng đáng được tiếp đón, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được kính lễ, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bốn đó là gì? Sự chánh trực, tốc độ, sự nhẫn nại, và sự dịu hiền. Có được bốn phẩm chất này một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, xứng đáng được tiếp đón, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được kính lễ, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian.”

113 (3) Gậy Thúc Ngựa

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại ngựa thuần chủng xuất sắc được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một loại ngựa thuần chủng xuất sắc bị đánh động và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi nó nhìn thấy bóng cái gậy thúc ngựa, nó (lập tức) nghĩ: ‘Người huấn luyện đưa ra trách vụ gì cho ta bữa nay? Ta có thể làm gì để hài lòng ông ta?’ Như vậy đây là một loại ngựa thuần chủng xuất sắc. Đây là loại ngựa thuần chủng xuất sắc thứ nhất được thấy có trong thế gian.

(2) “Lại nữa, một loại ngựa thuần chủng xuất sắc không bị đánh động và không có một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi nó nhìn thấy bóng cái gậy thúc ngựa, nhưng nó bị đánh động và có một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ khi gậy thúc ngựa đụng tới lông nó, nó (lập tức) nghĩ: ‘Người huấn luyện đưa ra trách vụ gì cho ta bữa nay? Ta có thể làm gì để hài lòng ông ta?’ Như vậy đây là một loại ngựa thuần chủng xuất sắc. Đây là loại ngựa thuần chủng xuất sắc thứ hai được thấy có trong thế gian.

(3) “Lại nữa, một loại ngựa thuần chủng xuất sắc không bị đánh động và không có một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi nó nhìn thấy bóng cái gậy thúc ngựa hay khi gậy thúc ngựa đụng tới lông nó, nhưng nó bị đánh động và có một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ khi gậy thúc ngựa đụng tới da nó, nó (lập tức) nghĩ: ‘Người huấn luyện đưa ra trách vụ gì cho ta bữa nay? Ta có thể làm gì để hài lòng ông ta?’ Như vậy đây là một loại ngựa thuần chủng xuất sắc. Đây là loại ngựa thuần chủng xuất sắc thứ ba được thấy có trong thế gian.

(4) “Lại nữa, một loại ngựa thuần chủng xuất sắc không bị đánh động và không có một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi nó nhìn thấy bóng cái gậy thúc ngựa hay khi gậy thúc ngựa đụng tới lông nó hay khi gậy thúc ngựa đụng tới da nó, nhưng nó bị đánh động và có một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ khi gậy thúc ngựa đụng tới xương nó, nó

(lập tức) nghĩ: ‘Người huấn luyện đưa ra trách vụ gì cho ta bữa nay? Ta có thể làm gì để hài lòng ông ta?’ Như vậy đây là một loại ngựa thuần chủng xuất sắc. Đây là loại ngựa thuần chủng xuất sắc thứ tư được thấy có trong thế gian.

“Đây là bốn loại ngựa thuần chủng xuất sắc thấy có trong thế gian.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có bốn loại người thuần chủng xuất sắc được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một loại người thuần chủng xuất sắc khi nghe tin: ‘Trong làng hay trong thị trấn có mấy người [nam hay n] bị bệnh hay chết’. Lập tức người đó bị đánh động và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’. Sau khi bị đánh động, người đó nỗ lực (tu tập) một cách kỹ càng (như lý tinh cần). Quyết tâm, người đó chứng ngộ sự thật tối thượng bằng thân, và sau khi đã xuyên thấu sự thật đó bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy sự thật đó.⁶⁵² Ta nói rằng đây là người giống loại ngựa thuần chủng xuất sắc bị đánh động và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi nhìn thấy cái bóng của gậy thúc ngựa. Như vậy đây là một loại người thuần chủng xuất sắc. Đây là loại người thuần chủng xuất sắc thứ nhất được thấy có trong thế gian.

(2) “Lại nữa, một loại người thuần chủng xuất sắc không nghe tin: ‘Trong làng hay trong thị trấn có mấy người [nam hay nữ] bị bệnh hay chết’. Thay vì vậy, người đó nhìn thấy mấy người bị bệnh hay chết. Lập tức người đó bị đánh động và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’. Sau khi bị đánh động, người đó nỗ lực (tu tập) một cách kỹ càng. Quyết tâm, người đó chứng ngộ sự thật tối thượng bằng thân, và sau khi đã xuyên thấu sự thật đó bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy sự thật đó. Ta nói rằng đây là người giống loại ngựa thuần chủng xuất sắc bị đánh động và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi gậy thúc ngựa đụng tới lông của nó. Như vậy đây là một loại người thuần chủng xuất sắc. Đây là loại người thuần chủng xuất sắc thứ hai được thấy có

trong thế gian.

(3) “Lại nữa, một loại người thuần chủng xuất sắc không nghe tin: ‘Trong làng hay trong thị trấn có mấy người [nam hay nữ] bị bệnh hay chết’; người đó cũng không nhìn thấy người bị bệnh hay chết. Thay vì vậy, có người thân trong gia đình hay họ hàng bị bệnh hay chết. Lập tức người đó bị đánh động và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’. Sau khi bị đánh động, người đó nỗ lực (tu tập) một cách kỹ càng. Quyết tâm, người đó chứng ngộ sự thật tối thượng bằng thân, và sau khi đã xuyên thấu sự thật đó bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy sự thật đó. Ta nói rằng đây là người giống loại ngựa thuần chủng xuất sắc bị đánh động và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi gây thúc ngựa đung tới da của nó. Như vậy đây là một loại người thuần chủng xuất sắc. Đây là loại người thuần chủng xuất sắc thứ ba được thấy có trong thế gian.

(4) “Lại nữa, một loại ngựa thuần chủng xuất sắc không nghe tin: ‘Trong làng hay trong thị trấn có mấy người [nam hay nữ] bị bệnh hay chết’; người đó cũng không nhìn thấy người bị bệnh hay chết; người đó cũng không nhìn thấy người thân trong gia đình hay họ hàng bị bệnh hay chết. Thay vì vậy, chính bản thân mình bị những cảm-giác ở thân là đau đốn, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thảm khốc, thống khổ, phá hoại sức sống của mình. Lập tức người đó bị đánh động và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’. Sau khi bị đánh động, người đó nỗ lực (tu tập) một cách kỹ càng. Quyết tâm, người đó chứng ngộ sự thật tối thượng bằng thân, và sau khi đã xuyên thấu sự thật đó bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy sự thật đó. Ta nói rằng đây là người giống loại ngựa thuần chủng xuất sắc bị đánh động và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi gây thúc ngựa đung tới xương của nó. Như vậy đây là một loại người thuần chủng xuất sắc. Đây là loại người thuần chủng xuất sắc thứ tư được thấy có trong thế gian.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thuần chủng xuất sắc

thấy có trong thế gian.”

114 (4) Voi Đực

“Này các Tỳ kheo, có được bốn yếu tố một con voi đực của nhà vua xứng đáng là của nhà vua, là một thứ (vật dụng) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Bốn đó là gì? Ở đây, con voi đực của nhà vua là voi biết lắng nghe, voi biết hủy diệt, voi kiên nhẫn chịu đựng, và voi đi.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết lắng nghe? Ở đây, bất kỳ trách vụ nào người huấn luyện voi (nài voi) đưa ra cho nó, dù trách vụ đó đã từng làm hay chưa làm trước đó, con voi đực của nhà vua đều chú ý đến nó, chú tâm đến nó, hướng hết tâm trí vào nó, và nhiệt tình lắng nghe. Theo cách như vậy là một con voi đực của nhà vua là voi biết lắng nghe.

(2) “Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết hủy diệt (kẻ thù)? Ở đây, khi một con voi đực của nhà vua đã bước vào trận chiến, nó hủy diệt những con voi và tượng sĩ (của kẻ thù); nó hủy diệt những con ngựa và kỵ sĩ; nó hủy diệt những xe ngựa và người lái xe ngựa; nó hủy diệt kỵ binh. Theo cách như vậy một con voi đực của nhà vua là voi biết hủy diệt.

(3) “Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết kiên nhẫn chịu đựng? Ở đây, khi một con voi đực của nhà vua đã bước vào trận chiến, nó kiên nhẫn chịu đựng bị giáo mác, gươm kiếm, cung tên, và búa rìu; nó chịu đựng tiếng đinh tai nhức óc của trống, trống thiếc, tù và, và trống mõ. Theo cách này một con voi đực của nhà vua là voi biết kiên nhẫn chịu đựng.

(4) “Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi đi? Ở đây, một con voi đực của nhà vua biết nhanh chóng đi tới vùng nào

người nài voi muốn nó đi tới, cho dù vùng đó đã từng đi hay chưa đi trước đó. Theo cách như vậy một con voi đực của nhà vua là voi đi.

“Có được bốn yếu tố này một con voi đực của nhà vua xứng đáng là của nhà vua, là một thứ của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, xứng đáng được tiếp đón, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được kính lễ, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là người biết lắng nghe, người biết hủy diệt, người biết kiên nhẫn chịu đựng, và người đi.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo biết lắng nghe? Ở đây, khi Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai đang được giảng dạy, một Tỳ kheo chú ý đến nó, chú tâm đến nó, hướng hết tâm trí vô nó, và nhiệt tình lắng nghe. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người biết lắng nghe.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết hủy diệt? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh, người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó. Người đó không dung dưỡng ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh ... ý nghĩ gây-hại đã khởi sinh ... ý nghĩ xấu ác bất thiện khởi sinh lúc này lúc nọ, người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người biết hủy diệt.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người kiên nhẫn chịu đựng? Ở đây, một Tỳ kheo kiên nhẫn chịu đựng sự nóng lạnh; sự đói khát; sự tiếp xúc với ruồi muỗi, gió, nắng, và rần rít; những lời nói thô tục, và chọc, chửi, sỉ nhục; người đó có khả năng chịu đựng những cảm-giác ở thân là đau đớn, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thảm khốc, thống khổ, phá hoại sức sống của mình. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người

kiên nhẫn chịu đựng.

(4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người đi? Ở đây, một Tỳ kheo nhanh chóng đi đến ‘vùng’ mà mình đã chưa bao giờ đến đó sau quãng thời gian dài thăm thẳm này (trong luân hồi), đó là, đi đến sự lắng-lặng tất cả mọi hành-vi (hành tạo tác), đi đến sự từ-bỏ tất cả mọi sự chấp-hữu (sở hữu, sở đắc, dính chấp), đi đến sự tiêu-diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người đi.

“Có được bốn phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà ... là ruộng công đức cao nhất trong thế gian.”

115 (5) Việc Minh Làm

“Này các Tỳ kheo, có bốn trường hợp những việc mình làm.⁶⁵³ Bốn đó là gì?

Ở đây, (1) có việc nếu làm là khó chịu (khổ, khó), và đưa đến nguy hại. (2) Có việc nếu làm là khó chịu, nhưng đưa đến ích lợi (3) Có việc nếu làm là dễ chịu (sướng, dễ), nhưng đưa đến nguy hại. (4) Có việc nếu làm là dễ chịu, và đưa đến ích lợi.

(1) “Này các Tỳ kheo, trường hợp thứ nhất, một việc nếu làm là khó chịu, và đưa đến nguy hại. Người biết suy xét việc này không nên làm vì cả hai lý do: nếu làm là khó chịu và sẽ nguy hại. Người biết suy xét việc này là không nên làm vì hai lý do đó.

(2) “Tiếp, trường hợp thứ hai, một việc nếu làm là khó chịu, nhưng đưa đến ích lợi. Trường hợp này, một người có thể hiểu được ai là người ngu và ai là người khôn khi nghĩ về sức-mạnh của con người, nghị-lực của con người, và sự nỗ-lực của con người. Người ngu thì không biết nghĩ như vậy: ‘Dù cho việc này nếu làm là khó chịu (ví dụ việc tu tập hay giữ giới nếu làm thì khó cực vì ngược dòng với thói tâm

hay tập khí của mình), nhưng nó đưa đến ích lợi.’ Do vậy người đó không chịu làm việc đó, và sự không làm đó lại dẫn đến nguy hại. Nhưng người khôn biết suy xét như vậy: ‘Dù cho việc này nếu làm là khó chịu, nhưng nó đưa đến ích lợi.’ Do vậy người đó làm việc đó, và sự làm đó dẫn đến ích lợi.

(3) “Tiếp, trường hợp thứ ba, một việc nếu làm là dễ chịu, nhưng đưa đến nguy hại. Trong trường hợp này, cũng vậy, một người có thể hiểu được ai là người ngu và ai là người khôn khi nghĩ về sức-mạnh của con người, nghị-lực của con người, và sự nỗ-lực của con người. Người ngu thì không biết nghĩ như vậy: ‘Dù cho việc này nếu làm là dễ chịu (ví dụ việc hưởng thụ dục lạc, không tu tập, không giữ giới), nhưng nó dẫn đến nguy hại.’ Do vậy người đó cứ làm việc đó, và sự làm đó dẫn đến nguy hại. Nhưng người khôn biết suy xét như vậy: ‘Dù cho việc này nếu làm là dễ chịu, nhưng nó dẫn đến nguy hại.’ Do vậy người đó không làm việc đó, và sự không làm đó lại đưa đến ích lợi.

(4) “Tiếp, trường hợp thứ tư, một việc nếu làm là dễ chịu, và đưa đến ích lợi (ví dụ việc an trú trong tầng thiền định). Người biết suy xét việc này nên làm vì cả hai lý do: nếu làm là dễ chịu và đưa đến ích lợi. Người biết suy xét việc này là nên làm vì hai lý do đó.

“Này các Tỷ kheo, đây là bốn trường hợp của những việc mình làm.”

116 (6) Sự Chuyên Chú

“Này các Tỷ kheo, sự chuyên-chú cần được thực hành trong bốn trường hợp này. Bốn đó là gì?

- (1) “Dẹp bỏ hành-động sai trái (tà thân nghiệp) và tu tập hành-động đúng đắn (chánh thân nghiệp); đừng lơ tâm phóng dật về điều này.
- (2) “Dẹp bỏ lời-nói sai trái (tà khẩu nghiệp) và tu tập lời-nói đúng đắn

(chánh khẩu nghiệp); đừng lơ tâm phóng dật về điều này. (3) “Dẹp bỏ tâm-ý sai trái (tà ý nghiệp) và tu tập tâm-ý đúng đắn (chánh ý nghiệp); đừng lơ tâm phóng dật về điều này. (4) “Dẹp bỏ cách-nhìn sai trái (tà kiến) và tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến); đừng lơ tâm phóng dật về điều này.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ hành-động sai trái và tu tập hành-động đúng đắn; khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ lời-nói sai trái và tu tập lời-nói đúng đắn; khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ tâm-ý sai trái và tu tập tâm-ý đúng đắn; khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ cách-nhìn sai trái và tu tập cách-nhìn đúng đắn, thì người đó không cần sợ cái chết sau này.”

117 (7) Sự Phòng Hộ

“Này các Tỳ kheo, người hướng tới phúc lợi của chính mình⁶⁵⁴ thì nên tu tập sự chuyên-chú, sự chánh-niệm, và sự phòng-hộ của tâm trong bốn trường hợp. Bốn đó là gì?

(1) “‘Cầu cho tâm ta không bị phần khích bởi những thứ kích thích tham dục!’ Người hướng tới phúc lợi của chính mình nên tu tập sự chuyên chú, sự chánh niệm, và sự phòng hộ của tâm như vậy.

(2) “‘Cầu cho tâm ta không chứa đầy sân giận đối với những thứ kích thích sân giận!’ Người hướng tới phúc lợi của chính mình nên tu tập sự chuyên chú, sự chánh niệm, và sự phòng hộ của tâm như vậy.

(3) “‘Cầu cho tâm ta không bị làm ngu si bởi những thứ gây ra sự ngu si!’ Người hướng tới phúc lợi của chính mình nên tu tập sự chuyên chú, sự chánh niệm, và sự phòng hộ của tâm như vậy.

(4) “‘Cầu cho tâm ta không bị chuốc độc bởi những thứ gây độc hại!’⁶⁵⁵ Người hướng tới phúc lợi của chính mình nên tu tập sự chuyên chú, sự chánh niệm, và sự phòng hộ của tâm như vậy.

“Này các Tỳ kheo, khi tâm của một Tỳ kheo không bị phần khích bởi những thứ kích thích tham-dục nhờ người đó trừ bỏ tham-dục; khi tâm người đó không chứa sân giận đối với những thứ kích thích sân-giận nhờ người đó đã trừ bỏ sân-giận; khi tâm người đó không bị ngu-si bởi những thứ gây ra ngu-si nhờ người đó đã trừ bỏ sự ngu-si; khi tâm người đó không còn bị nhiễm-độc bởi những thứ đầu độc (cái tâm) nhờ người đó đã trừ bỏ sự nhiễm-độc, rồi người đó không còn khúm núm, không còn run rẩy, không run sợ hay kinh sợ, cũng không còn bị phát phơ bởi những lời nói này nọ của những tu sĩ [khác].”⁶⁵⁶

118 (8) Truyền Cảm Hứng⁶⁵⁷

“Này các Tỳ kheo, bốn nơi truyền cảm hứng (tứ động tâm) nên được nhìn thấy bởi những người họ tộc được phú cho niềm-tin (lòng tin, tín). Bốn đó là gì? (1) Nơi Như Lai được sinh ra là một nơi truyền cảm hứng nên được nhìn thấy bởi những người họ tộc được phú cho niềm-tin. (2) Nơi Như Lai tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng (chánh đẳng chánh giác) là một nơi truyền cảm hứng nên được nhìn thấy bởi những người họ tộc được phú cho niềm-tin. (3) Nơi Như Lai thiết lập sự dịch chuyển bánh xe Giáo Pháp là một nơi truyền cảm hứng nên được nhìn thấy bởi những người họ tộc được phú cho niềm-tin. (4) Nơi Như Lai chứng Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) bằng yếu tố Niết-bàn không còn tàn dư hơi hướng (vô dư y niết-bàn) là một nơi truyền cảm hứng nên được nhìn thấy bởi những người họ tộc được phú cho niềm-tin.

Này các Tỳ kheo, đây bốn nơi truyền cảm hứng nên được nhìn thấy bởi người họ tộc được phú cho niềm-tin.”⁶⁵⁸

119 (9) Những Hiểm Họa (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn hiểm họa này? Bốn đó là gì? Hiểm họa của sự sinh ra, hiểm họa của sự già, hiểm họa của sự chết. Đây là bốn hiểm họa.”

120 (10) Những Hiểm Họa (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn hiểm họa này? Bốn đó là gì? Hiểm họa do lửa, hiểm họa do lũ lụt, hiểm họa do vua chúa, và hiểm họa do trộm cướp. Đây là bốn hiểm họa.”

NHÓM 3

NHỮNG HIỂM HỌA

121 (1) Phải Tự Trách Mình

“Này các Tỳ kheo, có bốn hiểm họa này. Bốn đó là gì? Hiểm họa phải tự trách mình, hiểm họa bị người khác trách, hiểm họa bị trừng phạt, và hiểm họa (bị tái sinh trong) cõi xấu dữ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là hiểm họa phải tự trách mình? Ở đây, có người biết suy xét như vậy: ‘Nếu ta dính vào những hành-động, lời-nói, hay tâm-ý sai trái (ba tà nghiệp), vậy ta có quả trách bản thân về giới-hạnh của mình không?’ Do sợ hiểm họa phải tự quả trách bản thân, người đó dẹp bỏ hành-động sai trái và tu tập hành-động đúng đắn; người đó dẹp bỏ lời-nói sai trái và tu tập lời-nói đúng đắn; người đó dẹp bỏ tâm-ý sai trái và tu tập tâm-ý đúng đắn; người đó giữ mình trong sự trong-sạch. Đây được gọi là hiểm họa phải tự quả trách mình.

(2) “Và cái gì là hiểm họa bị người khác quả trách. Ở đây, có người biết suy xét như vậy: ‘Nếu ta dính vào những hành-động, lời-nói, hay tâm-ý sai trái, vậy người khác có quả trách ta về giới-hạnh của ta

hay không?’ Do sợ hiểm họa bị người khác quở trách, người đó dẹp bỏ hành-động sai trái và tu tập hành-động đúng đắn; người đó dẹp bỏ lời-nói sai trái và tu tập lời-nói đúng đắn; người đó dẹp bỏ tâm-ý sai trái và tu tập tâm-ý đúng đắn; người đó giữ mình trong sự trong-sạch. Đây được gọi là hiểm họa bị người khác quở trách.

(3) “Và cái gì là hiểm họa bị trừng phạt? Ở đây, có người thấy rằng: khi vua chúa bắt giam một kẻ cướp, một tội phạm, thì họ bắt kẻ đó phải chịu nhiều hình phạt khác nhau: họ cho quất kẻ đó bằng roi da, đánh bằng cây, đánh bằng gậy; họ chặt tay, chặt chân, chặt tay và chân; họ xẻo tai, xẻo mũi, xẻo tai và mũi; họ dùng hình phạt “nồi cháo”, “cạo đầu như vỏ sò”, “miệng Rāhu” (La-hầu khẩu hình), “vòng lửa”, “đốt cháy tay”, “cửa đứt bằng lưỡi lá cỏ”, “bắt mặc quần áo bằng vỏ cây”, “hình phạt linh dương”, “dùng lưỡi câu móc vào thịt”, “cắt thịt thành đồng tiền”, “nhúng mình vào nước thuốc tẩy”...; và họ cho tưới dầu sôi (cho chín thịt) và cho chó ăn, và họ đóng treo người sống lên cọc nhọn, và chặt đầu bằng dao kiếm.⁶⁵⁹

“Sau khi thấy như vậy, người đó nghĩ như vậy: ‘Khi những vua chúa bắt giam một kẻ cướp đánh ... chặt đầu bằng dao kiếm’. Giờ nếu ta phạm vào tội trộm cướp như vậy, và nếu bị bắt, họ cũng xử tội ta bằng những hình phạt như vậy. Họ sẽ cho quất ta bằng roi da ... họ sẽ chặt đầu ta bằng dao kiếm.’⁶⁶⁰ Do sợ hiểm họa bị trừng phạt, người đó không gian-cấp (tham chiếm) đồ đạc của cải (hay quyền lợi...) của người khác. Đây được gọi là hiểm họa bị trừng phạt.

(4) “Và cái gì là hiểm họa (bị tái sinh) trong cõi xấu dữ? Ở đây, có người biết suy xét như vậy: ‘Hành-động sai trái có hậu quả xấu trong những kiếp sau này; lời-nói sai trái có hậu quả xấu trong những kiếp sau này; tâm-ý sai trái có hậu quả xấu trong những kiếp sau này. Giờ nếu tôi dính vào những hành vi sai trái bằng thân, miệng, tâm (thân, khẩu, ý) thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa

ngục.’⁶⁶¹ Do sợ hiểm họa (bị tái sinh) trong cõi xấu dữ, người đó dẹp bỏ hành-động sai trái và tu tập hành-động đúng đắn; người đó dẹp bỏ lời-nói sai trái và tu tập lời-nói đúng đắn; người đó dẹp bỏ tâm-ý sai trái và tu tập tâm-ý đúng đắn; người đó giữ mình trong sự trong-sạch. Đây được gọi là hiểm họa (bị tái sinh) trong cõi xấu dữ.

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là bốn hiểm họa.”

122 (2) Hiểm Họa Bị Sóng Cuốn⁶⁶²

“Này các Tỳ kheo, có bốn hiểm họa chờ sẵn đối với người bước xuống nước. Bốn đó là gì? Hiểm họa bị sóng cuốn, hiểm họa bị cá sấu, hiểm họa bị nước xoáy, và hiểm họa bị cá dữ. Đây là bốn hiểm họa chờ sẵn đối với người bước xuống nước. Cũng giống như vậy, có bốn hiểm họa này chờ sẵn đối với một người họ tộc vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới-luật này. Bốn đó là gì? Hiểm họa bị sóng cuốn, hiểm họa bị cá sấu, hiểm họa bị nước xoáy, và hiểm họa bị cá dữ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là hiểm họa bị sóng cuốn? Ở đây, một người họ tộc vì niềm-tin đã xuất gia tu hành với ý-nghĩ: ‘Ta bị chìm đắm trong sự sinh, già, chết; trong sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, phiền ưu, và tuyệt vọng. Ta bị chìm đắm trong sự khổ, bị đày đọa bởi sự khổ. Có lẽ (hy vọng) ta có thể (tu) đạt tới sự chấm dứt toàn bộ đồng khổ này.’ Rồi, sau khi người đó đã xuất gia như vậy, những Tỳ kheo đồng đạo đã khởi xướng (giáo giới) và chỉ dạy cho người đó: ‘Thầy nên đi tới theo cách này, đi lại theo cách này; nhìn thẳng theo cách này, nhìn ngang theo cách này; co tay chân theo cách này, duỗi tay chân theo cách này; thầy nên mặc y áo và mang theo cà sa và bình bát theo cách này.’ Người đó nghĩ: ‘Trước kia, khi còn là người tại gia, ta khởi xướng và chỉ dạy cho người khác. Nhưng giờ những người [Tỳ kheo] này, họ còn đủ trẻ để làm con ta hay cháu nội ta, mà tự cho mình khởi xướng và chỉ

dạy cho ta.’ Do tức giận và bất đồng, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Đây được gọi là một Tỳ kheo đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục do hiểm họa bị sóng cuốn đi. ‘Hiểm họa bị sóng cuốn’ là chữ dùng để chỉ sự sân giận và bức tức. Đây được gọi là hiểm họa bị sóng cuốn.

(2) “Và cái gì là hiểm họa bị cá sấu? Ở đây, một người họ tộc vì niềm-tin đã xuất gia tu hành với ý-nghĩ: ‘Ta bị chìm đắm trong sự sinh, già, chết ... (như đoạn trên) ...’ Rồi, sau khi người đó đã xuất gia như vậy, những Tỳ kheo đồng đạo đã khởi xướng và chỉ dạy cho người đó: ‘Thầy có thể dùng thứ này, không dùng thứ kia; thầy có thể ăn thứ này, không ăn thứ kia; thầy có thể ném thứ này, không ném thứ kia; thầy có thể uống thứ này, không uống thứ kia. Thầy có thể dùng, ăn, ném, uống thứ được cho phép, không phải thứ không được cho phép. Thầy nên dùng, ăn, ném, uống đúng thời.’ (chẳng hạn ăn uống trước giờ Ngọ...). Người đó nghĩ: ‘Trước kia, khi còn là người tại gia, ta dùng thứ gì ta muốn dùng và không dùng thứ gì ta không muốn dùng. Ta ăn thứ gì ta muốn ăn và không ăn thứ gì ta không muốn ăn. Ta ném thứ gì ta muốn ném và không ném thứ gì ta không muốn ném. Ta uống thứ gì ta muốn uống và không uống thứ gì ta không muốn uống. Ta dùng, ăn, ném, uống cả thứ được cho phép và thứ không được cho phép. Ta dùng, ăn, ném, uống đúng thời hay phi thời. Nhưng giờ khi những gia chủ có niềm-tin cúng dường những thứ ngon miệng để dùng và ăn trong ngày ngoài giờ ăn quy định, thì những người [Tỳ kheo] này cứ như lấy giẻ chặn miệng chúng ta lại.’ Do tức giận và bất đồng, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Đây được gọi là một Tỳ kheo đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục do hiểm họa bị cá sấu. ‘Hiểm họa bị cá sấu’ là chữ dùng để chỉ sự ham ăn ham uống. Đây được gọi là hiểm họa bị cá sấu.

(3) “Và cái gì là hiểm họa bị nước xoáy? Ở đây, một người họ tộc vì niềm-tin đã tu hành với ý-nghĩ: ‘Ta bị chìm đắm trong sự sinh, già,

chết ... (như đoạn trên) ... ’ Rồi, sau khi người đó đã xuất gia như vậy, vào buổi sáng, người đó mặc y áo, mang theo cà sa và bình bát, và đi vô làng hay phố thị để khát thực, với thân, lời nói và tâm không được phòng hộ, không thiết lập sự chánh niệm, các giác quan (căn) không được kiểm chế. Người đó nhìn thấy chủ nhà hoặc con của chủ nhà ở đó đang thụ hưởng, được lo và chu cấp đầy đủ năm thứ dục lạc. Người đó nghĩ: ‘Trước kia, khi còn là người tại gia, ta thụ hưởng bản thân, được lo và chu cấp đầy đủ năm thứ dục lạc. Gia đình ta có của cải. Ta có thể vừa thụ hưởng của cải vừa làm những việc phước đức. Giờ chắc ta bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục để ta có thể vừa thụ hưởng sự giàu có vừa làm những việc phước đức.’ Vậy là người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Đây được gọi là một Tỳ kheo đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục do hiểm họa bị nước xoáy. ‘Hiểm họa bị nước xoáy’ là chữ dùng để chỉ năm đối tượng dục lạc [khoái-lạc giác-quan]. Đây được gọi là hiểm họa bị nước xoáy.

(4) “Và cái gì là hiểm họa bị cá dữ? Ở đây, một người họ tộc vì niềm-tin đã xuất gia tu hành với ý-nghĩ: ‘Ta bị chìm đắm trong sự sinh, già, chết ... (như đoạn trên) ... ’ Rồi, sau khi người đó đã xuất gia như vậy, vào buổi sáng, người đó mặc y áo, mang theo cà sa và bình bát, và đi vô làng hay phố thị để khát thực, với thân, lời nói và tâm không được phòng hộ, không thiết lập sự chánh niệm, các giác quan (căn) không được kiểm chế. Người đó nhìn thấy phụ nữ ăn mặc lỏng lẻo và hở hang. Khi nhìn thấy họ, nhục dục xâm chiếm tâm người đó. Khi tâm người đó bị xâm chiếm bởi nhục dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Đây được gọi là một Tỳ kheo đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục do hiểm họa bị cá dữ. ‘Hiểm họa bị cá dữ’ ở đây là chữ dùng để chỉ những nữ sắc. Đây được gọi là hiểm họa bị cá dữ.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn hiểm họa chờ sẵn đối với một người họ tộc vì niềm-tin đã từ bỏ gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới-luật này.”

123 (2) Sự Khác Biệt (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người: tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó. Người đó thường thức [vị ngọt của] cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần của trời Brahmā (Phạm chúng thiên).

“Tuổi thọ của những thiên thần ở cõi trời Brahmā là 1 đại kiếp.⁶⁶³ Người phạm phu thế tục sẽ sống hết kiếp của mình ở đó, và đến khi hết tuổi thọ của những thiên thần cõi đó, người đó lại đi xuống (tái sinh) địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh giới nạ quỷ đầy đọa thống khổ.⁶⁶⁴ Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó, và đến khi hết tuổi thọ của những thiên thần ở đó, vị đó chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (Bát niết-bàn) từ trạng thái hiện hữu đó; (tức từ thiên thần chứng luôn bát niết-bàn).⁶⁶⁵ Đây là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện và một người phạm phu thế tục, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh.⁶⁶⁶

(2) “Lại nữa, có người: với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm. Người đó thường thức cảnh giới đó, ham

muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần phóng quang thành dòng. (Quang âm thiên, phóng ra dòng ánh sáng từ miệng... chẳng hạn để diễn đạt ý nghĩ).

“Tuổi thọ của những thiên thần phóng quang thành dòng là 2 đại kiếp.⁶⁶⁷ Người phạm phu thế tục sẽ sống hết kiếp của mình ở đó ... và lại đi xuống (tái sinh) địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh giới nga quỷ đầy đọa thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó ... và chứng luôn Niết-bàn cuối cùng từ trạng thái hiện hữu đó. Đây là ... sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện và một người phạm phu thế tục, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh.

(3) “Lại nữa, có người: với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ, người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc’. Người đó thường thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần hào quang chói lọi (Biến tịnh thiên).

“Tuổi thọ của những thiên thần hào quang chói lọi là 4 đại kiếp.⁶⁶⁸ Người phạm phu thế tục sẽ sống hết kiếp của mình ở đó ... và lại đi xuống (tái sinh) địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh giới nga quỷ đầy đọa thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó ... và chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ trạng thái hiện hữu đó. Đây là ... sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện và một người phạm phu thế tục, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo

và sự (còn) tái-sinh.

(4) “Lại nữa, có người: với sự đẹp bỏ sự sợ-khổ (không còn sợ hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn vui hay buồn), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sợ hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. Người đó thường thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần có phước quả lớn (Quảng quả thiên).

“Tuổi thọ của những thiên thần hào quang chói lợi là năm trăm đại kiếp.⁶⁶⁹ Người phạm phu thế tục sẽ sống hết kiếp của mình ở đó ... và lại đi xuống (tái sinh) địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh giới ngạ quỷ đầy đau thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó ... và chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ trạng thái hiện hữu đó. Đây là ... sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện và một người phạm phu thế tục, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh.

“Này các Tỷ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

124 (4) Sự Khác Biệt (2)

“Này các Tỷ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỷ kheo, có người: tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) ... người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) ... *(như đoạn (1) kinh kể trên)*. Người đó quán sát mọi hiện-tượng thuộc mỗi uẩn [thể-sắc, cảm-giác,

nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức] đều là vô thường, là khổ, là căn bệnh, là ung nhọt, là mũi tên (độc), là sự thống khổ, là sự đầy khổ, như kẻ lạ (chỉ hại mình), là đang tan rã, là trống không, là vô ngã.⁶⁷⁰ Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc những (năm) cõi trời trong sạch (Tịnh cư thiên).⁶⁷¹ Đây là một sự tái sinh mà những người phạm phu thế tục không thể có.

(2) “Lại nữa, có người: với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) ... *(như đoạn (2) kinh kể trên)* ... (3) Lại nữa, có người: với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ ... người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) ... *(như đoạn (3) kinh kể trên)* ... (4) Lại nữa, có người: với sự dẹp bỏ sự sợ hãi, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) ... *(như đoạn (4) kinh kể trên)*. Người đó quán sát những hiện-tượng thuộc mỗi uẩn đều là vô thường, là khổ, là căn bệnh, là ung nhọt, là mũi tên (độc), là sự thống khổ, là sự đầy khổ, như kẻ lạ (chỉ hại mình), là đang tan rã, là trống không, là vô ngã. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc những (năm) cõi trời trong sạch (Tịnh cư thiên). Đây là một sự tái sinh mà những người phạm phu thế tục không thể có.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

125 (5) Tâm Từ (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người sống [an trú] bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân

mình, người đó sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, vô lượng, không thù ghét, không ác ý. Người đó thường thức [vị ngọt của] cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần ở cõi trời Brahmā (Phạm chúng thiên).⁶⁷²

“Tuổi thọ của những thiên thần ở cõi trời Brahmā là 1 đại kiếp. Người phạm phu thế tục sẽ sống hết kiếp của mình ở đó, và đến khi hết tuổi thọ của những thiên thần cõi đó, người đó lại đi xuống (tái sinh) địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh giới ngạ quỷ đầy đọa thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó, và đến khi hết tuổi thọ của những thiên thần ở đó, vị đó chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (Bát niết-bàn) từ trạng thái hiện hữu đó; (tức từ thiên thần chứng luôn bát niết-bàn). Đây là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện và một người phạm phu thế tục, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh.

(2) “Lại nữa, có người sống [an trú] bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự *bi-mẫn*; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn, rộng lớn, vô lượng, không thù ghét, không ác ý. Người đó thường thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần phóng quang thành dòng (Quan âm thiên).

“Tuổi thọ của những thiên thần phóng quang thành dòng là 2 đại kiếp. Người phạm phu thế tục sẽ sống hết kiếp của mình ở đó ... và lại

đi xuống (tái sinh) địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh giới ngạ quỷ đầy đọa thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó ... và chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ chính trạng thái hiện hữu đó. Đây là ... sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện và một người phạm phu thế tục, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh.

(3) “Lại nữa, có người sống [an trú] bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm sự *tùy-hỷ*; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm sự *tùy-hỷ*, rộng lớn, vô lượng, không thù ghét, không ác ý. Người đó thường thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần hào quang chói lọi (Biến tịnh thiên).

“Tuổi thọ của những thiên thần hào quang chói lọi là 4 đại kiếp. Người phạm phu thế tục sẽ sống hết kiếp của mình ở đó ... và lại đi xuống (tái sinh) địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh giới ngạ quỷ đầy đọa thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó ... và chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ chính trạng thái hiện hữu đó. Đây là ... sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện và một người phạm phu thế tục, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh.

(3) “Lại nữa, có người sống [an trú] bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm sự *buông-xả*; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm sự

buông-xả, rộng lớn, vô lượng, không thù ghét, không ác ý. Người đó thương thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần có phúc quả lớn (Quảng quả thiên).

“Tuổi thọ của những thiên thần có phúc quả lớn là năm trăm đại kiếp. Người phạm phu thế tục sẽ sống hết kiếp của mình ở đó ... và lại đi xuống (tái sinh) địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh giới ngạ quỷ đầy đau thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó ... và chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ chính trạng thái hiện hữu đó. Đây là ... sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện và một người phạm phu thế tục, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

126 (6) *Tâm Từ* (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người sống [an trú] bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự *từ-ái*; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự *từ-ái*, rộng lớn, vô lượng, không thù ghét, không ác ý. Người đó thương thức [vị ngọt của] cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần của

những (năm) cõi trời trong sạch (Tịnh cư thiên). Đây là sự tái sinh mà những người phạm phũ thể tục không thể có.

(2) “Lại nữa, có người sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự *bi-mẫn* ... (3) ... sự *tùy-hỷ* ... (4) ... sự *buông-xả*; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang ... (*như đoạn kể trên*) ... người đó được tái sinh trong số những thiên thần của những (năm) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên). Đây là sự tái sinh mà những người phạm phũ thể tục không thể có.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

127 (7) Kỳ Lạ (1)

“Này các Tỳ kheo, khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, có bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu xuất hiện.⁶⁷³ Bốn đó là gì?

(1) “Này các Tỳ kheo, khi một bồ-tát qua đời từ cõi trời Đâu-suất [Tusita], và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), vị ấy nhập vào bào thai mẹ, lúc đó trong thế gian này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, đã xuất hiện một sự chiếu sáng hào quang vô lượng, vượt trên cả uy lực thần tiên của những thiên thần. Ngay cả trong những khoảng trống giữa những thế giới, trống không và thăm thẳm, những vùng u minh và tối đặc, nơi mà ánh sáng của mặt trăng và mặt trời, thật hùng mạnh và thật lớn mạnh, cũng không chiếu tới được,⁶⁷⁴ cũng xuất hiện ánh sáng hào quang vô lượng, vượt trên cả uy lực thần tiên của các thiên thần. Những chúng sinh trong (cõi u minh địa ngục) đó (trong tức khắc) nhận thấy nhau nhờ có sự chiếu sáng hào quang này, và họ nói: “Ô kìa, hình như cũng có những chúng sinh khác đã (bị) tái sinh trong cõi này (chứ không phải mình ta).”⁶⁷⁵ Đây là điều

kỳ lạ và kỳ diệu đầu tiên đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

(2) “Lại nữa, khi vị bồ-tát, có chánh-niệm và rõ-biết, ra khỏi bào thai của mẹ, lúc đó trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, đã xuất hiện một sự chiếu sáng hào quang vô lượng, vượt trên cả uy lực thần tiên của những thiên thần ... *(như đoạn kể trên)*. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ hai đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

(3) “Lại nữa, khi một Như Lai tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng (chánh đẳng chánh giác), lúc đó trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, đã xuất hiện một sự chiếu sáng hào quang vô lượng, vượt trên cả uy lực thần tiên của những thiên thần ... *(như đoạn trên)*. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ ba đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

(4) “Lại nữa, khi một Như Lai thiết lập sự chuyển dịch bánh xe Giáo Pháp, lúc đó trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, đã xuất hiện một sự chiếu sáng hào quang vô lượng, vượt trên cả uy lực thần tiên của những thiên thần ... *(như đoạn trên)*. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ ba đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

“Này các Tỷ kheo, đây là bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.”

“Này các Tỳ kheo, khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, có bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu xuất hiện. Bốn đó là gì?

(1) “Phần lớn người ta thích sự dính-mắc,⁶⁷⁶ mê thích sự dính-mắc, vui thích sự dính-mắc. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự không dính-mắc⁶⁷⁷ thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu đầu tiên xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

(2) “Phần lớn người ta thích sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), mê thích sự tự-ta, vui thích sự tự-ta. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự dẹp bỏ sự tự-ta thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ hai xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

(3) “Phần lớn người ta thích sự phản-khích [sự thiếu tĩnh-lặng, không bình-an],⁶⁷⁸ mê thích sự phản-khích, vui thích sự phản-khích. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự bình-an thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ ba xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

(4) “Phần lớn người ta sống trong sự vô-minh, thành như một cái trứng, bị (lớp vỏ) bịt kín.⁶⁷⁹ Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự xóa bỏ vô-minh thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ tư xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.”

“Này các Tỳ kheo, có bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu về thầy Ānanda. Bốn đó là gì?”⁶⁸⁰

(1) “Nếu một đoàn Tỳ kheo đến gặp thầy Ānanda, họ hoan hỷ khi gặp thầy ấy. Nếu thầy Ānanda nói về Giáo Pháp, họ cũng hoan hỷ với lời nói của thầy ấy, và đoàn Tỳ kheo đó vẫn thấy không đủ (chưa thỏa mãn, không đủ hoan hỷ) mỗi khi thầy Ānanda lại im lặng.

(2) “Nếu một đoàn Tỳ kheo ni đến gặp thầy Ānanda, họ hoan hỷ khi gặp thầy ấy. Nếu thầy Ānanda nói về Giáo Pháp, họ cũng hoan hỷ với lời nói của thầy ấy, và đoàn Tỳ kheo ni đó vẫn thấy không đủ mỗi khi thầy Ānanda lại im lặng.

(3) “Nếu một đoàn đệ tử tại gia nam đến gặp thầy Ānanda, họ hoan hỷ khi gặp thầy ấy. Nếu thầy Ānanda nói về Giáo Pháp, họ cũng hoan hỷ với lời nói của thầy ấy, và đoàn đệ tử tại gia nam đó vẫn thấy không đủ mỗi khi thầy Ānanda lại im lặng.

(4) “Nếu một đoàn đệ tử tại gia nữ đến gặp thầy Ānanda, họ hoan hỷ khi gặp thầy ấy. Nếu thầy Ānanda nói về Giáo Pháp, họ cũng hoan hỷ với lời nói của thầy ấy, và đoàn đệ tử tại gia nữ đó vẫn thấy không đủ mỗi khi thầy Ānanda lại im lặng.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu về thầy Ānanda.”

130 (10) Kỳ Lạ (4)

“Này các Tỳ kheo, có bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu về một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương). Bốn đó là gì?

(1) “Nếu một đoàn người giai cấp chiến-sĩ [khattiya, sát-đế-lợi] đến gặp một vị vua quay chuyển bánh xe, họ hoan hỷ khi gặp vị vua đó. Nếu vị vua quay chuyển bánh xe nói với họ, họ cũng hoan hỷ với lời nói của vị vua, và đoàn người giai cấp chiến-sĩ đó vẫn thấy không đủ

mỗi khi vị vua lại im lặng.

(2) “Nếu một đoàn bà-la-môn đến gặp một vị vua quay chuyển bánh xe, họ hoan hỷ khi gặp vị vua đó. Nếu vị vua quay chuyển bánh xe nói với họ, họ cũng hoan hỷ với lời nói của vị vua, và đoàn bà-la-môn đó vẫn thấy không đủ mỗi khi vị vua lại im lặng (tức họ muốn được nghe thêm).

(3) “Nếu một đoàn gia chủ đến gặp một vị vua quay chuyển bánh xe, họ hoan hỷ khi gặp vị vua đó. Nếu vị vua quay chuyển bánh xe nói với họ, họ cũng hoan hỷ với lời nói của vị vua, và đoàn gia chủ đó vẫn thấy không đủ mỗi khi vị vua lại im lặng.

(4) “Nếu một đoàn những tu sĩ (ẩn sĩ, sa-môn) đến gặp một vị vua quay chuyển bánh xe, họ hoan hỷ khi gặp vị vua đó. Nếu vị vua quay chuyển bánh xe nói với họ, họ cũng hoan hỷ với lời nói của vị vua, và đoàn tu sĩ đó vẫn thấy không đủ mỗi khi vị vua lại im lặng.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu về một vị vua quay chuyển bánh xe.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu này về thầy Ānanda. Bốn đó là gì? ... *[tiếp tục y hệt như kinh 4:129 kể trên]*.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu về thầy Ānanda.”

NHÓM 4

NGƯỜI

131 (1) *Những Gông Cùm*

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế

gian. Bốn đó là gì?

“(1) Ở đây, này các Tỳ kheo, có người chưa dẹp bỏ nhóm công-cùm nhẹ đô (tức năm công-cùm đầu, hạ phần kiết sử) và những công-cùm đưa đến sự tái-sinh, và những công-cùm đưa đến sự hiện-hữu.⁶⁸¹

(2) Có người đã dẹp bỏ nhóm công-cùm nhẹ đô, nhưng chưa dẹp bỏ những công-cùm đưa đến sự tái-sinh và những công-cùm đưa đến sự hiện-hữu. (3) Có người đã dẹp bỏ nhóm công-cùm nhẹ đô và những công-cùm đưa đến sự tái-sinh, nhưng chưa dẹp bỏ những công-cùm đưa đến sự hiện-hữu. (4) Và có người đã dẹp bỏ (tất cả) nhóm công-cùm nhẹ đô, những công-cùm đưa đến tái sinh, và những công-cùm đưa đến sự hiện-hữu.

(1) “Cái gì là loại người chưa dẹp bỏ nhóm công-cùm nhẹ đô, những công-cùm đưa đến sự tái-sinh, và những công-cùm đưa đến sự hiện-hữu? Đó là bậc Nhất-lai.⁶⁸² Người này chưa loại bỏ hết nhóm công-cùm nhẹ đô, những công-cùm đưa đến sự tái-sinh, và những công-cùm đưa đến sự hiện-hữu.

(2) “Cái gì là loại người đã dẹp bỏ hết nhóm công-cùm nhẹ đô, nhưng chưa dẹp bỏ được những công-cùm đưa đến sự tái-sinh và những công-cùm đưa đến sự hiện-hữu? Đó là người hướng thượng lưu, đang hướng tới cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên).⁶⁸³ Người này đã loại bỏ hết nhóm công-cùm nhẹ đô, nhưng chưa loại bỏ được những công-cùm đưa đến sự tái-sinh và những công-cùm đưa đến sự hiện-hữu.

(3) “Cái gì là loại người đã dẹp bỏ nhóm công-cùm nhẹ đô và những công-cùm đưa đến sự tái-sinh, nhưng chưa dẹp bỏ được những công-cùm đưa đến sự hiện-hữu? Đó là bậc đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát Niết-bàn) trong nửa đầu kiếp sau.⁶⁸⁴ Đây là người đã loại bỏ nhóm công-cùm nhẹ đô và những công-cùm đưa đến sự tái-sinh, nhưng chưa loại bỏ những công-cùm đưa đến sự hiện-hữu.

(4) “Cái gì là loại người đã dẹp bỏ nhóm công-cùm nhẹ đô, những

gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu? Đó là bậc A-la-hán. Vì người này đã loại bỏ hết nhóm gông-cùm nhẹ đô, những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

132 (2) Sự Nhận Định

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người có sự nhận định là sáng suốt nhưng không trôi chảy;⁶⁸⁵ người có sự nhận định là trôi chảy nhưng không sáng suốt; người có sự nhận định vừa không sáng suốt và không trôi chảy; người có sự nhận định sáng suốt và trôi chảy. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

133 (3) Thuộc Loại Hiểu Nhanh

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người hiểu liền; người hiểu sau khi nói lại; người cần chỉ dẫn mới hiểu; và người chỉ học vẹt chứ không hiểu. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

134 (4) Nỗ Lực

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người sống nhờ kết quả của sự nỗ-lực nhưng không sống nhờ nghiệp quả của mình; người sống nhờ nghiệp quả nhưng không sống nhờ kết quả của sự nỗ-lực của mình; người sống nhờ kết quả của sự nỗ-lực và nghiệp quả; và người sống không nhờ kết quả của sự nỗ-lực cũng không nhờ nghiệp quả. Đây là bốn loại người thấy có

trong thế gian.”⁶⁸⁶

135 (5) Có Tội

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người có tội [đáng chê trách], người có tội nhất, người có tội nhẹ, và người không có tội.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là một người có tội? Ở đây, một người dính vào hành động tội lỗi, lời nói tội lỗi, và tâm ý tội lỗi. Theo cách này một người là có tội.

(2) “Và theo cách nào là một người có tội nhất? Ở đây, một người dính vào hành động tội lỗi nhất, lời nói tội lỗi nhất, và tâm ý tội lỗi nhất. Theo cách này một người là có tội nhất [đáng chê trách nhất].

(3) “Và theo cách nào là một người có tội nhẹ? Ở đây, một người dính vào hành động tội lỗi nhẹ, lời nói tội lỗi nhẹ, và tâm ý tội lỗi nhẹ. Theo cách này một người là có tội nhẹ [gần như không có tội].

(4) “Và theo cách nào là một người không có tội? Ở đây, một người dính vào hành động không tội lỗi, lời nói không tội lỗi, và tâm ý không tội lỗi. Theo cách này một người là không tội lỗi.

“Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”⁶⁸⁷

136 (6) Giới Hạnh (1)

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, này các Tỳ kheo, có người không hoàn thiện giới-hạnh, sự định-tâm, và trí-tuệ (giới, định, tuệ). (2) Có người hoàn thiện giới-hạnh, nhưng không hoàn thiện sự định-tâm và trí-tuệ. (3) Có người hoàn thiện giới-hạnh và sự định-tâm, nhưng không hoàn thiện trí-tuệ. (4) Và có người hoàn thiện giới-hạnh, định-tâm, và trí-tuệ.

“Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.” ⁶⁸⁸

137 (7) Giới Hạnh (2)

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người không coi trọng giới-hạnh hay lấy giới-hạnh là thượng tôn; không coi trọng sự định-tâm hay lấy sự định-tâm là thượng tôn, và không coi trọng trí-tuệ hay lấy trí-tuệ là thượng tôn.

(2) “Có người coi trọng giới-hạnh và lấy giới-hạnh là thượng tôn; nhưng không coi trọng định-tâm hay lấy sự định-tâm là thượng tôn, và không coi trọng trí-tuệ hay lấy trí-tuệ là thượng tôn.

(3) “Có người coi trọng giới-hạnh và lấy giới-hạnh là thượng tôn, coi trọng sự định-tâm và lấy sự định-tâm là thượng tôn, nhưng không coi trọng trí-tuệ hay lấy trí-tuệ là thượng tôn.

(4) “Có người coi trọng giới-hạnh và lấy giới-hạnh là thượng tôn, và coi trọng sự định-tâm và lấy sự định-tâm là thượng tôn, và coi trọng trí-tuệ và lấy trí-tuệ là thượng tôn.

“Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

138 (8) Tách Ly Để Tu

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Có người tách ly (để tu tập; nhập thất, ẩn dật trong một thời gian để tu; nhập khóa tu) bằng thân, nhưng không tách ly bằng tâm; có người không tách ly bằng thân, nhưng vẫn tách ly bằng tâm; có người không tách ly bằng thân hay bằng tâm; và có người tách ly cả bằng thân và bằng tâm.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người tách ly bằng thân, nhưng không tách ly bằng tâm? Ở đây, có người lánh về trú tu ở những nơi trong rừng núi xa xôi, nhưng người đó cứ nghĩ những ý nghĩ tham-dục, những ý nghĩ ác-ý, và những ý nghĩ gây-hại. Theo cách như vậy là một người đã tách ly bằng thân, nhưng không tách ly bằng tâm.

(2) “Và theo cách nào là một người không tách ly bằng thân, nhưng vẫn tách ly bằng tâm? Ở đây, có người không lánh về trú tu ở những nơi trong rừng núi xa xôi, nhưng tâm người đó nghĩ những ý nghĩ từ-bỏ, những ý nghĩ thiện-chí, và những ý nghĩ vô-hại. Theo cách như vậy là một người không tách ly bằng thân, nhưng vẫn tách ly bằng tâm.

(3) “Và theo cách nào là một người không tách ly bằng thân hay bằng tâm? Ở đây, có người không lánh về trú tu ở những nơi trong rừng núi xa xôi, và người đó cứ nghĩ những ý nghĩ tham-dục, những ý nghĩ ác-ý, và những ý nghĩ gây-hại. Theo cách như vậy là một người không tách ly bằng thân hay bằng tâm.

(4) “Và theo cách nào là một người tách ly cả bằng thân và bằng tâm? Ở đây, có người lánh về trú tu ở những nơi trong rừng núi xa xôi, và người đó nghĩ những ý nghĩ từ-bỏ, những ý nghĩ thiện-chí, và những ý nghĩ vô-hại. Theo cách như vậy là một người tách ly cả bằng thân và bằng tâm.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

139 (9) Người Thuyết Pháp

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thuyết Pháp này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người thuyết Pháp nói ít và [lời nói của người đó là] vô ích, và hội chúng (tăng chúng) của người đó không thiện giỏi trong việc phân biệt điều gì ý nghĩa và điều gì vô ích.

Người thuyết Pháp như vậy được cho là một người thuyết Pháp được công nhận bởi loại hội chúng như vậy; (tức chỉ loại hội chúng như vậy mới coi người đó là người thuyết pháp).

(2) “Ở đây, có người thuyết Pháp nói ít và [lời nói của người đó là] ý nghĩa, và hội chúng của người đó thiện giỏi trong việc phân biệt điều gì ý nghĩa và điều gì vô ích. Người thuyết Pháp như vậy được cho là một người thuyết Pháp được công nhận bởi loại hội chúng như vậy.

(3) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người thuyết Pháp nói nhiều và [lời nói của người đó là] vô ích, và hội chúng của người đó không thiện giỏi trong việc phân biệt điều gì ý nghĩa và điều gì vô ích. Người thuyết Pháp như vậy được cho là một người thuyết Pháp được công nhận bởi loại hội chúng như vậy.

(4) “Ở đây, có người thuyết Pháp nói nhiều và [lời nói của người đó là] ý nghĩa, và hội chúng của người đó thiện giỏi trong việc phân biệt điều gì ý nghĩa và điều gì vô ích. Người thuyết Pháp như vậy được cho là một người thuyết Pháp được công nhận bởi loại hội chúng như vậy.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thuyết Pháp.”

140 (10) Những Người Nói

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người nói. Bốn đó là gì? (1) Có người nói bị cạn hết nghĩa nhưng không cạn hết chữ. (2) Có người nói bị cạn hết chữ nhưng không cạn hết nghĩa. (3) Có người nói bị cạn hết cả nghĩa lẫn chữ. (4) Và có người nói không bị cạn hết nghĩa hay chữ. Đây là bốn loại người nói. Không thể nào và không thể hình dung một người có bốn sự hiểu-biết (mang tính) phân-tích (vô ngại giải trí) mà bị cạn hết ý nghĩa hay chữ nghĩa.”⁶⁸⁹

NHÓM 5

NHỮNG HÀO QUANG

141 (1) Những Hào Quang

“Này các Tỳ kheo, có bốn hào quang này. Bốn đó là gì? Hào quang của mặt trăng, hào quang của mặt trời, hào quang của lửa, và hào quang của trí-tuệ. Trong bốn loại hào quang này, hào quang của trí-tuệ là bậc nhất (tốt nhất, siêu xuất nhất).”

142 (2) Những Sự Chiếu Sáng

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự chiếu sáng này. Bốn đó là gì? Sự chiếu sáng của mặt trăng, sự chiếu sáng của mặt trời, sự chiếu sáng của lửa, và sự chiếu sáng của trí-tuệ. Trong bốn loại sự chiếu sáng này, sự chiếu sáng của trí-tuệ là bậc nhất.”

143 (3) Những Ánh Sáng

“Này các Tỳ kheo, có bốn ánh sáng này. Bốn đó là gì? Ánh sáng của mặt trăng, ánh sáng của mặt trời, ánh sáng của lửa, và ánh sáng của trí-tuệ. Trong bốn loại ánh sáng này, ánh sáng của trí-tuệ là bậc nhất.”

144 (4) Những Sự Tỏa Sáng

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tỏa sáng này. Bốn đó là gì? Sự tỏa sáng của mặt trăng, sự tỏa sáng của mặt trời, sự tỏa sáng của lửa, và sự tỏa sáng của trí-tuệ. Trong bốn loại sự tỏa sáng này, sự tỏa sáng của trí-tuệ là bậc nhất.”

145 (5) Những Thứ Chiếu Sáng

“Này các Tỳ kheo, có bốn thứ chiếu sáng (soi sáng) này. Bốn đó là gì? Mặt trăng là thứ chiếu sáng, mặt trời là thứ chiếu sáng, lửa là thứ chiếu sáng, và trí-tuệ là thứ chiếu sáng. Trong bốn thứ chiếu sáng này, trí-tuệ là thứ chiếu sáng bậc nhất.”

146 (6) Những Thời Lúc (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn thời lúc này. Bốn đó là gì? Thời lúc để lắng nghe Giáo Pháp, thời lúc để thảo luận Giáo Pháp, thời lúc để tĩnh lặng⁶⁹⁰ [thiền định], và thời lúc để thiền quán [minh sát]. Đây là bốn thời lúc.”

147 (7) Những Thời Lúc (2)

“Này các Tỳ kheo, bốn thời lúc này, nếu được tu tập và phối hợp đúng đắn, sẽ dần đưa đến đỉnh cao là sự tiêu-diệt những ô-nhiễm. Bốn đó là gì? Thời lúc để lắng nghe Giáo Pháp, thời lúc để thảo luận Giáo Pháp, thời lúc để tĩnh lặng [thiền định], và thời lúc để thiền quán [minh sát tuệ]. Bốn thời lúc này, nếu được tu tập và phối hợp đúng đắn, sẽ dần đưa đến đỉnh cao là sự tiêu-diệt những ô-nhiễm.

“Giống như, khi trời mưa và nước mưa xuống trên đỉnh núi, nước chảy xuống theo dốc núi và đổ đầy những khe núi, khe suối, khe lạch; sau khi tích đầy nó chảy ra những ao hồ; rồi tích đầy nó chảy ra những hồ lớn; rồi tích đầy nó chảy ra những con suối; rồi tích đầy nó chảy ra những con sông; và rồi tích đầy nó chảy ra biển cả,⁶⁹¹ cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, bốn thời lúc này, nếu được tu tập và phối hợp đúng đắn, sẽ dần đưa đến đỉnh cao là sự tiêu-diệt những ô-nhiễm.”

148 (8) Hành Vi (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại hành vi sai trái của lời-nói (tà khẩu, tà ngữ). Bốn đó là gì? Lời nói-dối nói láo, lời nói gây chia rẽ, lời nói gắt gỏng, và lời nói tầm phào tán dóc. Đây là bốn loại hành vi sai trái của lời-nói.”

149 (9) Hành Vi (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại hành vi đúng đắn của lời-nói (chánh khẩu, chánh ngữ). Bốn đó là gì? Lời nói thật nói đúng, lời nói không gây chia rẽ, lời nói nhẹ nhàng, và lời nói có suy xét (thận trọng, chí lý, chính đáng, có ý nghĩa, không phải tầm phào). Đây là bốn loại hành vi đúng đắn của lời-nói.”

150 (10) Những Cốt Lỗi

“Này các Tỳ kheo, có bốn cốt lỗi này. Bốn đó là gì? Cốt lỗi là giới-hạnh, cốt lỗi là định-tâm, cốt lỗi là trí-tuệ, và cốt lỗi là sự giải-thoát. Đây là bốn cốt lỗi (của đạo Phật).”

[Năm Mười Kinh Thứ Tư]

NHÓM 1

CÁC CĂN

151 (1) Các Căn

“Này các Tỳ kheo, có bốn căn này. Bốn đó là gì? Căn niềm-tin (tín căn), căn nỗ-lực (tinh tấn căn), căn-niệm (niệm căn), và căn định (định căn). Đây là bốn căn.”⁶⁹²

152 (2) Năng Lực Niềm Tin... (các lực)

“Này các Tỳ kheo, có bốn năng lực này. Bốn đó là gì? Năng lực niềm-tin (tín lực), năng lực nỗ-lực (tinh tấn lực), năng lực chánh-niệm (niệm lực), và năng lực định-tâm (định lực). Đây là bốn năng lực.”

153 (3) Năng Lực Trí Tuệ...

“Này các Tỳ kheo, có bốn năng lực này. Bốn đó là gì? Năng lực trí-tuệ, năng lực nỗ-lực, năng lực phi tội-lỗi, và năng lực duy trì mối quan hệ thuận lợi. Đây là bốn năng lực.”

154 (4) Năng Lực Chánh Niệm...

“Này các Tỳ kheo, có bốn năng lực này. Bốn đó là gì? Năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, năng lực phi tội-lỗi, và năng lực duy-trì mối quan hệ thuận lợi. Đây là bốn năng lực.”

155 (5) Năng Lực Quán Xét...

“Này các Tỳ kheo, có bốn năng lực này. Bốn đó là gì? Năng lực quán-xét, năng lực tu-tập, năng lực phi tội-lỗi, và năng lực duy-trì mối quan hệ thuận lợi. Đây là bốn năng lực.”

156 (6) Những Đại Kiếp

“Này các Tỳ kheo, có bốn phân kỳ không thể tính được (vô lường, vô lượng) trong một đại kiếp (vũ trụ).⁶⁹³ Bốn đó là gì?

(1) “Thời kỳ mà một đại kiếp tan hoại (hủy hoại) là không dễ gì tính được theo kiểu như là ‘rất nhiều năm’ hay ‘rất nhiều trăm năm’ hay ‘rất nhiều ngàn năm’ hay ‘rất nhiều trăm ngàn năm’.⁶⁹⁴

(2) “Thời kỳ mà một đại kiếp giải thể (tan biến) là không dễ gì tính được theo kiểu như là ‘rất nhiều năm’ hay ‘rất nhiều trăm năm’ hay ‘rất nhiều ngàn năm’ hay ‘rất nhiều trăm ngàn năm’.

(3) “Thời kỳ mà một đại kiếp tiến hóa (phát triển) là không dễ gì tính được theo kiểu như là ‘rất nhiều năm’ hay ‘rất nhiều trăm năm’ hay ‘rất nhiều ngàn năm’ hay ‘rất nhiều trăm ngàn năm’.

(4) “Thời kỳ mà một đại kiếp duy trì (trụ) trong trạng thái tiến hóa là không dễ gì tính được theo kiểu như là ‘rất nhiều năm’ hay ‘rất nhiều trăm năm’ hay ‘rất nhiều ngàn năm’ hay ‘rất nhiều trăm ngàn năm’.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn phân kỳ không thể tính được của một đại kiếp.”

157 (7) Bệnh

“Này các Tỳ kheo, có hai loại bệnh. Hai đó là gì? Bệnh của thân và bệnh của tâm. Dễ thấy người ta nói họ có thể thụ hưởng sức khỏe

của thân thể được một, hai, ba, bốn, và năm năm; được mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, và năm mươi năm; và thậm chí được cả trăm năm hay hơn nữa. Nhưng, ngoài những người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (của tâm), hiếm thấy có ai trong thế gian nói họ thụ hưởng sức khỏe của tâm được một phút chốc nào.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo thường bị bốn loại bệnh này. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo có ham muốn mạnh mẽ, cứ thấy khổ sở, và không hài lòng với mọi thứ (được cúng dường) y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang dùng cho người bệnh. (2) Do người đó ham muốn mạnh mẽ, cứ thấy khổ sở, và không hài lòng với mọi thứ y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang, nên người đó ngã phục theo những những ham muốn xấu ác như muốn được (người khác) nhìn nhận, và muốn được lợi, danh, vinh. (3) Người đó phát khởi bản thân, phấn đấu, và tạo nỗ lực để có được sự được nhìn nhận, và lợi, danh, vinh. (4) Người đó đầy toan tính đến gặp các gia đình, đầy toan tính khi ngồi xuống, đầy toan tính khi thuyết về Giáo Pháp, và đầy toan tính khi nhin đi tiêu đi tiểu.⁶⁹⁵ Đây là bốn loại bệnh (của tâm) mà một Tỳ kheo thường bị.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ không có ham muốn mạnh mẽ, không thấy khổ sở, không thấy bất hài lòng với bất kỳ thứ y áo, thức ăn, chỗ ở và thuốc men nào (được cúng dường). Chúng ta sẽ không ngã phục theo những ham muốn xấu ác như muốn được (người khác) nhìn nhận, hay muốn được lợi, danh, vinh. Chúng ta sẽ không phát khởi bản thân, phấn đấu, hay tạo nỗ lực để có được sự được nhìn nhận, và lợi, danh, vinh. Chúng ta sẽ kiên nhẫn chịu đựng nóng lạnh và đói khát; sự tiếp xúc với ruồi, muỗi, gió, nắng, và rắn rít; những lời nói thô tục, và chọc chửi, sỉ nhục; chúng ta sẽ có khả năng chịu đựng những cảm-giác ở thân là đau đón, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thảm khốc, thống khổ, phá hoại sức sống của mình.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

158 (8) Sa Sút

Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ thưa đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào quán sát bốn điều này bên-trong (tâm) thì có thể đi đến kết luận rằng: ‘Tôi đang sa sút những phẩm chất thiện. Đức Thế Tôn gọi đó là sự sa sút.’ Bốn đó là gì? Một đồng (nhiều) tham, một đồng sân, một đồng si, và con mắt trí-tuệ của người đó không đi vào những vấn đề sâu sắc để biết điều gì có thể và điều gì không thể.⁶⁹⁶ Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào quán sát bốn điều này ở bên-trong (tâm) thì có thể đi đến kết luận rằng: ‘Tôi đang sa sút những phẩm chất thiện. Đức Thế Tôn gọi đó là sự sa sút.’

“Này các đạo hữu, Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào quán sát bốn điều này ở bên-trong (tâm) thì có thể đi đến kết luận rằng: ‘Tôi không đang sa sút những phẩm chất thiện. Đức Thế Tôn gọi đó là sự không sa sút.’ Bốn đó là gì? Sự giảm thiểu (ít đi) tham, sự giảm thiểu sân, sự giảm thiểu si, và con mắt trí-tuệ của người đó thường đi vào những vấn đề sâu sắc để biết điều gì có thể và điều gì không thể. Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào quán sát bốn điều này ở bên-trong (tâm) thì có thể đi đến kết luận rằng: ‘Tôi đang không sa sút những phẩm chất thiện. Đức Thế Tôn gọi đó là sự không sa sút.’

159 (9) Tỳ Kheo Ni

Trong một lần Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Ghosita. Lúc đó có một Tỳ kheo ni nói với một người đàn ông như vậy: ‘Này người tốt, hãy đến gặp Thầy Ānanda và nhân danh ta cúi đầu xuống chân thầy ấy để kính lễ. Rồi hãy nói:

‘Thưa Thầy, Tỳ kheo ni ‘tên này’ đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết. Ni ấy xin cúi đầu xuống chân thầy Ānanda để kính lễ.’ Rồi hãy nói: ‘Thưa Thầy, sẽ tốt lành nếu thầy Ānanda, vì lòng bi mẫn, đến thăm Tỳ kheo ni ấy trong khu ở của những Tỳ kheo ni.’”

“Dạ được, thưa ni”, người đàn ông đó đáp lại. Rồi ông đã đến gặp thầy Ānanda, kính chào thầy và ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời nhắn gửi đó. Thầy Ānanda đã đồng ý trong im lặng.

Rồi thầy Ānanda mặc y áo, mang theo bình bát và cà sa, và đi đến khu ở của những Tỳ kheo ni. Khi Tỳ kheo ni ấy nhìn thấy thầy Ānanda đang đi đến từ xa, ni ấy đã che kín thân từ đầu trở xuống và nằm xuống trên giường của mình.⁶⁹⁷ Rồi thầy Ānanda vào gặp Tỳ kheo ni đó, ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và nói với ni ấy:

“Này ni, thân này từ thực-dưỡng (dưỡng chất từ thức ăn) mà có; tùy thuộc (dựa vào, y cứ) vào thực-dưỡng, nên dẹp bỏ thực-dưỡng. Thân này từ dục-vọng; tùy thuộc vào dục-vọng, nên dẹp bỏ dục-vọng. Thân này từ sự tự-ta (ngã mạn) mà có; tùy thuộc vào sự tự-ta, nên dẹp bỏ sự tự-ta. Thân này từ dâm-dục mà có, nhưng nói về dâm-dục đức Thế Tôn đã tuyên bố sự phá bỏ cây cầu.⁶⁹⁸

(1) “Khi điều này được nói: ‘Này ni, thân này từ thực-dưỡng mà có; tùy thuộc vào dưỡng-chất, nên dẹp bỏ dưỡng-chất’, thì vì lý do gì mà nó được nói như vậy? Ở đây, này ni, sau khi quán chiếu một cách kỹ càng (như lý tác ý), một Tỳ kheo tiêu dùng thức ăn không phải để thích thú, không phải để chuốc độc, không phải để thân thể được sắc đẹp hay hấp dẫn, nhưng chỉ để nuôi dưỡng và duy trì thân này, để tránh bị nguy hại (bệnh đau), và để hỗ trợ cho đời sống tâm linh (nuôi thân để tu hành), (người đó) biết suy xét (sự ăn uống) như vậy: ‘Làm vậy ta sẽ chấm dứt cảm-giác cũ (cảm giác đói khát) nhưng không phát khởi cảm-giác mới (thấy khoái sảng, thèm thích những món ăn đó), và ta sẽ được khỏe mạnh và không tội lỗi và sống (an trú) được nhẹ nhàng

thư thái (không bị khó chịu, mệt mỏi, buồn ngủ và hôn trầm, và không bị chê trách do ham ăn nhiều)’.⁶⁹⁹ Một thời gian sau đó, tùy thuộc vào dưỡng-chất, người đó dẹp bỏ dưỡng-chất.⁷⁰⁰ Khi điều này được nói: ‘Này ni, thân này từ thực-dưỡng mà có; tùy thuộc vào dưỡng-chất, nên dẹp bỏ dưỡng-chất’, thì vì lý lẽ đó nên nó được nói như vậy.

(2) “Khi điều này được nói: ‘Này ni, thân này từ dục-vọng mà có; tùy thuộc vào dục-vọng, nên dẹp bỏ dục-vọng’, thì vì lý do gì mà nó được nói như vậy? Ở đây, này ni, một Tỷ kheo (A) nghe nói: “Có Tỷ kheo tên nọ: với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, vị ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.’ Tỷ kheo (A) đó nghĩ: ‘Biết chừng nào ta mới làm được như vậy: với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, ta sẽ tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi chứng nhập trong đó, ta sẽ an trú trong đó?’ Một thời gian sau đó, tùy thuộc vào dục-vọng, người đó dẹp bỏ dục-vọng. Khi điều này được nói: ‘Này ni, thân này từ dục-vọng mà có; tùy thuộc vào dục-vọng, nên dẹp bỏ dục-vọng’, thì vì lý lẽ đó nên nó được nói như vậy.

(3) “Khi điều này được nói: ‘Này ni, thân này từ sự tự-ta mà có; tùy thuộc vào sự tự-ta, nên dẹp bỏ sự tự-ta’, thì vì lý do gì mà nó được nói như vậy? Ở đây, này ni, một Tỷ kheo (A) nghe được: ‘Có Tỷ kheo tên đó, với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, vị ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.’ Tỷ kheo (A) đó nghĩ: ‘Vị Tỷ kheo ấy đã làm được: với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, vị ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó. Ta không làm được vậy sao!’. Một thời gian sau đó, tùy thuộc vào sự-tự ta,

người đó dẹp bỏ sự-tự ta. Khi điều này được nói: ‘Này ni, thân này từ sự-tự ta mà có; tùy thuộc vào sự-tự ta, nên dẹp bỏ sự-tự ta’, thì vì lý lẽ đó nên nó được nói như vậy.

(4) “Thân này từ dâm-dục mà có, nhưng nói về dâm-dục đức Thế Tôn đã tuyên bố sự phá bỏ cây cầu.”⁷⁰¹

Rồi Tỳ kheo ni đó ngồi dậy khỏi giường, chỉnh lại phần y áo trên một vai, và cúi đầu xuống hai chân thầy Ānanda lễ lạy, sau đó ni thưa với thầy Ānanda: “Thưa Thầy, con đã phạm vào một tội trong đó con đã hành vi một cách thật ngu xuẩn, ngu ngốc, và không thiện khéo. Thưa thầy, mong Thầy Ānanda chấp nhận tội này của con là một tội để sau này con biết kiềm chế (giữ giới).”

“Chắc chắn được, này ni, ni đã phạm vào một tội trong đó ni đã hành vi một cách thật ngu xuẩn, ngu ngốc, và không thiện khéo. Nhưng vì ni đã nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội và biết tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp, chúng ta chấp nhận nó (lời thú nhận đó). Vì điều đó cho thấy có sự phát triển trong giới-luật của Thánh Nhân, rằng một người nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội, biết tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp, và cam kết kiềm chế (giữ giới) sau này.”

160 (10) Một Bạc Phúc Lành⁷⁰²

(I) “Này các Tỳ kheo, khi bạc Phúc Lành (Thiện Thệ) hay giới-luật của bạc Phúc Lành vẫn còn trong thế gian, thì điều này là vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người.

(a) “Và, này các Tỳ kheo, ai là bạc Phúc Lành đó? Ở đây, Như Lai đã khởi sinh trong thế gian này, là một bậc a-la-hán, bậc toàn giác, đã thành tựu về sự hiểu-biết đích-thực (chân trí) và đức-hạnh (hành vi,

minh hạnh túc), bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, người huấn luyện tốt thượng của những người cần được thuần phục, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn. Đây là bậc Phúc Lành.

(b) “Và cái gì là giới-luật của bậc Phúc Lành? Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở lúc đầu, tốt ở lúc giữa, và tốt ở lúc sau, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh (đã được) toàn thiện và trong sạch. Đây là giới-luật của bậc Phúc Lành.

“N như vậy, khi bậc Phúc Lành (Thiện Thệ) hay giới-luật của bậc Phúc Lành vẫn còn trong thế gian, thì điều này là vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người.

(II) “Này các Tỷ kheo, có bốn điều dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành (thiện Pháp). Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, các Tỷ kheo học các kinh (những bài thuyết giảng) đã được tiếp thu một cách tồi tệ, với những từ ngữ và câu cú được truyền dạy một cách tồi tệ.⁷⁰³ Khi những từ ngữ và câu cú được truyền dạy một cách tồi tệ, ý nghĩa được diễn dịch một cách tồi tệ. Đây là điều thứ nhất dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

(2) “Thêm nữa, những Tỷ kheo là khó khuyên dạy, họ có những phẩm chất làm cho họ khó khuyên dạy. Họ không kiên nhẫn và không chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng. Đây là điều thứ hai dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

(3) “Thêm nữa, những Tỷ kheo là người học nhiều, là những người kế thừa di sản, những người thông thuộc về Giáo Pháp, những người thông thuộc về giới-luật, những người thông thuộc về những toát yếu (đại cương) lại không chỉ dạy các kinh cho những người khác. Khi

những Tỳ kheo đó chết đi, những bài kinh bị bỏ ngang [bị cắt bỏ tận gốc], rồi chẳng còn ai bảo tồn chúng. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

(4) “Thêm nữa, những Tỳ kheo trưởng lão thì sống xa xỉ và lơ lửng, là những người lãnh đạo sa ngã, vứt bỏ bốn phạm sống tách-ly (khỏi dục trần để tu hành); họ không phát khởi nỗ-lực để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. [Những Tỳ kheo của] thế hệ sau thì bắt chước theo những trưởng lão đó. Rồi họ cũng vậy, cũng sống xa xỉ và lơ lửng, là những người lãnh đạo sa ngã, vứt bỏ bốn phạm sống tách-ly; họ không phát khởi nỗ-lực để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

“Đây là bốn điều dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

(III) “Này các Tỳ kheo, có bốn điều [khác] dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, những Tỳ kheo học những bài kinh đã được tiếp thu một cách đúng đắn, với những từ ngữ và câu chữ được truyền dạy một cách đúng đắn. Khi những từ ngữ và câu cú được truyền dạy một cách đúng đắn, ý nghĩa được diễn dịch một cách đúng đắn. Đây là điều thứ nhất dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

(2) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là dễ khuyên dạy, họ có những phẩm chất làm cho họ dễ khuyên dạy. Họ kiên nhẫn và chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng. Đây là điều thứ hai dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

(3) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là người học nhiều, là những người kế thừa di sản, những người thông thuộc về Giáo Pháp, những người thông thuộc về giới-luật, những người thông thuộc về những toát yếu (đại cương) trân trọng chỉ dạy các kinh cho những người khác. Khi những Tỳ kheo đó chết đi, những bài kinh không bị bỏ ngang [không bị cắt bỏ tận gốc], và những người sau bảo tồn chúng. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

(4) “Thêm nữa, những Tỳ kheo trưởng lão thì không xa xỉ hay lơ lửng, mà họ dẹp bỏ sự sa ngã và dẫn đầu trong sự sống tách-ly (lánh đục trần để tu hành); họ phát khởi nỗ-lực để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. [Những Tỳ kheo của] thế hệ sau thì noi gương theo những trưởng lão đó. Rồi họ cũng vậy, không xa xỉ hay lơ lửng, mà họ dẹp bỏ sự sa ngã và dẫn đầu trong sự sống tách-ly; họ phát khởi nỗ-lực để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

“Đây là bốn điều dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành.”

NHÓM 2

NHỮNG CÁCH THỨC TU TẬP

161 (1) Ngắn Gọn⁷⁰⁴

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu (cách thức) tu tập. Bốn đó là gì?

(1) Cách tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) cách tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp; (3) cách tu sướng mà chậm tới trí-biết trực

tiếp; (2) cách tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp.⁷⁰⁵ Đây là bốn kiểu thức tu tập.”

162 (2) Chi Tiết

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu (cách thức) tu tập. Bốn đó là gì?

(1) Kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiểu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp; (3) kiểu tu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiểu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp. Đây là bốn kiểu tu tập.”

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực-tiếp? Ở đây, có người tự bản tính nghiêng mạnh theo tham và thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ tham-dục. Tự bản tính người đó nghiêng mạnh theo sân và thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ sân-giận. Tự bản tính người đó nghiêng mạnh theo si và thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ si-mê. (Và) năm căn này khởi sinh trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Do năm căn này yếu ớt bên trong người đó, nên người đó chậm đạt tới điều-kiện tức-thì (để tức thì, lập tức, trực quả) dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm.⁷⁰⁶ Đây được gọi là kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực-tiếp.

(2) “Và cái gì là kiểu tu khổ mà nhanh dẫn tới trí-biết trực-tiếp? Ở đây, có người tự bản tính nghiêng mạnh theo tham ... sân ... si và thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ tham ... sân ... si. (Nhưng) năm căn này khởi sinh trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này nổi trội bên trong người đó, nên người đó nhanh đạt tới điều-kiện tức-thì dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Đây được gọi là kiểu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực-tiếp.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiểu tu sướng mà chậm tới trí-

biết trực-tiếp? Ở đây, có người tự bản tính không nghiêng mạnh theo tham và không thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ tham-dục. Tự bản tính người đó không nghiêng mạnh theo sân và không thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ sân-giận. Tự bản tính người đó không nghiêng mạnh theo si và không thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ si-mê. (Nhưng) năm căn này khởi sinh trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này yếu ớt bên trong người đó, nên người đó chậm đạt tới điều-kiện tức-thì dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Đây được gọi là kiêu tu sừng mà chậm tới trí-biết trực-tiếp.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiêu tu sừng mà nhanh tới trí-biết trực-tiếp? Ở đây, có người tự bản tính không nghiêng mạnh theo tham ... sân ... si và không thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ tham ... sân ... si. (Và) năm căn này khởi sinh trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này nổi trội bên trong người đó, nên người đó nhanh đạt tới điều-kiện tức-thì dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Đây được gọi là kiêu tu sừng mà nhanh tới trí-biết trực-tiếp.”

163 (3) Sự Không Hấp Dẫn

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiêu [cách thức] tu tập. Bốn đó là gì?

(1) Kiêu tu khổ mà chậm tới sự hiểu-biết trực tiếp; (2) kiêu tu khổ mà nhanh tới sự hiểu-biết trực tiếp; (3) kiêu tu tu sừng mà chậm tới sự hiểu-biết trực tiếp; (2) kiêu tu sừng mà nhanh tới sự hiểu-biết trực tiếp. Đây là bốn kiêu tu tập.”

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiêu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực-tiếp? Ở đây, một Tỳ kheo sống quán sát sự không hấp-dẫn (không sạch, ô uế) của thân, nhận thức sự ô-úế của thức ăn, nhận thức sự không-đáng mê-thích (bất toại nguyện, không gì đáng ham thích)

trong toàn thể thế giới, quán sát sự vô-thường trong mọi hiện tượng có điều-kiện (những pháp hữu vi); và người đó có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập sâu sắc ở bên trong (tâm). Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin, năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức, năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức, năng lực nỗ-lực, và năng lực trí-tuệ.⁷⁰⁷ (Nhưng) năm căn này khởi sinh trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Do năm căn này yếu ớt bên trong người đó, nên người đó chậm đạt tới điều-kiện tức-thì (để tức thì, lập tức, trực quả)⁷⁰⁸ dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Đây được gọi là kiêu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực-tiếp.

(2) “Và cái gì là kiêu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực-tiếp? Ở đây, một Tỷ kheo sống quán sát sự không hấp-dẫn của thân ... có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập sâu sắc ở bên trong. Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin ... năng lực trí-tuệ. (Và) năm căn này khởi sinh trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này nổi trội bên trong người đó, nên người đó nhanh đạt tới điều-kiện tức-thì dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Đây được gọi là kiêu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực-tiếp.

(3) “Và cái gì là kiêu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực-tiếp? Ở đây, một Tỷ kheo: (i) tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất [Nhất thiền], trạng thái có đi kèm với ý nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.

(ii) Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai [Nhị thiền], trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm.

(iii) Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ, người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba [Tam thiền], trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc’.

(iv) Với sự dẹp bỏ sự sợ hãi và khổ, và với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư [Tứ thiền], trạng thái không còn sợ hãi hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.

“Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin ... năng lực trí-tuệ. (Nhưng) năm căn này khởi sinh trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này yếu ớt bên trong người đó, nên người đó chậm đạt tới điều-kiện tức-thị dẫn tới sự tiêu-diệt ô-nhiễm. Đây được gọi là kiểu tu sợ hãi mà chậm tới trí-biết trực-tiếp.

(4) “Và cái gì là kiểu tu sợ hãi mà nhanh tới trí-biết trực-tiếp? Ở đây, một Tỷ kheo: **(i)** ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất [Nhất thiền] ... **(ii)** ... tầng thiền định thứ hai [Nhị thiền] ... **(iii)** ... tầng thiền định thứ ba [Tam thiền] ... **(iv)** ... tầng thiền định thứ tư [Tứ thiền] ...

“Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin ... năng lực trí-tuệ. (Và) năm căn này khởi sinh trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này nổi trội bên trong người đó, nên người đó nhanh đạt tới điều-kiện tức-thị dẫn tới sự tiêu-diệt ô-nhiễm. Đây được gọi là kiểu tu sợ hãi mà nhanh tới trí-biết trực-tiếp.

“Này các Tỷ kheo, đây là bốn kiểu tu tập.”

164 (4) Kham Nhẫn (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu [cách thức] tu tập. Bốn đó là gì? Kiểu tu không nhẫn nhục, kiểu tu nhẫn nhục, kiểu tu thuần phục, và kiểu tu làm lẫn lộn.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiểu tu không nhẫn nhục? Ở đây, có người sỉ nhục người sỉ nhục mình, mắng chửi người mắng chửi mình, và tranh cãi với người tranh cãi với mình. Đây được gọi là kiểu tu không nhẫn nhục.

(2) “Và cái gì là kiểu tu nhẫn nhục? Ở đây, có người không sỉ nhục người sỉ nhục mình, không mắng chửi người mắng chửi mình, và không tranh cãi với người tranh cãi với mình. Đây được gọi là kiểu tu nhẫn nhục.

(3) “Và cái gì là kiểu tu thuần phục? Ở đây, có Tỳ kheo, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu hiệu và đường nét (tướng chung và tướng riêng) của nó. Bởi vì, nếu người đó để cho căn (giác quan) mắt không được phòng hộ thì những trạng thái bất thiện xấu ác như ham-thích (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập kiềm chế nó; người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm trách (chủ động) việc kiềm chế căn mắt.

“Sau khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, người đó không nắm giữ những dấu hiệu và đường nét của nó. Bởi vì, nếu người đó để cho căn tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm không được phòng hộ thì những trạng thái bất thiện xấu ác như ham-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập kiềm chế nó; người đó phòng hộ căn tai ... tâm, người đó đảm trách (chủ động) việc kiềm chế căn tai ... tâm. Đây được gọi là kiểu tu thuần phục.

(4) “Và cái gì là kiêu tu làm lẩn lạng? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, làm lẩn lạng nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó.”⁷⁰⁹

“Người đó không dung dưỡng một ý nghĩ ác-y đã khởi sinh ... một ý nghĩ gây-lại mới khởi sinh ... những những trạng thái bất thiện xấu ác mỗi khi chúng khởi sinh; người đó dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, làm lẩn lạng chúng, kết liễu chúng, và xóa sổ chúng. Đây được gọi là kiêu tu làm lẩn lạng.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiêu tu tập.”

165 (5) Kham Nhẫn (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiêu [cách thức] tu tập. Bốn đó là gì? Kiêu tu không kiên nhẫn, kiêu tu kiên nhẫn, kiêu tu thuần phục, và kiêu tu làm lẩn lạng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiêu tu không kiên nhẫn? Ở đây, có người không kiên nhẫn chịu đựng sự nóng lạnh, đói khát; sự tiếp xúc với ruồi muỗi, gió, nắng, và rần rít; lời nói thô tục, và chọc chửi, sỉ nhục; người đó không chịu đựng được những cảm-giác đau khổ đã khởi lên trong thân là đau đốn, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thấm khốc, thống khổ, phá hoại sức sống của mình. Đây là được gọi là kiêu tu không kiên nhẫn.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiêu tu kiên nhẫn? Ở đây, có người kiên nhẫn chịu đựng sự nóng lạnh, đói khát; sự tiếp xúc với ruồi muỗi, gió, nắng, và rần rít; lời nói thô tục, và chọc chửi, sỉ nhục; người đó chịu đựng được những cảm-giác đau khổ đã khởi lên trong thân là đau đốn ... phá hoại sức sống của mình. Đây là được gọi là kiêu tu kiên nhẫn.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiêu tu thuần phục? ... *[giống*

hệ đoạn (3) của kinh 4:164 kể trên] ...

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiêu tu làm lẩn lạng? ... *[giống hệ đoạn (4) của kinh 4:164 kể trên] ...*

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiêu tu tập.”

166 (6) Cả Hai

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiêu [cách thức] tu tập. Bốn đó là gì?

(1) Kiêu tu khổ mà chậm tới sự hiểu-biết trực tiếp; (2) kiêu tu khổ mà nhanh tới sự hiểu-biết trực tiếp; (3) kiêu tu tu sướng mà chậm tới sự hiểu-biết trực tiếp; (2) kiêu tu sướng mà nhanh tới sự hiểu-biết trực tiếp. Đây là bốn kiêu tu tập.”

(1) “Và, này các Tỳ kheo, kiêu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực-tiếp được tuyên bố là thấp kém (nhược, hạ sách) vì cả hai lý do: vì nó là khổ đau và vì nó chậm tới trí-biết trực-tiếp. Kiêu tu này được tuyên bố là thấp kém vì cả hai lý do đó.

(2) “Kiêu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực-tiếp được tuyên bố là thấp kém vì lý do nó là khổ đau.

(3) “Kiêu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực-tiếp được tuyên bố là thấp kém vì lý do nó chậm tới.

(4) “Kiêu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực-tiếp được tuyên bố tốt hơn (ưu, thượng sách) vì cả hai lý do: vì nó là sướng (lạc) và nó nhanh tới trí-biết trực-tiếp. Kiêu tu này được tuyên bố là tốt hơn vì cả hai lý do đó.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiêu tu tập.”

167 (7) Mục-Kiền-Liên

Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Mục-kiền-liên. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Mục-kiền-liên:

“Đạo hữu Mục-kiền-liên, có bốn kiểu [cách thức] tu tập này. Bốn đó là gì? (1) Kiểu tu khổ mà chậm tới sự hiểu-biết trực tiếp; (2) kiểu tu khổ mà nhanh tới sự hiểu-biết trực tiếp; (3) kiểu tu tu sướng mà chậm tới sự hiểu-biết trực tiếp; (2) kiểu tu sướng mà nhanh tới sự hiểu-biết trực tiếp. Trong bốn kiểu tu tập này, thông qua kiểu tu nào tâm của thầy đã được giải-thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp?”

“Đạo hữu Xá-lợi-phất, trong bốn kiểu tu tập đó, thông qua ‘kiểu tu khổ mà nhanh tới sự hiểu-biết trực tiếp’ tâm của tôi đã được giải-thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp.”⁷¹⁰

168 (8) Xá-Lợi-Phất

Lúc đó có Ngài Mục-kiền-liên đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Xá-lợi-phất ... và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Đạo hữu Xá-lợi-phất, có bốn kiểu [cách thức] tu tập này ... Trong bốn kiểu tu tập này, thông qua kiểu tu nào tâm của thầy đã được giải-thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp?”

“Đạo hữu Mục-kiền-liên, trong bốn kiểu tu tập đó, thông qua ‘kiểu tu sướng mà nhanh tới sự hiểu-biết trực tiếp’ tâm của tôi đã được giải-thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp.”

169 (9) Nhờ Sự Cố Gắng

“Này các Tỷ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

“Ở đây, (1) có người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng (thêm)

ngay trong kiếp này. (2) Có người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm khi thân tan rã.⁷¹¹ (3) Có người chứng ngộ Niết-bàn không cần nỗ-lực ngay trong kiếp này. (4) Và có người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm khi thân tan rã.⁷¹²

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người chứng ngộ Niết-bàn sự cố-gắng (thêm) ngay trong kiếp này? Ở đây, một Tỳ kheo sống quán sát sự không hấp-dẫn (không sạch, ô uế) trong thân thể, nhận thức sự góm-ghiếc (không sạch, đáng kinh tởm) của thức ăn, nhận thức sự không-đáng mê-thích trong toàn thể thế giới, quán sát sự vô-thường trong mọi hiện-tượng có điều-kiện (những pháp hữu vi); và người đó có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập sâu sắc ở bên trong (tâm). Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin, năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức, năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức, năng lực nỗ-lực (tinh tấn), và năng lực trí-tuệ.⁷¹³ (Và) năm căn này khởi sinh trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Do năm căn này nổi trội bên trong người đó, nên người đó chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm ngay trong kiếp này. Theo cách như vậy là một người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm ngay trong kiếp này.

(2) “Và theo cách nào là một người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm khi thân tan rã? Ở đây, một Tỳ kheo sống quán sát sự không hấp-dẫn trong thân thể ... và người đó có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập sâu sắc ở bên trong. Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin ... năng lực trí-tuệ. (Nhưng) năm căn này khởi sinh trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này yếu ớt bên trong người đó, nên người đó chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm khi thân tan rã. Theo cách như vậy là một người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm khi thân tan rã.

(3) “Và theo cách nào là một người chứng ngộ Niết-bàn không

cần nỗ-lực ngay trong kiếp này? Ở đây, một Tỳ kheo: **(i)** ... chúng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất [Nhất thiền] ... **(ii)** ... tầng thiền định thứ hai [Nhị thiền] ... **(iii)** ... tầng thiền định thứ ba [Tam thiền] ... **(iv)** ... tầng thiền định thứ tư [Tứ thiền] ... *(giống đoạn (3) kinh 4:163 ở trên)*

“Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin ... năng lực trí-tuệ. (Và) năm căn này khởi sinh trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này nổi trội bên trong người đó, nên người đó chứng ngộ Niết-bàn không cần nỗ-lực ngay trong kiếp này. Theo cách này là một người chứng ngộ Niết-bàn không cần nỗ-lực ngay trong kiếp này.

(4) “Và theo cách nào là một người chứng ngộ Niết-bàn không cần nỗ-lực khi thân tan rã? Ở đây, một Tỳ kheo: **(i)** ... chúng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất [Nhất thiền] ... **(ii)** ... tầng thiền định thứ hai [Nhị thiền] ... **(iii)** ... tầng thiền định thứ ba [Tam thiền] ... **(iv)** ... tầng thiền định thứ tư [Tứ thiền] ... *(giống đoạn (4) kinh 4:163 ở trên)*

“Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin ... năng lực trí-tuệ. (Nhưng) năm căn này khởi sinh trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này yếu ớt bên trong người đó, nên người đó chứng ngộ Niết-bàn không cần nỗ-lực khi thân tan rã. Theo cách này là một người chứng ngộ Niết-bàn không cần nỗ-lực khi thân tan rã.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

170 (10) Kết Hợp Với Nhau

Trong một lần đức Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Ghosita. Ở đó thầy Ānanda đã nói

với các Tỳ kheo:

“Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Ānanda đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, tất cả các Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni tuyên bố trước mặt ta họ đã chứng đắc A-la-hán, họ đã làm được bằng bốn con-đường này⁷¹⁴ hoặc bằng một trong bốn đó. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo tu tập thiền-quán (minh sát tuệ) có thiền-định [sự vắng lặng, tĩnh lặng] đi trước. Bằng cách làm như vậy, con-đường [đạo] được tạo ra (trong người đó).⁷¹⁵ Người đó tu theo con-đường đó, tu tập nó, và phát triển nó. Khi người đó tu theo, tu tập, và phát triển con-đường đó, người đó dẹp bỏ những gông-cùm (kiết sử) và bứng bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên).⁷¹⁶

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo tu tập thiền-định có thiền-quán đi trước.⁷¹⁷ Bằng cách làm như vậy, con-đường được tạo ra (trong người đó). Người đó tu theo con-đường đó, tu tập nó, và phát triển nó. Khi người đó tu theo, tu tập, và phát triển con-đường đó, người đó dẹp bỏ những gông-cùm và bứng bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo tu tập thiền-định và thiền-quán kết hợp với nhau.⁷¹⁸ Bằng cách làm như vậy, con-đường được tạo ra (bên trong người đó). Người đó tu theo con-đường đó, tu tập nó, và phát triển nó. Khi người đó tu theo, tu tập, và phát triển con-đường đó, người đó dẹp bỏ những gông-cùm và bứng bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn.

(4) “Lại nữa, tâm của một Tỳ kheo bị níu giữ bởi sự bất-an về Giáo Pháp.⁷¹⁹ Nhưng đến một lúc tâm của người đó sẽ được vững-chãi ở bên trong, được bình-tĩnh, được hợp-nhất, và đạt-định. Người đó tu theo con-đường đó, tu tập nó, và phát triển nó. Khi người đó tu theo, tu tập, và phát triển con-đường đó, người đó dẹp bỏ những gông-cùm và

búng bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn.

“Này các đạo hữu, tất cả các Tỷ kheo hay Tỷ kheo ni tuyên bố trước mặt ta họ đã chứng đắc A-la-hán, họ đã làm được bằng bốn con-đường này, hoặc bằng một trong bốn đó.”

NHÓM 3

CỐ Ý

171 (1) Sự Cố Ý ⁷²⁰

“Này Ānanda, khi có thân, vì có sự cố-ý của thân (thân tư tâm sở) nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; khi có lời nói, vì có sự cố-ý của lời nói (khẩu tư tâm sở) nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; khi có tâm, vì có sự cố-ý trong tâm (tâm tư tâm sở) nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên trong—với sự vô-minh chính là điều kiện (duyên).⁷²¹

(1) “Này Ānanda, *hoặc* do sự tự phát của mình, nên một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong thân (thân hành) tạo điều kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; *hoặc* do bị kích giục bởi người khác, nên một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong thân tạo điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. Này Ānanda, *hoặc* một cách cố-ý, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong thân tạo điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; *hoặc* một cách vô-ý, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong thân tạo điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong.⁷²²

(2) “Này Ānanda, *hoặc* do sự tự phát của mình, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong lời nói (khẩu hành) tạo điều kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; *hoặc* do bị kích giục bởi người khác, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong lời nói tạo điều

kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. Đây Ānanda, *hoặc* một cách cố-ý, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong lời nói điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; *hoặc* một cách vô-ý, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong lời nói tạo điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong.

(3) “Đây Ānanda, *hoặc* do sự tự phát của mình, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong tâm (tâm hành)⁷²³ tạo điều kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; *hoặc* do bị kích giục bởi người khác, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong tâm tạo điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. Đây Ānanda, *hoặc* một cách cố-ý, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong tâm điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; *hoặc* một cách vô-ý, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong tâm tạo điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh bên trong.

(4) “Có vô-minh nằm bên trong những trạng thái này.⁷²⁴ (nên Phật đã nói: ‘*Do có vô-minh là điều kiện, nên có những sự tạo-tác cố-ý!*’). Nhưng, với sự biến sạch và chấm dứt vô-minh *thì* thân không còn tồn tại để làm điều kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; *thì* lời-nói không còn tồn tại để làm điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; *thì* tâm không còn tồn tại để làm điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong.⁷²⁵ Ruộng-đất đó [nơi phát sinh] không tồn tại, căn-cứ đó [nền tảng] không tồn tại, cơ-sở đó [nguyên nhân] không tồn tại, và chỗ-nơi đó [địa chỉ] không tồn tại làm điều kiện để sướng và khổ khởi sinh bên trong.”⁷²⁶ (tức là: hết vô-minh thì không còn khởi sinh năm-uẩn (cơ sở của mọi trải nghiệm), hết năm-uẩn thì đâu còn trải nghiệm sướng và khổ gì nữa)

“Đây các Tỷ kheo, có bốn sự đạt thành cá-thể (tức thành một ‘con người’, một danh tính, một ngã tính).⁷²⁷ Bốn đó là gì? (1) Có sự đạt

thành cá-thể trong đó sự cố-ý của mình là hiệu lực, không phải sự do sự cố-ý của người khác. (2) Có sự đạt thành cá-thể trong đó sự cố-ý của người khác là hiệu lực, không do sự cố-ý của mình. (3) Có sự đạt thành cá-thể trong đó cả hai sự cố-ý của mình và của người khác đều có hiệu lực. (4) Và có sự cố-ý cá thể trong đó không phải do sự cố-ý của mình hay của người khác là hiệu lực. Đây là bốn sự đạt thành cá-thể.”

Khi điều này được nói ra, Ngài Xá-lợi-phất đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con hiểu chi tiết ý nghĩa của lời tuyên thuyết đức Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn là như sau: (1) Trong trường hợp sự đạt thành cá-thể loại (1): chính do sự cố-ý của mình mà những chúng sinh đó qua đời (chuyển kiếp, tái sinh) trong loại đó.⁷²⁸ (2) Trong trường hợp sự đạt thành cá-thể loại (2): chính do sự cố-ý của người khác mà những chúng sinh đó qua đời trong loại đó.⁷²⁹ (3) Trong trường hợp sự đạt thành cá-thể loại (3): chính do sự cố-ý của mình và sự cố-ý của người khác mà những chúng sinh đó qua đời trong loại đó.⁷³⁰ (4) Nhưng, thưa Thế Tôn, còn loại thiên-thần nào được cho là sự đạt thành cá-thể thuộc loại (4) nói trên??”⁷³¹

“Này Xá-lợi-phất, họ là những thiên-thần (thuộc cảnh giới) không-có nhận-thức cũng không phải không-còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng).”

“Thưa Thế Tôn, tại sao có những chúng sinh qua đời trong loại (4) này là những người quay-lại (còn tái sinh), họ quay lại trạng thái hiện-hữu này, trong khi có những chúng sinh khác trong loại (4) này không quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa?”⁷³²

(a) “Ở đây, này Xá-lợi-phất, có người *không* phá bỏ được năm công-cùm nhẹ đô (đầu tiên; hạ phần kiết sử). Ngay trong kiếp này người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ phi tưởng phi phi tưởng. Người đó thường thức [vị ngọt (sự sướng) của] cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong

đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc cảnh giới phi tưởng phi phi tưởng. Khi người đó qua đời từ cảnh giới đó, người đó là một người quay-lại, quay lại trạng thái hiện-hữu này.

(b) “Nhưng có những người [khác] ở đây *đã* phá bỏ năm gông-cùm nhẹ đô. Ngay trong kiếp này người đó chứng nhập và an trú trong trong cảnh xứ phi tưởng phi phi tưởng. Người đó thường thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc cảnh xứ phi tưởng phi phi tưởng. Khi người đó qua đời từ cảnh giới đó, người đó là người không quay-lại, không quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”⁷³³

“Này Xá-lợi-phất, đây là lý do có những chúng sinh qua đời từ loại (4) này là những người quay-lại, quay lại trạng thái hiện-hữu này, trong khi có những chúng sinh trong loại (4) này là người không quay-lại, không quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

172 (2) *Phân Tích*

Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

(1) “Này các đạo hữu, nửa tháng sau khi tôi thụ giới đầy đủ (đại thọ giới) tôi chứng ngộ được ‘sự hiểu-biết mang tính phân-tích’ (vô ngại giải trí) về *y-nghĩa* theo cách phân loại và công thức của nó.”⁷³⁴ Tôi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó,

phân tích nó, và làm sáng tỏ nó theo nhiều cách khác nhau. [Cứ] có ai còn bối rối hay không chắc-chắn [đến gặp tôi] với một nghi vấn, tôi sẽ có [sẽ làm thỏa mãn người đó] với câu trả lời của tôi. Vị Sư Thầy của chúng ta (tức Phật), là bậc rất thiện thạo về những giáo lý của chúng ta, đang có mặt ở đây.⁷³⁵

(2) “Nửa tháng sau khi tôi thụ giới đầy đủ tôi chứng ngộ được ‘sự hiểu-biết mang tính phân-tích’ về *Giáo Pháp* theo cách phân loại và công thức của nó. Tôi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó theo nhiều cách khác nhau. [Cứ] có ai còn bối rối hay không chắc-chắn [đến gặp tôi] với một nghi vấn, tôi sẽ có [sẽ làm thỏa mãn người đó] với câu trả lời của tôi. Vị Sư Thầy của chúng ta, là bậc rất thiện thạo về những giáo lý của chúng ta, đang có mặt ở đây.

(3) “Nửa tháng sau khi tôi thụ giới đầy đủ tôi chứng ngộ được ‘sự hiểu-biết mang tính phân-tích’ về *ngôn-từ* theo cách phân loại và công thức của nó. Tôi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó theo nhiều cách khác nhau. [Cứ] có ai còn bối rối hay không chắc-chắn [đến gặp tôi] với một nghi vấn, tôi sẽ có [sẽ làm thỏa mãn người đó] với câu trả lời của tôi. Vị Sư Thầy của chúng ta, là bậc rất thiện thạo về những giáo lý của chúng ta, đang có mặt ở đây.

(4) “Nửa tháng sau khi tôi thụ giới đầy đủ tôi chứng ngộ được ‘sự hiểu-biết mang tính phân-tích’ về *sự nhận-biết* theo cách phân loại và công thức của nó. Tôi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó theo nhiều cách khác nhau. [Cứ] có ai còn bối rối hay không chắc-chắn [đến gặp tôi] với một nghi vấn, tôi sẽ có [sẽ làm thỏa mãn người đó] với câu trả lời của tôi. Vị Sư Thầy của chúng ta, là bậc rất thiện thạo về những giáo lý của chúng ta, đang có mặt ở đây.”

173 (3) Câu-Hi-La

Lúc đó có Ngài Đại Câu-hi-la [Mahākotṭhita] đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Xá-lợi-phất. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất:

(1) “Này đạo hữu, với sự phai-biến sạch sẽ [không còn tàn dư] và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc, có phải còn gì khác?”⁷³⁶

“Đừng nói như vậy, này đạo hữu.”

(2) “Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc, có phải không còn gì khác?”

“Đừng nói như vậy, này đạo hữu.”

(3) “Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc, có phải vừa còn gì khác vừa không còn gì khác?”

“Đừng nói như vậy, này đạo hữu.”

(4) “Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc, có phải không còn gì khác cũng không phải không còn gì khác?”

“Đừng nói như vậy, này đạo hữu.”⁷³⁷

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, khi thầy được hỏi ... (*tùng câu hỏi trên*) ...⁷³⁸ thầy đều trả lời: ‘Đừng nói như vậy, này đạo hữu’. Ý nghĩa của câu trả lời như vậy nên được hiểu theo cách nào?”

(1) “Này đạo hữu Câu-hi-la, nếu ai nói: ‘Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc, thì vẫn còn thứ khác’, thì người đó phóng đại [suy đoán] điều không được phóng đại.”⁷³⁹

(2) Nếu ai nói: ‘Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc, thì không còn gì khác’, thì người đó phóng đại điều không được phóng đại.

(3) Nếu ai nói: ‘Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc, thì vừa còn thứ khác vừa không còn gì khác’, thì người đó phóng đại điều không được phóng đại.

(4) Nếu ai nói: ‘Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc, thì không còn gì khác cũng không phải không còn gì khác’, thì người đó phóng đại điều không được phóng đại.

“Này đạo hữu Câu-hi-la, sáu cơ-sở tiếp-xúc vược xa tới đâu, sự phóng đại sẽ vược tới đó.⁷⁴⁰ Tầm phóng đại vược xa tới đâu, sáu cơ-sở tiếp-xúc vược xa tới đó. Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc thì sự phóng đại chấm dứt, sự phóng đại lặn mất.”

174 (4) Ānanda

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Đại Câu-hi-la ...

[Nội dung kinh này giống hết kinh 4:173 kể trên, ngoại trừ ở đây thầy Ānanda hỏi và thầy Câu-hi-la trả lời.]⁷⁴¹

175 (5) Upavāṇa

Lúc đó có Ngài Upavāṇa đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Xá-lợi-phát ... và nói với thầy Xá-lợi-phát:

(1) “Đạo hữu Xá-lợi-phát, có phải người tu trở thành người làm nên sự diệt-khổ [sự chấm-dứt (vòng luân-hồi, vòng khổ đau)] nhờ phương tiện là sự hiểu-biết (trí)?”⁷⁴²

“Này đạo hữu, không quy kết như vậy”

(2) “Vậy có phải người tu trở thành người làm nên sự diệt-khổ nhờ phương tiện là đức-hạnh?”

“Này đạo hữu, không quy kết như vậy”

(3) “Vậy có phải người tu trở thành người làm nên sự diệt-khổ nhờ phương tiện là sự hiểu-biết và đức-hạnh?”

“Này đạo hữu, không quy kết như vậy”

(4) “Vậy có phải người tu trở thành người làm nên sự diệt-khổ nhờ những phương tiện khác hơn là sự hiểu-biết hay đức-hạnh?”

“Này đạo hữu, không quy kết như vậy”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, khi thầy được hỏi ... (*tùng câu hỏi trên*) ... ⁷⁴³ thầy đều trả lời: ‘Này đạo hữu, không quy kết như vậy’ Vậy người tu trở thành người làm nên sự diệt-khổ theo cách nào?”

(1) “Này đạo hữu Upavāṇa, nếu người tu trở thành người làm nên sự diệt-khổ nhờ phương tiện là sự hiểu-biết, vậy ngay cả những người vẫn còn sự dính-chấp cũng thành người diệt-khổ. (*điều này không đúng*)

(2) “Nếu người tu trở thành người làm nên sự diệt-khổ nhờ phương tiện đức-hạnh, vậy ngay cả những người vẫn còn sự dính-chấp cũng thành người diệt-khổ.

(3) “Nếu người tu trở thành người làm nên sự diệt-khổ nhờ phương tiện là sự hiểu-biết và đức-hạnh, vậy ngay cả những người vẫn còn sự dính-chấp cũng thành người diệt-khổ.

(4) “Nếu người tu trở thành người làm nên sự diệt-khổ nhờ những phương tiện khác hơn là sự hiểu-biết hay đức-hạnh, vậy ngay cả những người phạm phu tục tử cũng thành người diệt-khổ; vì những người phạm phu thế tục thì đâu có [nghèo nàn, khan hiếm] sự hiểu-biết và đức-hạnh.

“Này đạo hữu Upavāṇa, người thiếu hụt về đức-hạnh thì không biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. Người hoàn thiện về đức-hạnh thì biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. Sau khi biết và

thấy mọi sự đúng như chúng thực là, người tu trở thành người diệt-khổ.”⁷⁴⁴

176 (6) Mong Cầu⁷⁴⁵

(1) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin, nếu mong cầu đúng đắn, nên mong cầu như vậy: ‘Cầu cho tôi trở thành người như Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên!’ Đây là tiêu chuẩn và mực thước đối với những đệ tử Tỳ kheo, đó là, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

(2) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo ni được phú cho niềm-tin, nếu mong cầu đúng đắn, nên mong cầu như vậy: ‘Cầu cho tôi trở thành người như Khemā và Uppalavaṇṇā!’ Đây là tiêu chuẩn và mực thước đối với những đệ tử Tỳ kheo ni, đó là, Tỳ kheo ni Khemā and Uppalavaṇṇā.

(3) “Này các Tỳ kheo, một đệ tử tại gia nam (u-bà-tắc) được phú cho niềm-tin, nếu mong cầu đúng đắn, nên mong cầu như vậy: ‘Cầu cho tôi trở thành người như gia chủ Citta và ông Hatthaka ở xứ Āḷavī!’ Đây là tiêu chuẩn và mực thước đối với những nam đệ tử tại gia, đó là, gia chủ Citta và ông Hatthaka ở xứ Āḷavī.

(4) “Này các Tỳ kheo, một đệ tử tại gia nữ (u-bà-di) được phú cho niềm-tin, nếu mong cầu đúng đắn, nên mong cầu như vậy: ‘Cầu cho tôi trở thành người như nữ đệ tử tại gia Khujjuttarā và Velukaṇṭakī Nandamātā!’ Đây là tiêu chuẩn và mực thước đối với những nữ đệ tử tại gia, đó là, nữ đệ tử tại gia Khujjuttarā và Velukaṇṭakī Nandamātā.”

177 (7) Rāhula

Lúc đó có Ngài Rāhula (La-hầu-la) đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với

thầy ấy như vậy.⁷⁴⁶

(1) “Này Rāhula, yếu tố đất bên trong và yếu tố đất bên ngoài đều chỉ là yếu tố đất. Điều này nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người tu trở nên không còn mê lầm (tinh ngộ) với yếu tố đất; người tu tách ly tâm khỏi yếu tố đất.”⁷⁴⁷

(2) “Này Rāhula, yếu tố nước bên trong và yếu tố nước bên ngoài đều chỉ là yếu tố nước. Điều này nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người tu trở nên không còn mê lầm với yếu tố nước; người tu tách ly tâm khỏi yếu tố nước.

(3) “Này Rāhula, yếu tố nhiệt (lửa) bên trong và yếu tố nhiệt bên ngoài đều chỉ là yếu tố nhiệt. Điều này nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người tu trở nên không còn mê lầm với yếu tố nhiệt; người tu tách ly tâm khỏi yếu tố nhiệt.

(4) “Này Rāhula, yếu tố khí (gió) bên trong và yếu tố khí bên ngoài đều chỉ là yếu tố khí. Điều này nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người tu trở nên không còn mê lầm với yếu tố khí; người tu tách ly tâm khỏi yếu tố khí.

“Này Rāhula, khi một Tỷ kheo không nhận thấy có một cái ‘ta’ hay thứ gì thuộc về một cái ‘ta’ trong bốn yếu tố này, thì người đó được gọi là một Tỷ kheo đã cắt bỏ dục-vọng, đã phá bỏ gông-cùm, và bằng cách xuyên phá hoàn toàn sự tự-ta (tự ngã, ngã mạn), người đó đã làm

nên sự diệt-khổ.”

178 (8) Hồ Giữ Nước

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một sự giải-thoát của tâm đầy bình an. Người đó chú tâm tới sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể (thân này, danh tính).⁷⁴⁸ Khi người đó đang làm vậy, tâm của người đó không nhảy ra hết tới đó, không có được sự tự-tin, không được vững vàng, và không chú định vào đó. Tỳ kheo này không thể chứng ngộ được sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể. Ví như một người nắm lấy một cành cây bằng bàn tay bị dính mủ keo. Tay người đó chụp dính chỗ này chỗ nọ và bị dính chặt cành cây. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một sự giải-thoát của tâm đầy bình an. Người đó chú tâm tới sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể. Nhưng tâm của người đó không nhảy ra hết tới đó, không có được sự tự-tin, không được vững vàng, và không chú định vào đó. Tỳ kheo này không thể chứng ngộ được sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể.

(2) “Ở đây, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một sự giải-thoát của tâm đầy bình an. Người đó chú tâm tới sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể. Khi người đó đang làm vậy, tâm của người đó nhảy ra hết tới đó, có được sự tự-tin, được vững vàng, và chú định vào đó. Tỳ kheo này có thể chứng ngộ được sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể. Ví như một người nắm lấy một cành cây bằng bàn tay sạch sẽ. Tay người đó không chụp dính chỗ này chỗ nọ hay bị dính chặt cành cây. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một sự giải-thoát của tâm đầy bình an. Người đó chú tâm tới sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể. Và tâm của người đó nhảy ra hết tới đó, có được sự tự-tin, được vững vàng, và chú định vào đó. Tỳ kheo này có thể chứng ngộ được sự chấm-

dứt sự hiện-hữu cá-thể.

(3) “Ở đây, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một sự giải-thoát của tâm đầy bình an. Người đó chú tâm tới sự phá vỡ vô-minh. Khi người đó đang làm vậy, tâm của người đó không nhảy ra hết tới đó, không có được sự tự-tin, không được vững vàng, và không chú định vào đó. Tỳ kheo này không thể chứng ngộ được sự phá vỡ vô-minh. Ví như có một cái hồ giữ nước đã nhiều năm. Một người đến bịt đường chảy vào và mở đường chảy ra, cũng không có đủ nước mưa để bù. Trong trường hợp đó, khả năng bờ kè hay đập hồ nước bị vỡ là không có. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một sự giải-thoát của tâm đầy bình an. Người đó chú tâm tới sự phá vỡ vô-minh. Nhưng tâm của người đó không nhảy ra hết tới đó, không có được sự tự-tin, không được vững vàng, và không chú định vào đó. Tỳ kheo này không thể chứng ngộ được sự phá vỡ vô-minh.

(4) “Ở đây, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một sự giải-thoát của tâm đầy bình an. Người đó chú tâm tới sự phá vỡ vô-minh. Khi người đó đang làm vậy, tâm của người đó nhảy ra hết tới đó, có được sự tự-tin, được vững vàng, và chú định vào đó. Tỳ kheo này có thể chứng ngộ được sự phá vỡ vô-minh. Ví như có một cái hồ giữ nước đã nhiều năm. Một người đến mở đường chảy vào và bịt đường chảy ra, lại thêm nước mưa đủ đầy. Trong trường hợp đó, khả năng bờ kè hay đập hồ nước bị vỡ là có thể. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một sự giải-thoát của tâm đầy bình an. Người đó chú tâm tới sự phá vỡ vô-minh. Và tâm của người đó nhảy ra hết tới đó, có được sự tự-tin, được vững vàng, và chú định vào đó. Tỳ kheo này có thể chứng ngộ được sự phá vỡ vô-minh.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp Ngài Xá-lợi-phất, và nói:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, tại sao có những chúng sinh không chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này?”

“Ở đây, này đạo hữu Ānanda, [một số] chúng sinh không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Những nhận-thức này thuộc sự suy-đòi; những nhận-thức này thuộc sự ổn-định; những nhận-thức này thuộc sự phân-biệt; những nhận-thức này thuộc sự thâm-nhập.’ Đây là lý do tại sao có những chúng sinh không chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, tại sao có những chúng sinh chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này?”

“Ở đây, này đạo hữu Ānanda, [một số] chúng sinh hiểu được đúng như nó thực là: ‘Những nhận-thức này thuộc sự suy-đòi; những nhận-thức này thuộc sự ổn-định; những nhận-thức này thuộc sự phân-biệt; những nhận-thức này thuộc sự thâm-nhập.’ Đây là lý do tại sao có những chúng sinh chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.”⁷⁴⁹

180 (10) Những Sự Tham Chiếu Lớn

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bhoganagara gần chỗ Đền Ānanda. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:⁷⁵⁰

“Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bốn sự tham chiếu lớn. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, cái gì là bốn sự tham chiếu lớn?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có thể một Tỳ kheo nói: ‘Trước mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe điều này; trước mặt đức Thế Tôn tôi đã học điều này: “Đây là Giáo Pháp; đây là giới-luật; đây là giáo lý của Vị Sư Thầy!”’ Không nên vội đồng ý hay bác bỏ những lời của vị Tỳ kheo đó. Không đồng ý hay bác bỏ, các thầy nên học đầy đủ những lời nói và câu chữ đó, rồi kiểm tra chúng trong những bài kinh và tìm kiếm chúng trong giới-luật đó. Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong giới-luật, [các thầy thấy] chúng không nằm trong các kinh và không có trong giới-luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắn đây không phải là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách sai sót [tôi tệ] bởi vị Tỳ kheo đó’. Như vậy các thầy nên bỏ nó đi.

— “Nhưng, có thể một Tỳ kheo nói như vậy ... Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong giới-luật, [các thầy thấy] chúng nằm trong các kinh hoặc có trong giới-luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắn đây là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách đúng đắn [hay khéo] bởi vị Tỳ kheo đó’. Như vậy các thầy nên ghi nhớ đây là sự tham chiếu lớn thứ nhất.

(2) “Rồi có thể một Tỳ kheo nói: ‘Ở nơi như vậy và như vậy có một Tăng Đoàn đang trú ngụ có những bậc trưởng lão và những Tỳ kheo nổi bật. Trước mặt Tăng Đoàn đó tôi đã học điều này: “Đây là Giáo Pháp; đây là giới-luật; đây là giáo lý của Vị Sư Thầy!”’ Không nên vội đồng ý hay bác bỏ những lời của vị Tỳ kheo đó ... Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong giới-luật, [các thầy thấy] chúng không nằm trong các kinh và không có trong giới-luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắn đây không phải là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách sai sót [tôi tệ] bởi vị Tỳ kheo đó’. Như vậy các thầy nên bỏ nó đi.

— “Nhưng, có thể một Tỷ kheo nói như vậy ... Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong giới-luật, [các thầy thấy] chúng nằm trong cách kinh hoặc có trong giới-luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắn đây là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách đúng đắn [hay khéo] bởi vị Tỷ kheo đó’. Như vậy các thầy nên ghi nhớ đây là sự tham chiếu lớn thứ hai.

(3) “Rồi có thể một Tỷ kheo nói: ‘Ở nơi như vậy và như vậy có nhiều vị Tỷ kheo trưởng lão đang trú ngụ, họ là những bậc học hiểu nhiều, là những người kế thừa của di sản, là bậc thiện thạo về Giáo Pháp, những bậc thiện thạo về giới-luật, những bậc thiện thạo về những điều toát-yếu (đại cương). Trước mặt những vị trưởng lão đó tôi đã học điều này: “Đây là Giáo Pháp; đây là giới-luật; đây là giáo lý của Vị Sư Thầy!”’ Không nên vội đồng ý hay bác bỏ những lời của vị Tỷ kheo đó ... Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong giới-luật, [các thầy thấy] chúng không nằm trong các kinh và không có trong giới-luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắn đây không phải là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách sai sót [tòe tẹt] bởi vị Tỷ kheo đó’. Như vậy các thầy nên bỏ nó đi.

— “Nhưng, có thể một Tỷ kheo nói như vậy ... Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong giới-luật, [các thầy thấy] chúng nằm trong cách kinh hoặc có trong giới-luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắn đây là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách đúng đắn [hay khéo] bởi vị Tỷ kheo đó’. Như vậy các thầy nên ghi nhớ đây là sự tham chiếu lớn thứ ba.

(4) “Rồi có thể một Tỷ kheo nói: ‘Ở nơi như vậy và như vậy có một vị Tỷ kheo trưởng lão đang trú ngụ, vị ấy một bậc học hiểu nhiều, là một người kế thừa của di sản, là một bậc thiện thạo về Giáo Pháp,

giới-luật, về những điều toát-yếu (đại cương). Trước mặt vị trưởng lão đó tôi đã học điều này: “Đây là Giáo Pháp; đây là giới-luật; đây là giáo lý của Vị Sư Thầy!” Không nên vội đồng ý hay bác bỏ những lời của vị Tỳ kheo đó ... Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong giới-luật, [các thầy thấy] chúng không nằm trong các kinh và không có trong giới-luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắn đây không phải là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách sai sót [tồi tệ] bởi vị Tỳ kheo đó’. Như vậy các thầy nên bỏ nó đi.

— “Nhưng, có thể một Tỳ kheo nói như vậy ... Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong giới-luật, [các thầy thấy] chúng nằm trong các kinh hoặc có trong giới-luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắn đây là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách đúng đắn [hay khéo] bởi vị Tỳ kheo đó’. Như vậy các thầy nên ghi nhớ đây là sự tham chiếu lớn thứ tư.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn sự tham chiếu lớn.”⁷⁵¹

NHÓM 4

BÀ-LA-MÔN

181 (1) Chiến Binh

(1) “Này các Tỳ kheo, có được bốn yếu tố, một chiến binh là xứng đáng của nhà vua, là thứ (công cụ) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Bốn đó là gì? Ở đây, một chiến binh là người thạo giỏi về những nơi chốn, là một người bắn xa, một người bắn chính xác, và một người phá vỡ vật thể lớn. Có được bốn yếu tố này, một chiến binh là xứng đáng của nhà vua, là thứ (công cụ) của nhà

vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Cũng giống như vậy, có được bốn yếu tố, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, xứng đáng được tiếp đón, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được kính lễ, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là người thạo giỏi về những nơi chốn, là một người bắn xa, một người bắn chính xác, và một người phá vỡ vật thể lớn.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là một người thạo giỏi nơi chốn? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiểm chế bởi Pātimokkha [Giới Luật Tỳ Kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt lành, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng tội lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những giới luật đó. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là thạo giỏi về nơi chốn.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là một người bắn xa? Ở đây, mọi thể-sắc dù là loại gì—thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần—một Tỳ kheo nhìn thấy tất cả thể-sắc đúng thực như nó là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’.

“Mọi cảm-giác dù là loại gì ... mọi nhận-thức dù là loại gì ... những sự tạo-tác cố-ý dù là loại gì ... mọi thức dù là loại gì —thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần—một Tỳ kheo nhìn thấy tất cả thể-sắc đúng thực như nó là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’. Theo cách này một Tỳ kheo là một người bắn xa.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người bắn chính xác (bắn tia)? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’,

‘Đây là nguồn gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm dứt khổ’, và ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Theo cách này một Tỳ kheo là người bán chính xác.

(4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người bán phá bẻ vật thể lớn (công phá)? Ở đây, một Tỳ kheo phá vỡ đồng vô-minh lớn. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người phá vỡ vật thể lớn.

“Có được bốn phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, xứng đáng được tiếp đón, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được kính lễ, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian.”

182 (2) Người Bảo Đảm

“Có bốn điều không ai bảo đảm được—dù đó là tu sĩ, bà-la-môn, thiên thần, Ma-vương, trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) Già đi là lẽ tất nhiên, không ai có thể bảo đảm người nào không bị già.

(2) Bệnh là lẽ tất nhiên, không ai có thể bảo đảm người nào không bị bệnh.

(3) Chết là lẽ tất nhiên, không ai có thể bảo đảm người nào không bị chết.

(4) Nhân nào tạo quả đó là lẽ tất nhiên, không ai có thể bảo đảm những việc xấu ác đã làm trong quá khứ—là suy đồi, dẫn dắt tới những kiếp sau, đầy đau thương, hệ quả là khổ đau và (tái) sinh, già, chết—sẽ không tạo ra nghiệp quả của chúng.

“Đây là bốn điều không ai bảo đảm được—dù đó là tu sĩ, bà-la-môn, thiên thần, Ma-vương, trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian.”

183 (3) Điều Đã Được Nghe

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Rājagaha (Vương-xá) trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở chỗ tìm thức ăn của bầy sóc. Lúc đó có bà-la-môn tên Vassakāra, là tể tướng của vương quốc Magadha (Ma-kiệt-đà), đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau đó ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, đây là lý luận và quan điểm của tôi: (1) không có gì là tội lỗi khi một người nói về điều đã được nhìn thấy: ‘Tôi đã nhìn thấy điều như vậy’; (2) không có gì là tội lỗi khi một người nói về điều đã được nghe thấy: ‘Tôi đã nghe thấy điều như vậy’; (3) không có gì là tội lỗi khi một người nói về điều đã được cảm thấy: ‘Tôi đã cảm thấy điều như vậy’; (4) không có gì là tội lỗi khi một người nói về điều đã được nhận biết: ‘Tôi đã nhận biết điều như vậy.’

“Này bà-la-môn, ta không nói ông nên nói về điều ông đã nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy, và nhận biết. Nhưng ta cũng không nói ông không nên nói về điều ông đã nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy, và nhận biết.

Khi nói về những điều ông đã nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy, hay nhận biết thì những phẩm chất bất thiện gia tăng và những phẩm chất thiện lành thì giảm sút—ta nói rằng, ông không nên nói về những điều đó. Khi nói về những điều ông đã nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy, hay nhận biết thì những phẩm chất bất thiện giảm sút và những phẩm chất thiện lành thì gia tăng—ta nói rằng, ông nên nói về những điều đó.”

Rồi bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của xứ Magadha, sau khi thấy vui thích và hoan hỷ với lời nói của đức Thế Tôn, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

184 (4) Không Sợ Hãi

Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇī đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi sau khi ngồi xuống một bên, ông đã nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, đây là lý luận và quan điểm của tôi: khi biết mình phải bị chết thì không ai mà không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

“Này bà-la-môn, có những người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết, nhưng cũng có người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

“Và, này bà-la-môn, ai là những người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết?

(1) “Ở đây, có người đầy tham-dục, ham muốn, luyến ái (cảm tình), thèm khát, đam mê, và dục vọng đối với những *dục-lạc* [khoái-lạc giác-quan]. Đến khi người đó bệnh nặng làm suy nhược (sự sống), người đó nghĩ (về cái chết): ‘Ôi trời, những dục-lạc yêu quý của tôi sẽ rời bỏ tôi, và tôi phải rời bỏ những dục-lạc đó.’ Người đó đau buồn, suy sụp, ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quần trí. Đây là người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(2) “Thêm nữa, có người đầy tham-dục, ham muốn, luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục vọng đối với *thân thể*. Đến khi người đó bệnh nặng làm suy nhược, người đó nghĩ (về cái chết): ‘Ôi trời, thân thể yêu quý của tôi sẽ rời bỏ tôi, và tôi phải rời bỏ thân thể này.’ Người đó đau buồn, suy sụp, ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quần trí. Đây là người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(3) “Thêm nữa, có người đã không làm điều gì tốt và thiện, cũng không tạo được chỗ nương-tựa cho bản thân mình, mà người đó chỉ làm những việc ác độc, hung bạo, và ô nhiễm. Đến khi người đó bệnh nặng làm suy nhược, người đó nghĩ (về cái chết): ‘Ôi trời, tôi đã không làm

điều gì tốt và thiện, cũng không tạo được chỗ nương-tựa cho bản thân mình, mà chỉ làm những việc ác độc, hung bạo, và ô nhiễm. Khi tôi qua đời, tôi sẽ gặp phải số phận tương xứng. Người đó đau buồn, suy sụp, ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quần trí. Đây là người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(4) “Thêm nữa, có người ở đây còn bối rối, còn nghi ngờ, tâm chưa nhất quyết về Giáo Pháp tốt lành. Đến khi người đó bệnh nặng làm suy nhược, người đó nghĩ (về cái chết): ‘Ôi trời, tôi còn bối rối, còn nghi ngờ, tâm chưa nhất quyết về Giáo Pháp tốt lành.’ Người đó đau buồn, suy sụp, ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quần trí. Đây là người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

“Đây là bốn loại người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

— “Và, này bà-la-môn, ai là những người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết?

(1) “Ở đây, có người không có tham-dục, ham muốn, luyện ái, thèm khát, đam mê, và dục vọng đối với những *dục-lạc*. Đến khi người đó bệnh nặng làm suy nhược (sự sống), người đó không nghĩ: ‘Ôi trời, những dục-lạc yêu quý của tôi sẽ rời bỏ tôi, và tôi phải rời bỏ những dục-lạc đó.’ Người đó không đau buồn, suy sụp, ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực, hay quần trí. Đây là người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(2) “Thêm nữa, có người không-có tham-dục, ham muốn, luyện ái, thèm khát, đam mê, và dục vọng đối với *thân thể*. Đến khi người đó bệnh nặng làm suy nhược, người đó không nghĩ: ‘Ôi trời, thân thể yêu quý của tôi sẽ rời bỏ tôi, và tôi phải rời bỏ thân thể này.’ Người đó không đau buồn, suy sụp, ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực, hay quần trí. Đây là người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết

(3) “Thêm nữa, có người đã làm những điều gì tốt và thiện, và

cũng tạo được chỗ nương-tựa cho bản thân mình, chứ người đó không làm những việc ác độc, hung bạo, và ô nhiễm. Đến khi người đó bệnh nặng làm suy nhược, người đó nghĩ: ‘Ôn trời, tôi đã không làm điều gì ác độc, hung bạo, và ô nhiễm, mà chỉ làm những việc tốt và thiện và đã tạo được chỗ nương-tựa cho bản thân mình. Khi tôi qua đời, tôi sẽ gặp được số phận tương xứng.’ Người đó không đau buồn, suy sụp, ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực, hay quẫn trí. Đây là người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(4) “Thêm nữa, có người ở đây không còn bối rối, không còn nghi ngờ, tâm đã nhất quyết về Giáo Pháp tốt lành. Đến khi người đó bệnh nặng làm suy nhược, người đó nghĩ: ‘Ôn trời, tôi không còn bối rối, không còn nghi ngờ, tâm đã nhất quyết về Giáo Pháp tốt lành.’ Người đó không đau buồn, suy sụp, ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực, hay quẫn trí. Đây là người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

“Đây là bốn loại người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.”

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! ... [*giống như đoạn cuối kinh 4:100*] ... Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay đến hết đời.”

185 (5) Những Sự Thật Của Bà-La-Môn

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Bấy giờ, vào dịp đó có một số du sĩ nổi tiếng cũng đang trú ngụ gần đó, trong khu ở của những du sĩ bên bờ sông Sappinī; gồm có Annabhāra, Varadhara, Sakuludāyī, và những du sĩ nổi tiếng khác. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn cư và đi đến khu ở của những du sĩ. Lúc đó có những du sĩ khác đạo đó đã tụ tập, và khi họ đang ngồi với nhau, cuộc nói chuyện này đã khởi sinh:

“Như vậy là những sự thật của bà-la-môn; như vậy là những sự thật của bà-la-môn.”

Rồi đức Thế Tôn đến gặp những du sĩ đó, ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và hỏi họ: “Này các du sĩ, các vị vừa tham gia cuộc đàm thoại nào vậy? Cuộc đàm thoại đang nói về điều gì?”

“Thầy Cồ-đàm, ở đây, chúng tôi đã tụ tập, và khi chúng tôi đang ngồi với nhau, cuộc nói chuyện này đã khởi sinh: ‘Như vậy là những sự thật của bà-la-môn; như vậy là những sự thật của bà-la-môn.’

“Này các du sĩ, có bốn sự thật của bà-la-môn mà ta đã tuyên bố, sau khi ta đã tự mình nhận ra chúng bằng trí-biết trực-tiếp. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các du sĩ, một bà-la-môn nói: ‘Mọi loài chúng sinh hữu tình không nên bị sát hại’. Khi nói như vậy, bà-la-môn đó nói sự thật, không nói dối. Họ nói như vậy không phải với tư cách như ‘một tu sĩ’ hay ‘một bà-la-môn’. Cũng không phải do nghĩ ta là này nọ như ‘Ta tốt hơn’, hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’. Mà chỉ đơn giản là do họ đang tu tập theo chân-lý đó vì lòng-tốt và sự bi-mẫn đối với những chúng sinh, và họ đã tự mình thấu biết điều đó.

(2) “Lại nữa, một bà-la-môn nói: ‘Mọi khoái-lạc giác-quan (dục lạc) đều là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi’. Khi nói như vậy, bà-la-môn đó nói sự thật, không nói dối. Họ nói như vậy không phải với tư cách như ‘một tu sĩ’ hay ‘một bà-la-môn’. Cũng không phải do nghĩ ta là này nọ như ‘Ta tốt hơn’, hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’. Mà chỉ đơn giản là do họ đang tu tập theo chân-lý đó để đạt tới sự không-còn mê-thích (chán chường, tỉnh ngộ) đối với những khoái-lạc giác-quan, để làm phai-biến và chấm-dứt của chúng.

(3) “Lại nữa, một bà-la-môn nói: ‘Mọi trạng thái hiện-hữu đều là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi’. Khi nói như vậy, bà-la-môn đó nói sự thật, không nói dối. Họ nói như vậy không phải với tư cách như ‘một

tu sĩ’ hay ‘một bà-la-môn’. Cũng không phải do nghĩ ta là này nọ như ‘Ta tốt hơn’, hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’. Mà chỉ đơn giản là do họ đang tu tập theo chân-lý đó để đạt tới sự không-còn mê-thích (chán chường, tỉnh ngộ) đối với những trạng thái hiện-hữu, để làm phai-biến và chấm-dứt của chúng.

(4) “Lại nữa, một bà-la-môn nói: ‘Ta không ở bất cứ đâu là của ai, cũng không ở bất cứ đâu có bất cứ gì là của ta.’⁷⁵² Khi nói như vậy, bà-la-môn đó nói sự thật, không nói dối. Họ nói như vậy không phải với tư cách như ‘một tu sĩ’ hay ‘một bà-la-môn’. Cũng không phải do nghĩ ta là này nọ như ‘Ta tốt hơn’, hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’. Mà chỉ đơn giản là do họ đang tu tập đạo không-có-gì (đạo vô sở hữu).⁷⁵³

“Này các du sĩ, đây là bốn sự thật của bà-la-môn mà ta đã tuyên bố, sau khi ta đã tự mình nhận ra chúng bằng trí-biết trực-tiếp.”

186 (6) Sự Tinh Nhạy

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

(1) “Thưa Thế Tôn, thế giới bị dẫn dắt bởi cái gì? Thế giới bị lôi kéo bởi cái gì? Khi cái gì khởi sinh thì [thế giới] đi theo sự điều khiển của nó?”⁷⁵⁴

“Giỏi, giỏi, này Tỳ kheo! Sự nhạy bén của thầy là xuất sắc. Sự nhạy bén của thầy là xuất sắc.⁷⁵⁵ Sự tìm hiểu của thầy là tốt. Vì thầy đã hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, thế giới bị dẫn dắt bởi cái gì? Thế giới bị lôi kéo bởi cái gì? Khi cái gì khởi sinh thì [thế giới] đi theo sự điều khiển của nó?’.

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Này Tỳ kheo, thế giới bị dẫn dắt bởi tâm, bị lôi kéo bởi tâm; khi

tâm khởi sinh thì [thể giới] đi theo sự điều khiển của nó.”

“Thật tốt, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó vui lòng và hoan hỷ với lời nói của đức Thế Tôn nói. Sau khi nói vậy, người đó hỏi đức Thế Tôn một câu nữa:

(2) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘bậc học sĩ về Giáo Pháp; bậc học sĩ về Giáo Pháp’. Theo cách nào một người là một bậc học sĩ về Giáo Pháp?”

“Giỏi, giỏi, này Tỳ kheo! ... Vì thầy đã hỏi: ‘ ... Theo cách nào một người là một bậc học sĩ về Giáo Pháp?’”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Này Tỳ kheo, ta đã chỉ dạy nhiều giáo lý: về những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bốn sinh (của Phật), kinh những sự kiện thần diệu, và kinh vấn đáp. Nếu, thậm chí chỉ cần học được ý nghĩa và Giáo Pháp của một bài kệ bốn câu, và người đó tu tập đúng theo Giáo Pháp, thì nhiều đó cũng đủ để người đó được gọi là “một bậc học sĩ về Giáo Pháp.””

“Thật tốt, thưa Thế Tôn” ... Sau khi nói vậy, người đó hỏi đức Thế Tôn một câu nữa:

(3) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘bậc học sĩ với trí-tuệ thâm nhập; bậc học sĩ với trí-tuệ thâm nhập’. Theo cách nào một người là bậc học sĩ với trí-tuệ thâm nhập?”

“Giỏi, giỏi, này Tỳ kheo! ... Vì thầy đã hỏi: ‘ ... Theo cách nào một người là một bậc học sĩ với trí-tuệ thâm nhập?’”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Này Tỳ kheo, ở đây, một Tỳ kheo đã nghe: ‘Đây là khô’, và người đó nhìn thấy nghĩa của điều này, sau khi xuyên thấu [chọc thủng] nó bằng trí-tuệ. Người đó đã nghe: ‘Đây là nguồn-gốc khô’, và người

đó nhìn thấy nghĩa của điều này, sau khi xuyên thấu nó bằng trí-tuệ. Người đó đã nghe: ‘Đây là sự diệt-khổ’, và người đó nhìn thấy nghĩa của điều này, sau khi xuyên thấu nó bằng trí-tuệ. Người đó đã nghe: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự diệt-khổ’, và người đó nhìn thấy nghĩa của điều này, sau khi xuyên thấu nó bằng trí-tuệ. Chính theo cách này một người là một bậc học sĩ với trí-tuệ thâm nhập.”

“Thật tốt, thưa Thế Tôn” ... Sau khi nói vậy, người đó hỏi đức Thế Tôn một câu nữa:

(4) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘bậc trí với trí-tuệ lớn; bậc trí với trí-tuệ lớn’. Theo cách nào một người là bậc trí với trí-tuệ lớn?”

“Giỏi, giỏi, này Tỳ kheo! ... Vì thầy đã hỏi: ‘ ... Theo cách nào một người là bậc trí với trí-tuệ lớn?’”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Này Tỳ kheo, ở đây, một Tỳ kheo là một bậc trí với trí-tuệ lớn không cố-ý làm gì để gây khổ đau cho mình, hay khổ đau cho người khác, hay khổ đau cho cả mình và người khác. Thay vì vậy, khi nghĩ người đó chỉ nghĩ về phúc lợi của mình, phúc lợi của người khác, phúc lợi của cả mình và người khác, và phúc lợi của cả thế gian. Chính theo cách này một người là một bậc trí với trí-tuệ lớn.”

187 (7) *Vassakāra*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở chỗ được gọi là Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có bà-la-môn tên Vassakāra, là vị tể tướng của vương quốc Magadha (Ma-kiệt-đà), đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi, sau khi ngồi xuống một bên, ông đã nói với đức Thế Tôn:

(1) “Thầy Cồ-đàm, một người xấu có thể biết một người xấu là xấu [để nói: ‘Kẻ này là người xấu’], hay không?”

“Này bà-la-môn, không thể, và người xấu thì không thể biết một người xấu là xấu.”

(2) “Vậy một người xấu có thể biết một người tốt là tốt, hay không?”

“Này bà-la-môn, không thể, và người xấu thì không thể biết một người một người tốt là tốt.”

(3) “Vậy một người tốt có thể biết một người tốt là tốt, hay không?”

“Này bà-la-môn, có thể, và một người tốt thì có thể biết một người tốt là tốt.”

(4) “Vậy một người tốt có thể biết một người xấu là xấu, hay không?”

“Này bà-la-môn, có thể, và một người tốt cũng có thể biết một người xấu là xấu.”

“Thật kỳ lạ và kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm, cách mà Thầy Cồ-đàm đã nói điều này: “... một người xấu thì không thể biết ... một người tốt thì có thể biết ... [*lặp lại bốn điều trên*] ...”

“Thầy Cồ-đàm, trong một lần những thành viên của hội của bà-la-môn đang phê phán những người khác, [họ nói]: ‘Vua Eḷeyya là người ngu, bởi ông cả tin vào tu sĩ Rāmaputta, và tôn vinh tối cao ông ấy bằng cách lễ lạy ông ấy, đứng dậy khi ông ấy đến, kính chào ông ấy, và giữ tư cách lễ phép đối với ông ấy.’⁷⁵⁶ Những quan thần của Vua Eḷeyya—gồm Yamaka, Moggalla, Ugga, Nāvindakī, Gandhabba, và Aggivessa—cũng đều là người ngu, bởi họ cũng cả tin vào tu sĩ Rāmaputta, và tôn vinh tối cao ông ấy bằng cách lễ lạy ông ấy, đứng dậy khi ông ấy đến, kính chào ông ấy, và giữ tư cách lễ phép đối với ông ấy.’

Lúc đó, bà-la-môn Todeyya mới lý giải cho họ theo cách này:

“Này quý vị, quý vị nghĩ sao, trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, có phải Vua Eḷeyya là khôn khéo và tinh tường hơn cả những người rất tinh tường?”

“[Họ trả lời:] Đúng vậy, thưa ngài, trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, có phải Vua Eḷeyya là khôn khéo và tinh tường hơn cả những người rất tinh tường.”

“Nhưng, này quý vị, chính vì tu sĩ Rāmaputta còn khôn khéo và tinh tường hơn cả Vua King Eḷeyya trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, cho nên Vua Eḷeyya mới có lòng-tin hoàn toàn vào ông ấy, và tôn vinh tối cao ông ấy bằng cách lễ lạy ông ấy, đứng dậy khi ông ấy đến, kính chào ông ấy, và giữ tư cách lễ phép đối với ông ấy.’

“Này quý vị, quý vị nghĩ sao, trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, có phải những quan thần của Vua Eḷeyya—gồm Yamaka, Moggalla, Ugga, Nāvindakī, Gandhabba, và Aggivessa—là khôn khéo và tinh tường hơn cả những người rất tinh tường?”

““Đúng vậy, thưa ngài, trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, họ là khôn khéo và tinh tường hơn cả những người rất tinh tường.”

“Nhưng, này quý vị, chính vì tu sĩ Rāmaputta còn khôn khéo và tinh tường hơn cả họ trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, cho nên họ mới có lòng-tin hoàn toàn vào ông ấy, và tôn vinh tối cao ông ấy bằng cách lễ lạy ông ấy, đứng dậy khi ông ấy đến, kính chào ông ấy, và giữ tư cách lễ phép đối với ông ấy.’

“Thật kỳ lạ và kỳ diệu, Thầy Cò-đàm, cách mà Thầy Cò-đàm đã

nói điều này: “... một người xấu thì không thể biết ... một người tốt thì có thể biết ... [*lặp lại bốn điều trên*] ... Và bây giờ, Thầy Cồ-đàm, chúng tôi phải đi đây. Chúng tôi bận và có nhiều việc phải làm.”

“Này bà-la-môn, quý vị cứ tùy tiện mà đi.”

Rồi bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của xứ Magadha, sau khi vui lòng và hoan hỷ với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

188 (8) *Upaka*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó có ông Upaka Maṇḍikāputta đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và nói:

“Thưa Ngài, đây là lý luận và quan điểm của tôi: Nếu ai phê phán người khác nhưng không chứng thực được điều đó, thì người đó là có tội và đáng chê trách.”

“Này Upaka, ai phê phán người khác nhưng không chứng thực được điều đó, thì người đó là có tội và đáng chê trách. Nhưng ông phê phán người khác và không chứng thực điều đó, vậy ông là có tội và đáng chê trách.”

“Thưa Ngài, giống như người dùng bẫy lớn canh bắt con cá đang trôi lên mặt nước; cũng giống như vậy, khi tôi vừa mới khởi lên Thế Tôn đã dùng bẫy lớn để bắt bẻ tôi khi đang thảo luận.”

(1) “Này Upaka, ta đã tuyên bố: ‘Đây là bất thiện’. Như Lai có vô vàn những lời dạy Giáo Pháp về điều này, với vô vàn ngôn từ và câu chữ, [*tuyên thuyết*]: ‘Vì những lý do như vậy và như vậy, điều như vậy hay như vậy là bất thiện’.

(2) “Này Upaka, ta đã tuyên bố: ‘Rằng những điều bất thiện nên được dẹp bỏ’. Như Lai có vô vàn những lời dạy Giáo Pháp về điều này,

với vô vàn ngôn từ và câu chữ, [tuyên thuyết]: ‘Vì những lý do như vậy và như vậy, nên những điều bất thiện nên được dẹp bỏ’.

(3) “Này Upaka, ta đã tuyên bố: ‘Đây là thiện’. Như Lai có vô vàn những lời dạy Giáo Pháp về điều này, với vô vàn ngôn từ và câu chữ, [tuyên thuyết]: ‘Vì những lý do như vậy và như vậy, điều như vậy hay như vậy là thiện’.

(4) “Này Upaka, ta đã tuyên bố: ‘Rằng những điều thiện nên được tu dưỡng’. Như Lai có vô vàn những lời dạy Giáo Pháp về điều này, với vô vàn ngôn từ và câu chữ, [tuyên thuyết]: ‘Vì những lý do như vậy và như vậy, nên những bất thiện nên được tu dưỡng’.

Rồi ông Upaka Maṇḍikāputta, sau khi vui lòng và hoan hỷ với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, và giữ ở Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra. Sau đó ông đến gặp Vua A-xà-thế (Ajātasattu Vedehiputta) của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) và kể lại cho vua nghe toàn bộ cuộc nói chuyện với đức Thế Tôn.

Khi ông kể xong, Vua A-xà-thế liền bực mình và nổi giận, ông nói với Upaka Maṇḍikāputta: “Thật là cả gan đứa con của dân làm muối! Thật thô lỗ, thật hỗn xược, ông dám nghĩ có thể công kích đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác như vậy sao. Hãy biến đi, Upaka, biến đi! Biến khỏi mắt ta!”

189 (9) Sự Chứng Ngộ

“Này các Tỳ kheo, có bốn điều này để chứng ngộ. Bốn đó là gì?

“Có những điều được chứng ngộ bằng thân; có những điều được chứng ngộ bằng trí-nhớ; có những điều được chứng ngộ bằng mắt; có những điều được chứng ngộ bằng trí-tuệ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều được chứng ngộ bằng thân? Đó là, tám sự giải-thoát được chứng ngộ bằng thân.

(2) Và cái gì được chứng ngộ bằng trí-nhớ? Những cõi kiếp trước của một người được chứng ngộ bằng trí-nhớ (túc mạng minh).

(3) Và cái gì được chứng ngộ bằng mắt? Sự qua đời và tái sinh của những chúng sinh được chứng ngộ bằng mắt (thiên nhãn minh).

(4) Và cái gì được chứng ngộ bằng trí-tuệ? Sự tiêu diệt ô-nhiễm được chứng ngộ bằng trí-tuệ (lậu tận minh).

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều để chứng ngộ.”

190 (10) Ngày Bố-Tát

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Phía Đông trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra [Migāramātā]. Vào dịp đó, vào ngày lễ bố-tát [uposatha], đức Thế Tôn đang ngồi giữa Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Rồi, sau khi quan sát cả Tăng Đoàn đều im lặng, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, hội chúng này không có chuyện tầm phào; hội chúng này không có chuyện tầm phào, là trong sạch, được thiết lập về cốt lõi. Một Tăng đoàn Tỳ kheo như vậy, một hội chúng như vậy là hiếm thấy trong thế gian. Một Tăng đoàn Tỳ kheo như vậy, một hội chúng như vậy là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian. Ngay cả một chút bố thí cho một Tăng đoàn Tỳ kheo như vậy, cho một hội chúng như vậy, cũng trở thành nhiều; nhiều bố thí trở thành bội nhiều. Một Tăng đoàn Tỳ kheo như vậy, một hội chúng như vậy là đáng để đi nhiều do-tuần [yojana] để đến gặp, dù trên vai phải vác cả bao nặng. Tăng đoàn Tỳ kheo này là như vậy.

“Có nhiều Tỳ kheo trong Tăng đoàn này là những người đang sống sau khi đã chứng đắc trạng thái những thiên-thần. Có nhiều Tỳ

kheo trong Tăng đoàn này là những người đang sống sau khi đã chứng đắc trạng thái những vị trời brahmā. Có nhiều Tỳ kheo trong Tăng đoàn này là những người đang sống sau khi đã chứng đắc sự bất-động (không còn bị khích động). Có những Tỳ kheo trong Tăng đoàn này là những người sống sau khi đã chứng đắc trạng thái của những thánh-nhân.

(1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái của một thiên-thần? Ở đây, một Tỳ kheo: **(i)** tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất [Nhất thiền], trạng thái có đi kèm với ý nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó. **(ii)** Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai [Nhị thiền], trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm. **(iii)** Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ, người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba [Tam thiền], trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc’. **(iv)** Với sự dẹp bỏ sự sợ hãi và khổ, và với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư [Tứ thiền], trạng thái không còn sợ hãi hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. Chính theo cách này (*chứng đắc những tầng thiền định sắc-giới*), một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái của một thiên-thần.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái của một vị trời brahmā (Phạm thiên)? Ở đây, một Tỳ kheo: **(a)** an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư.

Như vậy là, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, ta sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không thù ghét, không ác ý. (b) Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... (c) với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ... (d) với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy là, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, ta sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn ... sự tùy-hỷ ... sự buông-xả, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không thù ghét, không ác ý. Chính theo cách này (*chứng đắc những trạng thái tứ vô lượng tâm*), một Tỷ kheo chứng đắc trạng thái của một vị trời brahmā.

(3) “Và theo cách nào một Tỷ kheo đã chứng đắc sự bất-động? Ở đây, một Tỷ kheo: (i) với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc, với sự phai-biến những nhận-thức về sự đụng-chạm giác quan, với sự không-còn chú tâm tới những nhận-thức về sự đa-dạng, [nhận thức rõ] ‘không gian là vô biên’, người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của không gian (không vô biên xứ). (ii) Bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của không gian, [nhận thức rõ] ‘thức là vô biên’, người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ). (iii) Bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, [nhận thức rõ] ‘không có gì’, người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ). (iii) Bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không-có-gì, người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ). Chính theo cách này (*chứng đắc những tầng chứng đắc vô-sắc-giới*), một Tỷ kheo đã chứng đắc sự bất-động.

(4) “Và theo cách nào một Tỷ kheo đã chứng đắc trạng thái của

một thánh-nhân? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’. Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn gốc khổ’ ... ‘Đây là sự chấm dứt khổ’ ... ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Chính theo cách này (*giác ngộ Bốn Diệu Đế*), một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái của một thánh-nhân.”

NHÓM 5

NHÓM LỚN

191 (1) Nghe Theo Bằng Tai

“Này các Tỳ kheo, khi một người tu nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, suy xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng thấu suốt bằng cách-nhìn (chánh kiến), thì có thể trông đợi bốn ích-lợi. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bản sinh (của Phật), kinh những sự kiện thần diệu, và kinh vấn đáp. Người đó nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, suy xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng thấu suốt bằng cách-nhìn. (Nhưng) người đó qua đời với tâm bị xao lãng (không nhớ gì, thất niệm) và tái sinh trong số những thiên-thần. Ở đó, có những bậc hạnh-phúc tụng lại những đoạn kinh Giáo Pháp cho người đó nghe.⁷⁵⁷ Trí nhớ người đó khởi lại từng chút, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt (giác ngộ cao hơn). Đây là ích lợi thứ nhất có thể được trông đợi khi một người tu đã nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, suy xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng thấu suốt bằng cách-nhìn.

(2) “Lại nữa, một Tỷ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... kinh văn đáp. Người đó nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, suy xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng thấu suốt bằng cách-nhìn. (Nhưng) người đó qua đời tâm bị xao lãng và tái sinh trong số những thiên-thần. Ở đó, những bậc hạnh-phúc không tụng lại những đoạn kinh Giáo Pháp cho người đó nghe. Nhưng nhờ có một Tỷ kheo có năng-lực thần thông, là người đã đạt tới sự nắm vững cái tâm, chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng các thiên-thần ở đó. Người đó ý nghĩ (nhớ lại) như vậy: ‘Đây là Giáo Pháp và giới-luật mà trước đây ta đã sống đời sống tâm linh theo đó.’ Trí nhớ người đó khởi lại từng chút, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt.

“Giả sử có một người rất giỏi về tiếng trống cơm. Khi đang đi trên đường lộ người đó nghe thấy tiếng trống cơm và sẽ không hề bị lẫn lộn hay không chắc chắn về âm thanh của nó; thậm chí người đó còn kết luận: ‘Đó là tiếng trống cơm’. Cũng giống như vậy, một Tỷ kheo nắm vững Giáo Pháp ... Trí nhớ người đó khởi lại từng chút, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt. Đây là ích lợi thứ hai có thể được trông đợi khi một người tu đã nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, suy xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng thấu suốt bằng cách-nhìn.

(3) “Lại nữa, một Tỷ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... kinh văn đáp. Người đó nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, suy xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng thấu suốt bằng cách-nhìn. (Nhưng) người đó qua đời tâm bị xao lãng và tái sinh trong số những thiên-thần. Ở đó, những bậc hạnh-phúc không tụng lại những đoạn lời Giáo Pháp cho người đó nghe; cũng không có một Tỷ kheo có năng-lực thần thông, là người đã đạt tới sự nắm vững cái tâm, chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng các thiên-thần. Nhưng nhờ có một thiên-thần trẻ chỉ dạy Giáo Pháp cho hội chúng

các thiên-thần ở đó. Người đó ý nghĩ (nhớ lại) như vậy: ‘Đây là Giáo Pháp và giới-luật mà trước đây ta đã sống đời sống tâm linh theo đó.’ Trí nhớ người đó khởi lại từng chút, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt.

“Giả sử có một người rất giỏi về tiếng trống cơm. Khi đang đi trên đường lộ người đó nghe thấy tiếng trống cơm và sẽ không hề bị lẫn lộn hay không chắc chắn về âm thanh của nó; thậm chí người đó còn kết luận: ‘Đó là tiếng trống cơm’. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp ... Trí nhớ người đó khởi lại từng chút, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt. Đây là ích lợi thứ ba có thể được trông đợi khi một người tu đã nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, suy xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng thấu suốt bằng cách-nhìn.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... kinh văn đáp. Người đó nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, suy xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng thấu suốt bằng cách-nhìn. (Nhưng) người đó qua đời tâm bị xao lãng và tái sinh trong số những thiên-thần. Ở đó, những bậc hạnh-phúc không tụng lại những đoạn lời Giáo Pháp cho người đó nghe; cũng không có một Tỳ kheo có năng-lực thần thông, là người đã đạt tới sự nắm vững cái tâm, chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng các thiên-thần; cũng không có một thiên-thần trẻ chỉ dạy Giáo Pháp cho hội chúng các thiên-thần ở đó. Nhưng nhờ có một chúng sinh đã được tái sinh tự động (trong cõi trời đó) nhắc lại cho những chúng sinh khác cũng được tái sinh tự động ở đó: ‘Này quý vị, có nhớ không? Quý vị có nhớ chúng ta đã từng sống đời sống tâm linh ở đâu không?’ Người đó nghe được và nói: ‘Tôi nhớ rồi, thưa quý vị; Tôi nhớ lại rồi’. Trí nhớ người đó khởi lại từng chút, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt.

“Giả sử có hai người bạn chơi đã từng chơi trong nước bùn. Tình

cờ họ gặp lại nhau trong kiếp sau. Một người bạn nói với người kia: ‘Này bạn, bạn có nhớ không’ Và người kia nghe được và nói: ‘Tôi nhớ rồi, này bạn. Tôi nhớ lại rồi’. Cũng giống như vậy, một Tỷ kheo nắm vững Giáo Pháp ... Trí nhớ người đó khởi lại từng chút, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt. Đây là ích lợi thứ tư có thể được trông đợi khi một người tu đã nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, suy xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng thấu suốt bằng cách-nhìn.

“Đây là bốn ích lợi có thể trông đợi khi một người tu nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, suy xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng thấu suốt bằng cách-nhìn.”

192 (2) Những Điều Sự Thật

“Này các Tỷ kheo, có bốn điều sự thật này có thể được biết thông qua bốn trường hợp. Bốn đó là gì?

(1) “Bằng cách sống chung với nhau, có thể biết được giới-hạnh của nhau; và chỉ biết sau một thời gian dài, không phải sau một lần; biết bởi người có đề ý (tác ý), không biết bởi người không đề ý; và biết bởi người có trí, không biết bởi người không có trí.

(2) “Bằng cách đối xử qua lại với nhau, có thể biết được tính liêm-trực của nhau; và chỉ biết sau một thời gian dài, không phải sau một lần; biết bởi người có đề ý, không biết bởi người không đề ý; và biết bởi người có trí, không biết bởi người không có trí.

(3) “Trong cùng cảnh bất hạnh với nhau, có thể biết nghị lực chịu-đựng của nhau; và chỉ biết sau một thời gian dài, không phải sau một lần; biết bởi người có đề ý, không biết bởi người không đề ý; và biết bởi người có trí, không biết bởi người không có trí.

(4) “Bằng cách đối thoại với nhau, có thể biết trí-tuệ của nhau; và

chỉ biết sau một thời gian dài, không phải sau một lần; biết bởi người có đề ý, không biết bởi người không đề ý; và biết bởi người có trí, không biết bởi người không có trí.

1- “Khi điều (1) được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy?

(a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, bằng cách sống chung với người khác, mình sẽ đi đến biết người đó như vậy: ‘Đã từ lâu đức-hạnh của vị này đã bị sút mẻ, bị hư hỏng, bị dính nhiễm, bị đốm xấu, và người đó không thường xuyên kiên cữ và sống theo giới-hạnh. Vị này là thất đức, thiếu giới hạnh.’

(b) “Nhưng trong trường hợp khác, bằng cách sống chung với người khác, mình sẽ đi đến biết người đó như vậy: ‘Đã từ lâu đức-hạnh của vị này đã không bị sút mẻ, không bị hư hỏng, không bị dính nhiễm, không bị đốm xấu, và người đó thường kiên trì kiên cữ và sống theo giới-hạnh. Vị này là có giới hạnh, không phải thất đức.’

“Vì lý do như vậy nên điều (1) đã được nói ra.

2- “Thêm nữa, khi điều (2) được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy?

(a) “Ở đây, khi đối xử qua lại với một người, mình sẽ đi đến biết người đó như vậy: ‘Vị này đối xử với một người theo cách này, đối xử với hai người theo cách khác, đối xử với ba người theo cách khác nữa, và đối xử với nhiều người theo cách khác nữa. Những cách đối xử trong mỗi trường hợp đều khác nhau. Vị này là không trong sạch trong những cách đối xử với những người khác, là không liêm khiết trong những cách đối xử như vậy.’

(b) “Nhưng trong trường hợp khác, khi đối xử qua lại với một người, mình sẽ đi đến biết người đó như vậy: ‘Vị này đối xử với một người, hai người, ba người, hay nhiều người theo cách giống nhau. Những cách đối xử trong những trường hợp đều giống nhau. Vị này là

trong sạch trong những cách đối xử với những người khác, là liêm khiết trong những cách đối xử như vậy.’

“Vì lý do như vậy nên điều (2) đã được nói ra.

3- “Thêm nữa, khi điều (3) được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy?

(a) “Ở đây, có người bị đau khổ khi bị mất người thân, của cải, hay sức khỏe, nhưng người đó không biết suy xét (quán chiếu) như vậy: ‘Kiếp người trong thế gian vốn có bản chất như vậy, rằng thế gian quay cuồng theo tám điều kiện thế tục, đó là, được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ.’ Do vậy, mỗi khi bị mất người thân, của cải, hay sức khỏe, người đó buồn sầu, suy nhược, và ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quần trí.

(b) “Nhưng trong trường hợp khác, có người bị đau khổ khi bị mất người thân, của cải, hay sức khỏe, nhưng người đó biết suy xét (quán chiếu) như vậy: ‘Kiếp người trong thế gian vốn có bản chất như vậy, rằng thế gian quay cuồng theo tám điều kiện thế tục, đó là, được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ.’ Do vậy, mỗi khi bị mất người thân, của cải, hay sức khỏe, người đó không buồn sầu, suy nhược, và ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực, hay quần trí.

“Vì lý do như vậy nên điều (3) đã được nói ra.

4- “Thêm nữa, khi điều (4) được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy?

(a) “Ở đây, khi đối thoại với một người, mình đi đến biết rằng: ‘Suy đoán từ cách vị ấy khởi xướng, đặt ra, và đưa ra một câu hỏi, cho thấy vị ấy là không có trí, là không trí tuệ. Vì lý do gì? Vị ấy không nói về những vấn đề sâu sắc, bình an, siêu xuất, vượt trên lĩnh vực lý luận, tinh tế, có thể được hiểu bởi người có trí. Khi vị ấy nói về Giáo Pháp, vị ấy không thể giảng giải, chỉ dạy, mô tả, thiết lập, khai mở, phân tích,

và làm sáng tỏ ý nghĩa của nó một cách ngắn gọn hay chi tiết. Vị ấy là không có trí, là không trí tuệ.’

Giống như một người có mắt sáng, đứng bên bờ hồ, có thể nhìn thấy rõ một con cá nhỏ đang nổi lên mặt nước, người đó nghĩ: ‘Suy đoán từ cách con cá nổi lên, từ dợn sóng nước nó tạo ra, và từ lực bơi của nó, cho thấy nó là một con cá nhỏ, không phải cá lớn’; cũng giống như vậy, khi đối thoại với một người, mình sẽ đi đến biết rằng: ‘Suy đoán từ cách vị ấy khởi xướng, đặt ra, và đưa ra một câu hỏi, cho thấy vị ấy là không có trí, là không trí tuệ.’

(b) “Nhưng trong trường hợp khác, khi đối thoại với một người, mình đi đến biết rằng: ‘Suy đoán từ cách vị ấy khởi xướng, đặt ra, và đưa ra một câu hỏi, cho thấy vị ấy là có trí, là trí tuệ. Vì lý do gì? Vị ấy nói về những vấn đề sâu sắc, bình an, siêu xuất, vượt trên lĩnh vực lý luận, tinh tế, có thể được hiểu bởi người có trí. Khi vị ấy nói về Giáo Pháp, vị ấy có thể giảng giải, chỉ dạy, mô tả, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm sáng tỏ ý nghĩa của nó một cách ngắn gọn hay chi tiết. Vị ấy là có trí, là trí tuệ.’

Giống như một người có mắt sáng, đứng bên bờ hồ, có thể nhìn thấy rõ một con cá lớn đang nổi lên mặt nước, người đó nghĩ: ‘Suy đoán từ cách con cá nổi lên, từ dợn sóng nước nó tạo ra, và từ lực bơi của nó, cho thấy nó là một con cá lớn, không phải cá nhỏ’; cũng giống như vậy, khi đối thoại với một người, mình sẽ đi đến biết rằng: ‘Suy đoán từ cách vị ấy khởi xướng, đặt ra, và đưa ra một câu hỏi, cho thấy vị ấy là có trí, là trí tuệ.’

“Vì lý do như vậy nên điều (4) đã được nói ra.

“Này các Tỷ kheo, đây là bốn điều sự thật có thể được biết thông qua bốn trường hợp.”

193 (3) Ông Bhaddiya

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī trong hội trường có mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có ông Bhaddiya người Lic-chavi đến gặp và kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nghe điều này: ‘Tu sĩ [sa-môn] Cồ-đàm là một người có bùa (huyền thuật, ma thuật), dùng bùa thuật chuyển đổi để chuyển đạo (cải đạo) những đệ tử của những vị thầy của những giáo phái khác.’ Có phải những người nói như vậy là nói điều đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai bằng những trái với sự thật vậy? Có phải họ giải thích đúng theo Giáo Pháp và do vậy họ không để lại cơ sở có lý nào để bị bài bác hay chỉ trích? Vì chúng con không muốn diễn dịch sai về đức Thế Tôn.”⁷⁵⁸

(I) “Này Bhaddiya, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng, bởi tông phái truyền thừa, bởi lời đồn đại, bởi kinh sách; bởi sự lý luận theo lý lẽ, bởi lý luận do suy đoán, bởi sự nhận thấy có lý, bởi do chấp nhận một quan điểm sau khi xem xét kỹ nó; bởi bề ngoài (vị đó) có vẻ cao đạo, hay bởi do ý nghĩ ‘Vị đó là sư thầy của chúng ta mà’. Nhưng khi nào ông tự mình biết được: ‘Những điều này là bất thiện; những điều này là đáng chê (tội lỗi); những điều này là bị quở trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau’, thì ông nên dẹp bỏ chúng.”⁷⁵⁹

(1) “Này Bhaddiya, ông nghĩ sao? Khi tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”

“Mang lại nguy hại, thưa Thế Tôn.”

“Này Bhaddiya, một người tham lam, bị chi phối bởi tham, với một cái tâm bị ám muội bởi tham, nên mới sát-sinh, lấy của không được cho, gian dâm ngoại tình, và nói dối nói sai; và người đó cũng khuyến

khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

(2) “Này Bhaddiya, ông nghĩ sao? Khi sân ... (3) Khi si ... (4) Khi sự thái-quá khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”

“Mang lại nguy hại, thưa Thế Tôn.” ⁷⁶⁰

“Này Bhaddiya, một người sân hận, bị chi phối bởi sân ... bởi si ... bởi tính thái-quá, với một cái tâm bị ám muội bởi sân ... bởi si ... bởi tính thái-quá, nên mới sát-sinh, lấy của không được cho, gian dâm ngoại tình, và nói dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Này Bhaddiya, ông nghĩ sao? Những điều đó là lành mạnh hay không lành mạnh?” – “Không lành mạnh, thưa Thế Tôn” – “Tội lỗi hay không tội lỗi?” – “Tội lỗi, thưa Thế Tôn” – “Bị quả trách hay được khen ngợi bởi bậc trí hiền?” – “Bị quả trách bởi bậc trí hiền, thưa Thế Tôn” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới nguy hại và khổ đau hay không, ông thấy sao?” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới nguy hại và khổ đau, con thấy như vậy.”

“Như vậy, này Bhaddiya, khi ta nói: ‘Này Bhaddiya, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng ... Nhưng khi nào ông tự mình biết được: ‘Những điều này là không lành mạnh ... nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến nguy hại và khổ đau’, thì ông nên dẹp bỏ chúng.’, thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy.”

(II) Này Bhaddiya, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng ... Nhưng, này Bhaddiya, khi nào ông tự mình biết được:

‘Những điều này là lành mạnh; những điều này là không đáng chê (không tội lỗi); những điều này là không bị quả trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc’, thì ông nên sống theo chúng.”

(1) “Này Bhaddiya, ông nghĩ sao? Khi sự vô-tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”

“Mang lại ích lợi, thưa Thế Tôn.”

“Này Bhaddiya, một người không tham lam, không bị chi phối bởi tham, với một cái tâm không bị ám muội bởi tham, thì không sát-sinh, lấy của không được cho, gian dâm ngoại tình, hay nói dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

(2) “Này Bhaddiya, ông nghĩ sao? Khi sự vô-sân ... (3) Khi sự vô-si ... (4) Khi sự không thái-quá khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”

“Mang lại ích lợi, thưa Thế Tôn.”

“Này Bhaddiya, một người không sân hận ... không si mê ... không thái-quá, không bị chi phối bởi sân ... bởi si ... bởi tính thái-quá, với một cái tâm không bị ám muội bởi sân ... bởi si ... bởi tính thái-quá, thì không sát-sinh, lấy của không được cho, gian dâm ngoại tình, hay nói dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Này Bhaddiya, ông nghĩ sao? Những điều đó là lành mạnh hay không lành mạnh?” – “Lành mạnh, thưa Thế Tôn” – “Tội lỗi hay không tội lỗi?” – “Không tội lỗi, thưa Thế Tôn” – “Bị quả trách hay được khen

ngợi bởi bậc trí hiền?” – “Được khen ngợi bởi bậc trí hiền, thưa Thế Tôn” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc hay không, ông thấy sao?” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc; con thấy như vậy.”

“Như vậy, này Bhaddiya, khi ta nói: ‘Này Bhaddiya, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng ... Nhưng khi nào ông tự mình biết được: ‘Những điều này là lành mạnh; những điều này là không đáng chê (không tội lỗi); những điều này là không bị quở trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc’, thì ông nên sống theo chúng.’, thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy.”

(III) “Này Bhaddiya, những người tốt trong thế gian thì khích lệ đệ tử của mình như vậy: ‘Này người tốt, anh nên thường trực trừ bỏ tham.⁷⁶¹ Khi anh thường trực trừ bỏ tham, anh sẽ không làm hành-vi nào phát sinh từ tham, dù là hành động, lời nói, hay tâm ý. Anh nên thường trực trừ bỏ sân. Khi anh thường trực trừ bỏ sân, anh sẽ không làm hành-vi nào phát sinh từ sân, dù đó là hành động, lời nói, hay tâm ý. Khi anh thường trực trừ bỏ si, anh sẽ không làm hành-vi nào phát sinh từ si, dù đó là hành động, lời nói, hay tâm ý. Khi anh thường trực trừ bỏ sự thái-quá, anh sẽ không làm hành-vi nào phát sinh từ tính thái-quá, dù đó là hành động, lời nói, hay tâm ý.’”

Sau khi điều này được nói ra, ông Bhaddiya người Licchavi đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... [*giống đoạn cuối kinh 4:111*] ... Mong Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời.”

“Giờ, này Bhaddiya, ta có bao giờ nói với ông rằng: ‘Này Bhaddiya, hãy đến đây làm môn đồ của ta và ta sẽ làm sư thầy của ông’, hay không?”

“Chắc chắn không có vậy, thưa Thế Tôn”

“Nhưng, này Bhaddiya, mặc dù ta nói ra như vậy và tuyên thuyết [giáo lý của ta] theo cách như vậy, vẫn có một số những tu sĩ và bà-la-môn đã diễn dịch lời ta một cách không đúng sự thật, không có căn cứ, sai giả, và sai trái khi họ nói rằng: ‘Tu sĩ Cồ-đàm là một người có bùa, dùng bùa thuật chuyển đổi để chuyển đạo những đệ tử của những vị thầy của những giáo phái khác.’

“Cái ‘bùa chuyển đạo’ đó là thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Cái ‘thuật chuyển đạo’ đó thật là tốt lành, thưa Thế Tôn! Nếu những người họ hàng và những người thân yêu quý trong gia đình của con được chuyển đạo bằng cuộc đàm đạo này, chắc điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Nếu tất cả những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) được chuyển đạo bằng cuộc pháp thoại này, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Nếu những bà-la-môn ... những người giai cấp thương-nông (vessa) ... những người giai cấp bần-hạ (sudda) được chuyển đạo bằng cuộc pháp thoại này, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.”⁷⁶²

“Đúng là vậy, này Bhaddiya, đúng là vậy! Nếu tất cả những người giai cấp chiến-sĩ mà được chuyển đạo bởi bài pháp thoại này để hướng tới sự dẹp-bỏ những phẩm chất bất-thiện và tích đạt những phẩm chất thiện-lành, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Nếu thế gian này có những thiên-thần, Ma-vương, và trời Brahmā, thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và con người mà được chuyển đạo bởi bài pháp thoại này để hướng tới sự dẹp-bỏ những phẩm chất bất-thiện và tích đạt những phẩm chất thiện-lành, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Ngay cả nếu những cây sa-la (long thọ) lớn này mà cũng được chuyển đạo bởi bài pháp thoại này để hướng tới sự dẹp-bỏ những phẩm chất bất-thiện và tích đạt những phẩm chất thiện-lành [nếu chúng có thể], thì điều đó cũng dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho chúng, nếu chúng có thể chọn.⁷⁶³ Huống chi một người mà biết chọn thì tốt lành nhiều tới mức nào!”

194 (4) Thị Trấn Sāpūga

Trong một lần đức Ngài Ānanda đang sống giữa những người Koliya (Câu-lợi) gần một thị trấn của họ có tên là Sāpūga. Lúc đó có một số thanh niên người Koliyan từ thị trấn Sāpūga đã đến gặp thầy Ānanda, kính chào thầy, và ngồi xuống một bên. Rồi thầy Ānanda mới nói với họ:

“Này những người (họ tộc) Byagghapajja, có bốn yếu tố phần-đầu (tinh cần) để đạt tới sự trong-sạch (thanh tịnh, thanh lọc)⁷⁶⁴ mà đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, bậc biết và thấy, đã thuyết giảng một cách chân chính để giúp thanh lọc chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương pháp (cách tu), để chứng ngộ Niết-bàn. Bốn đó là gì? Yếu tố phần-đầu để thanh lọc giới-hạnh, yếu tố phần-đầu thanh lọc tâm, yếu tố phần-đầu thanh lọc cách-nhìn, và yếu tố phần-đầu để thanh lọc sự giải-thoát.⁷⁶⁵

(1) “Và, này những người Byagghapajja, cái gì là yếu tố phần-đầu để thanh lọc giới-hạnh? Ở đây, một Tỷ kheo là có giới-hạnh ... [*tiếp tục như kinh 4:181*] ... người đó tu tập theo những giới luật đó. Đây được gọi là sự thanh lọc giới-hạnh. Sự mong muốn, nỗ lực, nhiệt thành, nhiệt tình, không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm, và sự rõ-biết [được áp dụng với ý-định này]: ‘Chỉ theo cách như vậy tôi sẽ hoàn thành sự thanh lọc giới-hạnh mà tôi đã chưa tu thành, hoặc sẽ trợ giúp bằng trí-tuệ theo nhiều cách đối với sự thanh lọc giới-hạnh mà tôi đã tu thành’⁷⁶⁶—đây được gọi là yếu tố phần-đầu để thanh lọc giới-hạnh.

(2) “Và, này những người Byagghapajja, cái gì là yếu tố phần-đầu để thanh lọc tâm? Ở đây, một Tỷ kheo: tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) ... người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất [Nhất thiền] ... tầng thiền định thứ hai [Nhị thiền]

... tầng thiền định thứ ba [Tam thiền] ... tầng thiền định thứ tư [Tứ thiền]. Đây được gọi là sự thanh lọc tâm. Sự mong muốn, nỗ lực, nhiệt thành, nhiệt tình, không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm, và sự rõ-biết [được áp dụng với ý-định này]: ‘Chỉ theo cách như vậy tôi sẽ hoàn thành sự thanh lọc tâm mà tôi đã chưa tu thành, hoặc sẽ trợ giúp bằng trí-tuệ theo nhiều cách đối với sự thanh lọc tâm mà tôi đã tu thành’—đây được gọi là yếu tố phần-đầu để thanh lọc tâm.

(3) “Và, này những người Byagghapajja, cái gì là yếu tố phần-đầu để thanh lọc cách-nhìn (kiến)? Ở đây, một Tỷ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’, ‘Đây là nguồn gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm dứt khổ’, và ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Đây được gọi là sự thanh lọc cách-nhìn.⁷⁶⁷ Sự mong muốn, nỗ lực, nhiệt thành, nhiệt tình, không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm, và sự rõ-biết [được áp dụng với ý-định này]: ‘Chỉ theo cách như vậy tôi sẽ hoàn thành sự thanh lọc cách-nhìn mà tôi đã chưa tu thành, hoặc sẽ trợ giúp bằng trí-tuệ theo nhiều cách đối với sự thanh lọc cách-nhìn mà tôi đã tu thành’—đây được gọi là yếu tố phần-đầu để thanh lọc cách-nhìn.

(4) “Và, này những người Byagghapajja, cái gì là yếu tố phần-đầu để thanh lọc sự giải-thoát? Ở đây, cũng chính vị thánh đệ tử đó, sau khi đã có được yếu tố phần-đầu để thanh lọc giới-hạnh như vậy, đã có được yếu tố phần-đầu để thanh lọc tâm như vậy, đã có được yếu tố phần-đầu để thanh lọc cách-nhìn như vậy, người đó tách ly tâm mình khỏi những thứ gây ra dính-buộc và giải thoát tâm mình thông qua những thứ đưa đến giải-thoát. Nhờ đó người đó đạt tới sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là sự thanh lọc sự giải-thoát.⁷⁶⁸ Sự mong muốn, nỗ lực, nhiệt thành, nhiệt tình, không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm, và sự rõ-biết [được áp dụng với ý-định này]: ‘Chỉ theo cách như vậy tôi sẽ hoàn thành sự thanh lọc sự giải-thoát mà tôi đã chưa tu thành, hoặc sẽ trợ giúp bằng trí-tuệ theo nhiều cách đối với sự thanh lọc sự giải-thoát mà tôi đã tu thành’—đây được gọi là yếu tố phần-đầu để thanh lọc cách-

nhìn.

“Này những người Byagghapajja, đây là bốn yếu tố phân-đầu để đạt tới sự trong-sạch mà đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, bậc biết và thấy, đã thuyết giảng một cách chân chính để giúp thanh lọc chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự đau khổ và ưu phiền, để thành tựu phương pháp (cách tu), để chứng ngộ Niết-bàn.”

195 (5) Ông Vappa

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người họ Thích-ca [Sakya] ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) trong Vườn Cây Banyan. Lúc đó có ông Vappa người họ tộc Thích-ca, là một đệ tử của những Ni-kiền-tử [Nigaṇṭha], đã đến gặp Ngài Đại Mục-kiền-liên [Mahāmoggallāna], kính chào thầy ấy và ngồi xuống một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với ông ấy:

“Ở đây, này ông Vappa, nếu một người được kiềm chế bởi thân, lời nói và tâm thì, khi vô-minh phai biến và sự hiểu-biết đích-thực (minh, chân trí) khởi sinh, ông thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?”

“Tôi thấy có khả năng đó, thưa Ngài. Trong quá khứ một người đã làm việc xấu ác mà kết quả của nó hiện chưa chín muối. Còn lý do (tức còn nghiệp chưa chín muối thành quả) mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau.”⁷⁶⁹

Trong khi cuộc đàm đạo này giữa hai người đang diễn ra, vào lúc cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn cư và đi đến hội trường. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với thầy Mục-

kiền-liên:

“Này Mục-kiền-liên, cuộc thảo luận mà thầy đang tham gia là gì? Và cuộc đàm đạo đang diễn ra là gì?”

[Thầy Mục-kiền-liên đã kể lại toàn bộ cuộc đàm thoại của mình với ông Vappa người tộc Thích-ca, và nói thêm:]

“Thưa Thế Tôn, đây là cuộc đàm thoại mà con đang nói với ông Vappa người tộc Thích-ca khi đức Thế Tôn đến.”

Rồi đức Thế Tôn nói với ông Vappa:

“Này ông Vappa, nếu ông thừa nhận điều nên được thừa nhận, và từ chối điều nên được từ chối; và nếu khi ông không hiểu nghĩa của lời ta nói ông sẽ hỏi kỹ lại ta như: ‘Điều này là ra sao, thưa Ngài? Nghĩa của điều này là gì, thưa Ngài’, thì chúng ta sẽ thảo luận tiếp chuyện đang dở này.”

“Thưa Ngài, tôi sẽ làm như Ngài yêu cầu, và nếu khi tôi không hiểu nghĩa của lời Ngài nói, tôi sẽ hỏi như Ngài yêu cầu. Vậy chúng ta cùng thảo luận tiếp.”

(1) “Này Vappa, ông nghĩ sao? Những ô-nhiễm đó, là gây đau khổ và con sốt, khởi sinh do những sự chủ-động-làm bằng *thân*; chúng không xảy ra nếu người kiểm chế sự chủ-động-làm đó. Người đó không tạo nghiệp mới nào và chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp xúc nó nhiều lần lặp lại.⁷⁷⁰ Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân trải nghiệm bởi những người có trí. Này Vappa, ông có thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?”

“Không, thưa Ngài”

(2) “Này Vappa, ông nghĩ sao? Những ô-nhiễm đó, là gây đau khổ và con sốt, khởi sinh do những sự chủ-động-làm bằng *miệng*; chúng

không xảy ra nếu người kiểm chế sự chủ-động-làm đó. Người đó không tạo nghiệp mới nào và chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp xúc nó nhiều lần lặp lại. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân trải nghiệm bởi những người có trí. Nay Vappa, ông có thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?”

“Không, thưa Ngài”

(3) “Nay Vappa, ông nghĩ sao? Những ô-nhiễm đó, là gây đau khổ và cơn sốt, khởi sinh do những sự chủ-động-làm bằng *tâm*; chúng không xảy ra nếu người kiểm chế sự chủ-động-làm đó. Người đó không tạo nghiệp mới nào và chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp xúc nó nhiều lần lặp lại. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân trải nghiệm bởi những người có trí. Nay Vappa, ông có thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?”

(4) “Nay Vappa, ông nghĩ sao? Khi vô-minh phai biến và sự hiểu-biết đích-thực (minh, chân trí) khởi sinh, thì những ô-nhiễm đó, là gây đau khổ và cơn sốt, khởi sinh do vô-minh là điều kiện (duyên), sẽ không còn xảy ra. Người đó không tạo nghiệp mới nào và chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp xúc nó nhiều lần lặp lại. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân trải nghiệm bởi những người có trí. Nay Vappa, ông có thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?”

“Không, thưa Ngài”

“Nay Vappa, một Tỳ kheo đã giải thoát trong tâm một cách toàn

thiện như vậy sẽ thành tựu sáu sự an trú thường xuyên. Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt người đó không còn vui hay buồn, nhưng an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết.⁷⁷¹ Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không còn vui hay buồn, nhưng an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết.

“Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này, người đó hiểu rằng: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống này, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống này.’ Người đó hiểu rằng: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự trút-hết mạng sống (mạng chung), tất cả (điều đó) đều được cảm nhận, nhưng không còn thích thú gì, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.’⁷⁷²

“Này ông Vappa, giả sử có một cái bóng do còn một gốc cây (bóng của gốc cây đó). Rồi một người đến cầm theo cái xẻng và cái rổ đựng. Người đó chặt tận gốc nó, đào nó lên, bứng hết rễ của nó, ngay cả những cọng rễ nhỏ và rễ tơ cũng không còn. Rồi ông ta chặt nó ra từng miếng, bằm nhỏ chúng, và bằm nát chúng. Rồi người đó đem phơi dưới nắng và gió, rồi đốt chúng trong lửa, và đốt chúng thành tro. Sau khi làm xong, người đó đem tro quăng trong gió mạnh hoặc rải chúng xuống dòng sông chảy xiết (để bị cuốn đi vĩnh viễn). Như vậy cái bóng, do có gốc cây mà có, giờ đã cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc cây cọ chết, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh trong tương lai.⁷⁷³

“Cũng giống như vậy, này Vappa, một Tỳ kheo đã được giải thoát trong tâm một cách toàn thiện như vậy sẽ thành tựu sáu sự an trú thường xuyên. Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt ... Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi nếm

thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không còn vui hay buồn, nhưng an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết.

“Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này, người đó hiểu rằng ... ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự trút-hết mạng sống, tất cả đều được cảm nhận, nhưng không còn thích thú gì, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.’”

Sau khi điều này được nói ra, ông Vappa người tộc Thích-ca, là một đệ tử của những Ni-kiền-tử, đã nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, giả sử có một người muốn thu lợi nên nuôi ngựa để bán, nhưng ông ta chẳng thu được lợi gì mà chỉ thu được sự mệt mỏi và khổ sở. Giống vậy, cũng vì mưu lợi, con đã tham gia vào những người Ni-kiền-tử ngu ngốc, nhưng con chẳng thu được lợi gì mà chỉ thu được sự mệt mỏi và khổ sở. Kể từ hôm nay, mọi niềm-tin con đã tin vào những Ni-kiền-tử, con sẽ quăng đi trong gió mạnh hay rải xuống dòng sông chảy xiết (để cuốn đi vĩnh viễn).

“Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... Đức Thế Tôn đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách ... Mong Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời.”

196 (6) Ông Sālha

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có ông Sālha và ông Abhaya đều là người Licchavi đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi ông Sālha đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có những tu sĩ và bà-la-môn là người tuyên bố

sự vượt-quá dòng-lũ bằng hai phương tiện: bằng sự thanh lọc giới-hạnh và bằng sự khổ-hạnh và ghê-tởm (với bản thân).⁷⁷⁴ Đức Thế Tôn nói gì về điều này?”

(I) “Này Sāḷha, ta nói sự thanh lọc giới-hạnh là một trong những yếu tố của đời sống tu sĩ (sa-môn, sa-môn hạnh). Nhưng những tu sĩ và bà-la-môn đó chủ trương sự khổ-hạnh và ghê-tởm, những người coi sự khổ-hạnh và ghê-tởm là cốt lõi (của đời tu), và những người tu theo kiểu tu khổ-hạnh và ghê-tởm thì không thể nào vượt qua dòng lũ.⁷⁷⁵ Cũng vậy, những tu sĩ và bà-la-môn có hành-vi thân, miệng và tâm không trong sạch, và sự mưu-sinh của họ không trong sạch, thì không thể đạt được trí-biết và tầm-nhìn, không thể đạt tới sự giác-ngộ vô thượng.

“Này ông Sāḷha, giả sử một người muốn vượt qua sông, người đó mang rìu bén và đi vô rừng. Ở đó người đó thấy một cây sa-la thân lớn, còn non, thẳng, tươi, chưa có lõi từ nụ quả (giống như lõi củ chuối sau khi thân chuối ra buồng). Người đó chặt gốc nó, chặt ngọn, bóc sạch cành lá, gọt (dọt) thẳng sơ thân bằng rìu, gọt thẳng thêm bằng dao rựa, bào nó bằng cái bào, mài bóng nó bằng đá mài, và đưa nó xuống nước để vượt qua sông. Ông nghĩ sao, này ông Sāḷha? Liệu người đó có vượt qua sông được không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì cho dù thân tươi cây sa-la đã được làm sạch hết phần bên ngoài nhưng nó chưa được thanh lọc ở bên trong. Có thể trông đợi thân tươi cây sa-la đó sẽ bị chìm, và người đó sẽ gặp phải tai họa và khổ nạn.”

“Cũng giống như vậy, này ông Sāḷha, những tu sĩ và bà-la-môn đó chủ trương sự khổ-hạnh và ghê-tởm, những người coi sự khổ-hạnh và ghê-tởm là cốt lõi (của đời tu), và những người tu theo kiểu tu khổ-hạnh và ghê-tởm thì không thể nào vượt qua dòng lũ. Cũng vậy, những tu sĩ và bà-la-môn có hành-vi thân, miệng và tâm không trong sạch, và sự mưu-sinh của họ không trong sạch, thì không thể đạt được trí-biết và

tâm-nhìn, không thể đạt tới sự giác-ngộ vô thượng.

(II) “Nhưng, này ông Sālha, những tu sĩ và bà-la-môn nào không chủ trương sự khổ-hạnh và ghê-tởm, những người không coi sự khổ-hạnh và ghê-tởm là cốt lõi (của đời tu), và những người không tu theo kiểu tu khổ-hạnh và ghê-tởm thì có thể vượt qua dòng lũ. Cũng vậy, những tu sĩ và bà-la-môn có hành-vi thân, miệng và tâm trong sạch, và sự mưu-sinh của họ trong sạch, thì có thể đạt được trí-biết và tâm-nhìn, có thể đạt tới sự giác-ngộ vô thượng.

“Này ông Sālha, giả sử một người muốn vượt qua sông, người đó mang rìu bén và đi vô rừng. Ở đó người đó thấy một cây sa-la thân lớn, còn non, thẳng, tươi, chưa có lõi từ nụ quả (giống như lõi củ chuối sau khi thân chuối ra buồng). Người đó chặt gốc nó, chặt ngọn, róc sạch cành lá, gọt (dọt) thẳng sơ thân bằng rìu, gọt thẳng thêm bằng dao rựa, bào nó bằng cái bào, lấy cái đục khoét sạch hết ruột thân cây, mài bóng nó bằng đá mài, và làm nó thành cái xuồng. Rồi người đó gắn thêm mấy mái chèo và bánh lái, và đưa nó xuống nước để vượt qua sông. Ông nghĩ sao, này ông Sālha? Liệu người đó có vượt qua sông được không?”

“Được, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì tươi cây sa-la đó đã được làm sạch hết phần bên ngoài, được làm sạch bên trong ruột, được làm thành một cái xuồng, được gắn thêm mấy mái chèo và bánh lái. Có thể trông đợi thân tươi cây sa-la đó sẽ không bị chìm, và người đó sẽ an toàn qua tới bờ bên kia (đáo bỉ ngạn).”

(1) “Cũng giống như vậy, những tu sĩ và bà-la-môn nào không chủ trương sự khổ-hạnh và ghê-tởm, những người không coi sự khổ-hạnh và ghê-tởm là cốt lõi (của đời tu), và những người không tu theo kiểu tu khổ-hạnh và ghê-tởm thì có thể vượt qua dòng lũ. Cũng vậy, những tu sĩ và bà-la-môn có hành-vi thân, miệng và tâm trong sạch, và sự mưu sinh của họ trong sạch, thì có thể đạt được trí-biết và tâm-nhìn,

có thể đạt tới sự giác-ngộ vô thượng.

“Ngay cả một chiến binh có biết nhiều chiến công khác nhau có thể làm nên nhờ những mũi tên, chỉ khi nào người đó có được ba phẩm chất thì người đó xứng đáng là của nhà vua, là thứ (công cụ) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Ba đó là gì? Người đó là một người bắn tầm xa, người bắn chính xác, và người phá tan vật thể lớn.

(2) “Cũng như một chiến binh là người bắn tầm xa, một thánh đệ tử thì có chánh-định (sự định-tâm đúng đắn). Mọi thể-sắc dù là loại gì—thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, xa hay gần—một thánh đệ tử có chánh-định nhìn thấy tất cả sắc đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Mọi cảm-giác dù là loại gì ... Mọi nhận-thức dù là loại gì ... Những sự tạo-tác cố-ý dù là loại gì ... Mọi Thức dù là loại gì—thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, xa hay gần—một thánh đệ tử có chánh-định nhìn thấy tất cả cảm-giác ... nhận-thức ... sự tạo-tác cố-ý ... thức đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

(3) “Cũng như một chiến binh là người bắn chính xác (bắn tĩa), một thánh đệ tử thì có chánh-kiến (cách-nhìn đúng đắn). Một thánh đệ tử có chánh-kiến hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’. Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn gốc khổ’ ... ‘Đây là sự chấm dứt khổ’ ... ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.

(4) “Cũng như một chiến binh bắn phá vật thể lớn (công phá), một thánh đệ tử thì có chánh giải-thoát (sự giải-thoát đúng đắn). Một thánh đệ tử có chánh giải-thoát đã phá vỡ đồng vô-minh lớn.”

197 (7) *Hoàng Hậu Mallikā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó có Hoàng hậu Mallikā đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:⁷⁷⁶

(1) “Thưa Thế Tôn, tại sao ở đây có những phụ nữ là (i) xấu, xấu xí, và khó nhìn; (ii) nghèo, thiếu thốn, bần cùng, và (iii) phận nhỏ hèn [không uy được với ai, nói hổng ai nghe]?”

(2) “Lại có những phụ nữ là (i) xấu, xấu xí, và khó nhìn; nhưng (ii) giàu, giàu có, và (iii) phận lớn uy [có ảnh hưởng, nói nhiều người nghe]?”

(3) “Lại có những phụ nữ là (i) đẹp, hấp dẫn, và duyên dáng, da dẻ tuyệt vời; nhưng lại (ii) nghèo, thiếu thốn, bần cùng, và (iii) phận nhỏ hèn?”

(4) “Và lại có những phụ nữ là (i) đẹp, hấp dẫn, và duyên dáng, da dẻ tuyệt vời; (ii) giàu, giàu có; và (iii) có phận lớn uy?”

(1) “Này Hoàng hậu Mallikā, ở đây có phụ nữ (i) dễ nổi giận và dễ bị bực tức. Ngay cả khi bị phê bình chút xíu cô ta cũng mất bình tĩnh và trở nên tức giận, hung dữ, và cứng đầu; cô ta thể hiện sự giận dữ, sự thù ghét, và sự đả đốn cay. (ii) Cô ta không bố thí thứ gì cho những những tu sĩ hay bà-la-môn [như: thức ăn, thức uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, nước hoa, và phấn sáp; chỗ nằm, chỗ ở, và đèn sáng. (iii) Và cô ta ghen tỵ, là người ganh tỵ, bực tức và ghen ghét khi thấy lợi lộc, vinh danh, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự kính lễ, và sự tôn sùng kính được dành cho người khác. Khi cô ta qua đời trong trạng thái đó, dù tái sinh ở đâu, cô ấy cũng thuộc loại (1): (i) xấu, xấu xí, và khó nhìn; (ii) nghèo, thiếu thốn, bần cùng, và (iii) phận nhỏ hèn.

(2) “Lại có phụ nữ (i) dễ nổi giận và dễ bị bực tức ... (như trên)

... (ii) Nhưng cô ta bỏ thí nhiều thứ cho những những tu sĩ hay bà-la-môn. (iii) Và cô ta không ghen tỵ, không phải là người ganh tỵ, không bức tức và ghen ghét khi thấy lợi lộc, vinh danh, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự kính lễ, và sự tôn sùng kính được dành cho người khác. Khi cô ta qua đời trong trạng thái đó, dù tái sinh ở đâu, cô ấy cũng thuộc loại (2): (i) xấu, xấu xí, và khó nhìn; nhưng (ii) giàu, giàu có, và (iii) phận lớn uy.

(3) “Lại có phụ nữ (i) không dễ nổi giận hay dễ bị bức tức. Ngay cả khi bị phê bình đủ thứ cô ta cũng không mất bình tĩnh và không trở nên tức giận, hung dữ, hay cứng đầu; cô ta không thể hiện sự giận dữ, sự thù ghét, và sự đả đàng cay. (ii) Nhưng cô ta không bỏ thí thứ gì cho những tu sĩ hay bà-la-môn. (iii) Và cô ta ghen tỵ, là người ganh tỵ, bức tức và ghen ghét khi thấy lợi lộc, vinh danh, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự kính lễ, và sự tôn sùng kính được dành cho người khác. Khi cô ta qua đời trong trạng thái đó, dù tái sinh ở đâu, cô ấy cũng thuộc loại (3): (i) đẹp, hấp dẫn, và duyên dáng, da dẻ tuyệt vời; nhưng lại (ii) nghèo, thiếu thốn, bần cùng, và (iii) phận nhỏ hèn.

(4) “Và lại có phụ nữ (i) không dễ nổi giận và dễ bị bức tức ... (ii) Và cô ta bỏ thí nhiều thứ cho những những tu sĩ và bà-la-môn. (iii) Và cô ta là không ghen tỵ, không phải là người ganh tỵ... Khi cô ta qua đời trong trạng thái đó, dù tái sinh ở đâu, cô ấy cũng thuộc loại (4): (i) đẹp, hấp dẫn, và duyên dáng, da dẻ tuyệt vời; và (ii) giàu, giàu có; và (iii) có phận lớn uy.

“Này Hoàng hậu Mallikā, đây là những lý do tại sao ở đây có những phụ nữ {như loại (1), (2), (3) và (4)} như vậy.”

Khi điều này được nói ra, Hoàng hậu Mallikā đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con giả sử rằng: (i) trong kiếp trước nào đó con dễ nổi giận và dễ bị bức tức... Do vậy giờ con là xấu, xấu xí, và khó

nhìn. (ii) Nhưng giả sử trong kiếp trước nào đó con bố thí nhiều thứ cho những những tu sĩ và bà-la-môn... Do vậy giờ con là giàu, giàu có. (iii) Và giả sử trong kiếp trước nào đó con không ghen tỵ, không phải là người ganh tỵ... Do vậy giờ con là phận lớn uy. Trong cung đình này có những cô gái từ những gia đình thuộc giai cấp chiến-sĩ (khattiya), bà-la-môn, và gia chủ, con đều sai khiến được.

“Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay, con sẽ (i) không dễ nóng giận hay dễ bị bức tức. Dù con có bị phê bình đủ thứ con sẽ không mất sự bình tĩnh và không trở nên tức giận, hung dữ, hay cứng đầu; con sẽ không thể hiện sự giận dữ, sự thù ghét, và sự cay đắng. (ii) Và con sẽ biết bố thí nhiều thứ cần thiết cho những tu sĩ và bà-la-môn... (iii) Và con sẽ không ghen tỵ, không là người ganh tỵ...

“Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... [*giống hết đoạn cuối kinh 4:111*] ... Mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ nay cho đến hết đời.”

198 (8) Tự Hành Xác⁷⁷⁷

“Này các Tỷ kheo, có bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, có người tự hành hạ bản thân và thực hành kiêu tự hành xác.

(2) “Có người hành hạ người hay vật khác và thực hành kiêu hành xác người hay vật khác.

(3) “Có người hành tự hành hạ bản thân và thực hành kiêu hành xác, và cũng hành hạ người hay vật khác và thực hành kiêu hành xác người hay vật khác.

(4) “Và có người không tự hành hạ bản thân hay thực hành kiêu tự hành xác; cũng không hành xác người hay vật khác hay thực hành

kiểu hành xác người hay vật khác. Vì người đó không hành hạ bản thân hay người hay vật khác, ngay trong kiếp này người đó sống không thêm khát, đã giải cơn khát và đã nguội mát, đang trải nghiệm niềm chân phúc, đã làm chính mình trở thành thiên thánh.⁷⁷⁸

(1) “Và, này các Tỷ kheo, theo cách nào là một người hành hạ bản thân và thực hành kiểu tự hành xác?⁷⁷⁹ Ở đây, có những người cứ đi lỏa thể, không theo những quy ước tập tục; họ hay liếm tay, không đến khi được yêu cầu, không dùng khi được yêu cầu; họ không nhận thức ăn được mang đến (cho họ), hay thức ăn được làm để cho họ, hoặc lời mời đến dùng bữa; họ không nhận thức ăn từ nôi, từ bát, được đưa qua cửa chính, được đưa qua cây gậy, được đưa qua cái chày, hoặc từ hai người ăn chung, từ phụ nữ có thai, từ phụ nữ đang cho con bú, từ phụ nữ đang ở chung chạ với đàn ông, từ chỗ thức ăn được thông báo phát chẩn, từ chỗ có chó đang chực, từ chỗ có ruồi nhặng đang bu; họ không chấp nhận ăn cá hay thịt; họ không uống rượu nặng, rượu nhẹ, hay thức uống lên men.

“Họ chỉ đến khát tự ở một nhà và ăn chỉ một miếng; họ đến khát thực hai nhà và ăn chỉ hai miếng ... họ đến khát thực bảy nhà và ăn chỉ bảy miếng. Họ sống nhờ ăn một đĩa một ngày, ăn hai đĩa một ngày ... ăn bảy đĩa một ngày. Họ nhận thức ăn một lần trong một ngày, một lần trong hai ngày ... một lần trong bảy ngày; cứ vậy thậm chí tới một lần trong hai tuần, họ sống thực hành cách nhận thức ăn theo những khoảng thời gian đã định như vậy.

“Họ là người ăn rau xanh, hạt kê, gạo nương, vỏ khoai, rong rêu, cám gạo, cặn gạo, bột mè, cỏ lá, hoặc phân bò. Họ sống nhờ ăn rễ cây rừng và trái cây; họ sống nhờ ăn trái cây rụng.

“Họ mặc y áo làm từ sợi cây gai, y áo làm từ vải pha sợi gai, y áo làm từ giẻ rách; y áo làm từ vỏ cây, từ da dê núi, từ những miếng da dê núi; y áo làm từ cỏ *kusa*, làm từ vải làm từ vỏ cây, hay vải làm từ đăm

gỗ; một tấm mền làm từ lông thú hay len lông thú, một tấm phủ làm từ lông cánh chim cú.

“Họ là người nhổ tóc nhổ râu, theo đuổi cách thực hành nhổ tóc nhổ râu. Họ là người đứng liên tục, không chịu ngồi. Họ là người ngồi xồm liên tục, luôn giữ tư thế ngồi xồm. Họ là người dùng mền làm từ gai nhọn, họ lót mền gai nhện làm giường ngủ của mình. Họ sống theo đuổi sự thực hành tắm trong nước ba lần một ngày, kể cả ban đêm. Như vậy họ sống thực hành nhiều cách khác nhau để làm khổ và hành hạ thân xác. Chính theo cách như vậy là một người tự hành hạ bản thân và thực hành kiểu tự hành xác.

(2) “Và theo cách nào là một người hành hạ người hay vật khác và thực hành kiểu hành xác người hay vật khác? Ở đây, có người là người giết (làm thịt) thịt cừu, người giết heo, người bắt chim, người bắt thú rừng, người săn bắn, người đánh cá, người trộm cướp, người hành quyết,⁷⁸⁰ người gác ngục, hoặc người làm những nghề nghiệp máu me khác. Chính theo cách này một người là người hành hạ người hay vật khác.

(3) “Và theo cách nào là một người tự hành hạ bản thân và thực hành kiểu tự hành xác, và người đó cũng hành hạ người hay vật khác và thực hành kiểu hành xác người hay vật khác? Ở đây, có người là một vị vua thuộc giai cấp chiến-sĩ được phong vương, hay là một bà-la-môn giàu có. Sau khi đã xây một ngôi đền để tế lễ ở phía đông kinh thành, và sau khi cạo râu tóc, mặc y phục làm bằng da linh dương thô, và bôi bơ và dầu lên người, cạo lưng bằng sừng nai, ông ta tiến vào ngôi đền cùng với chính phi hoàng hậu và thầy tế thuộc giai cấp bà-la-môn. Ở đó ông nằm xuống nền đất trống được rải lớp cỏ. Nhà vua sống bằng sữa từ núm vú thứ nhất của con bò cái đang ở sát con bò con cùng màu lông; hoàng hậu sống bằng sữa từ núm vú thứ hai; thầy tế bà-la-môn sống bằng sữa từ núm vú thứ ba; sữa từ núm vú thứ tư thì họ lấy đổ vô lửa; và con bò con thì sống bằng sữa từ những núm vú còn lại. Ông vua nói:

‘Hãy cho nhiều bò bị giết để tế lễ; hãy cho nhiều bò đực thiên bị giết để tế lễ; hãy cho nhiều bò cái tơ bị giết để tế lễ; hãy cho nhiều dê bị giết để tế lễ; hãy cho nhiều cừu bị giết để tế lễ, hãy cho nhiều cây lớn được hạ xuống để làm những cột treo vật tế lễ; hãy cho nhiều có được cắt để làm cỏ tế lễ.’ Và những người của nhà vua gồm nhưng nô lệ, sứ giả và người hầu thì đang làm những việc chuẩn bị sửa soạn với mặt mày khóc lóc đầy nước mắt vì những lời đe dọa trừng phạt và vì sợ hãi. Chính theo cách này một người là người tự hành hạ bản thân và thực hành theo kiểu tự hành xác, và hành hạ người và vật khác và thực hành theo kiểu hành xác người và vật khác.

(4) “Và theo cách nào là một người không tự hành hạ bản thân hay thực hành theo kiểu tự hành xác, cũng không hành hạ người hay vật khác hay thực hành theo kiểu hành xác người hay vật khác, cũng không thực hành cùng lúc hai kiểu trên—đó là người, do không hành hạ bản thân hay người hay vật khác, ngay trong kiếp này người đó sống không thêm khát, đã giải cơn khát và đã nguội mát, đang trải nghiệm niềm chân-phúc, đã làm chính mình trở thành thiên-thánh?

(*) “Ở đây, này các Tỳ kheo, Như Lai khởi sinh trong thế gian này, là một bậc A-la-hán, đã giác-ngộ toàn thiện, đã thành tựu về sự hiểu-biết đích-thực (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, người huấn luyện của những người cần được thuần phục, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác-Ngộ, bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự chứng ngộ bằng trí-biết trực-tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, bậc ấy chỉ lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt từ lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy công khai (cho thấy) đời sống tâm linh tinh khiết và toàn thiện.

(4.1) “Một gia chủ hay con trai ông ta được sinh ra trong những họ tộc khác nghe được Giáo Pháp này. Rồi người đó có được niềm-tin

vào Như Lai, và suy xét như vậy: ‘Đời sống tại gia là chật chội và bụi bân; đời sống xuất gia là rộng mở. Nếu sống ở nhà thì không dễ gì dẫn dắt một đời sống tâm linh cho toàn thiện và trong sạch như một vỏ sò được chà sạch bóng. Hay ta nên cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa, và từ bỏ đời sống gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Rồi một dịp sau đó, người đó đã từ bỏ gia sản lớn nhỏ, từ bỏ gia quyến lớn nhỏ, người đó cạo râu tóc, khoát y cà sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

(4.2) “Sau khi đã xuất gia như vậy, và có được sự tu-tập và lối-sống của hàng Tỳ kheo, (i) sau khi đã dẹp bỏ sự *sát-sinh*, người đó không cử sát-sinh; bỏ hết bỏ roi gậy và vũ khí, đầy lương tâm và tử tế, người đó sống tha thương bi mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh. (ii) Sau khi dẹp bỏ sự *gian-cắp*, người đó không cử lấy những thứ không được cho; người đó chỉ lấy thứ được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và sống một cách thanh liêm, không trộm cắp gian lận. (iii) Sau khi đã dẹp bỏ *tà-dâm tà dục*, người đó giữ giới sống độc thân, sống tách ly, không cử tất cả mọi dạng dâm dục, không cử những thói tật tính dục cá nhân.

(iv) “Sau khi dẹp bỏ (a) *lời nói dối nói láo*, người đó không cử nói dối nói láo; người đó nói sự thật, nói theo sự thật; người đó là đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người dối gạt trong thế gian. Sau khi dẹp bỏ (b) *lời nói gây chia rẽ*, người đó không cử lời nói gây chia rẽ; người đó không nói đi nói lại những gì đã nghe thấy nhằm gây chia rẽ người này với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người ủng hộ sự đoàn kết, người vui thích sự hòa đồng, người nói những lời để xúc tiến sự hòa hợp. Sau khi dẹp bỏ (c) *lời nói gắt gỏng khó nghe*, người đó không cử lời nói gắt gỏng khó nghe; người đó nói những lời nhẹ nhàng, dễ nghe, dễ mến, những lời đi vào lòng người nghe, những lời khích lệ an ủi mà nhiều người muốn nghe và những lời dễ chịu đối với nhiều người. Sau khi đã dẹp bỏ (d) *lời nói tầm phào vô ích*, người đó không cử lời nói tầm phào vô ích; người đó

nói lúc thích hợp, nói điều sự thật, nói điều có ích, nói về Giáo Pháp và giới-luật; vào lúc thích hợp người đó nói những lời đáng lưu nhớ, hữu lý, gọn rõ, và có ích.

(4.3) “Người đó kiêng cử làm hư hại những hạt giống và cây trồng. Người đó ăn một bữa [lần, thời] mỗi ngày,⁷⁸¹ kiêng cử ăn ban đêm và ăn ngoài giờ quy định (tức: ăn phi thời, ăn ngoài giờ ăn của giới luật). Người đó kiêng cử việc nhảy múa, ca hát, nhạc trống, tuồng kịch không thích hợp. Người đó kiêng cử việc trang điểm và làm đẹp bản thân như đeo vòng hoa, sức nước hoa, phấn sáp. Người đó kiêng cử giường rộng, ghế cao. Người đó kiêng cử việc nhận vàng bạc, gạo sống, thịt sống, phụ nữ và con gái, nô lệ nam hay nữ, dê và cừu, gia cầm và heo, voi, ngựa, và ngựa cái, ruộng đồng và đất đai. Người đó kiêng cử làm những việc vặt ngoài đời (không phải Phật sự hay tu sự) hay việc đưa tin báo tin; kiêng cử mua bán; kiêng cử gian lận qua cân, đo, tiền giả kim; kiêng cử việc nhận tiền lo lót, việc lừa dối, gian lận, và lừa lọc. Người đó kiêng cử việc làm thương hại, giết hại, trói người, chiếm đoạt, cướp bóc, và bạo hành.

(4.4) “Người đó hài lòng với mấy y phục để bảo vệ thân thể và thức ăn khát thực để giữ bụng yên ổn, và dù có đi đâu người đó cũng chỉ mang theo những thứ này (y phục và bình bát) với mình. Giống như chim trời, dù bay đi đâu, nó cũng bay đi với hai cánh chứ không mang theo gánh nặng nào; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo biết hài lòng với mấy y phục để bảo vệ thân thể và thức ăn khát thực để giữ bụng yên ổn, và dù có đi đâu người đó cũng chỉ mang theo mấy y phục và bình bát mà thôi.

“Có được đồng (uẩn) *giới-hạnh* thánh thiện này, một Tỳ kheo trải nghiệm bên trong mình niềm chân-phúc phi tội lỗi.

(4.5) “Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu hiệu và tướng nét của nó. Bởi vì nếu người đó để căn-

mắt không được kiềm chế, thì những trạng thái bất thiện xấu ác như tham-thích (tham) hay phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập sự kiềm chế nó; người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu hiệu và tướng nét của nó. Bởi vì nếu người đó để căn-tai ... căn-tâm không được kiềm chế, những trạng thái bất thiện xấu ác như tham-thích (tham) hay phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập sự kiềm chế nó; người đó phòng hộ căn-tai ... căn-tâm, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-tai ... căn-tâm.

“Có được đồng *sự kiềm-chế* thánh thiện này đối với các căn, một Tỷ kheo trải nghiệm bên trong mình niềm chân-phúc tinh khiết (không bị dính nhiễm).

(4.6) “Khi đang đi tới và (khi) đang đi lui, người đó làm với sự rõ-biết (tỉnh giác); khi đang nhìn trước và đang nhìn ngang, người đó làm với sự rõ-biết; đang khi đang co và đang giãn chân tay, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang mặc quần áo và đang mang theo bình bát và cà sa, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang ăn, đang uống, đang nhai thức ăn, và đang nếm thức ăn, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang đại tiện và đang tiểu tiện, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang đi, đang đứng, đang ngồi, đang nằm chưa ngủ, đang thức dậy, đang nói, và đang im lặng, người đó làm với sự rõ-biết. (sống luôn tỉnh giác)

(4.7) “Có được đồng *giới-hạnh* thánh thiện như vậy, và đồng *sự kiềm-chế* thánh thiện như vậy đối với các căn, và *sự chánh-niệm* và *sự thường rõ-biết* như vậy, người đó lánh về một nơi tách ly ẩn dật: như một chỗ trong rừng, chỗ một gốc cây, một ngọn núi, một khe núi, một hang động ngang sườn núi, một nghĩa địa, một nơi ngoài trời, một đồng

rom.

“Sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa xong, người đó ngồi xuống, hai chân chéo nhau, giữ thân thẳng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. (i) Sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới, người đó sống với một cái tâm không còn thèm-muốn; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn. (ii) Sau khi đã dẹp bỏ sự ác-ý và thù-ghét (sân), người đó sống với một cái tâm không còn ác-ý, đầy tha thương bi-mẫn đối với mọi chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và thù-ghét. (iii) Sau khi đã dẹp bỏ sự buồn-ngủ và đờ-đẫn (hôn trầm), người đó sống không còn sự buồn-ngủ và đờ-đẫn, nhận thức ánh sáng, có chánh-niệm và rõ-biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự buồn-ngủ và đờ-đẫn. (iv) Sau khi đã dẹp bỏ sự bất-an và hối-tiếc (trạo hối), người đó sống không còn sự khích-động, với một cái tâm hướng nội bình-an; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc. (v) Sau khi đã dẹp bỏ sự nghi-ngờ, người đó sống sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn hoài nghi về những phẩm chất thiện lành; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ.

“Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại như vậy, đó là những ô-nhiễm của tâm, là những phẩm chất làm suy yếu trí-tuệ, vị Tỳ kheo đó: **(i)** ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’

(ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm.’

(iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ, người đó an trú

buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc’.

(iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sợ hãi và khổ, và với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sợ hãi hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’

“Khi tâm người đó đã được đặt-định theo cách như vậy, được thanh lọc, được thanh tẩy, không vết nhơ, không còn những ô-nhiễm, dễ uốn nắn (dẻo dai), dễ điều khiển, vững vàng, và đã đạt tới sự bất-động, người đó hướng nó (tâm) tới sự hiểu-biết (minh trí) có thể nhớ lại những kiếp trước (tức mạng minh): ... [*mô tả như kinh 3:58, đoạn (1)*] ... tới sự hiểu-biết về sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh: ... [*mô tả như kinh 3:58, đoạn (2)*] ... tới sự hiểu-biết về sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh). Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn gốc khổ’ ... ‘Đây là sự chấm dứt khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là những ô-nhiễm’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn gốc những ô-nhiễm’ ... ‘Đây là sự chấm dứt những ô-nhiễm’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm’.

“Khi người đó biết và thấy như vậy, tâm người đó được giải thoát khỏi ô-nhiễm tham-dục, khỏi ô-nhiễm do hiện-hữu, và khỏi ô-nhiễm do vô-minh. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu-biết: ‘[Tâm] nó được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

“Chính theo cách này là một người không tự hành hạ bản thân hay thực hành theo kiểu tự hành xác, cũng không hành hạ người hay vật khác hay thực hành theo kiểu hành xác người hay vật khác, cũng không thực hành cùng lúc hai kiểu trên—đó là người, do không hành hạ bản thân hay người hay vật khác, ngay trong kiếp này người đó sống không thèm khát, đã giải cơn khát và đã nguội mát, đang trải nghiệm niềm chân-phúc, đã làm chính mình trở thành thiên-thánh.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

199 (9) Dục Vọng

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về dục-vọng—là bấy cám dỗ, chảy tới khắp nơi (dẫn truyền), ở khắp nơi, và dính trết⁷⁸²—thế gian này bị bao phủ và bao bọc bởi nó, và vì nó thế gian này thành như cuộn chỉ rối, như đồng sợi rối, như một đồng rối lau sậy và cỏ lác, cho nên thế gian không vượt qua những cảnh giới khổ đau, nơi đến xấu dữ, cỗi dưới, vòng luân hồi (saṃsāra). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dục-vọng—là bấy cám dỗ, chảy tới khắp nơi, ở khắp nơi, dính trết—thế gian này bị bao phủ và bao bọc bởi nó, và vì nó thế gian này thành như cuộn chỉ rối, như đồng sợi rối, như một đồng rối lau sậy và cỏ lác, cho nên thế gian không vượt qua những cảnh giới khổ đau, nơi đến xấu dữ, cỗi dưới, vòng luân hồi?

“Này các Tỳ kheo, có mười tám (18) dòng chảy dục-vọng liên quan với bên-trong và mười tám (18) dòng chảy dục-vọng liên quan với bên ngoài.

“Và cái gì là mười tám dòng chảy dục-vọng liên quan với bên-

trong? Khi có cái [những quan niệm] ‘Là ta’, khi có [những quan niệm] ‘Ta là vậy’, ‘Ta chỉ là vậy’, ‘Ta là khác’, ‘Ta đang trường tồn’, ‘Ta đang tan biến’, ‘Có thể là ta’, ‘Có thể ta là vậy’, ‘Có thể ta chỉ là vậy’, ‘Có thể ta là khác’, ‘Cầu ta được là’, ‘Cầu ta là vậy’, ‘Cầu ta chỉ là vậy’, ‘Cầu ta là khác’. Đây là mười tám dòng dục-vọng liên quan với bên-trong.⁷⁸³

“Và cái gì là mười tám dòng dục-vọng liên quan với bên-ngoài?⁷⁸⁴ Khi có [những quan niệm] ‘Là ta vì do này’⁷⁸⁵; khi có [những quan niệm] ‘Ta là vậy vì do này’, ‘Ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Ta là khác vì do này’, ‘Ta đang trường tồn vì do này’, ‘Ta đang tan biến vì do này’, ‘Có thể là ta vì do này’, ‘Có thể ta là vậy vì do này’, ‘Có thể ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Có thể ta là khác vì do này’, ‘Cầu ta được là vì do này’, ‘Cầu ta là vậy vì do này’, ‘Cầu ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Cầu ta là khác vì do này’, ‘Sẽ là ta vì do này’, ‘Ta sẽ là vậy vì do này’, ‘Ta sẽ chỉ là vậy vì do này’, ‘Ta sẽ là khác vì do này’, ‘Ta sẽ trường tồn vì do này’, ‘Ta sẽ tan biến vì do này’, ‘Có thể sẽ là ta vì do này’, ‘Có thể ta sẽ là vậy vì do này’, ‘Có thể ta sẽ chỉ là vậy vì do này’, ‘Có thể ta sẽ là khác vì do này’. Đây là mười tám dòng dục-vọng liên quan với bên-ngoài.

“Như vậy có mười tám dòng chảy dục-vọng liên quan với bên-trong, và mười tám dòng chảy dục-vọng liên quan với bên-ngoài. Đây được gọi là ba mươi sáu dòng chảy dục-vọng. Có ba mươi sáu dòng chảy dục-vọng thuộc quá khứ, ba mươi sáu dòng chảy dục-vọng thuộc tương lai, ba mươi sáu dòng chảy dục-vọng thuộc hiện tại. Do vậy có một trăm lẻ tám dòng chảy dục-vọng.

“Này các Tỳ kheo, đây là dục-vọng—(i) là bấy cảm dõ, (ii) chảy tới khắp nơi, (iii) ở khắp nơi, và (iv) dính trết—thế gian này bị bao phủ và bao bọc bởi nó, và vì nó thế gian này thành như cuộn chỉ rối, như đồng sợi rối, như một đồng rối lau sậy và cỏ lác, cho nên thế gian không vượt qua những cảnh giới khổ đau, nơi đến xấu dữ, cõi dưới, vòng luân hồi.”⁷⁸⁶

200 (10) *Tình Cảm*

“Này các Tỳ kheo, có bốn điều này được sinh ra. Bốn đó là gì? Tình cảm sinh ra từ tình cảm; sự ghét sinh ra từ tình cảm; tình cảm sinh ra từ sự ghét; và sự ghét sinh ra từ sự ghét.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tình cảm sinh ra từ tình cảm? Ở đây, một người (A) là đáng thích, đáng yêu, và dễ chịu đối với một người (B). Những người (C) khác đối xử với người (A) đó một cách đáng thích, đáng yêu, và dễ chịu. Do vậy người (B) cảm thấy cảm tình đối với họ (vì họ thích người mình thích). Theo cách như vậy là tình cảm sinh ra từ tình cảm.

(2) “Và theo cách nào sự ghét sinh ra từ tình cảm? Ở đây, một người (A) là đáng thích, đáng yêu, và dễ chịu đối với người (B). Những người (C) khác đối xử với người (A) đó một cách không thích, không mến, và khó chịu. Do vậy người (B) cảm thấy sự ghét đối với họ (vì họ ghét người mình thích). Theo cách như vậy là sự ghét sinh ra từ tình cảm.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tình cảm sinh ra từ sự ghét? Ở đây, một người (A) là không đáng thích, không đáng yêu, và khó ưa đối với một người (B). Những người (C) khác đối xử với người (A) đó một cách không thích, không mến, và khó chịu. Do vậy người (B) cảm thấy cảm tình đối với họ (vì họ ghét người mình ghét). Theo cách như vậy là tình cảm sinh ra từ sự ghét.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là sự ghét sinh ra từ sự ghét? Ở đây, một người (A) là không đáng thích, không đáng yêu, và khó ưa đối với một người (B). Những người (C) khác đối xử với người (A) đó một cách đáng thích, đáng yêu, và dễ chịu. Do vậy người (B) cảm thấy sự ghét đối với họ (vì họ thích người mình ghét). Theo cách như vậy là sự ghét sinh ra từ sự ghét.”⁷⁸⁷

“Đây là bốn điều được sinh ra.

“Khi một Tỳ kheo: tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) ... chứng nhập và an trú trong trong tầng thiền định thứ nhất, thì trong thời đó tình cảm sinh ra từ tình cảm ... sự ghét sinh ra từ tình cảm ... sự ghét sinh ra từ tình cảm ... sự ghét sinh ra từ sự ghét không có trong người đó.

“Khi một Tỳ kheo: ... chứng nhập và an trú trong trong tầng thiền định thứ hai ... tầng thiền định thứ ba ... tầng thiền định thứ tư, thì trong thời đó tình cảm sinh ra từ tình cảm ... sự ghét sinh ra từ tình cảm ... sự ghét sinh ra từ tình cảm ... sự ghét sinh ra từ sự ghét không có trong người đó.

“Khi một Tỳ kheo: với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó, thì người đó đã dẹp bỏ tình cảm sinh ra từ tình cảm ... sự ghét sinh ra từ tình cảm ... sự ghét sinh ra từ tình cảm ... sự ghét sinh ra từ sự ghét, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai.

“Đây được gọi là một Tỳ kheo là người không còn lấy-vào hay đẩy-ra, không bốc khói, không bốc cháy, và không còn nhai lại.

(a) “Theo cách nào là một người lấy-vào (nín kéo, chấp lấy)? Ở đây, một Tỳ kheo coi thân-sắc là cái ‘ta’, hay ‘ta’ là thân-sắc, hay ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hay thân-sắc ở trong ‘ta’, hay ‘ta’ ở trong thân-sắc. Người đó coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hay ‘ta’ là thức, hay ‘ta’ sở hữu thức, hay thức ở trong ‘ta’, hay ‘ta’ ở trong thức. Chính theo cách này là Tỳ kheo lấy vào.

- “Và theo cách nào là một người không lấy-vào? Ở đây, một Tỳ

kheo không coi thân-sắc là cái ‘ta’, hay ‘ta’ là thân-sắc, hay ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hay thân-sắc ở trong ‘ta’, hay ‘ta’ ở trong thân-sắc. Người đó không coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hay ‘ta’ là thức, hay ‘ta’ sở hữu thức, hay thức ở trong ‘ta’, hay ‘ta’ ở trong thức. Chính theo cách này là Tỳ kheo không lấy vào.

(b) “Theo cách nào là một Tỳ kheo đẩy-ra (đẩy lại, phản bác)? Ở đây, một Tỳ kheo sỉ nhục người sỉ nhục mình, chửi người chửi mình, và tranh cãi với người muốn tranh luận với mình. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đẩy ra.

- “Và theo theo cách nào là một Tỳ kheo không đẩy-ra? Ở đây, một Tỳ kheo không sỉ nhục người sỉ nhục mình, không chửi người chửi mình, và không tranh cãi với người muốn tranh luận với mình. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo không đẩy ra.

(c) “Theo cách nào là một Tỳ kheo bốc-khói? Khi có [những quan niệm] ‘Là ta’; khi có [những quan niệm] ‘Ta là vậy’, ‘Ta chỉ là vậy’, ‘Ta là khác’, ‘Ta đang trường tồn’, ‘Ta đang tan biến’, ‘Có thể là ta’, ‘Có thể ta là vậy’, ‘Có thể ta chỉ là vậy’, ‘Có thể ta là khác’, ‘Cầu ta được là’, ‘Cầu ta là vậy’, ‘Cầu ta chỉ là vậy’, ‘Cầu ta là khác’, ‘Sẽ là ta’, ‘Ta sẽ là vậy’, ‘Ta sẽ chỉ là vậy’, ‘Ta sẽ là khác’, ‘Ta sẽ trường tồn’, ‘Ta sẽ tan biến’, ‘Có thể sẽ là ta’, ‘Có thể ta sẽ là vậy’, ‘Có thể ta sẽ chỉ là vậy’, ‘Có thể ta sẽ là khác’. Theo cách này là một Tỳ kheo bốc khói.

- “Và theo cách nào là một Tỳ kheo không bốc-khói? Khi không có [những quan niệm] ‘Là ta’; khi không có [những quan niệm] ‘Ta là vậy’ ... ‘Ta sẽ là khác’. Theo cách này là một Tỳ kheo không bốc khói.

(d) “Theo cách nào là một Tỳ kheo bốc-cháy? Khi có [những quan niệm] ‘Là ta vì do này’; khi có [những quan niệm] ‘Ta là vậy vì do này’, ‘Ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Ta là khác vì do này’, ‘Ta đang trường tồn vì do này’, ‘Ta đang tan biến vì do này’, ‘Có thể là ta vì do này’,

‘Có thể ta là vậy vì do này’, ‘Có thể ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Có thể ta là khác vì do này’, ‘Cầu ta được là vì do này’, ‘Cầu ta là vậy vì do này’, ‘Cầu ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Cầu ta là khác vì do này’, ‘Sẽ là ta vì do này’, ‘Ta sẽ là vậy vì do này’, ‘Ta sẽ chỉ là vậy vì do này’, ‘Ta sẽ là khác vì do này’, ‘Ta sẽ trường tồn vì do này’, ‘Ta sẽ tan biến vì do này’, ‘Có thể sẽ là ta vì do này’, ‘Có thể ta sẽ là vậy vì do này’, ‘Có thể ta sẽ chỉ là vậy vì do này’, ‘Có thể ta sẽ là khác vì do này’. Theo cách này là một Tỳ kheo bốc cháy.

- “Theo cách nào là một Tỳ kheo không bốc-cháy? Khi không có [những quan niệm] ‘Là ta vì do này’; khi không có [những quan niệm] ‘Ta là vậy vì do này’ ... ‘Có thể ta sẽ là khác vì do này’. Theo cách này là một Tỳ kheo không bốc cháy.

(e) “Theo cách nào là một Tỳ kheo nhai-lại? Ở đây, một Tỳ kheo chưa dẹp bỏ sự ‘tự-ta’ (ngã mạn), chưa cắt bỏ nó tận gốc, chưa làm nó thành như gốc cây cọ chết, chưa xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách này là một Tỳ kheo nhai lại.

- “Theo cách nào là một Tỳ kheo không nhai-lại? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ sự ‘tự-ta’ (ngã mạn), đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách này là một Tỳ kheo không nhai lại.

[Năm Mười Kinh Thứ Năm]

NHÓM 1

NGƯỜI TỐT

201 (1) *Những Giới Tu*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về người xấu và người tệ hơn người xấu; về người tốt và người siêu hơn người tốt. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(1) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, nói dối nói sai, và uống rượu nặng, rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là người xấu.

(2) “Và ai là người tệ hơn người xấu? Ở đây, có người tự mình (chủ động) sát-sinh và xúi giục (ủng hộ) người khác sát-sinh; tự mình gian-cấp và xúi giục người khác gian-cấp; tự mình tà-dâm tà dục và xúi giục người khác tà-dâm tà dục; tự mình nói dối nói sai và xúi giục người khác nói dối nói sai, và tự mình uống rượu nặng, rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, và xúi giục người khác uống rượu nặng, rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là người tệ hơn người xấu.

(3) “Và ai là người tốt? Ở đây, có người không cử sát-sinh, không cử gian-cấp, không cử tà-dâm tà dục, không cử nói dối nói sai, và không

cũ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là người tốt.

(4) “Và ai là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình kiêng cử sát-sinh và khuyến khích (ủng hộ, khuyên dạy) người khác kiêng cử sát-sinh; tự mình kiêng cử gian-cấp và khuyến khích người khác kiêng cử gian-cấp; tự mình kiêng cử tà-dâm tà dục và khuyến khích người khác kiêng cử tà-dâm tà dục; tự mình kiêng cử nói dối nói sai và khuyến khích người khác kiêng cử nói dối nói sai, và tự mình kiêng cử uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật và khuyến khích người khác kiêng cử uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt.”

202 (2) Không Có Niềm Tin

[Mở đầu như kinh kể trên 4:201 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỷ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người không có niềm-tin, không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, vô lo bất chấp về mặt đạo đức, thiếu học hiểu, lười biếng, tâm trí rối mờ, và vô trí. Đây được gọi là người xấu.

(2) “Và ai là người tệ hơn người xấu? Ở đây, có người tự mình không có niềm-tin và xúi giục người khác không có niềm-tin; tự mình không biết xấu-hổ về mặt đạo đức và xúi giục người khác không biết xấu-hổ về mặt đạo đức; tự mình vô lo bất chấp về mặt đạo đức và xúi giục người khác vô lo bất chấp về mặt đạo đức; tự mình thiếu học và xúi giục người khác không học hiểu; tự mình tâm trí rối mờ và xúi giục người khác để tâm trí họ rối mờ, và tự mình vô trí và xúi giục người khác để họ thiếu trí. Đây được gọi là người tệ hơn xấu.

(3) “Và cái gì là người tốt? Ở đây, có người được phú cho niềm-

tin, biết xấu-hổ về mặt đạo đức, biết sợ-hãi về mặt đạo đức, có học hiểu, có nỗ-lực tinh tấn, có chánh-niệm, và có trí. Đây được gọi là người tốt.

(4) “Và cái gì là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình được phú cho niềm-tin và khuyến khích người khác có được niềm-tin; tự mình biết xấu-hổ về mặt đạo đức và khuyến khích người khác biết xấu-hổ về mặt đạo đức; tự mình biết sợ-hãi về mặt đạo đức và khuyến khích người khác biết sợ-hãi về mặt đạo đức; tự mình có học hiểu và khuyến khích người khác học hiểu; tự mình có nỗ lực và khuyến khích người khác phát khởi nỗ-lực tinh tấn; tự mình có chánh-niệm và khuyến khích người khác thiết lập sự chánh-niệm, và tự mình có trí và khuyến khích người khác thành tựu về trí tuệ. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt.”

203 (3) Bảy Hành Động

[Mở đầu như kinh 4:201 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỷ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, nói dối nói sai, nói lời gây chia rẽ, nói lời gắt gỏng nạt nộ, và nói chuyện tầm phào tán dóc. Đây được gọi là người xấu.

(2) “Và ai là người tệ hơn người xấu? Ở đây, có người tự mình sát-sinh và xúi giục người khác sát-sinh ... tự mình nói chuyện tầm phào tán dóc và xúi giục người khác nói chuyện tầm phào tán dóc. Đây được gọi là người tệ hơn người xấu.

(3) “Và ai là người tốt? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh ... kiêng cữ nói chuyện tầm phào và tán dóc. Đây được gọi là người tốt.

(4) “Và ai là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình kiêng cữ sát-sinh và khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh ... tự mình kiêng cữ nói chuyện tầm phào và tán dóc và khuyến khích người

khác không cữ nói chuyện tầm phào và tán dóc. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt.”

204 (4) Mười Hành Động

[Mở đầu như kinh 4:201 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, nói dối nói sai, nói lời gây chia rẽ, nói lời gắt gỏng nạt nộ, và nói chuyện tầm phào tán dóc; người đó đầy tham-muốn, mang đầy ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Đây được gọi là người xấu.

(2) “Và ai là người tệ hơn người xấu? Ở đây, có người tự mình sát-sinh và xúi giục người khác sát-sinh ... tự mình nắm giữ cách-nhìn sai lạc và xúi giục người khác theo cách-nhìn sai lạc. Đây được gọi là người tệ hơn người xấu.

(3) “Và ai là người tốt? Ở đây, có người không cữ sát-sinh ... không cữ nói chuyện tầm phào và tán dóc; người đó không có tham-muốn, có đầy thiện-ý, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây được gọi là người tốt.

(4) “Và ai là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình không cữ sát-sinh và khuyến khích người khác không cữ sát-sinh ... tự mình nắm giữ cách-nhìn đúng đắn và khuyến khích người khác có cách-nhìn đúng đắn. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt.”

205 (5) Tám Phần Tu (của Bát thánh đạo)

[Mở đầu như kinh 4:201 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người có cách-nhìn sai lạc, ý-định sai trái, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự

muu-sinh sai trái, nỗ-lực sai lạc, chú-tâm sai lạc, và định-tâm sai lạc (tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà hạnh, tà tinh tấn, tà niệm, và tà định). Đây được gọi là người xấu.

(2) “Và ai là người xấu? Ở đây, có người tự mình có cách-nhìn sai lạc và xúi giục người khác theo cách-nhìn sai lạc ... tự mình có sự định-tâm sai lạc và xúi giục người khác theo sự định-tâm sai lạc. Đây được gọi là người tệ hơn người xấu.

(3) “Và ai là người tốt? Ở đây, có người có cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự muu-sinh đúng đắn, nỗ-lực đúng đắn, chú-tâm đúng đắn, và định-tâm đúng đắn (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh hạnh, chánh tinh tấn, chánh niệm, và chánh định). Đây được gọi là người tốt.

(4) “Và ai là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình có cách-nhìn đúng đắn và khuyến khích người khác có cách-nhìn đúng đắn ... tự mình có sự định-tâm đúng đắn và khuyến khích người khác có sự định-tâm đúng đắn. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt.”

206 (6) *Mười Phần Tu*

[*Mở đầu như kinh 4:201 ở trên.*]

(1) “Và, này các Tỷ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người có cách-nhìn sai lạc ... định-tâm sai lạc, sự hiểu-biết sai lạc, và sự giải-thoát sai lạc. Đây được gọi là người xấu.

(2) “Và ai là người xấu? Ở đây, có người tự mình có cách-nhìn sai lạc và xúi giục người khác theo cách-nhìn sai lạc ... tự mình có sự giải-thoát sai lạc và xúi giục người khác theo sự giải-thoát sai lạc. Đây được gọi là người tệ hơn người xấu.

(3) “Và ai là người tốt? Ở đây, có người có cách-nhìn đúng đắn ... định-tâm đúng đắn, sự hiểu-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn.

Đây được gọi là người tốt.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người tốt? Ở đây, có người tự mình có cách-nhìn đúng đắn và khuyến khích người khác có cách-nhìn đúng đắn ... tự mình có sự giải-thoát đúng đắn và khuyến khích người khác có sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt.”

207 (7) Tính Cách Xấu (1)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy cái gì là xấu và cái gì là tệ hơn xấu. Và ta sẽ dạy cho các thầy cái gì là tốt và cái gì là tốt hơn tốt. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là xấu? Ở đây, có người sát-sinh và nắm giữ cách-nhìn sai lạc. Đây được gọi là điều xấu.

(2) “Và cái gì là tệ hơn xấu? Ở đây, có người tự mình sát-sinh và xúi giục người khác sát-sinh; người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc và xúi giục người khác theo cách-nhìn sai lạc. Đây được gọi là điều tệ hơn xấu.

(3) “Và cái gì là tốt? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn. Đây được gọi là điều tốt.

(4) “Và cái gì là tốt hơn tốt? Ở đây, những chúng sinh người tự mình kiêng cữ sát-sinh và khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh ... tự mình nắm giữ cách-nhìn đúng đắn và khuyến khích người khác có cách-nhìn đúng đắn. Đây được gọi là điều tốt hơn tốt.”

208 (8) Tính Cách Xấu (2)

[Mở đầu như kinh 4:207 kể trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là xấu? Ở đây, có người có cách-nhìn sai lạc ... sự định-tâm sai lạc, sự hiểu-biết sai lạc, sự giải-thoát sai

lạc. Đây được gọi là điều xấu.

(2) “Và cái gì là tệ hơn xấu? Ở đây, có người tự mình có cách-nhìn sai lạc và xúi giục người khác theo cách-nhìn sai lạc ... tự mình có sự giải-thoát sai lạc và xúi giục người khác theo sự giải-thoát sai lạc. Đây được gọi là điều tệ hơn xấu.

(3) “Và cái gì là tốt? Ở đây, có người có cách-nhìn đúng đắn ... sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là điều tốt.

(4) “Và cái gì là tốt hơn tốt? Ở đây, có người tự mình có cách-nhìn đúng đắn và khuyến khích người khác có cách-nhìn đúng đắn ... tự mình có sự giải-thoát đúng đắn và khuyến khích người khác có sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là điều tốt hơn tốt.”

209 (9) Tính Cách Xấu (3)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về người có tính cách xấu và người có tính cách còn tệ hơn xấu. Ta sẽ dạy cho các thầy về người có tính cách tốt và người có tính cách còn tốt hơn tốt. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người có tính cách xấu? Ở đây, có người sát-sinh và nắm giữ cách-nhìn sai lạc. Đây là người có tính cách xấu.

(2) “Và ai là người có tính cách còn tệ hơn xấu? Ở đây có người tự mình sát-sinh và xúi giục người khác sát-sinh ... tự mình nắm giữ cách-nhìn sai lạc và xúi giục người khác theo cách-nhìn sai lạc. Đây được gọi là người có tính cách tệ hơn xấu.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người có tính cách tốt? Ở đây, có người kiêng cử sát-sinh và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn. Đây là người có tính cách tốt.

(4) “Và ai là người có tính cách còn tốt hơn tốt? Ở đây có người

tự mình không cứ sát-sinh và khuyến khích người khác không cứ sát-sinh ... tự mình nắm giữ cách-nhìn sai lạc và khuyến khích người khác theo cách-nhìn đúng đắn. Đây được gọi là người có tính cách tốt hơn tốt.”

210 (10) Tính Cách Xấu (4)

[Mở đầu như kinh 4:207 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỷ kheo, ai là người có tính cách xấu? Ở đây, có người có cách-nhìn sai lạc ... sự định-tâm sai lạc, sự hiểu-biết sai lạc, sự giải-thoát sai lạc. Đây được gọi là người có tính cách xấu.

(2) “Và ai là người có tính cách còn tệ hơn xấu? Ở đây, có người tự mình có cách-nhìn sai lạc và xúi giục người khác theo cách-nhìn sai lạc ... tự mình có sự giải-thoát sai lạc và xúi giục người khác theo sự giải-thoát sai lạc. Đây được gọi là người có tính cách tệ hơn xấu.

(3) “Và ai là người có tính cách tốt? Ở đây, có người có cách-nhìn đúng đắn ... sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là người có tính cách tốt.

(4) “Và ai là người có tính cách còn tốt hơn tốt? Ở đây, có người tự mình có cách-nhìn đúng đắn và khuyến khích người khác có cách-nhìn đúng đắn ... tự mình có sự giải-thoát đúng đắn và khuyến khích người khác có sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là người có tính cách tốt hơn tốt.”

NHÓM 2

LÀM ĐẸP CHO HỘI CHÚNG

211 (1) Hội Chúng

“Này các Tỷ kheo, bốn điều này là những vết nhơ của một hội

chúng (đoàn tăng, đoàn ni, hay đoàn đệ tử). Bốn đó là gì? Một Tỳ kheo là không đức hạnh (thiếu giới hạnh), có tính cách xấu; một Tỳ kheo ni là không đức hạnh, có tính cách xấu; một đệ tử tại gia nam là không đức hạnh, có tính cách xấu; và một đệ tử tại gia nữ là không đức hạnh, có tính cách xấu. Bốn điều này là vết nhơ của một hội chúng.

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này là những sự làm đẹp (tô điểm) cho một hội chúng. Bốn đó là gì? Một Tỳ kheo là đức hạnh (có giới hạnh), có tính cách tốt; một Tỳ kheo ni là có đức hạnh, có tính cách tốt; một đệ tử tại gia nam là có đức hạnh, có tính cách tốt; và một đệ tử tại gia nữ là có đức hạnh, có tính cách tốt. Bốn điều này là sự làm đẹp cho một hội chúng.”

212 (2) *Cách Nhìn*

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Hành-động sai trái, lời-nói sai trái, tâm-ý sai trái, và cách-nhìn sai trái. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Hành-động đúng đắn, lời-nói đúng đắn, tâm-ý đúng đắn, và cách-nhìn đúng đắn. Người có bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó.”

213 (3) *Không Biết Ơn*

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Hành-động sai trái, lời-nói sai trái, tâm-ý sai trái, và sự không biết ơn hay không nhớ ơn. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục như thể bị

đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỷ kheo, người có được bốn phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Hành-động đúng đắn, lời-nói đúng đắn, tâm-ý đúng đắn, và sự biết ơn hay đền ơn. Người có bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó.”

214 (4) Sát Sinh

[Các kinh 4:214—19 giống khuôn-mẫu kinh 4:213 kể trên, ngoại trừ có thêm hai dòng những phẩm-chất tương ứng tái sinh trong địa ngục và tái sinh trong cõi trời.]

“ ... Bốn đó là gì? Người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, và nói-dối nói láo...”

“ ... Bốn đó là gì? Người kiêng cử sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, và nói-dối nói láo...”

215 (5) Đạo (1)

“ ... Bốn đó là gì? Người có cách-nhìn sai lạc, ý-định sai trái, lời-nói sai trái, và hành-động sai trái... (bốn tà đạo: tà-kiến, tư duy, ngữ, nghiệp)

“ ... Bốn đó là gì? Người có cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, và hành-động đúng đắn...” (bốn chánh đạo: chánh-kiến, tư duy, ngữ, nghiệp)

216 (6) Đạo (2)

“ ... Bốn đó là gì? Người có sự mưu-sinh sai lạc, nỗ-lực sai lạc, sự chú-tâm sai lạc, và sự định-tâm sai lạc ... (bốn tà đạo: tà-hạnh, tinh

tấn, niệm, định)

“ ... Bốn đó là gì? Người có sự mưu-sinh đúng đắn, nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn ...” (bốn chánh đạo: chánh-hạnh, tinh tấn, niệm, định)

217 (7) Cách Nói Ra (1)

“ ... Bốn đó là gì? Người nói (dối) đã nhìn thấy điều mình chưa nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình chưa nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình chưa cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình chưa nhận biết.⁷⁸⁸

“ ... Bốn đó là gì? Người nói (thật) đã nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình đã nhận biết.”

218 (8) Cách Nói Ra (2)

“ ... Bốn đó là gì? Người nói (dối) không nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói không nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói không cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói không nhận biết điều mình đã nhận biết.

“ ... Bốn đó là gì? Người nói (thật) đã nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình đã nhận biết.”

219 (9) Không Biết Xấu Hổ Về Mặt Đạo Đức

“ ... Bốn đó là gì? Người thiếu niềm-tin, thiếu giới-hạnh, không

biết xấu-hổ về mặt đạo đức (luơng tâm), và bất-chấp về mặt đạo đức...

“ ... Bốn đó là gì? Người được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, biết biết xấu-hổ về mặt đạo đức (luơng tâm), và biết sợ-hãi về mặt đạo đức...”

220 (10) Không Có Trí

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người thiếu niềm-tin, thiếu giới-hạnh, lười-biếng, và không có trí. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Người được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, nỗ-lực, và có trí. Người có bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó.”

NHÓM 3

HÀNH VI THIỆN

221 (1) Hành Vi Sai Trái

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại lời-nói sai trái. Bốn đó là gì? Lời nói-dối nói láo, lời nói gây chia rẽ, lời nói gắt gỏng nạt nộ, và lời nói tầm phào tán dóc. Đây là bốn hành vi lời-nói sai trái.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại lời-nói thiện lành. Bốn đó là gì? Lời nói thật nói đúng, lời nói không gây chia rẽ, lời nói nhẹ nhàng, và lời nói có suy xét (có nghĩa, có lý, có ích). Đây là bốn hành vi lời-nói thiện lành.”

222 (2) *Cách Nhìn*

“Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất thì người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại (về đức hạnh, về tâm); người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quả trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều thất đức. Bốn đó là gì? Hành-động sai trái, lời-nói sai trái, tâm-ý sai trái, và cách-nhìn sai lạc. Có bốn phẩm chất này ... người đó tạo nhiều thất đức.

“Này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất thì người khôn, giỏi, tốt duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không đáng chê trách (không tội lỗi) và không bị quả trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều phước đức. Bốn đó là gì? Hành-động thiện lành, lời-nói thiện lành, và cách-nhìn thiện lành. Có được bốn phẩm chất này ... người đó tạo nhiều phước đức.”

223 (3) *Không Biết Ơn*

“Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất thì người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại; người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quả trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều thất đức. Bốn đó là gì? Hành-động sai trái, lời-nói sai trái, tâm-ý sai trái, và sự không biết ơn hay không nhớ ơn. Có bốn phẩm chất này ... người đó tạo nhiều thất đức.

“Này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất thì người khôn, giỏi, tốt duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không đáng chê trách (không tội lỗi) và không bị quả trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều phước đức. Bốn đó là gì? Hành-động thiện lành, lời-nói thiện lành, và sự biết ơn hay đền ơn. Có được bốn phẩm chất này ... người đó tạo nhiều phước đức.”

224 (4) Giới Sát Sinh...

[Tiếp tục các kinh từ 4:224—230 đều cùng khuôn-mẫu với kinh 4:221—222 kể trên.]

“ ... Bốn đó là gì? Người đó sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, và nói-dối nói láo...

“ ... Bốn đó là gì? Người đó kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cấp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, và kiêng cữ nói-dối nói láo...”

225 (5) Đạo (1)

“ ... Bốn đó là gì? Người đó có cách-nhìn sai lạc, ý-định sai trái, lời-nói sai trái, và hành-động sai trái... (bốn tà đạo)

“ ... Bốn đó là gì? Người đó có cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, và hành-động đúng đắn...” (bốn chánh đạo)

226 (6) Con Đường (2)

“ ... Bốn đó là gì? Người đó có sự mưu-sinh sai lạc, nỗ-lực sai lạc, chú-tâm sai lạc, và định-tâm sai lạc... (bốn tà đạo)

“ ... Bốn đó là gì? Người đó có sự mưu-sinh đúng đắn, nỗ-lực đúng đắn, chú-tâm đúng đắn, và định-tâm đúng đắn... (bốn chánh đạo)

227 (7) Cách Nói Ra (1)

“ ... Bốn đó là gì? Người nói (dối) đã nhìn thấy điều mình chưa nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình chưa nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình chưa cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình chưa nhận biết.

“ ... Bốn đó là gì? Người nói (thật) đã nhìn thấy điều mình đã

nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình đã nhận biết.”

228 (8) *Cách Nói Ra (2)*

“ ... Bón đó là gì? Người nói (dối) không nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói không nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói không cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói không nhận biết điều mình đã nhận biết.

“ ... Bón đó là gì? Người nói (thật) đã nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình đã nhận biết.”

229 (9) *Không Biết Xấu Hổ Về Mặt Đạo Đức*

“ ... Bón đó là gì? Người thiếu niềm-tin, thiếu giới-hạnh, không biết xấu-hổ về mặt đạo đức (luong tâm), và bất-chấp về mặt đạo đức...

“ ... Bón đó là gì? Người được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, biết xấu-hổ về mặt đạo đức (luong tâm), và biết sợ-hãi về mặt đạo đức...”

230 (10) *Không Có Trí*

“Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất thì người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại; người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều thất đức. Bón đó là gì? Người thiếu niềm-tin, thiếu giới-hạnh, không biết xấu-hổ về mặt đạo đức (luong tâm), và bất-chấp về

mặt đạo đức. Có bốn phẩm chất này ... người đó tạo nhiều thất đức.

“Này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất thì người khôn, giỏi, tốt duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không đáng chê trách (không tội lỗi) và không bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều phước đức. Bốn đó là gì? Người được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, nỗ-lực, và có trí. Có được bốn phẩm chất này ... người đó tạo nhiều phước đức.”

231 (11) Thi Sĩ

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người làm ra thi kệ (thi sĩ). Bốn đó là gì? Người làm thi kệ quán chiếu, người làm thi kệ kể chuyện, người làm thi kệ chỉ dạy, và người làm thi kệ ngẫu hứng.⁷⁸⁹ Đây là bốn loại người làm ra thi kệ.”

NHÓM 4

NGHIỆP

232 (1) Một Cách Ngắn Gọn

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực-tiếp. Bốn đó là gì? (1) Nghiệp tối có quả tối; (2) nghiệp sáng có quả sáng; (3) nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng; (3) và nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp. Đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực-tiếp.”

233 (2) Một Cách Chi Tiết ⁷⁹⁰

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực-tiếp. Bốn đó là gì? (1) Nghiệp tối có quả tối; (2) nghiệp sáng có quả sáng; (3) nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng; (3) và nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp. Đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực-tiếp.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp tối có quả tối? Ở đây, có người làm hành vi cố-ý bằng thân (thân tư) gây đau khổ, hành vi cố-ý bằng lời-nói (khẩu tư) gây đau khổ, và hành vi cố-ý bằng tâm (tâm tư) gây đau khổ.⁷⁹¹ Hệ quả là, người đó bị tái sinh trong một cảnh giới đầy đau khổ. Khi người đó bị tái sinh trong cảnh giới đó, những sự tiếp-xúc đầy đau khổ tiếp xúc người đó. Do bị tiếp xúc với những sự tiếp-xúc đầy đau khổ, người đó cảm nhận những cảm-giác đầy đau khổ, chỉ toàn đau đớn, như trong trường hợp những chúng sinh trong địa ngục. Đây được gọi là nghiệp tối có quả tối.

(2) “Và cái gì là nghiệp sáng có quả sáng? Ở đây, có người làm hành vi cố-ý bằng thân không gây đau khổ, hành vi cố-ý bằng lời-nói không gây đau khổ, và hành vi cố-ý bằng tâm không gây đau khổ.⁷⁹² Hệ quả là, người đó được tái sinh trong một cảnh giới không đau khổ.⁷⁹³ Khi người đó được tái sinh trong cảnh giới đó, những sự tiếp-xúc không đau khổ tiếp xúc người đó. Do tiếp xúc với những sự tiếp-xúc không đau khổ, người đó cảm nhận những cảm-giác không đau khổ, chỉ toàn sướng, như trong trường hợp những thiên-thần trong cõi trời hào quang chói lọi (Biển tịnh thiên).⁷⁹⁴ Đây được gọi là nghiệp sáng có quả sáng.

(3) “Và cái gì là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng? Ở đây, có người làm cả hai loại hành vi cố-ý bằng thân gây đau khổ và không gây đau khổ, cả hai loại hành vi cố-ý bằng lời-nói gây đau khổ và không gây đau khổ, cả hai loại hành vi cố-ý bằng tâm gây đau khổ và không gây đau khổ. Hệ quả là người đó bị tái sinh trong một cảnh giới vừa có

đau khổ và không có đau khổ. Khi người đó được tái sinh trong cảnh giới đó, những sự tiếp-xúc đau khổ và không đau khổ tiếp xúc người đó. Do tiếp xúc với những sự tiếp-xúc đau khổ và không đau khổ, người đó cảm nhận những cảm-giác loại đau khổ và loại không đau khổ, như trong trường hợp chúng sinh con-người và một số thiên-thần trong những cõi thấp hơn (như những quỷ thần a-tu-la, những địa thần). Đây được gọi là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng.

(4) “Và cái gì là nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp? Sự cố-ý (tư) để dẹp bỏ loại nghiệp tối có quả tối, sự cố-ý để dẹp bỏ loại nghiệp sáng có quả sáng, và sự cố-ý để dẹp bỏ loại nghiệp sáng và tối có quả tối và sáng (dẹp bỏ ba loại nghiệp thuộc (1), (2), (3) ở trên): đây được gọi là nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp.”⁷⁹⁵

“Này các Tỷ kheo, đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực-tiếp.”

234 (3) *Soṇakāyana*

Lúc đó có bà-la-môn tên Sikhāmogallāna đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi, sau khi ngồi xuống một bên, ông ta nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, trong những ngày trước, đã lâu, có môn sinh bà-la-môn tên là Soṇakāyana đã đến gặp tôi và thưa rằng: ‘Tu sĩ (sa-môn) Cồ-đàm chỉ định sự dứt bỏ khỏi mọi nghiệp. Nhưng nếu chỉ định dứt bỏ nghiệp là tu sĩ Cồ-đàm chủ trương sự hủy diệt của thế giới. Thưa ngài, thế giới này có nghiệp là chất liệu của nó, nó liên tục nhờ nhận lãnh nghiệp cơ mà.’”

[Đức Thế Tôn nói:] “Này bà-la-môn, ta thậm chí không nhớ có

gặp môn sinh bà-la-môn nào tên Soṇakāyana. Vậy làm gì có cuộc thảo luận nào như vậy với anh ta? Nay bà-la-môn, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực-tiếp. Bốn đó là gì? ... ”

[Phần còn lại ý hết nội dung kinh 4:233 kể trên.]

235 (4) Những Giới Luật Tu Hành (1)

[Mở đầu giống như kinh 4:233 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp tối có quả tối? Ở đây, có người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ, hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là nghiệp tối có quả tối.

(2) “Và cái gì là nghiệp sáng có quả sáng? Ở đây, có người kiêng cử sát-sinh, kiêng cử gian-cấp, kiêng cử nói-dối nói láo, và kiêng cử uống rượu mạnh, rượu nhẹ, hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là nghiệp sáng có quả sáng.

(3) “Và cái gì là nghiệp tối và sáng và có quả tốt và sáng? Ở đây, có người làm cả hai loại hành vi cố ý bằng thân gây đau khổ và không gây đau khổ, cả hai loại hành vi cố ý bằng miệng gây đau khổ và không gây đau khổ, cả hai loại hành vi cố ý bằng tâm gây đau khổ và không gây đau khổ. Hệ quả là người đó bị tái sinh trong một cảnh giới vừa có đau khổ và không có đau khổ. Khi người đó được tái sinh trong cảnh giới đó, những sự tiếp-xúc đau khổ và không đau khổ tiếp xúc người đó. Do tiếp xúc với những sự tiếp-xúc đau khổ và không đau khổ, người đó cảm nhận những cảm-giác loại đau khổ và loại không đau khổ, như trong trường hợp chúng sinh con-người và một số thiên-thần trong những cõi thấp hơn; (như những quỷ thần a-tu-la, những địa thần). Đây được gọi là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng.

(4) “Và cái gì là nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp? Sự cố-ý (tư tâm sở) để dẹp bỏ loại nghiệp tối có quả tối, sự cố-ý để dẹp bỏ loại nghiệp sáng có quả sáng, và sự cố-ý để dẹp bỏ loại nghiệp sáng và tối có quả tối và sáng (dẹp bỏ ba loại nghiệp trên): đây được gọi là nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực-tiếp.”

236 (5) *Những Giới Luật Tu Hành (2)*

[Mở đầu giống như kinh 4:233 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp tối có quả tối? Ở đây, có người giết hại mẹ, giết hại cha, giết hại A-la-hán, với cái tâm thù ghét làm chảy máu Như Lai, hay tạo ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn (hai câu cuối có thể Phật chỉ thầy Đề-bà-đạt-đa). Đây được gọi là nghiệp tối có quả tối.

(2) “Và cái gì là nghiệp sáng có quả sáng? Ở đây, có người không cử sát-sinh, không cử gian-cấp, không cử nói-dối nói láo, không cử nói lời gây chia rẽ, không cử nói lời gắt gỏng nạt nộ, và không cử nói lời tầm phào tán dóc; người đó không có tham-muốn, có đầy thiện-ý, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn. Đây được gọi là nghiệp sáng có quả sáng.

(3) “Và cái gì là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng? ... [Giống đoạn (3) kinh 4:235 kể trên] ... Đây được gọi là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng.

(4) “Và cái gì là nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp? ... [Giống đoạn (4) kinh 4:235 kể trên] ... Đây được gọi là nghiệp không tối không sáng

không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực-tiếp.”

237 (6) Tám Phần Thánh Đạo

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực-tiếp. Bốn đó là gì? ...

[Tiếp tục đoạn (1), (2), (3) giống như kinh 4:233 ở trên, cho đến:]

(4) “Và cái gì là nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp? (Đó là tám phần tu/ bát chi thánh đạo): cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn: đây được gọi là nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực-tiếp.”

238 (7) Bảy Yếu Tố Giác Ngộ

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực-tiếp. Bốn đó là gì? ...

[Tiếp tục đoạn (1), (2), (3) giống như kinh 4:233 ở trên, cho đến:]

(4) “Và cái gì là nghiệp nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp? (Đó là bảy yếu-tố giúp giác-ngộ/ thất giác chi): yếu-tố giác-ngộ là chánh-niệm,

yếu-tố giác-ngộ là sự phân-biệt những hiện-tượng (trạch pháp), yếu-tố giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh tấn), yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ, yếu-tố giác-ngộ là sự tĩnh-lặng, yếu-tố giác-ngộ là sự định-tâm, và yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả: đây được gọi là nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp.

“Này các Tỷ kheo, đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực-tiếp.”

239 (8) Đáng Chê Trách

“Này các Tỷ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Hành-động đáng chê trách (tội lỗi), lời-nói đáng chê trách, tâm-ý đáng chê trách, và cách-nhìn đáng chê trách (sai lạc; tà kiến). Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỷ kheo, người có được bốn phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Hành-động không đáng chê trách (không tội lỗi), lời-nói không đáng chê trách, tâm-ý không đáng chê trách, và cách-nhìn không đáng chê trách (đúng đắn; chánh kiến). Người có được bốn phẩm chất này thì được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó.”

240 (9) Không Gây Đau Khổ

“Này các Tỷ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Hành-động gây đau khổ (có hại), lời-nói gây đau khổ, tâm-ý gây đau khổ, và cách-nhìn gây đau khổ (sai lạc, bất thiện; tà kiến). Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỷ kheo, người có được bốn phẩm chất thì được ký thác

trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Hành-động không gây đau khổ (vô hại), lời-nói không gây đau khổ, tâm-ý không gây đau khổ, và cách-nhìn không gây đau khổ (đúng đắn, thiện; chánh kiến). Người có được bốn phẩm chất này thì được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó.”

241 (10) Những Tu Sĩ

“Này các Tỳ kheo: ‘chỉ có đây là một tu sĩ (bậc sa-môn), đây là một tu sĩ thứ hai, đây là một tu sĩ thứ ba, đây là một tu sĩ thứ tư. Những giáo phái khác không có những tu sĩ (đích thực)’.⁷⁹⁶ Các thầy nên chân chính cất lên tiếng gầm sư tử theo cách như vậy.

(1) Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tu sĩ thứ nhất? Ở đây, với sự phá-sạch ba gông-cùm (đầu tiên), một Tỳ kheo thành bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh] trong cõi dưới, đã định xong vận mệnh, hướng tới sự giác-ngộ. Đây là tu sĩ thứ nhất.

(2) “Và cái gì là tu sĩ thứ hai? Ở đây, với sự phá-sạch ba gông-cùm (đầu tiên) và sự giảm thiểu tham, sân, si, một Tỳ kheo thành bậc Nhất-lưu, chỉ còn quay lại thế gian này một lần nữa, sau đó sẽ chấm dứt sự khổ. Đây là tu sĩ thứ hai.

(3) “Và cái gì là tu sĩ thứ ba? Ở đây, với sự phá-sạch năm gông-cùm (đầu tiên), một Tỳ kheo thành bậc tái sinh tự động (trong một trong năm cõi trời trong-sạch, Tịnh cư thiên), và ở đó đến lúc chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không quay lại thế gian này nữa. Đây là tu sĩ thứ ba.

(4) “Và cái gì là tu sĩ thứ tư? Ở đây, với sự đã tiêu-diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, một Tỳ kheo đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây

là tu sĩ thứ tư.

“Này các Tỳ kheo: ‘chỉ có đây là một tu sĩ (bậc sa-môn), đây là một tu sĩ thứ hai, đây là một tu sĩ thứ ba, đây là một tu sĩ thứ tư. Những giáo phái khác không có những tu sĩ’. Các thầy nên chân chính cất lên tiếng gầm sư tử theo cách như vậy.”

242 (11) Những Ích Lợi Của Một Người Tốt

“Này các Tỳ kheo, bằng cách dựa vào một người tốt thì có thể trông đợi bốn ích lợi. Bốn đó là gì? (1) Người tăng trưởng về giới-hạnh thánh thiện; (2) người tăng trưởng về sự định-tâm thánh thiện; (3) người tăng trưởng về trí-tuệ thánh thiện, và (4) người tăng trưởng về sự giải-thoát thánh thiện. Bằng cách dựa vào một người tốt thì có thể trông đợi bốn ích lợi này.”

NHÓM 5

NHỮNG HIỀM HỌA CỦA TỘI LỖI

243 (1) Sự Chia Rẽ

“Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Ghosita. Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Ānanda, những vấn đề thuộc giới luật đã được giải quyết xong chưa?”⁷⁹⁷

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào vấn đề thuộc giới luật đó được giải quyết? Tỳ kheo Bāhiya, học trò của Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha), vẫn đang đầy chủ ý tạo ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn, nhưng thầy A-

nậu-lâu-đà lại không hề nghĩ đến việc nói ra một lời nào.”

“Nhưng, này Ānanda, có bao giờ A-nậu-lâu-đà tự mình quan tâm đến những vấn đề thuộc giới luật khi đang ngồi giữa Tăng Đoàn đâu? Vậy tại sao thầy, và thầy Mục-kiền-liên, thầy Xá-lợi-phất không giải quyết gì về những vấn đề này khi chúng khởi sinh?

“Này Ānanda, sau khi nhìn thấy bốn sự thuận lợi, một Tỳ kheo xấu (ác tăng) vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo xấu là thất đức (thiếu đức hạnh, không giới hạnh), có tính cách xấu, không sạch, có hành vi đáng ngờ, lén lút trong hành động mình, không phải là một tu sĩ (bậc sa-môn) nhưng tuyên bố mình là tu sĩ, không sống độc thân nhưng tuyên bố là người sống độc thân, thói nát ở bên trong, hư bại, suy đồi. Người đó hay nghĩ rằng: ‘Nếu các Tỳ kheo mà biết được ta là thất đức ... suy đồi, và họ đoàn kết lại, thì họ sẽ trục xuất ta; nhưng nếu họ bị chia rẽ thành nhiều phe, thì họ sẽ không thể trục xuất ta.’ Sau khi nhìn thấy sự thuận lợi thứ nhất này, một Tỳ kheo xấu vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo xấu nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến); người đó nương theo một quan-điểm cực đoan. Người đó hay nghĩ rằng: ‘Nếu các Tỳ kheo mà biết được ta nắm giữ cách-nhìn sai lạc, rằng ta nương theo một quan-điểm cực đoan, và họ đoàn kết lại, thì họ sẽ trục xuất ta; nhưng nếu họ bị chia rẽ thành nhiều phe, thì họ sẽ không thể trục xuất ta.’ Sau khi nhìn thấy sự thuận lợi thứ hai này, một Tỳ kheo xấu vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo xấu có sự mưu-sinh sai trái (tà hạnh); người đó kiếm sống bằng sự mưu sinh sai trái. Người đó hay nghĩ rằng: ‘Nếu các Tỳ kheo mà biết được ta có sự mưu-sinh sai trái, rằng ta kiếm sống bằng sự mưu-sinh sai trái, và họ đoàn kết lại, thì họ sẽ trục xuất ta; nhưng nếu họ bị chia rẽ thành nhiều phe, thì họ sẽ không thể trục xuất ta.’ Sau khi nhìn thấy sự thuận lợi thứ ba này, một Tỳ kheo xấu vui

thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo xấu có tham muốn có được lợi, danh, và sự nể phục. Người đó hay nghĩ rằng: ‘Nếu các Tỳ kheo mà biết được ta có tham muốn có được lợi, danh, và sự nể phục, và họ đoàn kết lại, thì họ sẽ không vinh danh, tôn trọng, kính trọng, hay kính thưa ta; nhưng nếu họ bị chia rẽ thành nhiều phe, thì họ sẽ vinh danh, tôn trọng, kính trọng, và kính thưa ta.’ Sau khi nhìn thấy sự thuận lợi thứ tư này, một Tỳ kheo xấu vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.

“Này Ānanda, sau khi nhìn thấy bốn sự thuận lợi này, một Tỳ kheo vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.”

244 (2) Những Tội Lỗi

“Này các Tỳ kheo, có bốn hiểm-họa này của tội lỗi. Bốn đó là gì?

(1) “Này các Tỳ kheo, giả sử họ bắt được một kẻ trộm, một tội phạm, và giải tới chỗ nhà vua, thưa: ‘Thưa bệ hạ, đây là một kẻ trộm, một tội phạm. Xin bệ hạ hãy định hình phạt cho hắn ta.’ Nhà vua nói với họ: ‘Này các ông, hãy lấy dây thừng trói chặt hai tay kẻ này ra sau lưng, cạo đầu hắn, và dẫn hắn đi khắp các đường phố, khắp các khu phố, đánh trống âm ỉ (cho mọi người thấy). Sau đó chặt đầu hắn ở phía nam ngoài kinh thành.’ Những quan quân của nhà vua sẽ tuân lệnh và chặt đầu người đó ở phía nam ngoài kinh thành. Một người đứng gần đó có thể nghĩ: ‘Đúng thực, người này đã làm một việc xấu ác, đáng chê trách, đáng bị hình phạt chặt đầu, đến mức những quan quân của nhà vua đã dùng dây thừng trói hai tay ông ta ra sau lưng ... và chặt đầu ông ta ở phía nam ngoài kinh thành. Thiệt tình, tôi sẽ không bao giờ làm một việc xấu ác như vậy, đáng bị chê trách, đáng bị hình phạt chặt đầu.’

“Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni đã thiết

lập một nhận-thức nhạy bén như vậy về hiểm-họa đối với những tội lớn nhất [*pārājika*, ba-la-di; trọng tội lớn nhất] thì có thể trông đợi người đó, nếu đã chưa từng phạm vào một tội lớn nào, sẽ không bao giờ phạm vào một tội lớn nhất nào; và, nếu đã từng phạm vào một tội lớn nhất, sẽ tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp.⁷⁹⁸

(2) “Này các Tỳ kheo, giả sử một người tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, mang cây hèo trên vai, và nói với đám đông: ‘Thưa quý vị,⁷⁹⁹ tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt đánh bằng hèo. Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.’ Một người đứng gần đó có thể nghĩ: ‘Đúng thực, người này chắc đã làm một việc xấu ác, đáng chê trách, đáng bị hình phạt đánh bằng hèo, đến mức ông ta phải tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, mang cây hèo trên vai, và nói với đám đông: “Thưa quý vị, tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt đánh bằng hèo. Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.”’ Thiết tình, tôi sẽ không bao giờ làm một việc xấu ác như vậy, đáng bị chê trách, đáng bị hình phạt đánh bằng hèo.’

“Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni đã thiết lập một nhận-thức nhạy bén như vậy về hiểm-họa đối với những tội lớn nhì [*saṅghādisesa*, tội tăng tâng; trọng tội lớn nhì] thì có thể trông đợi người đó, nếu đã chưa từng phạm vào một tội lớn nhì nào, sẽ không bao giờ phạm vào một tội lớn nhì nào; và, nếu đã từng phạm vào một tội lớn nhì, sẽ tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp.⁸⁰⁰951

(3) “Này các Tỳ kheo, giả sử một người tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, vác một bao tro trên vai, và nói với đám đông: ‘Thưa quý vị, tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt bằng một bao tro.⁸⁰¹ Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.’ Một người đứng gần đó có thể nghĩ: ‘Đúng thực, người này chắc đã làm một việc xấu ác, đáng chê trách, đáng bị hình phạt bằng một bao tro, đến mức ông ta phải tự lấy vải đen quấn người mình, xả

tóc xuống, vác một bao tro trên vai, và nói với đám đông: “Thưa quý vị, tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt bằng một bao tro. Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.” Thiết tình, tôi sẽ không bao giờ làm một việc xấu ác như vậy, đáng bị chê trách, đáng bị hình phạt bằng một bao tro.’

“Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni đã thiết lập một nhận-thức nhạy bén như vậy về hiểm-họa đối với những tội nhẹ [*pācittiya*, ba-dật-đề; tội nhẹ] thì có thể trông đợi người đó, nếu đã chưa từng phạm vào một tội nhẹ nào, sẽ không bao giờ phạm vào một tội nhẹ nào; và, nếu đã từng phạm vào một tội nhẹ, sẽ tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp.⁸⁰²

(4) “Này các Tỳ kheo, giả sử một người tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, và nói với đám đông: ‘Thưa quý vị, tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị phê phán (kiểm điểm, cảm tức). Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.’ Một người đứng gần đó có thể nghĩ: ‘Đúng thực, người này chắc đã làm một việc xấu ác, đáng chê trách, đáng bị phê phán, đến mức ông ta phải tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, và nói với đám đông: “Thưa quý vị, tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị phê phán. Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.” Thiết tình, tôi sẽ không bao giờ làm một việc xấu ác như vậy, đáng bị chê trách, đáng bị phê phán.’

“Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni đã thiết lập một nhận-thức nhạy bén như vậy về hiểm-họa đối với những tội nhẹ hơn [*pāṭidesanīya*, tội cần phải phát lộ; **tội nhẹ hơn**] thì có thể trông đợi người đó, nếu đã chưa từng phạm vào một tội nhẹ hơn nào, sẽ không bao giờ phạm vào một tội nhẹ hơn nào; và, nếu đã từng phạm vào một tội nhẹ hơn, sẽ tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp.⁸⁰³

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn hiểm-họa của tội lỗi.”

245 (3) *Sự Tu Tập*

“Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này được sống với sự tu-tập là ích lợi của nó, với trí-tuệ là người giám sát của nó, với sự giải-thoát là cốt lõi của nó, và với sự chánh-niệm là thẩm quyền của nó.”⁸⁰⁴

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự tu-tập là ích lợi đời sống tâm linh? Ở đây, sự tu-tập thuộc mảng ‘hành-vi hợp quy’ [tức: phần giới-hạnh dựa theo quy định của giới-luật; hành-vi đúng theo giới-luật]⁸⁰⁵ đã được ta chỉ định cho những đệ tử của ta với mục đích để cho những ai không có niềm-tin sẽ đạt được niềm-tin và những ai đã có niềm-tin càng gia tăng [niềm-tin]. Người tu đảm nhận sự tu-tập thuộc mảng ‘hành-vi hợp quy’ này theo cách mà ta đã chỉ định cho những đệ tử của ta, trì giữ nó không bị sút mẻ, không vết lỗi, không vết nhiễm, và không bị đốm đỏ, để cho những ai không có niềm-tin thì đạt được niềm-tin và những ai đã có niềm-tin càng gia tăng [niềm-tin]. Sau khi đã đảm nhận chúng, người tu tu tập theo những giới luật tu hành (những điều luật) đó.

“Lại nữa, sự tu-tập (là) ‘nền tảng đối với đời sống tâm linh’⁸⁰⁶ đã được ta chỉ định cho những đệ tử của ta để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Người tu đảm nhận sự tu-tập ‘nền tảng đối với đời sống tâm linh’ này theo cách mà ta đã chỉ định cho những đệ tử của ta để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ, trì giữ nó không bị sút mẻ, không vết lỗi, không vết nhiễm, và không bị đốm đỏ, để cho những ai không có niềm-tin thì đạt được niềm-tin và những ai đã có niềm-tin càng gia tăng [niềm-tin]. Sau khi đã đảm nhận chúng, người tu tu tập theo những giới luật tu hành đó. Chính theo cách như vậy sự tu-tập là ích lợi của đời sống tâm linh.

(2) “Và theo cách nào trí-tuệ là người giám sát của đời sống tâm linh? Ở đây, những giáo lý đã được ta chỉ dạy cho những đệ tử của ta để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Người tu soi xét kỹ những giáo lý đó bằng trí-tuệ theo cách mà ta đã chỉ dạy cho những đệ tử của ta để dẫn

đến sự hoàn toàn diệt-khổ. Chính theo cách như vậy trí-tuệ là người giám sát của đời sống tâm linh.⁸⁰⁷

(3) “Và theo cách nào sự giải-thoát là cốt lõi của đời sống tâm linh? Ở đây, những giáo lý đã được ta chỉ dạy cho những đệ tử của ta để dẫn đến sự hoàn toàn diệt-khổ. Thông qua sự giải-thoát người tu chứng nghiệm những giáo lý theo cách mà ta đã chỉ dạy cho những đệ tử của ta để dẫn đến sự hoàn toàn diệt-khổ. Chính theo cách như vậy trí-tuệ là người cốt lõi của đời sống tâm linh.”⁸⁰⁸

(4) “Và theo cách nào sự chánh-niệm là thẩm quyền của đời sống tâm linh? (i) Sự chánh-niệm của người tu được khéo thiết lập ở bên-trong như vậy: ‘Chính theo cách như vậy ta sẽ hoàn thiện sự tu-tập thuộc mảng “hành-vi hợp quy” [phần giới-hạnh dựa theo quy định] mà ta chưa hoàn thiện, hoặc sẽ bằng trí-tuệ trợ giúp về nhiều mặt khác nhau cho sự tu-tập thuộc mảng “hành-vi hợp quy” mà ta đã hoàn thiện.’⁸⁰⁹ (ii) Và sự chánh-niệm của người tu được khéo thiết lập ở bên-trong như vậy: ‘Chính theo cách như vậy ta sẽ hoàn thiện sự tu-tập (là) “nền tảng đối với đời sống tâm linh” mà ta chưa hoàn thiện, hoặc sẽ bằng trí-tuệ trợ giúp về nhiều mặt khác nhau cho sự tu-tập (là) “nền tảng đối với đời sống tâm linh” mà ta đã hoàn thiện.’ (iii) Và sự chánh-niệm của người tu được khéo thiết lập ở bên-trong như vậy: ‘Chính theo cách như vậy ta sẽ bằng trí-tuệ soi xét kỹ những giáo lý mà ta chưa soi xét kỹ, hoặc bằng trí-tuệ sẽ trợ giúp về nhiều mặt cho những giáo lý mà ta đã soi xét kỹ.’ (iv) Và sự chánh-niệm của người tu khéo được thiết lập ở bên-trong như vậy: ‘Chính theo cách như vậy thông qua sự giải-thoát ta sẽ chứng nghiệm Giáo Pháp mà ta chưa chứng nghiệm, hoặc bằng trí tuệ sẽ trợ giúp về nhiều mặt khác nhau cho Giáo Pháp mà ta đã chứng nghiệm.’ Chính theo cách như vậy sự chánh-niệm là thẩm quyền của đời sống tâm linh.

“Vậy đó, khi nói điều này: ‘Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này được sống với sự tu-tập là ích lợi của nó, với trí-tuệ là người giám

sát của nó, với sự giải-thoát là cốt lõi của nó, và với sự chánh-niệm là thâm quyền của nó’, là vì những điều trên nên nó đã được nói ra như vậy.”

246 (4) *Tư Thế Nằm*

“Này các Tỳ kheo, có bốn tư thế nằm này. Bốn đó là gì? Tư thế nằm của tử thi, tư thế nằm của người thích nhục dục, tư thế nằm của sư tử, và tư thế nằm của Như Lai.

(1) “Và cái gì là tư thế nằm của tử thi? Những xác chết thường nằm ngửa. Đây được gọi là tư thế nằm của tử thi.

(2) “Và cái gì là tư thế nằm của người thích nhục dục? Người nhục dục thường nằm nghiêng bên trái. Đây được gọi là tư thế nằm của người thích nhục dục.

(3) “Và cái gì là tư thế nằm của sư tử? Sư tử, vua của muôn thú, nằm nghiêng bên phải, với chân trái để trên chân phải và đuôi để giữa hai đùi. Khi nó thức dậy, nó nâng phần thân trước lên và quay lại nhìn phần thân sau của mình. Nếu sư tử thấy có chỗ nào của thân bị sai lệch hay bị đặt sai thì nó không hài lòng. Nếu sư tử thấy không chỗ nào của thân bị sai lệch hay bị đặt sai thì nó hài lòng. Đây được gọi là tư thế nằm của sư tử.

(4) “Và cái gì là tư thế nằm của Như Lai? Ở đây, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất-thiện, Như Lai chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Đây được gọi là tư thế nằm của Như Lai.

“Đây là bốn tư thế nằm.”

247 (5) Đáng Được Xây Bảo Tháp

“Này các Tỳ kheo, bốn bậc này đáng được xây bảo tháp (*thūpa*) (để tưởng niệm). Bốn đó là gì? (i) Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác; Phật Duyên Giác; đệ tử của Như Lai; và một vị vua hoàn vũ. Đây là bốn bậc đáng được xây bảo tháp.”⁸¹⁰

248 (6) Tăng Trưởng Trí Tuệ

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này dẫn tới sự tăng trưởng trí-tuệ. Bốn đó là gì? Gặp gỡ những người tốt, nghe Giáo Pháp tốt lành, chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), và thực hành đúng theo Giáo Pháp. Đây là bốn điều dẫn tới sự tăng trưởng trí-tuệ.”⁸¹¹

249 (7) Hữu Ích ⁸¹²

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này là hữu ích cho một con người. Bốn đó là gì? Gặp gỡ những người tốt, nghe Giáo Pháp tốt lành, chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), và thực hành đúng theo Giáo Pháp. Đây là bốn điều hữu ích cho một con người.”

250 (8) Những Tuyên Bố (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tuyên bố không thánh thiện này. Bốn đó là gì? Nói (dối) mình đã thấy điều mình chưa nhìn thấy; nói mình đã nghe điều mình chưa nghe thấy; nói mình đã cảm nhận điều mình chưa cảm nhận; nói mình đã nhận biết điều mình chưa nhận biết. Đây là bốn sự tuyên bố không thánh thiện.”

251 (9) Những Tuyên Bố (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tuyên bố thánh thiện này. Bốn đó là gì? Nói (thật) mình không thấy điều mình không nhìn thấy; nói mình không nghe điều mình không nghe thấy; nói mình không cảm nhận điều mình không cảm nhận; nói mình không nhận biết điều mình không nhận biết. Đây là bốn sự tuyên bố thánh thiện.”

252 (10) Những Tuyên Bố (3)

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tuyên bố không thánh thiện này. Bốn đó là gì? Nói (dối) mình không thấy điều mình đã nhìn thấy; nói mình không nghe điều mình đã nghe thấy; nói mình không cảm nhận điều mình đã cảm nhận; nói mình không nhận biết điều mình đã nhận biết. Đây là bốn sự tuyên bố không thánh thiện.”

253 (11) Những Tuyên Bố (4)

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tuyên bố thánh thiện này. Bốn đó là gì? Nói (thật) mình đã thấy điều mình đã nhìn thấy; nói mình đã nghe điều mình đã nghe thấy; nói mình đã cảm nhận điều mình đã cảm nhận; nói mình đã nhận biết điều mình đã nhận biết. Đây là bốn sự tuyên bố thánh thiện.”

NHÓM 6

SỰ HIỂU BIẾT TRỰC TIẾP

254 (1) Sự Hiểu Biết Trực Tiếp

“Này các Tỳ kheo, có bốn điều này. Bốn đó là gì? (1) Có những thứ được hoàn-toàn hiểu bởi sự hiểu-biết trực tiếp. (2) Có những thứ được dẹp bỏ bằng sự hiểu-biết trực tiếp. (3) Có những thứ được tu tập

[phát triển] bằng sự hiểu-biết trực tiếp. (4) Có những thứ được chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực tiếp.⁸¹³

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ được hoàn-toàn hiểu bằng trí-biết trực-tiếp? Đó là năm-uẩn bị dính chấp. Đây được gọi là bốn thứ được hiểu bằng trí-biết trực-tiếp.

(2) “Và cái gì là những thứ được dẹp bỏ bằng trí-biết trực-tiếp? Đó là vô-minh và dục-vọng. Đây là những thứ được dẹp bỏ bằng trí-biết trực-tiếp.

(3) “Và cái gì là những thứ được tu tập bằng trí-biết trực-tiếp? Đó là sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ). Đây được gọi là những thứ được tu tập bằng trí-biết trực-tiếp.

(4) “Và cái gì là những thứ được chứng ngộ bằng trí-biết trực-tiếp? Đó là trí-biết đích thực (chân trí, minh) và sự giải-thoát. Đây được gọi là những thứ được chứng ngộ bằng trí-biết trực-tiếp.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều.”

255 (2) Những Sự Tìm Cầu

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tìm cầu không thánh thiện.⁸¹⁴ Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người bản chất phải bị già mà cứ đi tìm thứ bị già; (2) người bản chất phải bị bệnh mà cứ đi tìm thứ bị bệnh; (3) người bản chất phải bị chết mà cứ đi tìm thứ bị chết; và (4) người bản chất bị ô-nhiễm mà cứ đi tìm thứ bị ô-nhiễm. Đây là bốn sự tìm cầu không thánh thiện.

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tìm cầu thánh thiện. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người bản chất phải bị già, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị già, người đó tìm kiếm sự không-già, sự an-toàn tối thượng thoát khỏi mọi sự trói-buộc, Niết-bàn; (2) có người bản chất phải bị bệnh, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải

bị bệnh, người đó tìm kiếm sự không-bệnh, sự an-toàn tối thượng thoát khỏi mọi sự trói-buộc, Niết-bàn; (3) có người bản chất phải bị chết, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị chết, người đó tìm kiếm sự bất-tử, sự an-toàn tối thượng thoát khỏi mọi sự trói-buộc, Niết-bàn; (4) có người bản chất phải bị ô-nhiễm, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ bị ô-nhiễm, người đó tìm kiếm sự không bị ô-nhiễm, sự an-toàn tối thượng thoát khỏi mọi sự trói-buộc, Niết-bàn. Đây là bốn sự tìm cầu thánh thiện.”

256 (3) *Duy Trì*

“Này các Tỳ kheo, có bốn phương tiện này để duy trì một mối quan hệ tốt đẹp (hữu hảo). Bốn đó là gì? Quà tặng, lời nói thân ái, hành vi thiện ích (từ thiện), và sự vô tư (không thiên vị). Đây là bốn phương tiện để duy trì một mối quan hệ tốt đẹp.”⁸¹⁵

257 (4) *Mālun̄kyāputta*

Lúc đó có Ngài Mālun̄kyāputta đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa:⁸¹⁶

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ đức Thế Tôn, con sẽ sống một mình, thu mình, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập).”

“Này Mālun̄kyāputta, giờ chúng ta nên nói gì với những Tỳ kheo trẻ trong khi một người già như thầy, đã già yếu và nhiều tuổi tác, lại đi hỏi sự chỉ giáo một cách ngắn gọn từ Như Lai?”

“Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn! Mong bậc Phúc Lành chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn! Có lẽ con có thể hiểu được ý nghĩa của lời tuyên

thuyết của đức Thế Tôn; có lẽ con có thể thành một người thừa hưởng được lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn.”

“Này Mālunkyāputta, có bốn nguồn dục-vọng đối với một Tỷ kheo. Bốn đó là gì? Dục-vọng khởi sinh bên trong một Tỷ kheo vì chuyện y áo, thức ăn, chỗ ở, hay vì sự sống ở đây hay ở nơi khác. Đây là bốn cách dục-vọng khởi sinh bên trong một Tỷ kheo.”⁸¹⁷

“Đây là bốn nguồn dục-vọng đối với một Tỷ kheo. Này Mālunkyāputta, khi một Tỷ kheo đã dẹp bỏ dục-vọng, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai, thì người đó được gọi là một Tỷ kheo là người đã cắt bỏ dục-vọng, đã gỡ bỏ gông-cùm, và bằng cách phá bỏ sự tự-ta (ngã mạn) đã chấm dứt sự khổ.”

Rồi thầy Mālunkyāputta, sau khi đã được chỉ giáo như vậy bởi đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải của mình và đi ra.

Rồi sau đó, sống một mình, thu mình, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập), thầy Mālunkyāputta ngay trong kiếp này đã tự mình chứng ngộ đỉnh-cao vô thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, thầy ấy an trú trong đó. Thầy ấy đã hiểu được: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

Và thầy Mālunkyāputta đã trở thành một trong những A-la-hán.

258 (5) Những Gia Đình

“Này các Tỷ kheo, những gia đình không (tiếp tục) giàu có nhiều đời sau khi đã có được nhiều của cải, tất cả đều không được dài lâu vì

bốn lý do, hay vì một trong bốn lý do đó. Bốn đó là gì? (1) Họ không tìm kiếm thứ đã mất; (2) họ không tu sửa cái đã già cũ; (3) họ mê mãi trong ăn uống và rượu chè; hay (4) họ chọn trúng người thất đức [nam hay nữ] làm gia trưởng (người chủ chốt). Những gia đình không giàu có nhiều đời sau khi đã có được nhiều của cải, tất cả đều không được dài lâu vì bốn lý do, hay vì một trong bốn lý do đó.⁸¹⁸

“Này các Tỳ kheo, những gia đình (tiếp tục) giàu có nhiều đời sau khi đã có được nhiều của cải, tất cả đều được dài lâu vì bốn lý do, hay vì một trong bốn lý do đó. Bốn đó là gì? (1) Họ tìm kiếm thứ đã mất; (2) họ tu sửa cái đã già cũ; (3) họ không mê mãi trong ăn uống và rượu chè; và (4) họ chọn đúng người đức hạnh [nam hay nữ] làm gia trưởng (người chủ chốt). Những gia đình giàu nhiều đời sau khi đã có được nhiều của cải, tất cả đều được dài lâu vì bốn lý do đó, hay vì một trong bốn lý do đó.”

259 (6) *Thuần Chung* (1)

“Này các Tỳ kheo, có được bốn yếu tố, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua xứng đáng là của nhà vua, là một thứ (vật dụng) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều.⁸¹⁹ Bốn đó là gì? Ở đây, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua có được vẻ đẹp, sức mạnh, tốc độ, và sự cân đối đúng đắn. Có được bốn yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua xứng đáng là của nhà vua ... được coi là một yếu tố của vương triều.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, xứng đáng được tiếp đón, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được kính lễ, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được vẻ đẹp, sức mạnh, tốc độ, và sự cân đối đúng đắn.

(1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo có được vẻ đẹp? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới hạnh; người đó sống được kiềm chế theo Pātimokkha [Giới Luật Tỳ Kheo], có đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt lành, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập trong những giới luật đó. Theo cách này là một Tỳ kheo có được vẻ đẹp.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo có được sức mạnh? Ở đây, một Tỳ kheo phát khởi sự nỗ-lực để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và để đạt được những phẩm chất thiện lành; người đó mạnh mẽ, vững chắc trong sự phấn đấu, không lơ lãng khỏi bốn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành. Theo cách này là một Tỳ kheo có được sức mạnh.

(3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được tốc độ? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn gốc khổ’ ... ‘Đây là sự chấm dứt khổ’ ... ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được tốc độ.

(4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo có được sự cân đối đúng đắn? Ở đây, một Tỳ kheo là người có được ý áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men và chu cấp cho người bệnh. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được sự cân đối đúng đắn.

“Có được bốn phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, xứng đáng được tiếp đón, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được kính lễ, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian.”

260 (7) *Thuần Chứng (2)*

[Tất cả y hết kinh 4:259 kể trên, chỉ khác ở đoạn (3) như sau đây:]⁸²⁰

(3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được tốc độ? Ở đây, một

Tỳ kheo với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được tốc độ.”

261 (8) Những Năng Lực

“Này các Tỳ kheo, có bốn năng lực này. Bốn đó là gì? Năng lực nỗ-lực (tinh tấn), năng lực chánh-niệm (niệm lực), năng lực định-tâm (định lực), và năng lực trí-tuệ (tuệ lực). Đây là bốn năng lực.”

262 (9) Sống Trong Rừng

“Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất, một Tỳ kheo là không phù hợp để về sống tu trong rừng núi xa xôi hẻo lánh. Bốn đó là gì? [Người đó cứ nghĩ] (1) những ý nghĩ tham-dục, (2) những ý nghĩ ác-ý, và (3) những ý nghĩ gây-hại; và (4) người đó không có trí, ngu dốt, đàn độn. Có bốn phẩm chất này một Tỳ kheo là không phù hợp để về sống tu trong rừng núi xa xôi hẻo lánh.

“Có được bốn phẩm chất, một Tỳ kheo là phù hợp để về sống tu trong rừng núi xa xôi hẻo lánh. Bốn đó là gì? [Người đó nghĩ] (1) những ý nghĩ từ-bỏ, (2) những ý nghĩ thiện-ý, và (3) những ý nghĩ vô-hại; và (4) người đó có trí, không ngu dốt hay đàn độn. Có được bốn phẩm chất này một Tỳ kheo là phù hợp để về sống tu trong rừng núi xa xôi hẻo lánh.”

263 (10) Hành Động

“Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất, người ngu, dờ, xấu duy trì

bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại (về đức hạnh, về tâm); người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quở trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo nhiều thất-phước. Bốn đó là gì? Hành-động đáng chê trách, lời-nói đáng chê trách, tâm-ý đáng chê trách, và cách-nhìn đáng chê trách. Có bốn phẩm chất ... người đó tạo nhiều thất-phước.

“Này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất, người trí, giỏi, tốt thiện giữ bản thân mình không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không bị chê trách (không tội lỗi) và không bị quở trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo nhiều phước đức. Bốn đó là gì? Hành-động không đáng chê trách, lời-nói không đáng chê trách, tâm-ý không đáng chê trách, và cách-nhìn không đáng chê trách. Có được bốn phẩm chất ... người đó tạo nhiều phước-đức.”

NHÓM 7

NHỮNG ĐƯỜNG NGHIỆP

264 (1) Sát Sinh

“Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? (1) Người đó tự mình sát sinh; (2) người đó xúi giục người khác sát-sinh; (3) người đó đồng tình sự sát-sinh; và (4) người đó nói lời đề cao sự sát-sinh. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục như bị đư thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất [khác], một người được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? (1) Người đó tự mình kiêng cữ sát-sinh; (2) người đó khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh; (3) người đó đồng tình sự kiêng cữ sát-

sinh; và (4) người đó nói lời đề cao sự kiêng cử sát-sinh. Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó.”

265 (2)—273 (10) *Gian Cấp ...*

“Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì?⁸²¹ (1) Người đó tự mình *gian cấp ... tà dục tà dâm ... nói dối nói láo ... nói lời gây chia rẽ ... nói lời gắt gỏng nạt nộ ... nói lời tầm phào tán dóc ... có đầy tham-muốn ... mang đầy ác-ý ... nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến)*; (2) người đó xúi giục người khác *gian-cấp ... nắm giữ cách-nhìn sai lạc*; (3) người đó đồng tình sự *gian-cấp ... cách-nhìn sai lạc*; và (4) người đó nói lời đề cao sự *gian-cấp ... cách-nhìn sai lạc*. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục như bị đư thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất [khác], một người được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? (1) Người đó tự mình *kiêng cử gian cấp ... kiêng cử tà dục tà dâm ... kiêng cử nói dối nói láo ... kiêng cử nói lời gây chia rẽ ... kiêng cử nói lời gắt gỏng nạt nộ ... kiêng cử nói lời tầm phào tán dóc ... kiêng cử sự tham-muốn ... kiêng cử sự ác-ý ... nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến)*; (2) người đó khuyến khích người khác *kiêng cử gian-cấp ... nắm giữ cách-nhìn đúng đắn*; (3) người đó đồng tình sự *kiêng cử gian-cấp ... cách-nhìn đúng đắn*; và (4) người đó nói lời đề cao sự *kiêng cử gian-cấp ... cách-nhìn đúng đắn*. Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó.”

NHÓM 8

NHÓM “THAM” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

274 (1) *Bốn Nền Tảng Chánh Niệm* (tứ niệm xứ)

“Này các Tỳ kheo, để có sự *trực-tiếp biết* về tham, bốn điều (bốn pháp) cần được tu tập. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. (2) Người đó sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ... (3) tâm trong tâm ... (4) những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

“Để có sự *trực-tiếp biết* về tham, bốn pháp này (Tứ niệm xứ) cần được tu tập.”

275 (2) *Bốn Sự Phấn Đấu Đúng Dẫn* (tứ chánh cần)

“Này các Tỳ kheo, để có sự *trực-tiếp biết* về tham, bốn điều (bốn pháp) cần được tu tập. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo phát tạo (phát tâm) mong-muốn không làm khởi sinh những phẩm chất bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo nỗ lực, phát khởi năng lượng (tinh tấn), ứng dụng tâm mình, và phấn đấu. (2) Người đó phát tạo mong-muốn dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện xấu ác đã khởi sinh ... (3) phát tạo mong-muốn tu tập những phẩm chất thiện lành chưa khởi sinh ... (4) phát tạo mong-muốn duy trì những phẩm chất thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để gia tăng, phát triển và hoàn thiện chúng; người đó tạo nỗ lực, phát khởi năng lượng, ứng dụng tâm mình, và phấn đấu.

“Để có sự *trực-tiếp biết* về tham, bốn pháp này (Tứ chánh cần) cần được tu tập.”

276 (3) *Bốn Cơ Sở Thần Thông* (tứ thần túc)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* về tham, bốn điều (bốn pháp) cần được tu tập. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo tu tập cơ sở (để phát triển) thần thông có được sự định-tâm nhờ sự *mong-muốn* và những hành vi phẩn-đầu (tinh cần). (2) Người đó tu tập cơ sở thần thông có được sự định-tâm nhờ sự *nỗ-lực* ... (3) ... có được sự định-tâm nhờ *tâm* ... (4) ... có được sự định-tâm nhờ sự *điều-tra* (trạch pháp) và những hành vi phẩn-đầu.

“Để có *sự trực-tiếp biết* về tham, bốn pháp này (Tứ chánh cần) cần được tu tập.”

277 (4)—303 (30)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự hoàn-toàn hiểu* về tham ... *sự phá-sạch* tham ... *sự dẹp-bỏ* tham ... *sự tiêu-diệt* tham ... *sự biến-mất* tham ... *sự phai-biến* tham ... *sự chấm-dứt* tham ... *sự buông-bỏ* tham ... *sự từ-bỏ* tham, bốn pháp này (Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ thần túc) cần được tu tập.”

[*Tiếp tục mỗi sự với 3 lần như 3 kinh 274, 275, 276 ở trên, tổng cộng 9 sự thành 27 kinh (277-303).*]

[*Vậy tổng cộng có 30 kinh về “tham” (274—303).*]

304 (31)—783 (510)⁸²²

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* ... *sự hoàn-toàn hiểu* ... *sự phá-sạch* ... *sự dẹp-bỏ* ... *sự tiêu-diệt* ... *sự biến-mất* ... *sự phai-biến* ... *sự chấm-dứt* ... *sự buông-bỏ* ... *sự từ-bỏ* sân ... si ... *sự tức-giận* ... *sự hung-bạo* ... *sự hỗn-xược* ... *sự ganh-ty* ... *sự ti-tiện* ... *sự lừa-dối* ... *sự mưu-mẹo* ... *sự bướng-bỉnh* ... *sự thái-quá* (quá đáng, quá lộ, dữ

dội) ... sự tự-ta (ngã mạn) ... sự kiêu-ngạo ... sự nhiễm-độc ... sự lơ-tâm phóng dật, bốn điều (bốn pháp) cần được tu tập. Bốn đó là gì?

• [Tứ niệm xứ, *như 274*]: (1) Ở đây, một Tỷ kheo sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. (2) Người đó sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ... (3) tâm trong tâm ... (4) những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

“Để có sự *trực-tiếp biết* về tham, bốn pháp này (Tứ niệm xứ) cần được tu tập.”

• [Tứ chánh cần, *như 275*]: (1) Ở đây, một Tỷ kheo phát tạo (phát tâm) mong-muốn không làm khởi sinh những phẩm chất bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo nỗ lực, phát khởi năng lượng (tinh tấn), ứng dụng tâm mình, và phần đầu. (2) Người đó phát tạo mong-muốn dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện xấu ác đã khởi sinh ... (3) phát tạo mong-muốn tu tập những phẩm chất thiện lành chưa khởi sinh ... (4) phát tạo mong-muốn duy trì những phẩm chất thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để gia tăng, phát triển và hoàn thiện chúng; người đó tạo nỗ lực, phát khởi năng lượng, ứng dụng tâm mình, và phần đầu.

“Để có sự *trực-tiếp biết* về tham, bốn pháp này (Tứ chánh cần) cần được tu tập.”

• [Tứ thần túc, *như 276*]: (1) Ở đây, một Tỷ kheo tu tập cơ sở (để phát triển) thần thông có được sự định-tâm nhờ sự *mong-muốn* và những hành vi phần-đầu (tinh cần). (2) Người đó tu tập cơ sở thần thông có được sự định-tâm nhờ sự *nỗ-lực* ... (3) ... có được sự định-tâm nhờ *tâm* ... (4) ... có được sự định-tâm nhờ sự *điều-tra* (trạch pháp) và những hành vi phần-đầu.

“Để có sự *trực-tiếp biết* về tham, bốn pháp này (Tứ thân tức) cần được tu tập.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỷ kheo hài lòng và hoan hỷ với lời dạy của đức Thế Tôn.

—HẾT QUYỂN 4—

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH:

AN Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Tăng Chi*

Be: phiên bản tiếng Miến Điện (= *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka*, bản điện tử)

Ee: phiên bản tiếng Anh (ấn bản **PTS**)

Ce: phiên bản Tích Lan (= *Buddha Jayanti Tripitaka Series*, bản in giấy)

Mp Manorathapūraṇī: *Luận Giảng Bộ Kinh AN*

Mp-ṭ Manorathapūraṇī-ṭīkā: *Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN*

NDB = Numerical Discourses of Buddha: bản dịch Pāli-Anh của **AN** bởi Tỳ Kheo Bò-Đề.

SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

► Lưu Ý: Khi chữ **Be** và **Ce** được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng **Mp**, là chúng tương ứng chỉ ấn bản *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka* bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan *Simon Hewavitarne Bequest* (1923–31). Nếu chỉ ghi **Mp** không thôi thì đó là luận giảng **Mp** thuộc ấn bản điện tử của *Chaṭṭha Saṅgāyana*.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Theo Số Tăng* (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Dhs*

Dhp = Dhammapada: *tập Kinh Pháp Cú* (thuộc **KN**)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Dhp*

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: **Bộ Pháp Tụ** (thuộc **Abhi**)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tự Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja: = Jātaka: *tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khp = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu Tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddeśa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddeśa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Paṭis*

Pet = Petakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Pāpāncasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quỷ Đói* (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsīnī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-tīkā (Dīgha Nikāya-tīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như Vây* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vbh* (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL = Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *Cẩm Nang Vi Diệu Pháp* (của Tỳ Kheo Bò-Đề)

EV I = Elders' Verses I: *Trưởng Lão Thi Kệ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *Trưởng Lão Thi Kệ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *tập Kinh Tập II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của MN* (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli Phê Bình* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams’ Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiên sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali)

Skt = Sanskrit: tiếng Phạn

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng Lão Vanarata Ānanda*

► Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBD) là ghi *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**. Còn các số hiệu kinh **DN**, **MN**, và **Ja** kèm theo *số kinh* sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới **Vism** cũng được ghi kèm theo bằng *số chương* và *số đoạn* của **Ppn**. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các

luận giảng cũng theo *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ **Be** hay **Ce** thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (*Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables*)

CHÚ THÍCH

506 [Phần lời kinh ngay sau đây cũng có trong kinh dài *Mahāparinibbāna Sutta* (Kinh Đại Bát-niết-bàn), [DN 16.4.2–3].] (618)

507 [Nguyên văn câu cuối: *dīghamaddhānaṃ sandhāvitāṃ saṃsaritaṃ*. Chữ “quãng thời gian dài” lang thang trong vòng luân hồi [*saṃsāra*] là xuất phát từ động từ *saṃsarati*, ở đây là thể quá khứ phân từ *saṃsaritaṃ*. **Mp** giải nghĩa chữ *dīghamaddhānaṃ* là *cirakālaṃ* [“một thời gian dài”] và giải thích chữ *sandhāvitāṃ* có nghĩa là “trôi giạt bằng cách đi từ trạng thái hiện hữu này sang trạng thái hiện hữu khác” (*bhavato bhavaṃ gamanava-sena sandhāvitāṃ*).] (619)

508 ► (Về số “bốn” và tên Quyển “Bốn”: coi chú thích đầu tiên của Quyển “Một”, sự giải thích tương tự về các số thứ tự và tên của QUYỂN kinh từ “Một” ... “Mười”.)

509 [*Bhavanetti: đường dẫn tới hiện-hữu*. **Mp** giải thích đó là: “Sợi dây hiện-hữu (*bhavarajju*) là danh từ chỉ dục-vọng. Giống như sợi dây cột cổ con bò, sợi dây hiện-hữu này dẫn dắt chúng sinh từ trạng thái hiện-hữu này sang trạng thái hiện-hữu khác. Do vậy nó được gọi là đường dẫn tới hiện-hữu.] (620)

510 [*Cakkhumā parinibbuto: người có tâm-nhìn đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng [bát niết-bàn]*. **Mp** giải thích: “Phật chứng ngộ Niết-bàn bằng sự diệt sạch ô-nhiễm. Đây là Niết-bàn (*nibbana*) thứ nhất, xảy ra gần chỗ gốc cây Bò-Đề. Nhưng sau đó, (khi chết) khi Phật nằm giữa hai cây sa-la (long thọ) song sinh [ở Kusinārā] thì Phật chứng ngộ Niết-bàn bằng yếu-tố Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y Niết-bàn giới).” (Niết-bàn cuối cùng khi chết được gọi là Bát-niết-bàn (phiên âm của chữ *Parinibbana*).] (621)

511 [*An toān: dịch từ chữ appatito*. Nghĩa gốc của nó là “không bị rút ngã”, nhưng **Mp** giảng giải một cách tích cực hơn là *patiṭṭho*: nghĩa là “đã được thiết lập, đã an ổn” và cho rằng nó chỉ bậc thánh Nhập-lưu và những bậc thánh khác; còn bậc A-la-hán thì dùng chữ “đã hoàn toàn an ổn” (*khīṇāsavo ekantapatiṭṭho*).] (622)

512 [Thi kệ này cũng có trong Trưởng Lão Kệ **Th 63. Luận Giảng về Trưởng Lão Kệ [Th-a I 155]** nói rằng: “*Trách phạt đã làm xong (kataṃ kiccaṃ)*” nghĩa là: Trách phạt gồm 16 phần đã được làm xong [16 phần gồm: có 4 thánh đạo, mỗi thánh đạo làm 4 trách vụ là hoàn-toàn hiểu sự khổ, trừ bỏ nguồn-gốc khổ, chứng ngộ sự diệt-khổ, và tu tập con con đường dẫn tới sự diệt-khổ] và không còn gì để làm thêm nữa. “*Vui thích điều đáng thích (rataṃ rammaṃ)*”: điều đáng vui thích là Niết-bàn, là trạng thái không còn bị điều kiện (hữu vi), trạng thái này đã được vui thích bởi những bậc thánh nhân. “*Sự hạnh phúc đã đạt tới nhờ sự hạnh phúc (sukhenanvāgataṃ sukhaṃ)*”: niềm hạnh phúc tốt cùng là Niết-bàn, được đạt tới bằng niềm hạnh phúc của thánh quả; hay nói cách khác, hạnh phúc của thánh quả và Niết-bàn được đạt tới nhờ niềm hạnh phúc của minh-sát tuệ và thánh đạo có được nhờ tu tập theo một cách thức lành hạnh, đáng vui thích”, [về vấn đề này, coi thêm kinh **4:162**, đoạn (3), (4), ở bên dưới].] (623)

513 Những câu kệ này được lặp lại ở kinh **10:89** đề cập tới một Tỷ kheo xấu tên là Kokālika. Câu chuyện này và cả phần thi kệ cũng có ở các kinh **SN 6:9–10**, và kinh **Sn 3:10**. Nguyên văn nó là: *Vicināti mukhena so kalim, kalinā tena sukhaṃ na vindati*. Câu này có thể dịch nghĩa là: “*Kẻ ngu thu hoạch tai họa do cái miệng của mình.*” Chữ *kali* vừa nghĩa là tai họa, vừa có nghĩa là thua cuộc ném súc sắc.] (624)

514 [**Mp** giải thích: những sự xui rủi làm mất mát tiền của và cả bản thân... cũng chỉ là nhỏ nhặt nếu so với sự xui rủi và bất hạnh của người đi thù ghét những bậc thánh. **Mp** giải nghĩa chữ *sugatesu* (bậc thánh) bằng chữ: *sammag-gatesu puggalesu* (những người đã chứng ngộ một cách đúng đắn; bậc chân ngộ), tức chỉ tất cả những bậc A-la-hán, không riêng Phật.] (625)

515 [Nguyên văn câu cuối này: *Sataṃ sahaṣṣānaṃ nirabbudānaṃ/chattiṃsatī pañca ca abbudāni*. Tôi dịch theo **Mp**, **Mp** nói về những con số đó là bằng: “100 ngàn *nirabbuda*, cộng thêm 36 ngàn *nirabbud*, cộng thêm 5 *abbuda*” (*sataṃ sahaṣṣānaṃ ti nirabbudagaṇanāya sataṣaṣṣaṃ; chattiṃsatī ti aparāṇi ca chattiṃsatī nirabbudāni; pañca cā ti abbudagaṇanāya ca pañca abbudāni*). Tuy nhiên, nhà sư **Vanarata** thì chắc chắn chữ *pañca* không thể trực tiếp bổ nghĩa cho chữ *abbudānaṃ*, và do vậy đã nối tiếp chữ *sahaṣṣānaṃ* với *chattiṃsatī* và *pañca* luôn, làm nên nghĩa là: thêm 36 ngàn *nirabbuda* và 5 ngàn *abbuda*. **Mp**, khi giảng luận về kinh **AN 10:89**, đã giải thích sự đếm số theo Phật giáo như sau: 1 *koṭi* = 10 triệu; 1 *koṭi* lần *koṭi* = 1 *pakoṭi*; một *koṭi* lần *pakoṭi* = 1 *koṭipakoṭi*; 1 *koṭi* lần *koṭipakoṭi* = 1 *nahuta*; 1 *koṭi* lần *nahuta* = 1

ninnahuta; 1 *koḷi* lần *ninnahuta* = *abbuda*; 20 *abbuda* = 1 *nirabbuda*.]

(Chỉ để hình dung đôi chút: theo cách tính theo bản dịch của Tỳ kheo Sujato, 436.000 *nirabbuda*: khoảng hơn 2 triệu năm, và năm *abbuda*: hơn 25.000 năm nữa.) (628)

516 [Nguyên văn câu cuối Pāli: *anusotagāmī puggalo, paṭisotagāmī puggalo, thitatto puggalo, tiṇṇo pāraṅgato thale tiṭṭhati brāhmaṇo*.] (628)

517 [Đọc theo **Be** và **Ee** là *upagāmino*, khác với **Ce** là *upagāhino*.] (629)

518 [Nguyên văn: *Paripunnasekho*. **Mp** diễn dịch: “Là người vững chắc trong sự hoàn thành việc tu học” (*sikkhāpāripūriyā thito*). *Bậc học nhân* (*sekha*) là những người đã bước vào con đường (thánh đạo) không thể nào đảo ngược được nữa (một chiều) để dẫn tới sự giải-thoát, nhưng cấp bậc này vẫn chưa đạt tới thánh quả A-la-hán. Còn A-la-hán là bậc *vô học nhân* (*asekha*), tức không còn tu học nữa, là “người đã vượt trên sự tu học”.] (630)

519 [Nguyên văn Pāli: *suttam, geyyam, veyyākaraṇaṇ, gāthā, udānam, itivuttakam, jātakam, abbhutadhammam, vedallam*—(1. Kinh văn; 2. Kinh văn có kệ; 3. Kinh giảng giải; 4. Kinh thi kệ; 5. Phật thuyết như vậy; 6. Kinh trích giảng; 7. Kinh Chuyện Kiếp Trước (tiền thân); 8. Kinh về những lời nói ra trước những sự kiện thần diệu hy hữu diễn ra; 9. Kinh Vấn Đáp). Đây là chỉ những thể loại kinh đã được sắp xếp và kết tập trong 5 bộ kinh Nikāya.] (361)

520 [**Mp** diễn dịch: “trời *brahma*” (phạm thiên) ở đây, trong bối cảnh Ấn Độ cổ lúc đó, được cho là biểu tượng “*bậc nhất, tối cao, tinh khiết*” (*setṭham uttamam visuddham*) và nhận dạng “*chữ bánh xe trời brama*” (*brahmacakka*) là đồng nghĩa với “*bánh xe Giáo Pháp*” (*dhammacakka*). (Vây nghĩa ở đây là *sự quay chuyển* hay *dịch chuyển bánh xe Giáo Pháp*; *sự truyền dạy Giáo Pháp*).] (633)

521 [Coi kinh **3:64**, đoạn (3) và chú thích của nó (451).] (634)

522 [Nguyên văn: *Itthabhāvaññathābhāvam*. **Mp** giải thích: “*sự sống ở đây*” là sự sống này, sự đang hiện-hữu này (*ayam attabhāvo*); “*sự sống ở nơi khác*” là chỉ những sự hiện-hữu trong tương lai (*anāgatattabhāvo*).] (636)

523 [*Bhavānam*: trạng thái hiện-hữu. **Mp** phân biệt chữ *kāmayoga* là tham dục dính với năm đối tượng khoái lạc giác quan (nhục dục), và chữ *bhavayoga* là

mong-muốn và tham-dục muốn được hiện hữu trong những cõi sắc giới và vô sắc giới.] (637)

524 [Chỗ đọc theo **Ce** và **Be** là *yogātigā munī*, khác với **Ee** là *yogātigāmino*.] (638)

525 [Kinh này cũng có ở kinh **It 110**, 115–18.] (639)

526 (Đây chính là năm chương-ngại) (640)

527 [*“Namuci”*: một tên gọi của Ma-vương, Māra; các giảng luận ghi chữ này có nghĩa là: *“hấn không [na] tha [muci]”*]. (641)

528 [*Bhaddakam samādhinimittam*: đối-tượng thiền đã khởi sinh là nền tảng rất tốt để đạt định. Sáu đề mục thiền (về đối tượng tứ thi) nằm trong 10 đối tượng thiền về sự ghớm ghiếc ô uế (*asubha*) của thân, như được ghi rõ trong Vism, Chương 6.] (642)

529 [Rāhu là vua của các quỷ thần a-tu-la [asura], được cho là đã bắt cóc mặt trời và mặt trăng, về thể hiện bằng những (hiện tượng) nhật thực và nguyệt thực. Coi thêm kinh **SN 2:09–10**.] (643)

530 [Là một vị vua khởi thủy, là hậu duệ của Mahāsammata, con trai của Uposatha, và vị vua này là tổ tông của dòng họ Thích-ca [Sakya] [coi DPPN]. **Mp** giải thích: “Ông được sinh ra giữa loài người khi tuổi thọ là vô hạn và ông thụ hưởng dục lạc trong thời gian rất lâu, khi thích có thể làm ra cơn mưa vàng. Trong thế giới thiên thần, trong những tuổi của 36 cõi Indras, vị vua này được thụ hưởng những thứ dục lạc cao siêu nhất.] (644)

531 [**Mp** giải thích: “*Những loại sự vi tế [tinh đẹp, tinh vi, tinh tế]: là những sự hiểu-biết (trí, trí biết, chứng trí) có thể thâm nhập những đặc tính vi tế*” (*sokhumānī ti sukhumalakkhaṇapativijjhanakāṇi ñāṇāṇi*). Danh từ *sokhumma*, xuất phát từ tính từ chung là *sukhuma*, hiếm khi nào thấy được dùng, và trong toàn 5 bộ kinh Nikāya nó chỉ xuất hiện 1 lần ngay chỗ này và 1 lần trong một chữ ghép trong kinh **Th 437**. Đối với tôi sự giải thích của **Mp** dường như rắc rối. Tôi thì nhận dạng sự vi tế của thể-sắc chính là thể-sắc được nhận thức trong tầng thiền định thứ tư; sự vi tế của cảm-giác là cảm-giác trung tính (không sướng không khổ) xảy ra trong tầng thiền định thứ tư và những tầng chứng đắc vô sắc giới; sự vi tế của nhận-thức là nhận-thức trong cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ); và sự vi tế của những sự tạo-tác cố-ý (hành) là

những hành còn tàn dư trong cảnh xứ không có nhận-thức vừa còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ).] (645)

532 [Nguyên văn: *bhattuddesika*. Đó là một Tỷ kheo có trách nhiệm phân chia những thức ăn được khát thực và những thức ăn được thí chủ mang đến mời các tăng thành những phần ăn cho các Tỷ kheo. Về những phẩm chất được làm hay không được chọn làm người phân thức ăn này, mời coi thêm kinh 5:272.] (647)

533 [Chỉ có **Be** ghi rõ tất cả bốn nguyên nhân (tham, sân, si, và sợ hãi): *chandā dosā mohā ca bhayā gāmino*. Và câu kệ đoạn sau nó ghi đầy đủ là: *na chandā na dosā na mohā na bhayā ca gāmino*.] (648)

534 [Kinh SN 6:02 có ghi lại chuyện kinh này theo cách kể chuyện. Nó cũng có luôn một yếu tố thứ năm, đó là: sự hiểu-biết (tri) và tầm-nhìn (kiến) của sự giải-thoát. Do chuyện kinh là lúc Phật giác ngộ nên nó không nhắc gì tới Tăng Đoàn; Tăng Đoàn chỉ có sau khi Phật bắt đầu đi truyền đạo.] (649)

535 [Bài kinh này được đặt vào khoảng thời gian ngay sau khi Phật mới giác ngộ nghe hơi lạ thường. Và những điều được nói trong bài kinh về cách đối xử với những bà-la-môn già ... chắc chắn Phật không nói trong khoảng thời gian Phật chưa đi truyền đạo như một vị Sư Thầy. Coi kinh 8:11, trong đó một bà-la-môn tên Verañjā cũng trách Phật về những điều như vậy, nhưng lúc đó Phật đã là một vị Sư Thầy thành công từ lâu.] (651)

536 [“*Tự chủ trong những yếu tố của sự vững chắc*” là dịch chữ *saññato thira-dhammesu* được ghi trong phiên bản **Ce**; khác với **Be** và **Ee** ghi là *saññato dhiro dhammesu* (*tự chủ và vững chắc giữa mọi hiện-tượng*). Trong đó tôi cũng theo gợi ý diễn dịch của nhà sư Vanarata [bằng cách trao đổi trực tiếp với thầy ấy], ở đây lời kinh có cách chơi chữ giữa chữ *thira* (vững chắc) và *thera* (trưởng lão). Câu này tương ứng chỉ những tầng thiền định (*jhāna*), “*những yếu tố của sự vững chắc*” là chỉ sự định-tâm (*samādhi*). Tiếp theo, **Mp** giải thích “*người thấy rõ ý nghĩa bằng trí-tuệ*” (*paññāyattham vipassati*) là nhìn thấy ý nghĩa của Bốn Diệu Đế bằng trí-tuệ của thánh đạo cùng với sự minh-sát. Điều đó giải thích sự “*vượt trên tất cả hiện-tượng hay mọi pháp*” (*pāragū sabbadhammānaṃ*) có nghĩa là “*vượt trên tất cả những hiện-tượng của năm uẩn*” và “*đi đến đỉnh cao của tất cả những phẩm chất [thiện]*” bằng sáu phần vượt trên (*chabbidhena pāragamanena*): về sự biết trực-tiếp, về sự hoàn-toàn hiểu, sự từ-bỏ, sự tu-tập, sự chứng-thiền. **Mp** không bình luận về sự lặp lại 2 lần chữ “*thấy biết*” (*paṭibhānavā*) trong bài kệ này, điều này thấy cũng lạ.] (653)

537 [Kinh này giống kinh **It 112.**] (654)

538 [**Mp** nhận dạng chữ “*thế giới*” (*loka*) ở đây nghĩa là sự thật về khổ (diệu đế thứ nhất). Bốn trách vụ (việc phải làm, phải tu) Như Lai đã hoàn thiện ở đây là tương ứng với bốn trách vụ đối với bốn diệu đế, đó là—hoàn-toàn hiểu sự thật về khổ, dẹp bỏ sự thật về nguồn-gốc khổ, chứng ngộ sự thật về sự chấm-dứt khổ, và tu tập con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ—nhưng ở đây chữ “*hoàn toàn tỉnh thức*” (*abhisambuddha*) đã được dùng để thay thế chữ “*hoàn-toàn hiểu*” (*pariññāta*) đối với diệu đế thứ nhất. Coi thêm kinh **SN 56:11** (quyển 5).] (655)

539 [**Mp**, giống như những luận giảng khác, đã giải thích *thứ được nhìn thấy* (*diṭṭha*) là cơ sở hình-sắc nhìn thấy được (sắc xứ); *thứ được nghe thấy* (*suta*) là cơ sở âm-thanh (thanh xứ); *thứ được cảm thấy hay cảm nhận* (*muta*) là những cơ sở mùi-hương, mùi-vị, và những cảm-nhận chạm xúc; và *thứ được nhận biết hay nhận thức* (*viññāta*) là cơ sở những hiện-tượng thuộc tâm (pháp xứ). Ba chữ “*được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm*” (*pattam pariyesitam anuvicaritam manasā*) chỉ đơn giản là lặp lại đồng nghĩa với chữ “*được nhận biết*” mà thôi. **Mp** cũng giải thích đuôi chữ –*gata* [nghĩa gốc là “*đã đi*”] trong chữ “*Tathāgata*” trong kinh này là đồng nghĩa với chữ “*đã hoàn toàn tỉnh thức hay giác ngộ*” (*abhisambuddha*).] (656)

540 [**Ce** và **Ee** chỉ ghi *parinibbāyati*: chứng Niết-bàn cuối cùng (tức Bát-niết-bàn); **Be** thì khác, nó ghi đầy đủ là *anupādisesāya nibbānadhātuyā parinibbāyati*: chứng Niết-bàn cuối cùng bằng cách yếu tố Niết-bàn không còn tàn dư (tức vô dư y Niết-bàn. Cách ghi sau có lẽ được du nhập vào **Be** từ các kinh **It 112, 121.**] (657)

541 [Nguyên văn: *Sabbam tath’eva hoti, no aññathā. Tasmā ‘tathāgato’ ti vuccati.*] (658)

542 [Nguyên văn: *Yathāvādītathākārī,yathākārī tathāvādī. Tasmā ‘tathā-gato’ ti vuccati.*] (659)

543 [**Ce** bỏ câu này trong ngoặc. **Be** và **Ee** thì không ghi câu này.] (660)

544 [“*Như Lai không bị lệ thuộc theo nó*” (*Tam tathāgato na upaṭṭhāsi*). **Mp** giải thích là: “Như Lai không bị lệ thuộc theo bất kỳ đối-tượng nào (sáu trần) của sáu giác-quan (sáu căn), nghĩa là, Phật không còn chấp nó (*na upagañchi*) là này là nọ theo dục-vọng hay những quan điểm, ý kiến này nọ. Bởi đã từng

nghe: ‘Đức Thế Tôn nhìn một *hình-sắc* bằng *mắt*, nhưng không có tham muốn và nhục dục đối với nó; đức Thế Tôn đã hoàn toàn giải thoát trong tâm ... (*giải thích tương tự với các đối tượng còn lại của các giác-quan*) ... Đức Thế Tôn nhận biết một *hiện-tượng* bằng *tâm*, nhưng không có tham muốn và nhục dục đối với nó; Thế Tôn đã hoàn toàn giải thoát trong tâm’; [coi thêm kinh **SN 35:232** (quyển 4).]. Chỗ này chỉ lãnh địa hay trú xứ của A-la-hán (*khīṇāsavabhūmi*).”] (663)

545 [**Mp** giải thích nghĩa câu này là: “*Phật không nhận làm (na maññati) hình-sắc được nhìn thấy do bị dục-vọng, sự tự-ta hay tà-kiến này nọ; tương tự đối với những đối tượng giác quan khác. Thông qua câu kinh này, chỗ trống-không (suññatā-bhūmi, địa phận tính không) được giải thích.*” (?)] (666)

546 [“*Tự tại*” (vẫn vậy, bình ổn, bình tâm, vững chắc, thăng bằng) là dịch ý nghĩa chữ *tādī*, nghĩa gốc của nó là “*vẫn người đó, bậc đó*”, là nghĩa đặc biệt được dùng để chỉ Phật hay một vị A-la-hán. **Nidd I 114–15** đã giải thích rằng một A-la-hán được gọi là *tādī* bởi vì vị ấy đã vượt trên mọi chấp trước, đã từ bỏ (*catto*) mọi ô-nhiễm, đã vượt qua (*tiṇṇo*) những dòng lũ, và có một cái tâm đã được giải thoát (*mutto*).

Mp giải thích: “*Luôn luôn tự tại vững chắc ... là một bậc tự tại (tādīyeva tādī): ‘Vững chắc’ ở đây có nghĩa là lúc nào cũng y như vậy (ekasadisatā), (gần như nghĩa ‘bất biến giữa vạn sự hữu biến’ vậy). Như Lai vẫn luôn y vậy (luôn tự tại) với mọi sự được-mắt, khen-chê, vinh-nhục, srong-khổ. Khi chỉ ra như vậy là giải thích luôn căn cước hay trú xứ của bậc tự tại (tādībhūmi). Như Phật đã kết luận giáo lý của mình bằng năm câu tuyên bố (i)-(v), khi mỗi câu tuyên bố được nói ra, trái đất đều rung chuyển như một sự công chứng cho mỗi lời tuyên bố.*] (667)

547 [**Mp** nhận dạng “*mũi tên*” ở đây là mũi tên tà-kiến (*diṭṭhisalla*). Trong kinh khác thì mũi tên được cho là dục-vọng, như trong kinh **MN II 258**, 27, và **SN 1:40**; còn có trong kinh khác của **AN** lại cho mũi tên là sự “*sầu não*”, như trong **5:48**, **5:50**.] (669)

548 [Nguyên văn: *Samvarattham pahānattham virāgattham nirodhattham*. Đây là bốn mục-tiêu của đời sống tâm linh (tu hành); có lẽ do “bốn” cái này nên kinh này đã được kết tập vào Quyển “Bốn” này.] (670)

549 **Mp** giải thích chữ toàn chữ *nibbānogaḍhagāminam* là đồng nghĩa *nibbānassa antogāminam* (đến tới Niết-bàn).] (671)

550 [Cả 3 phiên bản kinh mà tôi đã tham vấn đều có ghi *mahantehi*, nhưng tôi thích cách ghi như trong kinh **It 35, 28,17** là *mahattehi*, được giảng luận trong **It-a I 112,25** là: *mahāātumehi ulārajjhāsayehi*, nghĩa là: “bởi những tinh thần vĩ đại, bởi những người có khuynh hướng cao thượng.” (672)

551 [Kinh này cũng lặp lại trong kinh **It 108**, 112–13. Tôi phân chia kinh này thành 04 phần là theo giả thuyết, bởi vì nếu không làm vậy thì không nhìn thấy rõ khuôn mẫu “bốn điều” của bài kinh trong quyển “Bốn” này.] (673)

552 [Nguyên văn: *pūtimuttam*. Y học cổ truyền thời đó tin rằng nước tiểu của bò nếu ngâm với hạt mật sẽ có được nhiều dược tính để trị liệu một số bệnh tật.] (675)

553 [Chỗ này đọc theo **Ce** là *bhikkhuno* (Tỳ kheo), khác với trong **Be** và **Ee** ghi là *sikkhato* (người đang tu học, học nhân).] (677)

554 [Đây là một trong những bài kinh phổ biến nhất của truyền thống Phật giáo Nguyên thủy (Theravāda). Ở Tích Lan, suốt thời kỳ Anurādhapura, nó thường được dùng làm chủ-đề cho những bài kinh dài tôn vinh một lễ hội; đọc thêm **Rahula 1956**: trang 268–273. **Mp** giải thích “những truyền thống thánh thiện” (*ariyavaṃsā*) là những truyền thống của những bậc thánh: tất cả những vị Phật, những vị Phật Duyên Giác (*paccekabuddha*), và những vị đệ tử của Phật.] (678)

555 [Coi thêm kinh **1:65**.] (679)

556 [**Mp** diễn dịch: “*Tìm thấy niềm vui thích trong sự thiền-tập hay tu-thiền (bhāvanārāmo)*: người đó vui thích tu tập bốn nền tảng chánh-niệm, bốn sự phấn đấu đúng đắn (tứ chánh cần), bốn cơ sở tạo ra năng lực thần thông (tứ thần túc), năm căn (ngũ căn), năm năng-lực (ngũ lực), bảy yếu-tố giác-ngộ (thất giác chi), bảy sự thiền quán, mười tám đại minh-sát, ba mươi bảy sự trợ giúp giác ngộ (bồ đề phần), và ba mươi tám đối-tượng thiền. “*Tìm thấy niềm vui thích trong sự từ-bỏ (pahānārāmo)*: người đó vui thích việc dẹp bỏ những ô-nhiễm như tham, sân...”] (680)

557 [Nguyên văn: *Dhammapadāni*: những yếu tố Giáo Pháp. **Mp** giải thích đó là những phần của Giáo Pháp (*dhammakotṭhāsā*).] (683)

558 [Hai du sĩ này cũng được nói đến trong kinh **MN 117.37**, III 78,13, và kinh **SN 22:62** (quyển 3). Ngoài đó ra chúng ta không có thông tin gì khác về họ.]

(685)

559 [3 trong 4 “bánh xe” (*cakkāni*) đã được nói trong kinh **Sn 260**. Bánh xe còn lại là “dựa vào những người tốt” là tương ứng đồng nghĩa với câu “giao lưu với người có trí” hay “gặp gỡ người trí hiền” (*paṇḍitānañca sevanā*) như được ghi trong kinh **Sn 259** (và một số kinh khác).] (686)

560 [“Duy trì một mối quan hệ” là tạm dịch nghĩa từ chữ *saṅgha*, vốn có nghĩa gốc là “bao gồm, hợp lại với nhau, giữ nhau”; đó là từ tiếp vĩ ngữ *saṃ* + *gaha*: “giữ, nắm giữ”. Danh từ này xuất phát từ động từ *saṅgaṇhāti*, động từ này xuất phát từ *saṃ* (cùng nhau) và *gaṇhāti* (nắm giữ, giữ). Bốn *saṅgahavatthu* có nghĩa là bốn phương tiện người có thể dùng để hấp dẫn người khác và duy trì một mối quan hệ với họ bằng sự giao hữu và sự tôn trọng. Bốn phương tiện đó trong tiếng Pāli là: *dāna*, *peyyavajja*, *atthacariyā*, *samānattatā*. Nếu dịch cho đủ 2 ý nghĩa gốc của chữ *saṅgha* thì có lẽ phải dùng hai chữ để dịch, như “hấp dẫn và duy trì”.

Mp giảng luận rằng: “Một số người được duy trì (quan hệ) bằng cách cho tặng, vậy nên tặng quà hay bố thí cho họ. Một số người khác cần nghe lời nói thân ái, vậy nên nói với họ bằng những lời thân ái. *Hành vi thiện ích* là cách nói chuyện để tăng sự tốt lành; những người đó nên được nói hay khuyên ‘Anh nên làm như vậy. Anh không nên làm như vậy. Anh nên giao lưu với người này, không nên giao lưu với người kia’. *Sự vô tư* (không thiên vị) là sự vô tư trước những sự sướng-khổ (hơi giống nghĩa buông xả). Điều này có nghĩa là luôn ngồi với nhau, khi sống với nhau, và ăn với nhau.” Trong phiên bản tiếng Phạn thì yếu tố thứ tư này “*có cùng mục đích*”, “*có chung ích lợi*” (*samānārtha*) (là chữ đồng nghĩa với chữ *samānattha* tiếng Pāli).] (687)

561 [“*Sự hiện hữu cá thể*” (*sakkāya*, *danh tính*) được thể hiện bằng ‘thân này’ của mỗi ‘con người’, đó chính là năm-uẩn bị dính chấp. Coi thêm kinh **MN 44.2**; **SN 22:105**.] (688)

562 [**Mp**: “‘*Hậu hết*’ (*yebhuyyena*) nghĩa là không phải tất cả, vì ngoại trừ những thiên thần là những thánh đệ tử (ví dụ như những bậc thánh Bất lai đang ở trong những cõi trời trong sạch...)].

563 [**Mp**: “*bị bao gồm trong sự hiện-hữu cá thể*” hay “*bị nằm trong danh tính*” (*sakkāyapariyāpannā*): nghĩa là còn nằm trong năm-uẩn. Do vậy, khi Phật dạy Giáo Pháp được ấn chứng bằng ba 3 đặc tính (vô thường, khổ, vô ngã), chỉ ra những nhược-điểm và sự nguy-hại trong vòng luân hồi hiện hữu, thì sự sợ-hãi

đã khởi sinh trong họ sau khi họ nhận ra những lẽ-thực đó.] (690)

564 [Nguyên văn câu này: *Yāvatā bhikkhave dhammā saṅkhatā vā asaṅkhatā vā*. Trong các kinh bộ *Nikāya*, trạng thái (*pháp, dhamma*) duy nhất được gọi là không còn điều kiện (vô vi) là Niết-bàn. Còn tất cả những trạng thái và hiện tượng (những pháp) khác đều là có điều kiện (hữu vi). Như vậy những pháp hữu vi tốt nhất là con đường Bát Thánh Đạo vì nó dẫn tới trạng thái vô vi là mục tiêu của nó.] (691)

565 [**Mp** nói *phương pháp thánh thiện (ariyañāya)* là đạo cùng với thiền-tuệ (minh sát), và *sự tốt đẹp của Giáo Pháp (kalyāṇadhammatā)* và *sự thiện lành của Giáo Pháp (kusalaḍḍhammatā)* thì có nghĩa như chữ rồi.] (693)

566 [Coi chú thích cuối ở kinh **AN 3:60, QUYỂN 3**, chú thích (428).] (694)

567 [Đây chỉ 1 trong 32 tướng của một bậc đại nhân, được cho là hệ quả tốt của của nghiệp vì đã sống vì hạnh phúc của nhiều người, vì xua tan sự sợ hãi và khủng khiếp, mang lại sự bảo hộ và nơi nương tựa hợp pháp, và chu cấp mọi thứ thiết yếu (cho nhiều người). Coi thêm kinh dài **DN 30.1.7.**] (695)

568 [*Càn-thát-bà (gandhabbas)* là những chúng sinh cõi trời nhiều lúc được miêu tả là những nhạc công nhạc sĩ của những thiên thần. *Quý dạ-xoa (yakkha)* là những linh hồn hay quý dữ nổi tiếng vì sự hủy diệt của chúng.] (697)

569 [Theo **Mp**: “Khi kết thúc bài kinh này, bà-la-môn đó đã chứng được ba thánh đạo và ba thánh quả, và, bằng 12.000 cụm chữ, ông đã nói lời ca ngợi được đặt tên là ‘*Tiếng Sấm của Doṇa*’. Sau một cuộc tranh giành lớn (bởi các nước) về những phần chia (xá lợi Phật) xảy ra ngay sau khi Đức Phật qua đời, bà-la-môn Doṇa là người đã đứng ra phân xử và phân phát những phần chia (cho 8 nước tranh giành đó).” [như trong kinh dài **DN 16.6.25** có ghi].] (699)

570 [Đó là làm hết cảm-giác khó chịu là đói mà cũng không tạo ra cảm-giác mới là khó chịu do ăn quá nhiều (như tức bụng, mệt, buồn ngủ...)] (700)

571 (“*Sống được thư thái*” ở đây có thể gồm cả hai nghĩa: (1) *trước mắt, ở được dễ chịu*: sau bữa ăn uống đúng mực, không quá no thì sẽ thấy người dễ chịu, ở dễ chịu (vì không bị tức bụng, mệt, buồn ngủ, khó thở...); (2) *về lâu dài, không bị mập và khổ sở*: nếu ăn uống quá mực sẽ bị mập, (a) người mập ăn nhiều thì khổ sở, vì mỗi ngày đều bị những lúc quá-đói và lúc quá-no đều khổ sở; (b) người mập thì khổ sở trong mọi sự đi lại, làm việc, thiền tập, và nhiều thứ bệnh

do mập gây ra... Do vậy, nếu ăn uống quá độ sẽ dẫn tới sự ở không được dễ chịu, và sự sống không được thư thái, khinh an.)

572 [Bài kệ này giống hết bài Pháp Cú 32.] (702)

573 [*Patilīno*: lui về: thu mình, rút lui khỏi cái ‘ta-là’ (tự ngã), nghĩa là: ẩn dật, ẩn tu. **Mp** giải thích đó là “*ẩn nấu, đi vào sự sống độc cư*” (*nilīno ekībhāvaṃ upagato*).] (703)

574 [Nguyên văn: *panuṇṇapaccekasacco*. **Mp** diễn giải đó là “những sự thật về cách-nhìn” (*diṭṭhisaccāni*) được gọi là “thuộc cá nhân” bởi vì mỗi cá nhân nắm giữ những cách-nhìn (quan điểm này nọ) theo cách của mình, ai cũng chấp ‘Chỉ điều này là đúng; vậy mới đúng; đây là sự thật’” (tức ai cũng tin sự thật theo cách nhìn của mình, nên mới nói đó là “những sự thật thuộc cá nhân”, chúng không thuộc phổ quát, không phải là chân lý, không thuộc diệu đế.) [704]

575 [Nguyên văn cum chữ này trong **Be** là: *sabbāni nuṇṇāni honti panuṇṇāni honti cattāni vantāni muttāni pahīnāni, paṭinissatṭhāni*. Trong kinh **10:20**, **Ce** và **Ee** cũng ghi y hết cụm chữ này.] (705)

576 [**Mp**: *brahmacariyesanā*: sự tìm cầu đời sống tâm linh (đời sống phạm hạnh, trạng thái thánh thiện, tu thành) với tâm nguyện như vậy: ‘Tôi sẽ tìm ra, sẽ đi tìm được một đời sống tâm linh’. Sự tìm cầu này sẽ lắng lặn [ngưng] và được làm lắng lặn bởi thánh đạo A-la-hán. Nhưng sự tìm kiếm một đời sống tâm linh cũng là một dạng kiến chấp (*diṭṭhibrahmacariyesanā*), và kiến chấp này sẽ lắng lặn khi người tu đã bước vào thánh đạo Nhập-lưu.”] (706)

577 [Những hành vi của thân, hay thân hành (*kāyasaṅkhāra*) ở đây được nhận dạng trong những kinh và giảng luận khác chính là sự “thở-vào và thở-ra”, hơi thở sẽ “ngưng” trong trạng thái chứng đắc tầng thiền định thứ tư (tứ thiền). Coi thêm kinh **9:31**, đoạn (4). Cũng coi thêm kinh **MN 44.15**, đoạn 19–21; **SN 41:6**, đoạn 16–17.] (707)

578 [**Mp**: “Sự nắm giữ hay cố chấp ‘Vậy mới là sự thật’ (*iti saccaparāmāso*) là nắm giữ những quan niệm như “*Đây mới là sự thật, vậy mới đúng sự thật*”. Những quan-điểm hay kiến-chấp (*diṭṭhiṭṭhānā*) này nọ cũng chỉ là những quan điểm mà thôi, chúng được gọi là “những sự phồng lên” (*samussayā*) vì do sự phồng lên (*samussitattā*) chúng, vì do chúng phát lên và có (và được người ta tin lấy và chấp vào chúng).] (708)

579 [Tôi tự phân thành bốn đoạn như vậy, vì ngoài ra tôi không thấy căn cứ nào khác để kinh này được kết tập trong quyển “Bốn” này.] (710)

580 [Những chữ cúng tế này trong kinh Vệ-đà.] (711)

581 [Chỗ này các phiên bản có sự khác nhau nhiều. **Ce** và **Be** thì ghi *vītivattā kulam gatim*: “người đã vượt thoát khỏi gia đình và định mệnh”.] (714)

582 [Rõ ràng, toàn bộ đoạn (1) này nói về sự chứng đắc các tầng thiền định sắc giới [*jhāna*] bởi (a) một người tu thiền định nhưng không dùng chúng để tu tập phát triển mình sát tuệ, hoặc bởi (b) một vị A-la-hán, vị ấy chứng nhập trong tầng thiền định chỉ để an trú trong đó một cách thư thái mà thôi. Trong đoạn (4) sau thì nói những tầng thiền định dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. **Ce** dùng chữ *vuccati* trong đoạn này, nhưng không có chữ này trong những câu song hành tương ứng trong ba đoạn tiếp theo. **Ee** thì đảo ngược lại, nó không có chữ *vuccati* trong đoạn này, nhưng lại có chữ đó trong ba đoạn sau. Còn **Be** thì không có chữ *vuccati* này trong tất cả bốn đoạn.] (717)

583 [**Mp** giải thích: “chữ *trí-biết* và *tầm-nhìn* riêng trong ngữ cảnh này là chỉ *mắt thiền thánh* hay *thiền nhãn minh* (*dibbacakkhuññāṇadassanassa paṭilābhāya*). Còn trong những kinh và giảng luận khác thường nói đó là trí-biết minh-sát (minh sát tuệ) hay thậm chí chỉ sự giác-ngộ hoàn toàn (toàn giác).] (718)

584 [Nguyên văn: ‘*Yathā divā tathā rattim, yathā rattim tathā divā.*’ **Mp** giải thích nghĩa là: “Người đó chú ý tới nhận-thức về ánh sáng ban ngày ra sao, người đó chú ý tới sự nhận-thức về ánh sáng ban đêm như vậy; và đảo ngược đaohr ngược lại.”] (719)

585 [**Mp**: “*Cách những cảm-giác được biết khi chúng khởi sinh...?* Ở đây, một Tỷ kheo rõ biết cái cơ-sở [*vatthu*, bộ phận cảm nhận, giác quan] và đối-tượng [*ārammaṇa*]. Bằng cách rõ biết cơ-sở và đối-tượng như vậy, người đó biết: ‘*Những cảm-giác đã khởi sinh như vậy; chúng có mặt như vậy; chúng chấm dứt như vậy.*’ Cách giải thích tương tự đối với những nhận-thức và những ý-nghĩ.”] (720)

586 [Kệ này giống trong **Sn 1048**, nó cũng được lặp lại trong kinh **AN 3:32**. Chương “*Pārāyana*” (Đáo Bỉ Ngạn) là chương thứ năm và cuối cùng của quyển *Kinh Tập*, thuộc Bộ Kinh Ngăn (Tiểu Kinh Bộ).] (721)

587 [Chỗ này nên coi thêm kinh **3:67**, đoạn (2) và chú thích ở đó.] (722)

588 [Kinh này giống kinh **SN 2:26** (Quyển 1).] (723)

589 (Nguyên gốc kinh Phật đã gọi vị tiên trẻ này là “bạn, hữu” như vậy.)

590 [Nguyên chữ là: *daḷhadhammā*. Đuôi chữ *-dhamma* ở đây là tiếng Pali, tương đương như trong chữ Phạn là *dhanvan* (có một thanh cung). **Mp** diễn dịch: “*Dùng cung cứng lớn* nghĩa là có một thanh cung cỡ lớn nhất” (*daḷhadhanu uttamappamāṇena dhanunā samannāgato*).] (724)

591 [Nguyên văn cụm chữ này: *dhanuggaho sikkhito katahattho katūpāsano*. **Mp** giải thích *dhanuggaho* nghĩa là một bậc sư về cung tên; *sikkhito* là người đã thao luyện về cung tên 12 năm; *katahattho* là người thiện thạo đến mức có thể bắn tên chẻ đôi cọng tóc từ một khoảng cách bằng một *usabha*, và *katūpasāno* là người kinh nghiệm bắn cung biểu diễn thiện xạ hơn nữa. Coi thêm chú thích (1935) trong bộ kinh **AN** này; chú thích tương tự cũng có trong kinh **SN 12:65**, chú thích (365)] (725)

592 [**Mp** diễn dịch rằng: “Giáo lý của người thiện là 37 phần trợ giúp giác-ngộ. Còn giáo lý của người xấu là loại 62 tà-kiến do suy đoán.”] (726)

593 [Lời bài kinh này giống hệt kinh **SN 21:07** (quyển 2), chỉ khác nhau về nơi chốn. Tôi không nhìn thấy có khuôn-mẫu bốn điều hay bốn pháp trong bài kinh này, không hiểu tại sao nó được kết tập trong quyển “Bốn” này của **AN**.] (727)

594 [Tôi đọc (kinh này) theo **Be** và **Ee** ghi là *nābhāsamānaṃ jānanti*, khác với **Ce** ghi là *na bhāsamānaṃ jānanti*. Ngữ cảnh bài kinh rõ ràng yêu cầu cách ghi như **Be** và **Ee** thì mới đúng. Bản Hán tạng tương đương của kinh này là **SĀ 1069 (at T II 277c12)** cũng ủng hộ nghĩa này bằng câu 若不說法者 (Nếu người đó không thuyết giảng Giáo Pháp). (Coi thêm chú thích về câu này trong kinh giống hệt là **SN 21:07** (Quyển 2) chú thích về câu này trong những phiên bản khác nhau, chú thích số đuôi (392).)] (728)

595 [Nguyên văn ba chữ này: *saññāvipallāso, cittavipallāso, dīṭṭhivipallāso*. Chữ *vipallāsa* là từ *vi* + *pari* + *āsa*, nghĩa là “bị đảo lộn, bị điên đảo”. Những chữ này được giảng giải trong những phần nói về “sự đẹp-bỏ” và “sự không đẹp-bỏ” của luận giảng **Paṭi II 80–81**. (729)

596 [Chỗ này tôi dịch theo theo **Ce** và **Be** ghi là *dukkhe bhikkhave sukhān ti*

saññāvipallāso, khác với **Ee** *adukkhe bhikkhave dukkhan ti saññāvipallāso*.] (730)

597 [Chỗ này tôi dịch theo **Ce** và **Ee** ghi là *micchādiṭṭhigatā*, khác với **Be** ghi là *micchādiṭṭhihatā*. Nhưng cách phân những câu kệ thì tôi làm theo **Be** hơn là **Ce**.] (731)

598 [**Mp** giải nghĩa chữ *mahikā* là *himaṃ* (tuyết), nhưng **PED** thì nói đó là “sương mù” nghe có vẻ đúng hơn.] (732)

599 [Trong 04 sự ô-nhiễm (*upakkilesa*): (i) sự uống rượu bia bởi các Tỳ kheo là bị nghiêm cấm bởi điều luật ***Pācittiya 51***; (ii) dâm dục là bị nghiêm cấm bởi điều luật ***Pārājika 1***; (iii) nhận lấy vàng bạc [cũng như tiền, phương tiện trao đổi mua bán] là bị nghiêm cấm bởi điều luật ***Nissaggiya-pācittiya 18***. (iv) Nhiều sự mưu-sinh khác nhau là sai trái bị cấm đối với những tu sĩ Phật giáo đã được liệt kê trong kinh dài **DN 2.1.21–27**, I 67–69. Coi thêm kinh **MN 117.29**, III 75,11–14.] (733)

600 [Ở đây, ‘*bốn dòng chảy phước đức hay công đức*’ được giải thích theo bốn phương tiện thiết yếu được cúng dường cho những tăng ni, đó là: y phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang.] (735)

601 [*Sự định-tâm vô lượng của tâm: appamāṇaṃ cetosamādhim*. **Mp** giải thích đó là: “*Sự định-tâm của thánh quả A-la-hán*” (*arahattaphalasamādhī*).] (736)

602 (Hai đoạn cuối và phần thi kệ của kinh này là giống hệt kinh **SN 55:41**.)

603 [Kinh này giống kinh **SN 55:31** (Quyển 5), trừ (không có) phần thi kệ.] (737)

604 [Phần thi kệ này cũng y hệt ở kinh **5:47**; và cũng có ở các kinh **SN 11:14** (quyển 1); **SN 55:26** và **SN 55:51** (quyển 5).] (738)

605 (Trong bản dịch Việt tất cả các kinh, chữ “*kính chào*” là chữ **dịch chung**, đồng nghĩa với các chữ: “*lễ chào, đánh lễ, kính lễ, kính lạy, lạy chào, xá chào*, hay *cúi chào*...” tùy theo mỗi tình huống khác nhau, thường là với hai tay chấp lại đặt lên trán, trên sống mũi, hay trên ngực. Còn nếu có tình huống là “*quỳ lạy*” thì chỗ đó sẽ dịch rõ tư thế “*quỳ lạy*”.)

606 [“*Kẻ bất hạnh, kẻ bạc phận*” là dịch chữ “*chava*”: nghĩa gốc là “xác chết”. **Mp** diễn dịch: “Người như vậy được coi như xác chết vì người đó đã chết vì những phẩm chất đức hạnh của họ đã chết.”] (739)

607 [Gia chủ Nakulapitā và nữ gia chủ Nakulamātā là hai người đệ tử tại gia ưu tú của Đức Phật, họ nổi bật vì niềm-tin vào Đức Phật. Đọc thêm quyển “*Những Vị Đại Đệ tử của Đức Phật*” do nhà sư Nyanaponika và học giả Hecker biên soạn, trang 375–378. Về hai vợ chồng này, coi thêm các kinh **1:257**, **1:266**, **6:16**.] (740)

608 [Trong kinh **1:263** nữ đệ tử này được Phật khen là đệ nhất trong những người cúng dường những vật phẩm tốt nhất cho người nhận.] (741)

609 [**Mp** nhận dạng chữ “*những bậc hiểu-biết thế giới*” (*lokavidūna*) chính là những vị Phật.] (742)

610 [Nguyên văn câu này: *saha nātīhi saha upajjhāyehi*. Trong văn hóa Tăng đoàn Phật giáo hay Tăng quy, chữ *upajjhāya* (thầy thụ giáo) là vị sư thầy chủ trì lễ thọ giáo cho một người nào đó. Như vậy việc dùng chữ này ở đây là bất thường trong bối cảnh không phải nói về Tăng quy nhà chùa. **Mp** giải thích chữ này trong đoạn kinh này như có nghĩa chỉ “các bạn hữu”, lý do: “bởi vì bạn hữu (tốt) thì quan tâm đến hạnh phúc và khổ đau của mình” (*sukhaduk-khesu upanijjhāyitabbattā*), nhưng cách giải thích này chỉ dựa vào sự chơi chữ chứ không mấy thuyết phục. Chẳng hạn, chữ *upajjhāya* là không liên quan đến động từ *upanijjhāyati* (Phạn: *upanidhyāyati*) nghĩa là: “suy nghĩ, suy xét”, nhưng chỉ liên quan đến chữ *ajjheti* (Phạn: *adhyeti*) nghĩa là: “học, học hỏi [từ một vị thầy]”.] (744)

611 [“*Nhìn thấy tầm*” (hay tầm hiểu biết, phạm vi, phạm vi hiểu biết) là dịch chữ *āpāthadaso* theo **Ce** và **Ee**; trong **Be** là chữ *āpātadaso*. **Mp** (của **Ce**) giải thích nghĩa là: “Người đó nhìn thấy mọi thứ đi vào trong tầm (hiểu biết), ngay cả một thứ vi tế đi vào trong tầm” (*tam tam attham āpātheti tameva passati, sukhumampissa atthajātam āpātham āgacchativēva ti attho*). (Chỗ này thầy Thích Minh Châu dịch (HV) là “*bước vào giới ức mình kiến*”, thầy Sujato dịch rõ hơn là “*nhìn thấy những thứ quan trọng, những thứ có vấn đề*”).] (475)

612 [**Mp**: “Phật đã chia những loại hạnh-phúc thành 2 phần. Ba loại đầu làm 1 phần, và loại hạnh-phúc khi không tội lỗi là 1 phần. Rồi Phật nhìn thấy bằng trí-tuệ và biết được ba loại đầu cộng lại cũng không đáng bằng 1/16 của loại hạnh-phúc nhờ không tội lỗi.”] (751)

613 [Kinh này như một kinh song hành được mở rộng của kinh **3:31**. Một kinh song hành khác là **It 106**, 109–11.] (752)

614 [Số kinh này không thấy có trong **Ee** (chỉ có lời kinh), điều này làm chúng ta có cảm giác kinh này là phần liên tục của kinh kể trên.] (753)

615 [Ý nghĩa ở đây là chỉ về sự suy xét và niềm tin của một người tu về vị thầy tâm linh (đạo sư, sư phụ) của mình. Loại người đầu tiên đặt niềm tin vào vị thầy dựa trên cảm nhận về thân sắc (*rūpa*) hay hình tướng của ông ta, ví dụ như vẻ đẹp tướng tá, uy nghi. Loại thứ hai tin người thầy dựa theo lời nói hay giọng nói hay của ông ta (*ghosa*: có lẽ là giọng nói êm dịu và hay ho); loại thứ ba là người có niềm tin vào người thầy dựa theo sự tiết độ hay sự thanh bần khổ hạnh của ông ta (*lūka*: **Mp** giải thích như vậy và đưa ra ví dụ như dùng áo cà sa và bình bát thô sơ); và loại thứ tư là người có niềm tin vào người thầy vì giáo pháp (*dhamma*) của ông ta đã chỉ dạy. **Mp** nói rằng chỉ có 1 trong 100.000 người là biết đặt niềm tin dựa trên Giáo Pháp của người thầy; (đó là người đệ tử đứng đắn).] (754)

616 [Tôi đọc đoạn thi thứ hai theo **Be** và **Ee** là: *yathādharmā tathāsantā, na tass’evan ti maññare*. **Ce** thì ghi là câu sau là: *nassevanti na maññare*. **Mp** diễn dịch: “*Đúng theo bản chất của chúng*” nghĩa là: ‘chúng đều có chứa những bản chất tham, sân, si’. “[Họ] không nghĩ suy về mỗi sự theo cách như vậy” nghĩa là: ‘Nó hiện hữu theo cách như vậy, nó có bản chất như vậy.’” (*yathādharmā tathāsantā ti yathā rāgādayo dhammā ʔhitā, tathā sabhāvā’va hutvā; na tass’evan ti maññare ti mayam evaṃsantā evaṃsabhāvā ti tassa na maññare, na maññantī ti attho*).] (757)

617 [Sự kiện này cũng được ghi lại trong luật tạng **Vin II 109–10**.] (758)

618 [Nguyên văn câu cuối này: *Imāni cattāri ahirājakulāni*. **Mp** giải thích: “Phật nói điều này là chỉ những loại rắn có nọc độc sát hại. Bởi tất cả những loại rắn có nọc độc đều thuộc bốn họ rắn chúa.”] (759)

619 [**Be** ghi đoạn văn tụng cuối này ở dạng thi kệ, nhưng tôi làm theo **Ce** và **Ee** ghi nó dạng văn xuôi. Đây là lời quả quyết về sự-thật (*saccakiriya*) ... Lời này thường được tụng đọc bởi những nhà sư sống trong rừng để phòng hộ khỏi bị rắn cắn. Lời tụng hộ phòng này thường được đưa vào trong những kinh nhật tụng của họ mỗi ngày.] (760)

620 [Kinh này và thi kệ giống kinh **SN 17:35** (Quyển 2). Coi thêm Luật tạng

Vin II 187–88.] (761)

621 [Tôi thấy lý do tại sao kinh này lại được kết tập trong quyền “Bốn” này. Tôi đoán lời giải thích có thể nằm ở chỗ 04 nhóm người bị lệch lạc khỏi sự chân chính, đó là: vua chúa, các quan thần, các bà-la-môn và các gia chủ, và những người ở những thành thị và miền quê.] (762)

622 [Coi lời tương tự ở đầu kinh **3:16.**] (766)

623 [*Chánh kiến (sammādiṭṭhi)* là phần (chi, yếu tố) đầu tiên của con đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo), và ba loại ý-nghĩ thiện tựu chung chính là phần ý-định đúng đắn, tức *chánh tư duy (sammāsaṅkappa)*, phần thứ hai của Bát thánh đạo.] (767)

624 [**Ee** tách đoạn kinh (III) này thành một kinh riêng và đánh số kinh là **4:74**; trong khi đó **Ce** và **Be** thì coi đây là đoạn thứ ba của kinh **4:73** này, như bản dịch này. **Mp** cũng ủng hộ **Ce** và **Be**, chỉ ra rằng ví dụ đó được đưa vào để chỉ tính cách của người xấu.] (768)

625 [Bên phiên bản **Ee** thì tính gộp hai kinh **4:74** và **4:75** (của/theo bản dịch này) thành một kinh duy nhất, ngược lại với **Ce** và **Be** tách ra thành hai kinh khác nhau, (bản dịch này lại theo cách **Ce** và **Be**).] (769)

626 [Từ câu này trở đi lời kinh cũng giống trong *Kinh Đại Bát-niết-bàn (Mahāparinibbāna Sutta)*, tức kinh dài **DN 16.6.5.**] (770)

627 (Ý của Đức Phật là nếu các Tỷ kheo cảm thấy ngần ngại, không dám đặt câu hỏi vì sự tôn trọng đối với người Thầy khi đang đối diện với người Thầy, thì một Tỷ kheo có thể nói câu hỏi của mình cho người bạn tu đứng cạnh, và sau đó người bạn tu sẽ đặt câu hỏi với Đức Phật giùm cho vì Tỷ kheo đó. Tức là để một vị Tỷ kheo khỏi ngần ngại khi đặt câu hỏi trực tiếp với Đức Phật. Và người bạn tu đặt câu hỏi cho Đức Phật cũng không thấy ngại ngùng, vì đó là câu hỏi của vị Tỷ kheo khác nhờ mình hỏi giùm.)

628 [*Không thể nghĩ tới, không thể nghĩ bàn (acinteyyāni)*. **Mp** chỉ nói đó là “không phù hợp để nghĩ tới” (*cintetum ayuttāni*).] (771)

629 [**Mp** giải thích bốn lãnh địa (giới) như sau: “*Lãnh địa của những vị Phật (buddha-visaya)* là phương pháp và sức mạnh tâm linh (*pavatti ca ānubhāvo ca*) của những phẩm hạnh của vị Phật, ví dụ như sự hiểu-biết toàn diện (toàn

trí) của Phật, và vân vân. “*Lãnh địa của người tu trong (trạng thái) tầng thiền định*” (*jhāna-visaya*) là những sự hiểu-biết trực-tiếp (tự trí) và những tầng thiền định (*jhāna*). “*Nghiệp quả*” (*kamma-vipāka*) là kết quả của nghiệp được nếm trải trong kiếp này và kiếp sau. “*Sự phán đoán về thế gian*” (*lokacintā*) là những sự phán đoán thế tục, ví dụ như: “Ai làm ra mặt trăng và mặt trời? Ai làm ra trái đất và biển cả? Ai tạo ra chúng sinh? Ai làm ra núi non, trái xoài, trái, trái dứa?”.] (772)

630 [Kinh này giống kinh **MN 142.9–13.**] (773)

631 [**Mp**: Họ “*không ngồi trong hội đồng*” (*n’eva sabhāyaṃ nisīdati*) là không ngồi trong những nơi xử án để tham gia thẩm phán xét xử. Họ “*không tham gia công việc làm ăn kinh doanh*” (*na kammantaṃ payojeti*) là không tham gia vào những ngành nghề chính thời đó như nông nghiệp, thương mại, vân vân. Họ “*không đi đến Kamboja*” (*na kambojaṃ gacchati*) là họ không đi buôn bán hàng hóa tới xứ Kamboja. Đây chỉ là một cách nói thông dụng. Ý nghĩa rộng là họ không đi tới xứ khác và bang khác.”] (774)

632 [Kinh này, cùng với phần ví dụ và thi kệ, là giống kinh **SN 3:21**; coi thêm **Pp 51–52**. **Mp** giải thích như vậy: “*Người ở trong bóng tối (tamo)* là do người đó dính trong sự tăm tối vì bị tái sinh trong một gia đình thấp kém; và “*người hướng tới tối (tamoparāyaṇa)* là do người đó đang đến chỗ tăm tối của địa ngục vì những ác tà nghiệp của thân, miệng, ý. “*Người ở trong ánh sáng (joti)* là do người đó dính trong ánh sáng vì được tái sinh trong một gia đình cao quý; và “*người hướng tới sáng (jotiparāyaṇa)* là do người đó đang đến chỗ ánh sáng của sự tái sinh ở cõi trời nhờ những thiện chánh nghiệp của thân, miệng, ý.”] (775)

633 [Đoạn mô tả này giống lời trong kinh **3:13** và **6:57**. Ở đây, tôi đọc theo **Ce** và **Be** là *veṇakule vā nesādakule*; khác với **Ee** ghi là *nesādakule vā veṇakule*. (Nhưng trong kinh **6:57**, trong tất cả ba phiên bản, đều đặt chữ *nesādakule* trước chữ *veṇakule*. Coi chú thích về đoạn này ở kinh **6:57**.)] (776)

634 [**Ce** định nghĩa bốn loại người này lần lượt giống nghĩa bốn loại người trong kinh **4:85** kể trên. **Be** và **Ee** thì không chú thích gì cả.] (777)

635 [**Mp** chỉnh chữ *samaṇamacalo* thành *samaṇa-acalo*, chỉ khác chỗ phụ âm kết hợp –m–. **Mp** nhận định hình tượng “*sa-môn bắt lay động*” là chỉ bảy bậc học-nhân (*sattavidhampi sekhaṃ dasseti*). Về hai hạng sa-môn tiếp theo, **Mp** nói: “*Sa-môn hoa sen trắng (samaṇapunḍarika)* là một tu sĩ giống một bông

sen trắng (*puṇḍarīka*), có dưới 100 cánh. Đây là cách Phật chỉ một A-la-hán chỉ tu thiền minh-sát khô (*sukkhavipassakakhīṇāsavaṃ dasseti*), (tức chỉ tu thiền quán, không tu thiền định), được gọi là sa-môn sen trắng bởi vì những đức-hạnh của người đó là chưa toàn thiện, do người đó thiếu những tầng thiền định (*jhāna*) và những trí-biết trực-tiếp (tự trí). Sa-môn sen hồng hay hồng (*samaṇapaduma*) là một tu sĩ giống như một bông sen hồng (*paduma*), có đầy đủ 100 cánh. Đây là cách để chỉ một A-la-hán đã được giải thoát bằng cả hai phương diện (*ubhatobhāgavimuttaṃ khīṇāsavaṃ dasseti*), (đó là sự giải-thoát (không còn ô-nhiễm) của tâm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ), được gọi là sa-môn sen hồng bởi vì những đức-hạnh của người đó là toàn thiện, do người đó đã sở hữu những tầng thiền định (*jhāna*) và những trí-biết trực-tiếp (tự trí).” (►) Về màu sắc của 2 loại sen, *puṇḍarīka* và *paduma*, chữ nào là chỉ sen trắng, chữ nào chỉ sen hồng, mời coi lại thêm chú thích kinh 3:39, chú thích (389)!. “Sa-môn tinh tế trong số những tu sĩ” (*samaṇesu samaṇasukhumālo*) là “người có tâm và thân mềm mại, người chỉ còn trải nghiệm sự sợ hãi, không còn trải nghiệm sự đau khổ ở thân và tâm” (*muducittasarīro kāyikacetasikadukkharahito ekantasukhī*).] (778)

⁶³⁶ [Mp giải thích một tràng như vậy: “*Macalappatto ti rañño khattiyassa muddhāvasittassa putta- bhāvena ceva puttesu jeṭṭhakabhāvena ca na tāva abhisittabhāvena ca abhisekappatti-atthāya acalappatto niccalapatto*”. Nhưng đại ý là vị thái tử đó coi như “đã đạt được sự bất lay động” (tức sự chắc chắn, vững chãi) vì anh ta đã được định đoạt kế thành một vị vua được phong vương. Về nghĩa sự “bất lay động” hay “vững chãi”, mời coi lại thêm chú thích ở kinh 3:13, chú thích (345).] (779)

⁶³⁷ [Nguyên văn câu cuối: *Anuttaraṃ yogakkhemaṃ patthayamāno viharati*. Mp giải nghĩa là: “Người đó sống khát nguyện đạt tới thánh quả A-la-hán”, (nghĩa là sự an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc ở đây là đồng nghĩa với thánh quả A-la-hán giải thoát).] (780)

⁶³⁸ [Trái với cách giảng luận của Mp, định nghĩa về sa-môn sen trắng ở đây còn mơ hồ; vì cách lời kinh diễn đạt “*nhưng người đó vẫn chưa an trú (trong trạng thái) sau khi đã tiếp xúc bằng thân tám sự giải-thoát*” (*no ca kho aṭṭha vimokkhe kāyena phusitvā viharati*) có thể chỉ một trong hai nghĩa: (1) người đó vẫn chưa chứng đắc sự giải-thoát nào trong 8 sự giải-thoát đó, điều đó có thể chỉ người tu là một A-la-hán tu thiền minh-sát khô (tức không có tu thiền định) [như Mp cũng đã khẳng định]; hoặc (2) người đó đã chứng đắc một số sự giải-thoát trong 8 sự giải-thoát đó, nhưng chưa đầy đủ 8, có thể chỉ mới chứng 3 sự giải-thoát trên cơ sở sắc-giới nhưng chưa chứng những tầng chứng

đắc vô-sắc-giới và sự chấm-dứt (sự diệt, diệt thọ tướng). Trong trường hợp đó, người tu thiền ở đây là hợp với tiêu chuẩn định nghĩa về một A-la-hán *được giải thoát nhờ trí-tuệ (paññāvimutta)*, là người được cho là đã loại bỏ mọi ô-nhiễm nhưng chưa chứng đắc những tầng chứng đắc vô-sắc-giới đầy bình-an, [coi kinh **MN 70.16**, I 477,33–478,1]90. Những luận sư thì cho rằng một A-la-hán *paññāvimutta* thì có thể sở hữu (đã đắc) 1, 2, 3, hay 4 tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*), hoặc cũng có thể không đắc tầng thiền định nào; và trong số này chỉ có loại không đắc tầng thiền định nào mới là loại A-la-hán tu thiền minh-sát khô. Loại A-la-hán chỉ tu thiền minh-sát khô (*sukkhavipassakakhīṇāsava*) đã không hề được nói rõ trong 5 bộ kinh Nikaya, mà chỉ được đề cập và công nhận lần đầu trong những quyển luận giảng sau kinh mà thôi. Dù là gì đi nữa, sự khác biệt của các định nghĩa giữa *A-la-hán được giải thoát nhờ trí-tuệ* và *A-la-hán sen trắng* đã gợi ý rằng tại một thời điểm nào đó có một sự chuyển-dịch đã xảy ra trong bậc thang của các tầng thiền định và ở đó một loại A-la-hán. Loại *A-la-hán được giải thoát nhờ trí-tuệ* thì chỉ thiếu những tầng chứng đắc vô-sắc-giới, còn loại *A-la-hán hoa sen trắng*, theo những diễn dịch của các luận sư trước giờ, thì thiếu luôn cả những tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*).

- Tám sự giải-thoát (*aṭṭha vimokkhā*), như được định nghĩa ở kinh **8:66** (quyển “**Tám**”), thì cũng không chính xác giống như bốn tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*) và bốn tầng chứng đắc vô-sắc-giới. Dường như 3 sự giải-thoát đầu tiên là tương ứng với bốn tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*), nhưng chỉ do nó phân giải dựa theo các đối-tượng (thiền) hơn là những yếu-tố thuộc tâm.] (781)

639 [Lại nữa, ở đây cũng có sự mơ hồ trong định nghĩa về *sa-môn sen hồng*. Câu hỏi là, để thành một sa-môn sen hồng thì người tu đó phải có đủ tất cả 8 sự giải-thoát hay chỉ cần một số sự giải-thoát trong đó cũng đủ? Theo như giải thích của các luận giảng, là so sánh sa-môn sen hồng với đầy đủ 100 cánh sen, thì dường như sa-môn sen hồng là phải có đủ 8 sự giải-thoát. Nhưng định nghĩa về A-la-hán *được giải thoát bằng cả hai phương diện (ubhatobhāgavimutta)* bởi các luận giảng lại nói người tu chỉ cần sở hữu *bất kỳ* một tầng chứng đắc vô-sắc-giới nào thì đều được coi là “*được giải thoát bằng cả hai phương diện*” (tức giải-thoát của tâm nhờ tâm không còn ô nhiễm và giải-thoát nhờ trí-tuệ). Điều này cũng hạ thấp tiêu chuẩn nghiêm ngặt để định dạng một A-la-hán sở hữu tất cả 8 sự giải-thoát.] (782)

640 [Nói rõ luôn là: “Người đó thường dùng y áo được (thí chủ) mời nhận, hiếm khi dùng thứ mà vị ấy không được mời nhận.” Tương tự đối với những thức ăn, chỗ ở, thuốc thang.] (783)

⁶⁴¹ [Khi luận giảng về chữ *sannipātikāni*, luận giảng **Mp-t** ghi: “đó được tạo ra từ sự kết hợp của ba thứ—mật, đờm, gió (trong thân)—bị mất cân bằng” (*pittādīnaṃ tiṇṇampi visamānaṃ sannipātena jātāni*). Còn luận giảng **Spk III 81,22–23**, khi luận giảng về chữ này trong bộ kinh **SN [IV 230,29 (?)]** thì ghi: “đó phát sinh từ sự quá nhiều của ba thứ mật, đờm, gió (trong thân)” (*tiṇṇampi pittādīnaṃ kopena samuṭṭhitāni*).] (784)

⁶⁴² [Đoạn này chỉ về 8 loại cảm-giác (thọ), cũng được nói trong kinh **SN 36:21** (quyển 4).] (785)

⁶⁴³ [**Mp** nói rằng: đoạn (1) nói về 7 bậc học-nhân; đoạn (2) nói về A-la-hán tu thiền minh-sát khô; đoạn (3) nói về A-la-hán được giải thoát bằng cả hai phương diện; và đoạn (4) nói về Như Lai và những bậc A-la-hán giống Như Lai.] (786)

⁶⁴⁴ [**Mp** giải thích: “sự tĩnh-lặng bên trong của tâm” (*ajjhattaṃ cetosamatha*) là sự đạt-định bên trong của tâm ở mức độ tầng thiền định (*niyakajjhate appanācittasamādhī*). Còn “tuệ cao siêu nhìn thấu những hiện tượng (*adhipaññādharmavipassanā*) là trí biết minh-sát hiểu rõ những hiện-tượng có điều kiện, tức những pháp hữu vi (*saṅkhārāpariggāhakavipassanā-ñāṇa*). Đây là phần trí-tuệ cao sâu gồm có minh-sát tuệ soi thấu những hiện-tượng, đó là, soi thấu (bản chất) năm-uẩn.] (787)

⁶⁴⁵ (Chữ (phần định) và (phần tuệ) trong ngoặc này là do người dịch Việt đặt ra để tạm thay cho hai cụm chữ trong ngoặc [...] để đơn giản cho người đọc thấy nhanh ý nghĩa bài kinh.)

⁶⁴⁶ [**Mp** diễn dịch là: “Những hiện-tượng có điều kiện nên được nhìn thấy là vô thường, được phát hiện là vô thường, và được nhận biết bằng sự minh-sát là vô thường; và tương tự chúng là khổ và vô ngã.”] (788)

⁶⁴⁷ [**Mp** nói rằng: “Tâm nên được (làm cho) ổn định, được bình tĩnh, và được đạt định bằng (cách tu tập, chứng đắc?) tầng thiền định thứ nhất; và tương tự, tiếp tục như vậy bằng tầng thiền định thứ hai và cao hơn.] (789)

⁶⁴⁸ [Chỗ này trong kinh gốc ông du sĩ cũng lặp lại từng mỗi loại người như Phật đã làm. Nhưng tôi đã lược bỏ bớt cho gọn.] (790)

⁶⁴⁹ [Nguyên văn câu cuối: *Abhikkantā h'esā potaliya yadidaṃ tattha tattha kālaññutā*. **Mp** diễn giải: “Đó là phẩm chất của người hiền trí, khi nào họ biết

chắc là lúc thích hợp để nói lời chê trách người đáng bị chê trách và nói lời khen ngợi người đáng được khen ngợi.”] (791)

650 [Nguyên văn Pāli: *suttam, geyyam, veyyākaraṇaṃ, gāthā, udānaṃ, itivuttakam, jātakam, abbhutadhammam, vedallam*. Đây là chỉ những thể loại kinh đã được sắp xếp và kết tập trong 5 bộ kinh Nikāya. Giống chú thích ở kinh **4:06**, chú thích (631).] (790)

651 [Phiên bản **Ee** kết thúc kinh **4:104** ngay chỗ đây, coi như kinh **4:104** chỉ có mấy câu này. Và sau đó chuyển qua kinh **4:105** thì lấy những câu này làm phần mở đầu, và tiếp tục theo phần lời kinh kế tiếp. Như vậy, kinh **4:105** trong phiên bản **Ee** là giống hệt kinh **4:104** trong bản dịch này. **Ee** đọc theo phần thi kệ [*uddāna*] tóm tắt có ghi là “có hai (kinh) hồ nước”, nhưng bản gốc thì chỉ thấy có một kinh nói về hồ nước. Trong phần thi kệ, chữ *dve honti* có thể được hiểu như *udakarahadā* hay *ambāni*. Tôi làm theo **Ce** và **Be**, chọn theo cách hiểu thứ hai, và do vậy chỉ có một kinh hồ nước là kinh **4:104**, và kinh **4:106** thì bỏ trống, không có lời kinh.] (793)

652 Nguyên văn câu cuối này: *Pahitatto kāyena c’eva paramasaccam sacchikaroti, paññāya ca ativijjha passati*. **Mp** giải nghĩa: “thân” là thân của tâm, tâm-thân (*nāmakāyena*) (chứ không phải thân thể); “sự thật tối thượng” ở đây là Niết-bàn, và “trí-tuệ” ở đây là trí-tuệ của thánh đạo cùng với trí minh-sát.] (795)

653 [Tiếng Pāli chữ *thāna* có thể có nghĩa là nơi, khả năng, trường hợp, tình huống, nguyên nhân, trường hợp ... **Mp** nói nó có nghĩa như chữ *kāraṇa*. Để chuyển tải ý nghĩa thích hợp, tôi diễn dịch nó là “trường hợp của việc (mình làm)” và nhiều lúc chỉ đơn giản dịch là “việc mình làm, điều mình làm”] (796)

654 [“*Hướng tới phúc lợi của chính mình*” là dịch nghĩa chữ *attarūpena*. **Mp** giải thích bằng câu này: “Cái gì là phù hợp với bản thân mình, cái gì là thích hợp, có nghĩa người đó mong muốn được phúc lợi” (*attano anurūpena anucchavikena, hitakāmenā ti attho*).] (798)

655 [Chúng ta thấy có ba loại sự đầu độc (*mada*) (tức làm nhiễm độc cái tâm) trong kinh **3:39**: là sự say sưa (ỷ lại) với tuổi trẻ, sự say sưa với sức khỏe, và sự say sưa với sự sống. **Vibh 345 [Be §832]** còn đề cập tới những thứ khác làm nhiễm độc cái tâm là: gia cảnh sinh ra, họ tộc, lợi lộc, sự được tôn trọng, sự giàu có, sắc đẹp, sự học thức... (đều làm cho con người say sưa chạy theo đó mà bỏ lơ những sự thật ‘vô thường, khổ, vô ngã’, hay thực trạng phũ phàng dễ

thấy là ‘sinh, lão, bệnh, tử’). Chữ *mada* này được lặp lại trong **Vibh 350** [**Be §§843–45**] liên hệ với chữ *māna* có nghĩa là: sự tự-ta, và với chữ *unnati* có nghĩa là sự tự-tôn (tự đề cao mình, tự nâng hạng mình).] (799)

656 [Nguyên văn câu cuối: *Na ca pana samaṇavacanahetupi gacchati*. **Mp** diễn dịch: “Người đó không còn bị phát phơ nghiêng ngã bởi những lời nói của những tu sĩ khác muốn đề cao những giáo thuyết của họ, muốn người đó dẹp bỏ cách-nhìn (chánh kiến) của mình và nghe theo những cách-nhìn (tà kiến) của họ. Ở đây thực ra là chỉ những bậc A-la-hán”] (800)

657 [Lời kinh này cũng có trong *Kinh Đại Bát-niết-bàn (Mahāparinibbāna Sutta)*, **DN 16.5.8**. Tính từ “*truyền cảm hứng*” (thúc giục, gợi ý, làm cho tâm xúc động) là dịch chữ *saṃvejanīya*, được **Mp** cho là đồng nghĩa với chữ *saṃvegajanaka* (*truyền cảm hứng một cảm-nhận về sự cấp-bách*). Nhưng trong ngữ cảnh bài kinh này, nếu dịch là “*truyền cảm hứng một cảm-nhận về sự cấp-bách*” thì không hợp. Thay vì vậy, nghĩa lời kinh chỗ này là truyền cảm hứng về niềm-tin và sự tôn-kính.] (801)

658 [Bốn nơi (địa danh) đó lần lượt là: Lumbini, Bodhgaya, Isipatana (Sarnath), và Kusinārā.] (802)

659 (Giống chú thích (216) ở kinh **2:01**.)

660 [Nguyên đoạn (3) nói về sự trùng phạt này là giống hết lời trong kinh **2:01**.] (803)

661 [Đoạn nói về hậu quả trong những kiếp sau này cũng giống hết đoạn (2) của kinh **2:01**, chỉ khác là kinh này chỉ ghi “*hậu quả xấu*” (*pāpako vipāko*) còn kinh **2:01** thì ghi “*hậu quả xấu và khổ đau*” (*pāpako dukkho vipāko*). Do kinh **2:11** cũng thiếu tính từ “*khổ đau*” (*dukkho*) nên có thể là chữ “*dukkho*” chỉ là chữ một luận sư dùng để giải nghĩa chữ “*xấu*” (*pāpako*), rồi dần dà nó bị đưa luôn vào trong kinh **2:01**.] (804)

662 [Lời bài kinh này cũng có trong kinh **MN 67.14–20**.] (806)

663 [**Mp** giải thích: “Tầng thiên định thứ nhất có ba hạng, hạng thấp, hạng trung, và hạng thượng. Đối với người được tái sinh thông qua (tầng thiên định) hạng thấp, tuổi thọ là 1/3 đại kiếp; đối với người được tái sinh thông qua hạng trung, tuổi thọ là 1/2 đại kiếp; và đối với người được tái sinh thông qua hạng thượng, tuổi thọ là 1 đại kiếp. Như vậy câu kinh này là chỉ (tầng thiên định) hạng

thượng.” Về chi tiết những tuổi thọ trong các cõi theo mô hình được đưa ra bởi Phật giáo Trưởng Lão Bộ (Theravāda), mời coi thêm **Vibh 422–26 (Be §§1022–28); CMA 196–99.]** (808)

664 [**Mp**: “Người đó ‘đi xuống địa ngục’ trong kiếp kế tiếp, theo nghĩa là hiện thời người đó chưa trừ bỏ hết nghiệp dẫn xuống địa ngục; không phải theo nghĩa là người đó phải xuống địa ngục lập tức trong kiếp kế tiếp.” Theo Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), một người chết đi từ cõi sắc-giới thì không lập tức bị tái sinh trong một trong ba cõi xấu dữ đó; coi thêm **CMA 226–27.]** (809)

665 [Nguyên văn câu cuối này: *Tasmimyeva bhavē parinibbāyati*. **Mp** nói: “Vị đó chứng luôn Niết-bàn cuối cùng trong khi đang hiện hữu trong cõi sắc-giới đó; không bị rớt xuống cảnh giới nào thấp hơn.” (tức từ thiên thần chứng luôn bát niết-bàn).] (810)

666 [Chỗ này mời coi lại một chú thích dài của kinh **AN 3:116**, cuối đoạn (1), chú thích 181 hay (581).] (811)

667 [Những thiên thần phóng quang thành dòng (*devā ābhassarā*) là hạng thiên thần cao nhất trong ba hạng cảnh giới của tầng thiên định thứ hai. **Mp** nói: “Tầng thiên định thứ hai có ba hạng, [cũng giống như ba hạng của tầng thiên định thứ nhất đã nói ở trên]. Đối với người được tái sinh thông qua (tầng thiên định) hạng thượng, tuổi thọ sẽ là 8 đại kiếp; hạng trung là 4 đại kiếp; và hạng thấp là 2 đại kiếp. Như vậy lời kinh ở đây chỉ (tầng thiên định) hạng thấp.”] (812)

668 [Những thiên thần hào quang chói lọi (*devā subhakinhā*) là hạng thiên thần cao nhất trong ba hạng cảnh giới của tầng thiên định thứ ba. Theo hệ thống Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), những tuổi thọ của ba hạng thấp, trung, và thượng là 16, 32 và 64 đại kiếp. Do định nghĩa này bị mâu thuẫn với lời kinh chỗ này, **Mp** đã giải thích lời kinh ở đây là chỉ hạng thấp trong ba hạng cảnh giới của tầng thiên định thứ ba. Tuy nhiên, cũng theo **Mp**, những thiên thần hào quang chói lọi thực ra lại là cao nhất trong ba cõi thiên thần này, với tuổi thọ là 64 đại kiếp. Như vậy, dường như có sự mâu thuẫn giữa bài kinh và định nghĩa tuổi thọ của các hạng thiên thần theo hệ thống Phật giáo Trưởng Lão Bộ (Theravāda).] (813)

669 [Những thiên thần phúc quả lớn (*devā vehapphalā*) là một hạng cảnh giới tái sinh duy nhất tương ứng với tầng thiên định thứ tư. Con số tuổi thọ 500 đại kiếp là đúng theo định nghĩa của hệ thống Vi Diệu Pháp (Abhidhamma).] (814)

670 [Nguyên câu tả thực về năm uẩn là: *Te dhamme aniccato dukkhato rogato gaṇdato sallato aghato ābādhato parato palokato suññato anattato samanupassati*. **Mp** nói: “Trong 11 tính từ này, 2 tính từ—vô thường và đang tan rã—chỉ đặc tính vô thường. Tiếp theo, 2 tính từ—trống rỗng và vô ngã—chỉ về đặc tính vô ngã. Và 7 tính từ còn lại chỉ đặc tính khổ. Bằng cách gán ba đặc tính này cho năm uẩn và nhìn thấy chúng như vậy, người đó đạt tới ba thánh đạo và thánh quả. Sau khi tu tập tầng thiền định thứ tư, được vững chắc trong (cảnh giới) đó, thì ‘người đó được tái sinh trong số những thiên thần ở cõi trời trong-sạch.’”.] (815)

671 [Những cõi trong-sạch hay Tịnh cư thiên (*suddhāvāsā*) là năm cảnh giới hiện hữu trong cõi sắc-giới mà bậc thánh Bất-lai được tái sinh trong đó. Những bậc Bất-lai từ đó chứng luôn thánh quả A-la-hán chú không còn quay xuống cõi nào thấp hơn. Coi thêm **CMA 192–93**.] (816)

672 [Trong kinh này, *tâm-từ* là tương quan với tầng thiền định thứ nhất, *tâm-bi* với tầng thiền định thứ hai, *tâm-(tùy)* hỷ với tầng thiền định thứ ba, và *tâm-xả* với tầng thiền định thứ tư. Tuy nhiên, theo hệ thống Phật giáo Trưởng Lão Bộ (Theravāda) thì ba tâm thiền vô lượng đầu tiên đều có thể dẫn tới tất cả cả ba tầng thiền định đầu, chỉ trừ tầng thiền định thứ tư; chỉ có tâm-xả vô lượng mới có thể dẫn tới tầng thiền định thứ tư. Coi thêm **Vism 322,5–12, Ppn 9.111**.] (817)

673 [Về những điều thần diệu xảy ra vào những lúc vị bồ-tát (tức Phật) nhập thai và sinh ra, coi thêm kinh **MN 123**.] (818)

674 [**Mp** giải thích: “Giữa mỗi hệ ba thế giới có một thế giới có khoảng trống nằm giữa, giống như khoảng trống ở giữa ba bánh xe tiếp xúc nhau. Đây là vùng ‘địa ngục nằm giữa những thế giới’ (*lokantarikanirayo*), được cho là (có đường kính) lớn bằng 8 ngàn do-tuần (*yojana*, dặm Ấn).”] (819)

675 [**Mp** giải thích: “*Những chúng sinh đó đã (bị) tái sinh trong cõi đó*: Vì những nghiệp gì mà những chúng sinh đó bị tái sinh trong cõi u minh địa ngục nằm giữa những thế giới? Họ tái sinh trong đó do họ đã gây ra những tội ác kinh khủng đối với cha mẹ, đối với những tu sĩ và bà-la-môn, và do những ác nghiệp như **sát-sinh** liên tục hàng ngày Nhưng những nhà truyền tụng bộ kinh dài **DN** thì nói rằng, sự chiếu sáng hào quang nhanh như một tia chớp chỉ trong khoảng thời gian bằng cái búng ngón tay rồi tắt, nhưng trong khoảng khắc đó họ vẫn kịp nhìn thấy (những chúng sinh khác) xung quanh mình, và họ thốt lên: ‘Đó là gì vậy?’”.] (820)

676 [*Ālaya*: tạm dịch là *sự dính-mắc*. **Mp** giải thích chữ này theo nghĩa hẹp là chỉ năm đối-tượng khoái lạc giác quan (hay năm thứ dục-lạc), hoặc theo nghĩa rộng là chỉ toàn bộ vòng luân-hồi sinh tử (*saṃsāra*).] (821)

677 [*Anālaye dhamme*: *sự không dính-mắc*. **Mp** giải thích đó chính là “Giáo Pháp thánh thiện đối ngược với sự dính-mắc, dựa trên sự chấm-dứt vòng luân-hồi sinh tử.”] (822)

678 [*Anupasama*: sự phần khích, sự khích động, tức sự bất an. Nghĩa gốc chữ này là “thiếu bình-an, bất-an”.] (823)

679 [Nguyên văn câu này là: *Avijjāgatā, bhikkhave, pajā aṇḍabhūtā pariyonaddhā*. **Ce** và **Be** ghi như vậy, nhưng **Ee** có ghi thêm chữ “*andhabhūtā*” (trở thành bị mù, bị đui mù). Cách ghi của **Ee** mới nhìn có vẻ là lời kinh nguyên gốc hơn, nhưng ví dụ về con gà mái trong kinh **8:11** lại cho đó là chữ *aṇḍabhūtā* (trở thành cái trứng) thì mới đúng. **Mp** cũng chấp nhận chữ này và giảng luận rằng: “*bị bịt kín trong vỏ trứng của vô-minh, nó thành như một cái trứng*” (*avijjaṇḍakosena pariyonaddhattā aṇḍam viya bhūtā ti aṇḍabhūtā*).] (824)

680 [Coi thêm kinh dài **DN 16. 5.16.**] (825)

681 [Trong tiếng Pāli, 3 loại gông-cùm đó lần lượt là: *orambhāgiyāni saṃyojanāni*, *upapattiapaṭilābhiyāni saṃyojanāni*, *bhavapaṭilābhiyāni saṃyojanāni*. **Mp** phân biệt 2 loại sau như vậy: “những gông-cùm để đạt tới tái-sinh” là do nó một người đạt đến tái-sinh kiếp sau (*yehi anantarā upapattim paṭilabhati*); “những gông-cùm để đạt tới sự hiện-hữu tái sinh” là những điều kiện (duyên) để đạt tới sự hiện-hữu tái sinh (*upapattibhavassa paṭilābhāya paccayāni*). Rõ ràng nghĩa có khác nhau, theo những luận giảng, thì gông-cùm thứ 2 chỉ trói buộc một người bị tái sinh ngay kiếp sau, gông-cùm thứ 3 thì trói buộc một người bị nhiều tái sinh liên tục nhiều kiếp sau nữa. Nhưng quý vị cũng nên coi thêm chú thích bên dưới (829) lại diễn dịch theo một cách khác nữa.] (826)

682 [Trước hết, một bậc Nhập-lưu thì chưa đẹp bỏ hết những gông-cùm như lời kinh đã nói; **Mp** giải thích: “Bậc thánh Nhất-lai được nói đến ở đây là để chỉ bậc cao nhất trong số những thánh nhân chưa đẹp bỏ được gông-cùm nào.” **Mp-t** nói: “Đó là, những người chưa đẹp bỏ hết nhóm gông-cùm nháp hơn (năm gông-cùm đầu, hạ phần kiết-sử). Bởi vì trên bậc Nhất-lai không có bậc thánh nào mà chưa đẹp bỏ hết năm gông-cùm nhẹ đô (đầu tiên). Nhưng có phải

hiểu theo nghĩa này: bậc Nhất-lai đã chắc chắn đã dẹp bỏ được một số gông-cùm nhấp hơn, bởi rõ ràng (theo định nghĩa) họ đã loại bỏ gông-cùm *tà-kiến*, *ngghi-ngò*, và *sự chấp-thủ những nghi luật và nghi lễ* cúng bái một cách sai lầm mê tín. Vì bậc Nhất-lai còn dính gông-cùm *tham-dục* và *ác-y*; bởi vậy lời kinh đã nói họ chưa dẹp bỏ hết nhóm gông-cùm nhấp hơn là ý chỉ còn một số một số gông-cùm mà họ chưa loại bỏ được; chứ không phải nói họ chưa loại bỏ được gông-cùm nào.] (827)

683 [Nguyên văn câu cuối chỗ này: *Uddhamṣotassa akaniṭṭhagāmino puggalassa* (Người hướng thượng lưu, đang hướng tới cõi trời Akaniṭṭha). Đây là hạng chậm nhất trong 05 hạng của bậc thánh Bát-lai, đó là người tiến dần dần từ cõi thấp đến cõi cao trong năm cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) và đang hướng thượng tới cõi cao nhất trong năm đó là cõi Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên). Loại người này cũng được mô tả là hạng còn thô tế nhất (trong 05 hạng của bậc Bát-lai), là người vẫn còn dính những ‘gông-cùm bị tái-sinh’, mặc dù những hạng Bát-lai tinh tế hơn cũng còn dính những gông-cùm này. (Tái sinh ở đây là họ tái sinh từ cõi thấp tới cõi cao trong 5 cõi tịnh cư thiên đó, chứ không phải tái sinh lại xuống lại thế gian).] (828)

684 [Nguyên văn chữ này là: *antarāparinibbāyī*, có nghĩa là: *chứng Bát-Niết-bàn ở thời trung-gian* (giữa hai thời gian). Lời tuyên bố này tạo ra sự khó-xử cho cách diễn dịch từ xưa giờ của Phật giáo nguyên thủy Trưởng Lão Bộ (Theravāda) về 5 hạng của bậc thánh Bát-lai, vốn dựa trên **Pp 16–17** và phần luận giảng của nó là **Pp-a 198–201**. Cốt yếu của sự diễn dịch này là từ-chối có một trạng thái trung-chuyển (*antarābhava*), (hay thân trung-ấm, trạng thái trung-hữu), nằm giữa hai kiếp trước và sau. Sự từ-chối này làm phát sinh sự cần thiết phải diễn dịch chữ *antarāparinibbāyī* là một bậc Bát-lai đã chứng thánh quả A-la-hán *trong nửa đầu kiếp sau*. Tuy nhiên, chữ *antarā-parinibbāyī* nghĩa gốc như đã nói là “*người đạt chứng ngộ bát Niết-bàn ở thời trung-gian*”, và dường như không có lý do chính đáng nào, dựa theo bài kinh, để từ chối một khả năng là có thể có những bậc Bát-lai, sau khi làm người chết đi, đã chứng nhập trong một trạng thái trung-gian và chứng ngộ bát Niết-bàn từ trạng thái trung-gian đó, và nhờ vậy không cần [tránh được] sự tái sinh lần nữa (trước khi bát Niết-bàn). Điều này dường như chính là ý-nghĩa của câu kinh này, theo đó mới nói bậc thánh “*antarāparinibbāyī*” đã loại bỏ những gông-cùm tái-sinh nhưng vẫn chưa loại bỏ gông-cùm hiện-hữu.

- Tôi có thảo luận *một cách chi tiết* về 05 hạng của bậc Bát-lai trong phần chú thích ở kinh **SN 46:04** (Quyển 5), chú thích mang số đuôi (65).

- Thêm nữa, quý vị có thể coi thêm các chú thích từ số (1535)—(1538) ở kinh **AN 7:55** (Quyển “Bảy”).

- Hoặc thêm nữa, quý vị có thể coi thêm sự phân tích lời kinh này bởi học giả Harvey, trong Harvey 1995: trang 98–108.] (829)

685 [Nguyên văn câu này: *Yuttappaṭibhāno no muttappaṭibhāno*. **Mp** giải thích nghĩa là: “Khi trả lời một câu hỏi, người đó trả lời một cách đúng (*yuttameva*), nhưng không trả lời một cách nhanh chóng (*sīgham pana na katheti*). Nghĩa nôm na là người đó trả lời một cách chậm chạp. Tương tự suy ra cách giải thích cho những trường hợp còn lại.” **Pp 42** [**Be** §152] định nghĩa giống nghĩa như vậy: “Một người khi được hỏi thì nói đúng nhưng nói không được nhanh thì được gọi là người có sự nhận định sáng suốt nhưng không trôi chảy” (*idh’ekacco puggalo pañham puṭṭho samāno yuttam vadati no sīgham, ayam vuccati puggalo yuttappaṭibhāno no muttappaṭibhāno*).] (830)

686 [**Mp**: “*Người sống nhờ kết quả của nỗ lực, không nhờ kết quả của nghiệp*” nghĩa là: sống nhờ kết quả của công sức nỗ lực hàng ngày, nhưng không tích được phước quả gì từ nỗ lực đó. “*Người sống nhờ kết quả của nghiệp [nghiệp quả] chứ không sống nhờ kết quả của nỗ lực*”: đây là chỉ tất cả những thiên thần, họ đều sống hưởng phước quả (ở cõi trời) chứ không cần bỏ công sức nỗ lực gì cả. “*Người sống nhờ kết quả của nỗ lực và kết quả của nghiệp*”: đây là chỉ những vua chúa, quan thần... và “*Người sống không nhờ kết quả của nỗ lực cũng không nhờ nghiệp quả*”: đây là chỉ những chúng sinh trong địa ngục (sống chỉ chịu đầy đọa như chết liên tục chứ không có cơ hội nào nỗ lực, cũng không có phước quả gì để nhờ. Trong bầu kinh này, chữ “*kết quả của nghiệp*” hay “*nghiệp quả*” là chỉ riêng *phước quả*, hay *công quả* mà thôi.”] (832)

687 [**Mp**: “Ở đây, loại (1) là kẻ phạm phu ngu dốt vô minh; loại (2) là kẻ phạm phu liên tục làm những điều bất thiện; loại (3) là những bậc học-nhân [Nhập-lưu, Nhất-lai, Bất-lai]; và loại (4) là những A-la-hán.] (833)

688 [**Mp**: “Ở đây, loại (1) là số đông người phạm phu; loại (2) là bậc Nhập-lưu và Nhất-lai nhờ chỉ tu thiện minh-sát (minh-sát khô); loại (3) là bậc Bất-lai. Vì người chỉ tu thiện minh-sát khô cũng chứng đắc tầng thiên định tức-thời (sát-na định) khởi sinh dựa trên đối-tượng (thiên quán) của người đó (*taṅkhaṇikampi upapattinimittakam jhānam paṭilabhati yeva*), nên người đó cũng đạt định; là những bậc học-nhân [Nhập-lưu, Nhất-lai, Bất-lai]; và loại (4) là những A-la-hán. Bài kinh kế tiếp cũng được hiểu theo cách hiểu tương tự như vậy.] (834)

689 [Về bốn loại sự hiểu-biết phân tích (*paṭisambhidā*), mời coi chú thích đầu tiên ở kinh **4:172**, tức chú thích (875).] (835)

690 [“*Tĩnh lặng*” hay “*vắng lặng*”: ngay chỗ này, và cả trong kinh kế tiếp, tôi đọc theo **Ce** và **Ee** là *samatho* khác với **Be** ghi là *sammasanā*.] (836)

691 (Ví dụ này cũng có ở một số kinh khác, như trong **AN** có ở kinh **3:95**, đoạn cuối của nó.)

692 [Thông thường thì danh sách của các *căn* (*indriya*) và các *năng-lực* (*bala*) gồm năm thứ, với *trí-tuệ* (*paññā*) là cái thứ năm. Về các định nghĩa về *năm căn*, coi thêm các kinh **SN 48:9–10**. Về *năm năng-lực*, coi thêm kinh **AN 5:14**.] (837)

693 [Nguyên văn câu này: *Cattāri kappassa asaṅkheyyānī*. Mặc dù là “không thể tính được” [**Ce** và **Ee** ghi *asaṅkheyya*; **Be** ghi *asaṅkheyya*], nhưng độ dài của thời kỳ này thực ra là hữu lượng. Về những ví dụ (rất hay của Phật) để minh họa độ dài của một đại kiếp—được nói là khó mà tính được bằng con số—mời quý vị coi thêm các kinh **SN 15:05**, **SN 15:06** (quyển 2). Và, về số lượng đại kiếp đã “trôi qua”, mời quý vị coi thêm các kinh **SN 15:07**, **SN 15:08** (quyển 2).] (838)

694 [**Mp** giải thích có 3 cách tan-hoại mà một đại kiếp xảy ra: bằng nước, bằng lửa, và bằng gió. Khi một đại kiếp bị hủy diệt bởi lửa, nó tồn thời gian bằng tuổi thọ của những thiên thần phóng ra dòng ánh sáng (Quang âm thiên). Khi một đại kiếp bị hủy diệt bởi nước, nó tồn thời gian bằng tuổi thọ của những thiên thần hào quang chói lọi (Biển tịnh thiên). Khi một đại kiếp bị hủy diệt bởi gió, nó tồn thời gian bằng tuổi thọ của những thiên thần có phước quả lớn (Quảng quả thiên).] (839)

695 [Chữ “*đầy toan tính*” (có mưu mô) là dịch chữ *saṅkhāya*: nghĩa gốc là “*đã có tính toán*”. **Mp** nói chữ này chỉ người đó cố gắng làm ra vẻ để cho những gia đình có ấn tượng tốt về người đó [để họ cúng dường tốt cho người đó]. Câu cuối cùng của đoạn (4) nghe giống nghĩa một câu tiếng lóng của người Anh (để chỉ những người đầy mưu tính và giả tạo).] (841)

696 [**Ee** ghi là: *gambhīresu ... thānatthānesu*, có thể dịch là: “*nhiều vấn đề sâu sắc khác nhau*” (giống cách dịch của thầy Sujato). Có thể chữ *thānatthānesu* là lời nguyên gốc hơn, sau đó nó được thay bằng chữ *thānātthānesu* do ảnh hưởng bởi cách diễn dịch thông thường. Nhưng do là **Mp** có giảng luận như

thể chữ *thānāṭṭhānesu* mới là chữ gốc, vì rõ ràng chữ này quay lại ít nhất vào thời của giảng luận đó. Trong kinh MN 115.12–19, Phật có giảng giải cách một Tỷ kheo là “*thiện giỏi về điều gì là có thể và không thể*” (*thānāṭṭhānakusalo*).] (842)

697 [Thật là khó hiểu rằng thầy Ānanda đi đến chỗ Tỷ kheo ni đó một mình, không có tăng nào đi theo thầy. Vì hầu như luôn luôn khi một Tỷ kheo đến thăm một người xuất gia hay đệ tử tại gia, cho dù người đó là nam hay nữ, thì Tỷ kheo phải luôn đi chung với Tỷ kheo khác, chứ không đi một mình.

Theo như bản Hán tạng của kinh này [SĀ 564 (T II 148a13–148c10)] thì khi thầy Ānanda đi đến từ xa, Tỷ kheo ni đó đã cởi đồ để lộ thân thể. Khi thầy Ānanda nhìn thấy ni ấy lộ thể, thầy ấy đã kiểm chế các giác-quan và quay mặt chỗ khác. Ni đó cảm thấy xấu hổ và mặc áo lại. Rồi ni ấy mời thầy Ānanda chỗ ngồi, lễ lạy thầy, và ngồi xuống một bên. Chỉ riêng tình tiết này là khác, còn lại nội dung là giống hệt như kinh của bản Pāli (đang dịch ở đây).] (843)

698 [“*Sự phá bỏ cây cầu*” hay “*sự cắt cầu*” (*setughāto vutto bhagavatā*). **Mp** giải thích: “*sự phá bỏ cây cầu* (*setughātaṃ*): là (gồm hai việc) phá bỏ tình trạng đó và phá bỏ điều kiện (phá duyên) tạo ra nó (*padaghātaṃ paccaya-ghātaṃ*).” Cách nói này cũng có trong kinh 3:74, và coi thêm chú thích (496) ở kinh đó.] (844)

699 (Trong kinh khác có giải thích thêm là: “*cảm-giác cũ*”: cảm giác đói khát; “*cảm-giác mới*”: cảm giác (trong tâm) thêm khát, khoái thích, mê ghiền những món ăn đó; “*sống (an trú) được thư thái nhẹ nhàng*”: là sau khi ăn không bị khó chịu, mệt mỏi, buồn ngủ, không bị hôn trầm (khi thiền tập vào buổi chiều hay tối), và không bị chê trách do ham ăn quá nhiều.)

700 [**Mp** giải thích câu này nghĩa là: “Dựa vào (nguồn) dưỡng-chất hiện tại từ những thức ăn, người đó dùng nó một cách kỹ càng (như lý tác ý: ăn một cách có suy xét lợi và hại đối với tâm và nghiệp của mình), người đó dẹp bỏ (nguồn) dưỡng-chất có trong nghiệp quá khứ; nhưng dục-vọng đối với những thức ăn hiện tại thì nên bị dẹp bỏ; (tức là ăn mà không tham ăn, ăn để nuôi thân chứ không phải vì ham thích ăn uống, khoái sướng).] (845)

701 [Bản Hán tạng của kinh này ghi chỗ này là: “*Này ni, bằng cách không thả mình phóng túng, một người dẹp bỏ và cắt đứt ham muốn dâm-dục, là cầu nối (和合橋梁).*” Dường như chữ *setughāto* chắc hẳn là một thành ngữ có nghĩa là mọi thứ kết nối hay cầu nối với một trạng thái nào đó nên bị phá hủy. **Mp**

nói rằng khi thầy Ānanda nói những lời cuối trong bài kinh thì sự ái tình của Tỳ kheo ni đó đối với thầy ấy đã biến mất luôn.] (846)

702 [“*Bạc Phúc Lành*” là cách dịch chữ “*Sugata*” (bởi Tỳ Kheo Bò-Đề); chữ này có nghĩa gốc: “*đã đi một cách thiện khéo, thiện thế*”, (nên thường được dịch (HV) là *bạc Thiện Thế*). Đây là một danh từ mô tả đặc tính (danh tính từ) thường được dùng nhiều nhất để chỉ Đức Phật, đôi khi cũng được dùng để chỉ một đệ tử là A-la-hán.] (847)

703 [Nguyên văn câu này: *Bhikkhū duggahitaṃ suttantaṃ pariyāpuṇanti dunnikkhittehi padabyañjanehi*. Coi thêm kinh **2:20**, (và kinh **5:156**). Tôi làm theo sự gợi ý của thầy Brahmāli là chữ *suttantaṃ* ở đây có một hàm nghĩa số nhiều; ví dụ, coi **Vin III 159,12**, và **Vin IV 344,21**.] (848)

704 [Ce thiếu phần kê tóm tắt *uddāna* ở cuối NHÓM này. Do vậy tôi đặt các tên kinh dựa theo **Be.**] (849)

705 [Nguyên văn Pāli: *dukkhā paṭipadā dandhābhiññā, dukkhā paṭipadā khippābhiññā, sukhā paṭipadā dandhābhiññā, sukhā paṭipadā khippābhiññā*.] (850)

706 [Nguyên văn câu cuối này: *anantariyaṃ pāpuṇāti āsavānaṃ khayāya*. Chữ *ānantariya* là hiếm thấy trong các bộ kinh, vì vậy nghĩa thực của nó ở đây phải được xác định theo cách suy luận. Một manh mối là kinh *Châu Báu* (Ratana Sutta, **Sn 226**) có nói: *yam buddhaseṭṭho parivaṇṇayī sucim samādhim ānantarikaññam āhu*. Sự khác nhau giữa chữ *ānantarika* và *ānantariya* là không đáng kể, vì những tiếp vĩ ngữ *-iya* và *-ika* thường được dùng hoán đổi lẫn nhau. Một manh mối khác là kinh **SN 22:81** (quyển 3), trong đó Phật đã nói câu hỏi như vậy: “*Theo cách nào một người biết và thấy để chứng ngộ sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm?*” (*evam . . . jānato evaṃ passato anantarā āsavānaṃ khayō hoti*); [*“lập tức”* theo nghĩa gốc là “*không qua trung gian*”]. Một manh mối khác khác trong **AN**—kinh **3:102** và **5:23**—có nói về cái tâm được “*đạt định một cách đúng đắn (thích hợp) để đạt tới sự tiêu-diệt ô-nhiễm*” (*sammā samādhīyati āsavānaṃ khayāya*). Cũng coi thêm kinh **5:170**, nói về một số điều-kiện “*như vậy để ngay lập tức sau đó xảy ra sự tiêu-diệt ô-nhiễm*” (*anantarā āsavānaṃ khayō hoti*). Như vậy, chữ “*điều-kiện tức-thì*” được dịch ở đây dường như là một trạng thái trong đó tâm được đạt-định một cách đúng đắn (thích hợp) và nó, cùng lúc, đạt được trí-tuệ dẫn đến sự diệt-sạch ô-nhiễm. **Mp** có giải thích chữ *ānantariya* bằng cách đề cập đến khái niệm trong Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) về sự kế tục lập-tức từ thánh đạo qua thánh quả, như vậy:

“Cái ‘điều-kiện tức-thì’ là sự đạt-định của thánh đạo, nó lập tức tạo ra đạo quả” (*anantaravipākadāyakaṃ maggasaṃādhim*). Mặc dù các kinh trong các bộ kinh không sử dụng ‘khuôn-mẫu’ của tiến-trình nhận-biết nằm dưới khái niệm về những khoảng-khắc (sát-na) đạo và quả, nhưng cái chữ ghép “điều-kiện tức-thì” đã gợi tả một trạng thái hoàn toàn chín-muồi để đột phát tới thánh quả A-la-hán.] (851)

707 [Những năng-lực của bậc học-nhân (*sekhabalāni*) này được định nghĩa trong kinh 5:2, có phần khác với năm năng-lực nằm trong 37 phần tu trợ giúp giác ngộ (37 phần trợ đạo, 37 bồ-đề phần).] (852)

708 (Coi chú thích chữ này ở kinh 4:162 kể trên).

709 [Công thức thông thường của cách diễn đạt này chỉ gồm 4 chữ kia, chữ “làm lẫn lộn” (*sameti*) là chữ được thêm vào, mục đích nhấn mạnh cái pháp môn tu tập “làm lẫn lộn” (ví dụ như làm lẫn lộn các hành tạo tác).] (853)

710 [**Mp** nói rằng, đối với Ngài Mục-kiền-liên, ba thánh đạo đầu tiên thành tựu được nhờ ‘cách tu suồng sã mà chậm tới trí-biết trực-tiếp’, nhưng thánh đạo A-la-hán thì được chứng ngộ nhờ ‘cách tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực-tiếp’. Trong kinh 7:61 chúng ta đọc thấy thầy Mục-kiền-liên thường phải vật lộn với sự buồn-ngủ (hôn trầm) trong khi tu tập để chứng đắc A-la-hán. Thầy ấy thường bị thụt lùi và cần sự giúp đỡ của Phật để tiến bộ hơn, như được kể lại trong các kinh SN 40:01–09 (quyển 4).] (854)

711 [Trong kinh này, cụm chữ *kāyassa bheda* (khi thân tan rã, với sự tan rã của thân) không được theo sau bởi cụm chữ *param maraṇā* (sau khi chết) như chúng ta thường thấy trong rất nhiều kinh khác. Sự bỏ sót này dường như do cố ý. Có lẽ mục đích để chỉ rằng người được mô tả như vậy có thể chứng ngộ Niết-bàn ngay thời khắc chết, chứ không phải (sau khi ‘chết rồi’ và) tiếp tục qua một sự hiện-hữu khác.] (855)

712 [Theo như nội dung của bài kinh này, sự phân biệt giữa việc dùng ‘những đối-tượng ghê-tởm’ và ‘những tầng thiền định’ sẽ quyết định người tu sẽ chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm (*saṃkhāraparinibbāyī*) hay không cần nỗ-lực thêm (*asaṃkhāraparinibbāyī*). Sự phân biệt giữa ‘năm-căn là yếu ớt’ và ‘năm-căn là nổi trội’ sẽ quyết định người tu chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này (*dīṭṭh’eva dhamme*) hay khi thân tan rã (*kāyassa bheda*). **Mp** nói rằng loại người (1) và (2) là những người tu thiền minh-sát khô (*sukkhavipassakā*) (tức không tu thiền định) là những người lấy ‘những hiện-tượng có điều kiện’

(pháp hữu vi) làm đối-tượng thiền (*saṅkhāranimittam upaṭṭhapenti*) để chú-tâm vào đó (thiền quán). Chữ *sasaṅkhārena* được giải nghĩa bằng chữ *sappayogena*, điều này cũng ủng hộ cách diễn dịch của tôi là: “*nhờ cố-gắng, thông qua sự cố-gắng*”. Hai loại người còn lại (3) và (4) là những người chọn ‘thiền-định là cỗ xe tu tập (tu thừa)’ (*samathayānikā*) của họ. (Tương tự giống 4 loại người được nói trong kinh **4:163** ở trên).] (856)

713 (Lặp lại chú thích (852) ở kinh **4:163**: Những năng-lực của bậc học-nhân (*sekhabālāni*) này được định nghĩa trong kinh **5:02**, có phần khác với năm năng-lực nằm trong 37 phần tu trợ giúp giác ngộ (37 phần trợ đạo, 37 bồ-đề phần.)

714 [Tôi đọc theo **Ce** và **Be** ghi là *maggehi*, khác với **Ee** ghi là *āngehi*. Chữ sau có lẽ sai do lỗi biên tập. Mặc dù **Mp** không luận giảng về chỗ này, nhưng đoạn vẫn được đọc ở **Paṭi II 92,9**, và được luận giảng ở **Paṭi-a III 584,24–25**, theo cách cần phải có chữ *maggehi*, như vậy: *Catūhi maggehi ti upari vuccamānehi catūhi paṭipadāmaggehi, na ariya-maggehi* (“*Bằng bốn con-đường: bằng bốn con-đường (cách thức) tu tập được trình bày tiếp trong bài kinh, chứ không phải bằng (bát thánh-đạo.*”).]) (857)

715 **Mp** giải thích đây là (thánh) siêu-thế (vượt trên thế gian) đầu tiên, nhưng **Mp-t** thì nói: “Câu này được nói như đề cập đến thánh đạo Nhập-lưu (*sotāpattimagga*), nhưng nghĩa của đoạn này có thể được hiểu đơn giản theo cách nó là phần (thánh) đạo thế-tục (*lokiyamaggavasen’eva*) [chuẩn bị cho (thánh đạo siêu thế)].] (858)

716 [**Mp** và **Mp-t** đều nói rằng bởi do không có sự tu tập và phát triển con đường đạo siêu-thế [nó chỉ kéo dài trong một khoảng-khắc (sát-na) tâm] nên người đó tu tập và phát triển phần đạo thế-tục [chuẩn bị] (*pubbabhāgiyo lokiyamaggo*) cho mục đích chứng đắc những phần thánh đạo siêu-thế cao hơn. Rồi những gông-cùm được dẹp bỏ và những khuynh-hướng tiềm-ẩn được bứng bỏ lần lượt bằng những thánh đạo (*maggappaṭipāṭiya pahīyanti byantī honti*).] (859)

717 [**Mp**: “Đây là người đạt được quán-tuệ (thiền-quán, minh sát) một cách tự nhiên. Dựa trên quán-tuệ, người đó tạo ra sự đạt-định.”] (860)

718 [Nguyên căn: *yuganaddham bhāveti*: thiền kết hợp với nhau. **Mp** nói rằng, mỗi khi người đó chứng định (*samāpatti*), người đó khám phá theo cách những hiện-tượng có điều-kiện (hữu vi) của nó. Sau khi khám phá những hiện-tượng

có điều-kiện, người đó chứng nhập sự chứng đắc tiếp theo. Như vậy, sau khi chứng đắc tầng thiền định thứ nhất, người đó thoát ra và khám phá những hiện-tượng có điều-kiện là vô thường, khổ, vô ngã... Sau đó người đó chứng đắc tầng thiền định thứ hai, rồi thoát ra và khám phá những hiện-tượng có điều-kiện là vô thường... . Cứ tiếp tục làm vậy cho đến tầng chứng đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ (vừa không có nhận-thức vừa có nhận-thức). Tuy nhiên, do chữ *yuganaddha* có nghĩa gốc của nó là “*được ách cùng nhau, bị gông với nhau, hay bị kết chung với nhau*” cho nên một số người đã diễn dịch chữ này theo nghĩa là: theo cách tu này, định và quán diễn ra *đồng thời với nhau*. Những giảng luận đó đã không nhận ra một khả năng sau đây, nhưng một số bài kinh được ghi với gợi ý (khả năng đó) rằng: *thiền-quán có thể xảy ra nên trong trạng thái tầng thiền định (jhāna) và không đòi hỏi người thiền phải thoát ra rồi mới (trước khi bắt đầu) quán sát*. Coi thêm trong bộ kinh **AN** này, đặc biệt coi kinh **9:36**; coi thêm kinh **MN 52.4–14**; **MN 64.9–15**.] (561)

719 [Chỗ này các phiên bản kinh ghi khác nhau. **Ee** ghi là *dhammuddhacca-viggahītaṃ manā*; đuôi chữ *-manā* nghĩa là ngò vức, hoài nghi. **Be** ghi là *-viggahītaṃ mānaṃ*. **Ce** ghi là *-viggahītaṃ mānaṃ*. Chữ *manā* và *mānaṃ* đều có thể được dịch là “tâm”, nhưng chữ *mānaṃ* thì thường có nghĩa là “sự tự-ta, tự-kieu”. Bản dịch tiếng Sinhala (Tích Lan cổ) hình như cũng ủng hộ nghĩa này, vì nó không dịch *mānaṃ* là “tâm”, mà nó diễn dịch *mānaṃ* là *adhimānaya* (Pāli: *adhimāna*) có nghĩa là “sự tự-kieu, sự tự phụ, đánh giá quá cao bản thân mình”. Nếu nói ‘*Sự tự-kieu đang bị níu giữ chi phối bởi sự bất-an*’ thì nghe không thấy nghĩa lý gì cho lắm. (‘*Cái “tâm” đang bị níu giữ...*’ thì nghe có nghĩa hơn). **Mp** có giải thích chữ như vậy những không ghi ra cái gì chủ-ngữ: “*Bị nắm giữ, bị nắm giữ xuyên suốt, bởi sự bất-an bao gồm 10 sự suy-đổi về quán-tuệ (dasa vipassan’upakkilesā)*.”; [coi **Vism 633–38**, **Ppn 20.105–28**] nói về những pháp (*dhamma*) thiền định và thiền quán.] Nhưng không thấy có chữ nào trong bài kinh này nói về 10 sự sa sút quán-tuệ đó. Tôi hiểu như vậy: một người được mô tả ở đây là một người tu quán chiếu sâu sắc về Giáo Pháp, đạt được ‘một cảm-nhận về sự cấp-bách’, rồi cuối cùng ổn định và đạt được quán-tuệ minh sát khi gặp được những điều-kiện thuận lợi (thuận duyên). Trong câu tiếp theo, chữ “tâm” thì được dịch từ chữ gốc của kinh là chữ *cittaṃ*.] (862)

720 [Phần đầu của kinh này cho đến chỗ câu cuối phần (“... và chỗ nơi đó [nguyên nhân] không tồn tại làm điều kiện để sừng và khổ khởi sinh bên trong.”) là giống phần **[iii]** của kinh **SN 12:25** (Quyển 2), trong đó Ngài Bhūmija nói với Ngài Ānanda.] (863)

721 [Mp giải thích chiếu dựa theo khuôn-mẫu nói về các loại *tâm thức* (*citta*) của Vi Diệu Pháp (Abhidhamma); coi thêm **CMA 32–40, 46–64**. Tôi tóm lược sự giải thích của Mp như vậy: “*Sự cố-ý của thân*” gồm 20 loại tính theo 8 loại thuộc dục-giới và 12 loại tâm thức (*citta*) bất thiện. Cách giải thích tương tự cho “*sự cố-ý của lời-nói*”. Nhưng “*sự cố-ý của tâm*” thì gồm 20 loại như vậy + 9 loại sự cố-ý *cao siêu* [còn gọi là đại hành (*mahaggata*)]—đó là sự cố-ý liên quan với 5 tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*) theo định nghĩa của Vi Diệu Pháp và 4 tầng chứng đắc vô-sắc-giới.

Do có “*sự cố-ý của thân*” nên ở đó khởi sinh sự sướng được tạo ra (duyên) bởi 8 loại nghiệp thiện và khởi sinh sự khổ được tạo ra bởi 12 nghiệp bất thiện, đó là, nghiệp được tạo ra tương ứng bởi những loại thức chủ-động. Cách giải thích tương tự đối với hai cửa kia (lời-nói và tâm). Vô-minh là một điều-kiện/duyên (*avijjāpaccayā va*) bởi vì: hễ khi có vô-minh thì có sự cố-ý xảy ra trong ba cửa thành điều-kiện (duyên) tạo ra sự sướng và sự khổ. Do vậy lời tuyên bố của kinh này muốn chỉ chính vô-minh là nguyên nhân gốc rễ. Sướng và khổ khởi sinh “*ở bên trong*” (*ajjhattam*) là khi chúng khởi sinh bên trong một người. Chữ này dường như muốn nhấn mạnh khía cạnh báo ứng (chịu trách nhiệm, thưởng phạt) của nghiệp (*kamma*).

- (Mời coi thêm các chú thích quan trọng trong đoạn kinh song hành là **SN 12:25**.) (864)

722 [Mp giải thích bốn hành động: “(i) Một người hành động *do tự phát* (*sāmaṃ*) là người đó phát khởi hành động không do sự kích giục từ người khác. (ii) Một người hành động *do bị kích giục của người khác* là do có người khác xúi giục, khuyến khích hay ra lệnh mà làm. (iii) Người hành động *do cố-ý* là hành động với sự rõ-biết (*sampajāno*), là người đó biết rõ điều thiện và điều bất thiện là ra sao, và những kết quả tương ứng là ra sao. (iv) Nếu một người hành động *do vô-ý* là do không hiểu được những điều trên, tức hành động không có sự rõ-biết.”] (865)

723 [Chữ gốc được dùng ở đây *manosaṅkhāra* (tâm hành) nhưng từ ngữ cảnh này cho thấy chữ này rõ ràng là đồng nghĩa với chữ *cittasaṅkhāra* được ghi trong kinh **12:02**. (Khác nhau chữ *mano* và *citta*: mời coi lại chú thích rất quan trọng về những chữ này trong kinh **12:61**, chú thích số đuôi (154).) Tuy nhiên trong các bộ kinh không có chỗ nào để biện chứng cho sự nhận dạng chữ *manosaṅkhāra* là đồng nghĩa với chữ *cittasaṅkhāra* được ghi trong kinh *cittasaṅkhāra* **41:06** (Quyển 4) và trong kinh **MN I 301,28–29** được định nghĩa là nhận-thức (*sannā*) và thức (*vedanā*).] (79.)

724 [Nguyên văn: *Imesu bhikkhave dhammesu avijjā anupatitā*. **Mp** giải thích: “Vô-minh nằm trong những trạng thái cố-ý mới được phân tích ở trên, nó có chức năng vừa là *điều-kiện cùng tồn tại* (duyên đồng hữu) vừa là *điều-kiện hỗ trợ và định đoạt* (duyên trợ quyết) (*sahajātavasena ca upanissayavasena ca*). Do vậy vòng luân-hồi hiện-hữu và gốc rễ của nó, chính là vô-minh, như đã được chỉ ra.”] (866)

725 [**Mp** nói: “Chúng ta thấy những A-la-hán hành động bằng thân. Thấy họ vẫn quét sân đền, quét lá bồ-đề, đi ra đi vào, làm những công việc phận sự..., nhưng trong trường hợp của họ thì 20 sự cố-ý (ý chí, tư tâm sở?) xảy ra ở cửa của thân không còn tạo nghiệp quả nào hết (*avipākadhammataṃ āpajjanti*). Ở đây, chính sự cố-ý xảy ra ở cửa của thân.... Cách giải thích tương tự đối với hai cửa kia.” **Mp-t** thì nói: “Khi những A-la-hán thực hiện những hành động, làm sao họ không tạo ra những thân nghiệp hay những loại nghiệp khác? Theo cái nghĩa là những hành động này không mang nghiệp quả, vì một hành động được làm bởi một A-la-hán là không còn là thiện hay bất thiện nữa, mà chỉ đơn giản là hoạt động (*kiriyamatta*) không tạo ra những nghiệp quả.”] (867)

726 [**Mp** diễn dịch: “‘*ruộng đất*’, ‘*căn cứ*’ ... là danh từ để chỉ những nghiệp thiện và nghiệp bất thiện. Bởi vì đó là *ruộng-đất* (*khetta*) theo nghĩa là một nơi kết quả phát sinh; *căn-cứ* (*vatthu*) theo nghĩa là nền tảng; *cơ-sở* (*āyatana*) theo nghĩa là nguyên nhân; *nơi-chốn hay địa-chỉ* (*adhikaraṇa*) theo nghĩa là nơi xảy ra.”] (868)

727 [Trong phiên bản **Ee** thì từ câu này là bắt đầu sang một kinh mới, và do vậy từ chỗ này số kinh của **Ee** nhiều hơn số kinh của tôi là một. Cả **Ce** và **Be**, cũng giống như **Mp**, đều coi cả hai đoạn kinh này là thuộc một kinh như vậy. Trong khi đoạn sau này bắt đầu thấy giống như một bài kinh mới, và có lẽ nguyên thủy của nó là vậy, nhưng **Mp** vẫn cho nó là phần liên tục của phần kinh ở trên với sự phân tích tiếp về những sự cố-ý (ý chí, tâm tư sở?). **Mp** nói rằng, đoạn trên đi Đức Phật đã chỉ ra nghiệp được tích lũy ở ba cửa đó; giờ đoạn này Phật chỉ luôn những nơi mà nghiệp chín muồi.

- “*Sự đạt thành cá-thể*” (*attabhāvappaṭilābha*) là một sự hiện-hữu cá-thể (tạm gọi là một ‘con người’), là sự kết hợp của thân và tâm cấu thành một sự sống cá thể. (Có thể tạm gọi theo nghĩa là “sự tái sinh thành cá-thể mới”, “sự hình thành thành cá-thể mới”, “sự tạo thành chúng sinh hữu tình mới”, hay “sự sinh thành một ‘con-người’”).] (869)

728 [**Mp** nhận dạng những chúng sinh ở đây là *những thiên-thần bị suy đồi do*

ham vui chơi (khiḍḍāpadosikā devā). Trong khi họ đang hưởng thụ những khoái-lạc cõi trời trong cõi tiên bồng của họ, nhiều lúc họ quên cả ăn uống, và do họ thường bỏ ăn bỏ uống nên họ bị gầy héo như cành hoa phơi dưới nắng. Coi thêm giải thích trong **Bodhi 2007: 159–60.**] (870)

729 [**Mp** nói đây là *những thiên-thần bị suy đồi do tâm trí (manopadosika devā)*, là những thiên thần sống trong cõi trời Tứ Đại Thiên Vương. Khi họ tức giận với nhau, sự tức giận lẫn nhau của họ trở thành nguyên nhân cả hai bên đều qua đời. Coi thêm giải thích trong **Bodhi 2007: 160–61.**] (871)

730 [**Mp** nói rằng đây là chúng sinh *con-người*. Vì người đời có khi tự giết mình, có khi người khác giết họ. Do vậy họ cứ chết do chính sự cố-ý của mình hay do sự cố-ý của người khác.] (871)

731 [**Mp**: “[Hỏi:] Tại sao thầy Xá-lợi-phất đặt ra câu hỏi này? Có phải do thầy ấy không thể tự trả lời? [Đáp:] Thầy ấy có thể tự trả lời, nhưng thầy ấy không nói ra vì thầy ấy nghĩ ‘Vấn đề này thuộc lãnh địa của Phật’.” (tức để Phật trả lời thì phải lý phải đạo hơn).] (873)

732 [**Mp** nói: “Trong nhóm (loại (4) này): *những người quay-lại trạng thái hiện-hữu này (āgantāro itthattam)* là những người trở lại năm-uần trong những cõi dục-giới (như người, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục); họ không tái sinh lại trong cõi trời đó [cõi trời họ đang ở và qua đời] hay cõi trời cao hơn nào khác. Còn *những người không quay-lại trạng thái hiện-hữu này (āgantāro itthattam)* là những người không trở lại năm-uần cũng không tái sinh trong những cõi thấp hơn; họ có thể được tái sinh lại trong cõi trời đó hoặc trong một cõi trời cao hơn đó, hoặc chúng luôn Niết-bàn cuối cùng ở đó. Khi nói họ có thể ‘được tái sinh trong cõi trời cao hơn cõi đó’ là nói cho những thiên-thần đang hiện hữu trong những cõi trời thấp hơn. Nhưng từ cảnh giới phi tưởng phi phi tưởng thì không còn sự tái sinh trong cõi trời nào cao hơn nữa.] (874)

733 (Từ câu cuối này cho thấy, ý Phật nói: khi người tu đã trừ bỏ được năm gông-cùm nhấp hơn, tức năm gông cùm đầu tiên, thì người đó sẽ thành bậc thánh Bất-lai trở lên, tức không còn bị tái sinh lại thành ‘cá-thể hiện-hữu’ trong những cõi dục-giới đầy khổ đau như cõi người, súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục!)

734 [Nguyên văn hai chữ cuối: *odhiso vyañjanaso*. **Mp** giải thích nghĩa hai chữ đó tương ứng nghĩa là *kāraṇaso akkharaso*: “*dựa theo những lý do [hay trường hợp], dựa theo chữ nghĩa*”. Nghĩa này không được rõ ràng cho lắm đối với tôi, và **Mp-t** cũng không giải thích giống vậy. Những loại *sự hiểu-biết (trí) mang*

tính phân-tích (paṭisam-bhidā) (vô ngại giải trí) đã được giảng giải trong **Vism 440–43, Ppn 14.21–31** dựa theo **Vibh 292–94 [Be §§718–24]**, trong đó có phân thích về chúng từ mấy góc độ khác nhau. Nói ngắn gọn là như vậy:

(A) *Sự hiểu-biết về ý-nghĩa* là sự hiểu-biết mang tính phân tích về ý-nghĩa (*atthapaṭisam-bhidā*); *sự hiểu-biết về Giáo Pháp* là sự hiểu-biết mang tính phân tích về Giáo Pháp (*dhammapaṭisam-bhidā*); *sự hiểu-biết về cách diễn-đạt và phát-ngôn Giáo Pháp* là sự hiểu-biết mang tính phân tích về ngôn-từ (*niruttapaṭisam-bhidā*); và *sự hiểu-biết về những sự hiểu-biết* là sự hiểu-biết mang tính phân tích về sự nhận-biết (*paṭibhānapaṭisam-bhidā*). Loại *sự hiểu-biết mang tính phân tích* cuối cùng này dường như là chỉ cái khả-năng ứng dụng cùng-lúc ba loại sự hiểu-biết kia để thuyết trình và thảo luận Giáo Pháp một cách rõ ràng sáng tỏ.

(B) Từ cách nhìn mang tính triết lý hơn, chữ *attha* được coi là *kết quả của nguyên nhân (hetu-phala)* và là *giáo lý về nguyên nhân (hetu) tạo kết quả (phala)*, tức lý nhân-quả. Do vậy, *sự hiểu-biết mang tính phân tích về ý-nghĩa* là tương quan với sự hiểu-biết về Diệu đế thứ nhất (khổ đế) và Diệu đế thứ ba (diệt khổ đế); *sự hiểu-biết mang tính phân tích về Giáo Pháp* là tương quan với sự hiểu-biết về Diệu đế thứ hai (khổ tập đế) và Diệu đế thứ tư (đạo đế). *Sự hiểu-biết mang tính phân tích về ý-nghĩa* là sự hiểu-biết về mỗi yếu-tố của “*sự (chuỗi) khởi-sinh tùy-thuộc*” [vòng duyên khởi] theo vai trò của nó là một kết-quả khởi sinh từ một điều-kiện (duyên), (tức mỗi yếu tố đều là quả của một duyên là yếu tố kế trước nó), và *sự hiểu-biết mang tính phân tích về Giáo Pháp* là sự hiểu-biết về mỗi yếu-tố theo vai trò của nó là một điều-kiện (duyên) làm khởi sinh một kết-quả, (tức mỗi yếu tố đều là duyên tạo ra quả là yếu tố kế tiếp nó).] (875)

735 [Mp giải thích nghĩa là: “Vị Sư Thầy của chúng ta, người rất thiện thạo về những giáo lý mà chúng ta đã chứng ngộ, đang có mặt ở đây. Nếu tôi chưa chứng ngộ *sự hiểu-biết mang tính phân tích về ý-nghĩa*, thì có lẽ vị Sư Thầy sẽ đuổi tôi đi, bảo tôi hãy lo mà tu chứng (trước khi chỉ dạy cho người khác).’ Ngay cả khi đang ngồi trước mặt vị Sư Thầy, thầy Xá-lợi-phất vẫn cất lên tiếng gầm sư tử như vậy.”] (878)

736 [Sự đối thoại ở đây dường như quan tâm tới “tình trạng bản thể” (bản thể: về bản chất của chúng sinh) của bậc A-la-hán là người đã chứng ngộ yếu-tố Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y Niết-bàn), đó là, câu hỏi liệu một người đã giải-thoát có hiện hữu hay không còn hiện hữu sau khi chết.] (879)

744 [Nguyên văn câu cuối: *Caraṇasampanno yathābhūtaṃ jānāti passati. Yathābhūtaṃ jānaṃ passaṃ antakaro hoti*. Câu cuối này khác với câu tuyên bố trước [người tu không thể thành người diệt-khổ nhờ phương tiện là sự hiểu-biết và đức hạnh] ở chỗ là nó nhấn mạnh sự “*biết và thấy*” [cũng như đức-hạnh] là những chức-năng *năng động* hơn là những sự có-được này nọ (phương tiện) nhuộm màu dính-chấp (mà còn dính-chấp thì không thể giác-ngộ hay diệt-khổ).] (885)

745 [Kinh này thực ra là sự sát nhập 4 kinh **AN 2:130—133**. So sánh thêm với 2 kinh **SN 17:23—24** (quyển 2).] (886)

746 [Phần lớn nội dung kinh này cũng có trong kinh **MN 62.8–11**. Coi thêm kinh **MN 28** và **MN 140**, cũng lặp lại chủ đề của kinh này.] (887)

747 [**Ee** ghi câu *paññāya cittaṃ virājeti* là bị sai. Trong mỗi đoạn của 4 đoạn, chữ *paññāya* ở đây nên được thay thế bằng tên của mỗi yếu tố (đất, nước, khí, nhiệt).] (888)

748 [“*Sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể*” là dịch chữ “*sakkāyanirodham*”: có nghĩa gốc là sự chấm dứt “*thân-này*”, sự chấm dứt cái ‘*danh tính*’ này (của mình); (có nghĩa rốt ráo luôn là *sự chấm-dứt sự hiện-hữu, sự không-còn hiện-hữu* nữa). **Mp**: nói: “*Sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể, đó là, chấm dứt vòng luân hồi hiện hữu trong ba cõi; sự chấm-dứt này là đồng nghĩa với Niết-bàn.*”] (889)

749 [Ý của những lời kinh này được giảng giải trong **Vibh 330–31** [**Be §799**], mặc dù trong đó giảng giải dựa theo cơ sở là trí-tuệ (*paññā*). Tôi chỉ trích ra ở đây phần nói về tầng thiền định thứ nhất: “*Khi nhận-thức và sự chú-tâm có đi kèm bởi tham-dục trong một người tu chứng đắc tầng thiền định thứ nhất, thì trí-tuệ là thuộc về sự tàn-hoại; khi sự chánh-niệm được ổn định đúng theo bản chất của nó, thì trí-tuệ là thuộc về sự ổn-định; khi sự thâm-nhập và sự chú-tâm có đi kèm bởi ý-nghĩ (tầm), thì trí-tuệ thuộc về sự phân-biệt. Khi nhận-thức và sự chú-tâm có đi kèm bởi sự không-còn mê-thích (tỉnh ngộ), kết hợp với sự chán-bỏ, thì trí-tuệ là thuộc về sự thâm-nhập*” (*paṭhamassa jhānassa lābhiṃ kāmasahagatā saññāmanasikārā samudācaranti hānabhāginī paññā; tada-nudhammatā sati santiṭṭhati ṭhitibhāginī paññā; avitakkasahagatā saññāmanasikārā samudācaranti visesabhāginī paññā; nibbidāsahagatā saññāmanasikārā samudācaranti virāgupasamhitā nibbedhabhāginī paññā*). Cách giải thích tương tự cho các tầng thiền định cao hơn.] (890)

750 [Lời bài kinh này cũng được ghi thành một đoạn kinh trong kinh dài “Đại kinh Bát-Niết-bàn” (*Mahāparinibbāna Sutta*), **DN 16.4.7.**] (891)

751 (Toàn bộ bài kinh muốn nói, dù ai nói giáo lý được nói bởi Phật, bởi Tăng Đoàn, bởi những cao tăng, hay bởi một cao tăng nào đó, người nghe đừng vội tin chắc cũng không vội bác bỏ những lời đó. Thay vì vậy, người học Phật luôn ghi nhận, và sau đó kiểm tra để thấy những điều đó có được ghi lại trong Kinh tạng hoặc Luật tạng hay không. Nếu có thì đúng là lời của Phật, nếu không có hay khác thì không phải là lời của Phật. Ở đây nhấn mạnh Kinh tạng và Luật tạng là hai cơ sở thẩm quyền để đối chứng trong bốn trường hợp đó).

752 [Nguyên văn câu này là: *Nāhaṃ kvaṇa, kassaci kiñcanatasmim, na ca mama kvaṇa, katthaci kiñcanatāthi*. Trong kinh **3:70**, đoạn (2), câu công thức này được dùng bởi những Ni-kiền-tử (những Nigantha của đạo Jain, Kỳ-na giáo) để tu dưỡng sự phi-sở-hữu. Tôi đọc theo phiên bản **Ce. Be** cũng ghi gần giống y vậy, ngoại trừ có chữ *kvaṇi* hai lần đặt trước chữ *kvaṇa*. **Ee** thì mấy chữ cuối ghi là *kiñcanam n’atthi* thay vì *kiñcanat’atthi* hay *kiñcanatāthi* (như trong hai phiên bản kia). Cách ghi này của **Ee** cũng thấy có trong ấn bản chữ Tích Lan tiền cổ (Sinhala), và trong kinh **MN 106.8** của phiên bản **Be**. Cách diễn dịch của tôi giống theo **Mp, Mp** luận giảng như vậy: “Đây là sự giảng giải *bốn-lần về tính-không* (*catukkoṭṭisūñṇatā*). *Ta không là bất cứ đâu* (*nāhaṃ kvaṇa*): (nghĩa là) Người đó không thấy cái-ta [của mình] ở bất cứ đâu. *Là của-ai hay cái thuộc về ai* (*kassaci kiñcanatasmim*): Người đó không coi cái ‘ta’ của mình là một thực-thể gì để bất cứ ai có thể lấy nó ra, ví dụ không phải là anh, em, bạn, hay người làm của ai cả. *Cũng không ở bất cứ đâu có bất cứ gì là của ta* (*na ca mama kvaṇa*): Chỗ này, chúng ta tạm bỏ qua một bên chữ ‘của ta’ (*mama*). Thì nghĩa của câu sẽ là: ‘Người đó không thấy cái ‘ta’ của người khác ở bất cứ đâu.’ Giờ, gắn lại chữ ‘của ta’, chúng ta có được câu nghĩa như vậy: [*Bất cứ thứ gì*] ở bất cứ đâu đó là của-ta (*mama kvaṇa, katthaci kiñcanatāthi*): Người đó không thấy: ‘Có ở đâu đó cái ‘ta’ của người khác có thể trở thành của-ta.’ Nghĩa là, người đó không thấy bất kỳ cái ‘ta’ nào của người khác trong bất kỳ vị trí (quan hệ) nào có thể được lấy ra thành cái ‘của-ta’ của người đó: ví dụ như một người anh ở vị trí là anh trai, một người bạn ở vị trí là bạn, một người làm ở vị trí là người làm.” (về thực tại không ai là của-ta cả (kể cả an, em, bạn, người làm... cũng không phải là của-ta), vì cũng không có cái ‘ta’ nào hay cái ‘ta’ nào là của-ta hay của người khác là một thực thể hay là một cái-gì; tất cả đều là tính không và vô ngã.)) (896)

753 [Nguyên văn câu cuối: *Ākiñcaññāmyeva paṭipadaṃ paṭipanno hoti*. **Mp** nói rằng người đó đang tu tập con đường không có trở-ngại, không có sự dính-chấp (*nippalibodhaṃ niggahaṇameva paṭipadaṃ paṭipanno hoti*). Tuy nhiên, kinh **MN 106** có ghi câu nói công thức này như một công cụ thiền quán để đạt tới cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ) (*ākiñcaññāyatanaṃ samāpajjati*).] (897)

754 [Những câu hỏi này và sự trả lời của Phật cũng được ghi dưới dạng thi kệ ở kinh **SN 1:62** (quyển 1).] (898)

755 [“*Xuất sắc*” ở đây là dịch nghĩa chung cho hai chữ này. **Mp** nhận dạng cả hai chữ *ummagga* và *paṭibhāna* này đều có nghĩa là trí-tuệ (*pañña*): “Sự tỉnh nhảy đang khởi sinh, đó là, sự vận động của trí-tuệ. Hoặc bản thân trí-tuệ được gọi là ‘sự nhảy bén’ theo nghĩa của sự khởi lên. Điều này [cũng được gọi là] sự ‘nhận biết’, ‘thấy biết’ theo nghĩa nhận ra, nhận thấy” (*ummaggo ti ummujjanaṃ, paññāgamanaṃ ti attho. Pañña eva vā ummujjanaṭṭhena ummaggo ti vuccati. Sā va paṭibhānaṭṭhena paṭibhānaṃ*).] (899)

756 [**Mp** nhận dạng đây là thiền sư Uddaka Rāmaputta, một trong hai vị thầy (về thiền định) của Đức Phật vào thời Phật chưa giác ngộ. Coi thêm kinh **MN 26.16**.] (901)

757 [Câu này rất là nan giải về cả chữ và nghĩa. (1) Thứ nhất, về chữ: tôi đọc theo **Ce** là: *tassa tattha sukhino dhammapadāpilapanti*. Tôi phân giải được *dhammapadāpilapanti* nghĩa là một *sandhi* được tạo thành từ *dhammapadā* và *apilapanti*, có nghĩa là “*tụng, đọc lại*”. Động từ này có thể là một dạng sai biến của chữ *abhilapanti* [coi **DOP sv** là *apilapati*]. **Be** thì ghi là: *tassa tattha sukhino dhammapadā plavanti*. **Ee** thì ghi là: *dhammapadāni pi lapanti*, với sự cách riêng hai chữ *pi* và *lapanti*, trông có vẻ không thể chấp chận được. Trong một bài viết ngắn về đoạn kinh này, học giả Norman (1992: 257–59) có ý kiến rằng động từ *api-lapanti* = *abhi* + *lapanti*. Phiên bản **Be** ghi chữ *plavanti* rõ ràng là lấy động từ từ chữ gốc là *plu*, có nghĩa là “*nổi lên*”, có lẽ thông qua chữ *pilavanti*.

(2) Vấn đề thứ hai, về nghĩa, khởi sinh từ cụm chữ *tassa tattha sukhino*. Chữ *sukhino* có thể là một danh-từ chỉ định phẩm chất số ít hay là một chủ-từ số nhiều, và như vậy cụm chữ có thể được phân giải ra nghĩa là “*đối với vị ấy là một người hạnh phúc ở đó*” [với *tassa* và *sukhino* là những danh-từ chỉ định số ít đều cùng bổ nghĩa cho một chủ-từ], hoặc ra nghĩa là “*đối với vị ấy, có những bậc hạnh phúc ở đó*” [với *tassa* bổ nghĩa cho người được tái sinh, và *sukhino*

là một danh-từ chỉ định số nhiều bỏ nghĩa cho những người đã có ở đó]. Sự nối kết của các cụm chữ với những chữ nào sau đó thì sẽ cho ra những nghĩa tương ứng khác nhau. **Mp** [của **Be**] chọn cách thứ nhất, lấy chữ *dhammapadā* là chủ-từ chỉ danh, *plavanti* là động từ, và *tassa sukhino* là vị-ngữ (đối tượng) chỉ định gián tiếp, cho ra nghĩa là: “*Những đoạn lời (kinh) Giáo Pháp nổi lên đối với vị ấy là người hạnh phúc ở đó*”. Luận giảng **Mp** [của **Be**] luận giảng về cụm chữ này theo nghĩa này, nói rằng: “*Đối với một người tái sinh là người bị xao lãng (không nhớ, thất nhiệm) trong tâm, thì những giáo lý trong những lời của Phật mà người đó đã từng tụng đọc trước đó, được cảm rẽ trong những lần tụng đọc chúng trong quá khứ, tất cả lại nổi lên và được nhận ra một cách rõ ràng, giống như những hình ảnh trong một cái gương sạch.*” **Mp** [của **Ce**] thì, rất thú vị, có ghi lại bỏ đề là *dhammapadāpilapanti*, và ghi lại giải thích như vậy: *te sabbe pasanne ādāse chāyā viya apilapanti upaṭṭhahanti*. Tôi cho rằng động từ *apilapanti* được đưa vào ở đây là bởi bản gốc của **AN** bằng tiếng Tích Lan cổ (Sinhala) đã giữ nguyên động từ nguyên gốc, rồi du nhập nó trở lại trong luận giảng để thay thế chữ *plavanti* hay *pilavanti*. Nếu không thì khó mà giải thích được cho chữ *plavanti* trong phiên bản **Be**. **Mp** [của **Ce**] cũng chứa động từ *upaṭṭhahanti*, có nghĩa là “[chúng] hiện ra đối với...”, chữ này bị mất trong phiên bản **Be**, có lẽ do sự vô ý khi kết tập. Động từ này rõ ràng được dùng với mục đích giải nghĩa về chữ *apilapanti* và *plavanti*.

Tôi bỏ qua **Mp** và theo Norman trong việc lấy chữ *tassa* và *sukhino* để chỉ những cá nhân khác nhau: *tassa* là vị-ngữ chỉ định gián tiếp và *sukhino* là chủ-từ chỉ danh số nhiều. Tôi lấy động từ là động từ tha cách *apilapanti* (= *ab-hilapanti*) với vị-ngữ (đối tượng) trực tiếp của nó là *dhammapadā*. Norman [trang 259] khẳng định những danh từ vô tính ở thể số nhiều đối cách thường kết thúc bằng chữ *-ā*. Do vậy tôi hiểu dòng chữ này có nghĩa là “*những bậc hạnh phúc—chính là những thiên-thần ở cõi trời—tụng lại những đoạn lời Giáo Pháp cho người đó*”, là người mà bài kinh đang nói tới, là người (qua đời với tâm không nhớ gì, thất nhiệm) tái sinh ở cõi trời, và đang ở đó.] (904)

758 [Lời này cũng có trong kinh **SN 42:13** (quyển 4). Theo kinh **MN 56.8**, lời đồn như vậy là từ những người theo đạo Jain (Kỳ-na giáo), tức những Ni-kiền-tử.] (907)

759 [Nội dung chính chỗ này giống hệt những lời khuynh dạy của Đức Phật nói với những người Kālāma trong kinh **3:65**. Phần những câu hỏi-đáp cũng giống như kinh những người Kālāma, nhưng có thêm phần nói về tính *thái-quá*. (Về ý nghĩa lời dạy, coi lại thêm chú thích (458) ở kinh **3:65**.)] (908)

760 [Về chữ “*tính thái-quá*” (quá đáng, dữ dội...) là tạm dịch chữ *sārambha*: **BHSD** định nghĩa chữ *sārambha* là “*sự om sòm, cãi cọm tranh cãi*” và nối kết nó với chữ tiếng Phạn là *saṃrambha*, mà **SED** dịch là “*hành vi nắm giữ hay nắm lấy, giữ chặt*” và cho ra nghĩa là “*sự ghét bỏ, sự giận dữ, sự phẫn nộ đối với (ai, cái gì)*”. Do trong bài kinh này đang nói về sự *sārambha* đang xảy ra trong hành động, lời nói, và tâm ý, nên tôi tạm dịch nó là sự *thái-quá* (quá đáng, quá mức, dữ dội).”] (909)

761 [**Ce** ghi là *lobhaṃ vineyya vineyya viharanto*, và như vậy trong liên hệ với sân, si, tính thái-quá (*dosa, moha, sārambha*) tôi cố bắt nghĩa này là “*một cách liên tục, luôn luôn, hằng hữu, thường trực*” mặc dù nghĩa “*một cách lặp đi lặp lại*” cũng đúng. **Be** và **Ee** chỉ đơn giản ghi là *lobhaṃ vineyya viharanto*.] (910)

762 [Coi thêm kinh **MN 56.26**.] (911)

763 [Chữ *sace ceteyyūṃ* có ghi trong **Ce** và **Ee**, nhưng không có trong **Be**.] (912)

764 [Nguyên văn câu này: *Pārisuddhipadhāniyaṅgāni*. Tôi dịch cụm chữ ghép này theo cách giải nghĩa của **Mp** là: *pārisuddhiatthāya padhāniyaṅgāni*.] (913)

765 [Nguyên văn những câu này: *Sīlapārisuddhipadhāniyaṅga, citta-pārisuddhipadhāniyaṅga, diṭṭhipārisuddhipadhāniyaṅga, vimuttipārisuddhi-padhāniyaṅga*. *Sīla-* visuddhi, *cittavisuddhi*, và *diṭṭhivisuddhi*; bốn này nằm trong *Bảy Sự Thanh-Lọc* (*satta visuddhi*) theo như kinh **MN 24**, được dùng như giàn giáo trong *Thanh Tịnh Đạo luận (Vism)*. Bốn này cũng nằm trong chín “*pārisuddhipadhāniyaṅgāni*” theo như kinh **DN 34.2.2**, trong đó chúng đều nối kết với từ *visuddhi*, ví dụ, *sīla-visuddhi-pārisuddhipadhāniyaṅgaṃ*. Điều thú vị là không có kinh nào nói về “*bảy sự thanh-lọc*” như vậy được kết tập trong *Quyển “Bảy”* của bộ kinh **AN** này. Điều này cho thấy khuôn-mẫu (*bảy sự thanh-lọc*) đó đã ra đời trễ sau này, và kinh **MN 24** cũng có nguồn gốc trễ như vậy.] (914)

766 [Nguyên văn câu cuối: *Tattha tattha paññāya anuggahessāmi*. **Mp** diễn dịch là: “Theo cách này và cách đó tôi sẽ trợ giúp nó bằng trí-tuệ mình sát (*vipassanāpaññāya*).”] (915)

767 [Theo các kinh bộ *Nikāya*, trí-biết trực-tiếp về Bốn Diệu Đế đánh dấu sự chứng đắc Nhập-lưu, cho nên *sự thanh lọc cách-nhìn* ở đây có thể được nhận dạng là trí-tuệ của bậc Nhập-lưu. Nhưng điều này vẫn ngược với khuôn-mẫu của *Thanh Tịnh Đạo luận (Vism)*, trong đó (*diṭṭhivisuddhi*) *sự thanh lọc cách-*

nhìn mới chỉ là sự thanh lọc thứ ba trong “bảy sự thanh lọc”. **Vism** giảng giải *sự thanh lọc cách-nhìn* chỉ là *sự hiểu rõ về những hiện-tượng vật chất (sắc) và tâm (danh) (nāmarūpavavatthāna)*, nó cũng được gọi bằng thuật ngữ là *sự phân định những hiện-tượng có điều-kiện (hữu vi) (saṅkhāraparicccheda)*. Theo khuôn-mẫu của **Vism**, sự chứng đắc Nhập-lưu [và những chặng thánh đạo cao hơn] chỉ xảy ra khi có sự thanh-lọc thứ bảy, đó là *sự thanh lọc sự hiểu-biết (tri) và tầm-nhìn (kiến) (ñāṇa-dassana-visuddhi)*.] (916)

768 [Riêng cái “*sự thanh lọc sự giải-thoát*” này không có trong khuôn-mẫu của Thanh Tịnh Đạo (**Vism**), nhưng có lẽ nó có thể được coi là chỗ chung kết hay đỉnh điểm của *sự thanh lọc sự hiểu-biết và tầm nhìn*.] (917)

769 [Câu này dường như là một giáo lý của những người theo đạo Jain (Kỳ-na giáo), là những người, tu theo kiểu tự hành xác, để tẩy rửa nghiệp quá khứ. Coi thêm giáo lý này được nói bởi ông Nātaputta (Mahāvīra, Đại Thiên), là giáo chủ phái này, trong kinh **3:74**.] (918)

770 [Nguyên văn câu dài này: *So navañca kammaṃ na karoti, purāṇaṃ ca kammaṃ phussa phussa vyantīkaroti*. Coi câu tương tự ở kinh **3:74**, đoạn (1) và chú thích (499) của nó. Sự diễn giải của **Mp** trong chú thích ở đây có khác chút ít so với chú thích đó; như vậy: “*Sau khi đã tiếp xúc nghiệp nhiều lần và lặp lại bằng sự tiếp-xúc với sự hiểu-biết, người đó tiêu diệt nghiệp sẽ được loại bỏ bởi phương tiện là sự hiểu-biết. Sau khi tiếp xúc nghiệp quả nhiều lần và lặp lại bằng sự tiếp-xúc do nghiệp-quả, người đó tiêu diệt nghiệp sẽ bị loại bỏ bằng [sự trải nghiệm] nghiệp quả.*” (Lưu ý: chữ “*chảy vào*” là chỉ những ô-nhiễm bên ngoài chảy vào thân. Chữ ô-nhiễm (lậu hoặc) là *āsava*, nghĩa gốc là những dòng chảy-vào và chảy-ra ở tâm).] (919)

771 [**Mp** diễn dịch: “Bởi vì vị đó đã có được sự buông-xả được bao bọc bởi sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác), và có sự cân-bằng của tâm là đặc tính của sự buông-xả, nên ‘*vị đó an trú buông-xả*’, tâm luôn cân bằng trong liên hệ với những đối-tượng đó” (*satisampajaññapariggahitāya majjhattākāra-lakkhaṇāya upekkhāya tesu ārammaṇesu upekkhako majjhatto hutvā viharati*).] (920)

772 [(Câu kết này cũng có trong nhiều bài kinh quan trọng khác). Câu này cho thấy thái độ của bậc A-la-hán đối với sự trải-nghiệm hiện tại. Vị đó biết rằng những cảm-giác của mình chỉ tiếp tục khi thân và sự sống còn tiếp tục, và rằng với sự chết đi của thân và sự tắt ngấm của sự sống, tất cả mọi cảm-giác sẽ đi đến kết thúc. **Mp** giải thích “*sẽ trở nên nguội mát ngay tại đây*” (*idh’eva*

sītibhavissanti) như vậy: “Chúng sẽ trở nên nguội mát là không còn sự quấy động và phiền não gây ra bởi sự tiếp diễn của tiến trình sự sống; giờ chúng sẽ không còn xảy ra nữa. [Điều đó xảy ra] ngay tại đây, chứ không còn đi đến đâu nữa bằng cách tái sinh.”] (921)

773 [Mp diễn dịch như vậy: “Theo ví dụ đã dùng: Thân được ví như gốc cây. Những nghiệp thiện và bất thiện ví như cái bóng do có gốc cây mà có. Người tu thiền giống như người muốn loại bỏ cái bóng; trí-tuệ ví như cái xẻng; sự định-tâm giống như cái rễ đưng; sự minh-sát giống như cái cuốc chim [*khaṇṇitti*, không được ghi trong bài kinh]; DOP định nghĩa cái xẻng (*kuddāla*) và cái cuốc (*khaṇṇitti*) là công cụ đào bứng. Thời gian đào bứng rễ bằng cuốc chim giống như thời gian cắt bỏ vô-minh của chặng thánh-đạo A-la-hán vậy. Thời gian chặt gốc cây thành từng miếng nhỏ giống thời gian nhìn thấy năm-uẩn; thời gian bầm nhỏ chúng ra giống thời gian nhìn thấy những cơ-sở cảm-nhận (sáu giác-quan và sáu đối-tượng bên ngoài, nội xứ và ngoại xứ); thời gian bầm nát chúng ra giống như thời gian nhìn thấy những yếu-tố (như bốn yếu tố tứ đại). Thời gian phơi khô chúng trong nắng và gió giống như thời gian vận dụng sự nỗ-lực của thân và tâm. Thời gian đốt chúng trong lửa giống như thời gian thiêu đốt những ô-nhiễm bằng sự hiểu-biết. Thời gian đốt chúng thành tro vẫn còn giống như thời gian khi năm-uẩn vẫn còn diễn ra [tức năm-uẩn vẫn còn đó sau khi người tu đã thành A-la-hán]. Thời gian quăng tro cho gió mạnh hay rải xuống dòng sông chảy xiết để bị cuốn mất đi giống như sự chấm-dứt năm-uẩn, nó bị cắt bỏ tận gốc gác để không còn khởi sinh trở lại trong tương lai. Giống như tro bị cuốn đi tới một trạng thái nào đó không-thể nhận-biết được (không thể nghĩ bàn) (*apaññattibhāvūpagamo*), người tu hiểu được trạng thái không-thể mô-tả được (*appañattibhāvo*) [đã đạt tới] nhờ sự không-còn khởi sinh năm-uẩn hệ quả (do nghiệp quả) trong sự hiện-hữu mới nào nữa.”] (922)

774 [Vượt-qua dòng-lũ (*oghassa nittharaṇa*) là chữ ẩn dụ cho sự vượt qua vòng luân-hồi sinh tử (*samsāra*), tức sự tẩy sạch những ô-nhiễm. Hai phương tiện mà ông Sāḷha nói ra là *sīlavisuddhi* và *tapojigucchā*. Chữ thứ hai lại chứa hai nghĩa là sống khổ-hạnh và hành-xác bản thân vốn bị phê phán bởi Đức Phật khi Phật nói về con đường trung-đạo (như trong kinh đầu tiên “Chuyển Pháp Luân”). Khi trả lời ông Sāḷha chỗ này, Phật chấp nhận phương tiện là sự thanh lọc giới-hạnh là một yếu tố của đời sống tu sĩ (sa-môn) (*sāmaññaṅga*), nhưng Phật từ chối cách tu khổ hạnh và hành xác.] (923)

775 [Coi thêm kinh 3:78.] (924)

776 [Hoàng hậu Mallikā là vợ của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala

(Kiều-tất-la).] (926)

777 [Nội dung kinh này cũng có trong kinh **MN 51.8–28.**] (927)

778 [Các điển đạt này cũng có trong kinh **3:66.** Mời coi lại chú thích (463) của kinh đó.] (928)

779 [Chỗ này mô tả chi tiết cách tu tự hành hạ thân xác y hết đoạn (2) của kinh **3:156.**] (929)

780 [Chỉ riêng **Be** có ghi thêm nghề *goghatako*: người giết mổ trâu bò.] (930)

781 [Y hết chú thích (481) ở phần (V), đoạn (vi) của kinh **3:70**: [Nguyên văn: *ekabhaddika*. Chữ này có thể dịch là “*ăn trong một phần/thời của ngày*”. **Mp** giải thích là: “Có hai bữa [thời, lúc] cơm, bữa [lúc] sáng và bữa [lúc] chiều tối. Bữa [thời] sáng kết thúc lúc giữa trưa (ngọ); bữa [thời] chiều tối kéo dài từ sau giữa trưa cho đến rạng sáng hôm sau. Do vậy ngay cả ai có ăn 10 lần (từ sáng đến) trước giờ trưa (ngọ) thì cũng được cho là ăn một bữa [một lần, một thời] trong một ngày.”] (931)

782 [**Mp**: “Dục-vọng được gọi là *bầy cá mồi (jālinī)* vì nó giống như bầy lưới giăng ra. Vì lưới được dệt thắt và đan chặt với nhau, dục-vọng cũng thắt chặt và chằng chịt như vậy. Hay dục-vọng được gọi là bầy bởi nó là một bầy lưới giăng rộng khắp ba cõi hiện-hữu. Dục-vọng là *chảy khắp nơi (saritā)* vì nó chảy và chạy tới khắp mọi nơi. Dục-vọng là *ở khắp nơi (visaṭā)* vì nó giăng rộng và phân tán khắp nơi. Và dục-vọng là *dính trét (visattikā)* vì nó gài dính, làm dính, trói buộc khắp chỗ này chỗ nọ.”] (932)

783 [Tôi dịch những cụm chữ này—một số chữ tối nghĩa, khó hiểu—với sự trợ giúp của **Mp**. “*Liên quan với bên-trong*” (*ajjhāttikassa upādāya*) có nghĩa liên quan với thân năm-uẩn của mình.] (933)

784 [“*Liên quan với bên-ngoài*” (*bāhirassa upādāya*) có nghĩa liên quan với năm-uẩn bên ngoài.] (934)

785 [**Mp** nói chữ “*vì do cái này*” (*iminā*) nên được hiểu là có nghĩa là “*vì thân sắc này ... vì cảm-giác này ... vì thức này*” (*iminā rūpena vā ... pe ... viññāṇena*). Đoạn này cũng tối nghĩa khó hiểu và tôi không chắc **Mp** đã đoán đúng nghĩa gốc của nó như vậy hay không. “*Vì do cái này*” có thể có nghĩa là “*vì do một thượng đế tạo hóa*”, hoặc “*vì do vấn đề bất ngờ, không phải từ*

nguyên thủy”, hoặc “vì do tình cờ, do cần phải vậy...”, vân vân...] (935)

786 [Tôi không thấy vì sao bài kinh này đã được kết tập trong *Quyển “Bốn”* này. Chắc người ta chỉ dựa vào 4 ý mô tả về dục-vọng, tức 4 cụm từ nằm giữa hai dấu — (như người dịch đánh dấu (i)-(iv) ở đoạn cuối), nhưng đây cũng chỉ là giả thuyết của tôi.] (936)

787 (Các tên (A), (B), (C) là do người dịch Việt đưa vào để người đọc dễ hình dung các bên được nói trong bài kinh).

788 [Về bốn điều này, để hiểu rõ quý vị coi lại chú thích ở kinh **4:23**, đoạn (1), chú thích (656).] (939)

789 [Nguyên văn bốn thi sĩ trong tiếng Pāli là: *cintākavi*, *sutakavi*, *atthakavi*, *paṭibhānakavi*. **Mp** nói loại thứ nhất làm ra bài thơ/ thi kệ sau khi suy xét quán chiếu; loại thứ hai viết ra thi kệ dựa trên câu chuyện được kể; loại thứ ba viết ra thi kệ dựa theo thông điệp truyền dạy; và loại thứ tư viết ra thi kệ do tự mình ngẫu hứng viết ra, giống như trưởng lão Vaṅṭisa.] (940)

790 [Coi thêm kinh **MN 57.7–11.**] (941)

791 [Ở đây, một “hành vi cố-ý bằng thân gây đau khổ” (*sabyāpajjham kāyasāṅkhāram*) có thể hiểu là sự cố-ý (tư, *cetana*) chịu trách nhiệm cho 03 đường thân-nghiệp bất thiện; “hành vi cố-ý bằng miệng gây đau khổ” là sự cố-ý chịu trách nhiệm cho 04 đường khẩu-nghiệp bất thiện; và “hành vi cố-ý bằng tâm gây đau khổ” là sự cố-ý chịu trách nhiệm cho 03 đường ý-nghiệp bất thiện.] (942)

792 [Đây là chỉ: *mười đường nghiệp thiện* cùng với *sự cố-ý* (tư) thuộc những tầng thiên định sắc-giới (*jhāna*).] (943)

793 [Đây là chỉ: những cõi thiên thần cao hơn.] (943)

794 [Nguyên văn: *devā subhakinā*. Đây là những thiên thần sống ở hạng cõi trời cao nhất tương ứng với tầng thiên định thứ ba (Tam thiên).] (944)

795 [**Mp** nói đây là: “*Sự cố-ý (tư) của thánh đạo dẫn tới sự chấm dứt luân-hồi*” (*vivaṭṭagāminī maggacetanā*).] (946)

796 [**Mp** nói rằng “*những giáo phái khác*” là chỉ những giáo phái có 62 quan-điểm này nọ, tức 62 tà kiến [được ghi trong kinh **MN 63**, 30-64,1], họ không

có 12 loại sa-môn: gồm 04 loại đã chứng thánh quả, 04 đang tu tập những thánh đạo để chứng đắc thánh quả, và 04 đang tu tập minh-sát tuệ để chứng đắc những chạng thánh đạo đó.] (947)

797 [*Adhikaraṇaṃ vūpasantaṃ: những vấn đề thuộc về giới luật.* Coi lại chú thích đầu tiên ở kinh **2:15**, chú thích (231).] (948)

798 [*Những tội-lớn nhất [pārājika]* là những tội nghiêm trọng nhất. Đối với những Tỳ kheo, những tội lớn đó gồm 04 tội dẫn tới bị trục xuất khỏi Tăng Đoàn, đó là: *tội giao hợp dâm dục, tội gian cấp* [tùy theo mức độ bị xử lý theo giới luật], *tội giết người*, và *tội cố tình tuyên bố sai về sự chứng đắc của mình*. Đối với những Tỳ kheo ni thì có áp dụng thêm 04 tội lớn nữa. Cách duy nhất để một người đã phạm một tội lớn nhất này có thể “*tu sửa đúng theo Giáo Pháp*” là thú nhận tội và từ bỏ danh phận của mình, tức không còn là một ‘Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni đã được đại thụ giới’. Để hiểu rõ hơn về những tội này, mời coi thêm giảng giải của nhà sư **Ṭhānissaro 2007a**, chương 4.] (949)

799 [Lời kinh ở đây dùng chữ *bhante*, nghĩa gốc là “*ngài, quý ngài, bậc trên*”. Như vậy cho thấy chữ này không phải chỉ được dùng để gọi những Tỳ kheo (các sư, huynh, trưởng lão, cao tăng ...) mà cũng để gọi những người thường khác có vị trí cao hơn mình (như *ngài, quý ngài, quý vị* ...). Do vậy ở đây dịch chung là “*quý vị*”.] (950)

800 [*Những tội-lớn nhì [saṅghādisesa, tội tăng tàn]* là những tội lớn nhì (sau những tội *pārājika* ở trên là những tội lớn nhất). Đối với những Tỳ kheo, những tội này gồm có: *tội cố ý xuất tinh, tội đụng chạm phụ nữ với cái tâm nhục dục, tội nói lời tục tĩu gợi dục với một phụ nữ, tội vu khống một Tỳ kheo đức hạnh phạm tội lớn nhất [pārājika] hay lớn nhì hay tội khác...* Sự khôi phục khỏi tội này là một thủ tục phức tạp đòi hỏi phải có những sự cuộc họp-mặt chính-thức của Tăng Đoàn (để phân xử và quyết định). Để hiểu cặn kẽ hơn về những tội này, mời đọc thêm giảng giải của nhà sư **Ṭhānissaro 2007a**, chương 5.] (951)

801 [Đây là hình phạt *đội bao tro lên đầu*. **Ce** và **Ee** ghi là *assapuṭaṃ*; **Be** ghi là *bhasmapuṭaṃ*. **Mp** giải thích: “[*Việc làm của người đó*] đáng bị hình phạt bằng một bao tro đáng chê trách để trên đầu” (*garahitabbachārikāpuṭena mat-thake abhigātāraṃ*).] (952)

802 [*Những tội nhẹ [pācittiya, ba-dật-đề]* là hạng những tội nhẹ có thể được xóa

bỏ thông qua việc thú tội hay xám hối với một tu sĩ đồng đạo. Như những tội *nissaggiya-pācittiya*, là những tội cũng đòi hỏi thêm sự từ bỏ một thứ (đồ dùng) không phù hợp, cũng thuộc hạng mục những tội nhẹ này. Để hiểu căn kẽ hơn về các tội, đọc giảng giải của nhà sư Ṭhānissaro, ở **Ṭhānissaro 2007a**, chương 7 và 8.] (953)

803 [Những tội nhẹ hơn [*pāṭidesanīya*] là hạng những tội nhỏ nhẹ có thể được xóa bỏ thông qua sự thú tội, xám hối. Để hiểu căn kẽ hơn về những tội này, mời đọc thêm giảng giải của nhà sư Ṭhānissaro, ở **Ṭhānissaro 2007a**, chương 9.] (954)

804 [Nguyên văn cả câu này: *Sikkhānisamsam idaṃ bhikkhave brahmacariyaṃ vussati paññuttaraṃ vimuttisāraṃ satādhigateyyaṃ*. Trong những kinh AN sau này cũng dùng những ẩn dụ như vậy [kinh **8:83, 9:14, 10:58**], nhưng trong đó sự chánh-niệm được đặt đứng trước trí-tuệ và sự giải-thoát; chỉ riêng ở kinh này thì thứ tự được đảo ngược lại, tức sự chánh-niệm được đặt ở sau cùng.] (955)

805 [Nguyên văn chữ cuối: *ābhisamācārikā sikkhā*. **Mp** nói rằng: “Đây là chữ dùng để chỉ loại giới-hạnh được quy định theo những trách-phận người tu cần phải làm” (*vattavasena paññattisīlass’etaṃ adbhivacanam*). Những luận giảng đưa ra sự tương phản giữa mảng **(i)** giới-hạnh tự nhiên (*pakatisīla*), là những cách của giới-hạnh theo ý nghĩa về mặt đạo đức (như không sát-sinh, không gian-cấp...) so với mảng **(ii)** giới-hạnh dựa theo quy định (*paññattisīla*) bắt nguồn từ những điều-luật của Giới-luật Tăng Đoàn quy định về những hành-vi và cách hành-xử vốn không thuộc về mặt đạo đức, ví dụ như quy định không ăn sau giờ trưa (ngọ), không nhận tiền bạc, không chột lét Tỳ kheo khác... Ở đây, chữ *ābhisamācārikā sikkhā* là chỉ về phần giới-hạnh dựa theo quy định, tạm dịch ngắn gọn hơn là mảng ‘hành-vi hợp quy’.] (956)

806 [**Mp** nói: “Đây là chữ dùng để chỉ 4 loại giới-hạnh chính, là nền tảng của đời sống tâm linh của đạo” (*maggabrahmacariyassa ādibhūtānaṃ catunnaṃ mahāsīlānaṃ etaṃ adbhivacanam*). Mặc dù dường như **Mp** chỉ coi loại giới-hạnh này gồm bốn tội lớn nhất (*pārājika*), nhưng chắc chắn ở đây nghĩa lời kinh là bao gồm thêm nhiều điều-luật tu hành khác nằm trong những hạng tội khác.] (957)

807 [**Mp** không giải thích theo nghĩa nào mà chữ *paññā* được gọi là *uttarā*, nhưng chỉ nói rằng: “Chúng được nhìn thấy rõ bởi trí-tuệ của đạo cùng với minh-sát” (*sahavipassanāya maggapaññāya sudiṭṭhā honti*).] (958)

808 [**Mp** diễn dịch là: “Họ chứng nghiệm bằng trí-biết mang tính thực chứng của sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán” (*arahattaphalavimuttiyā ñāṇaphas-sena phutṭhā honti*).] (959)

809 [**Mp** nói rằng đoạn này là chỉ tuệ (*vipassanāpaññā*).] (960)

810 [Coi thêm kinh **2:55** và chú thích của nó về bảo tháp.] (961)

811 [Giống như kinh **SN 55:60** (quyển 5). Đây được gọi là bốn yếu tố dẫn tới chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu [và những thánh quả cao hơn]. Coi thêm các kinh **SN 55–58** (quyển 5).] (962)

812 [**Ee** gộp kinh này vào kinh kế trước; **Ce** và **Be** thì coi là một kinh riêng như vậy.] (963)

813 [Bốn này tương ứng với bốn diệu đế, nhưng đảo lộn thứ tự của diệu đế thứ ba và thứ tư.] (964)

814 [Những sự tìm cầu được nói trong kinh **MN 26.5**, nhưng kinh sau có thêm vào 2 sự tìm cầu là sự tìm cầu thứ bị buồn-sầu và sự tìm cầu thứ bị ô-nhiễm. Những sự tìm cầu thánh thiện cũng được nói trong kinh **MN 26.12**.] (965)

815 [Coi kinh **4:32** ở trên và chú thích của nó. Đối với tôi dường như hai kinh này là một.] (966)

816 [Đây là vị Tỳ kheo đã từng thách sẽ rời bỏ Đức Phật nếu Đức Phật không trả lời những câu hỏi mang tính siêu thể học của thầy ấy. Coi thêm kinh **MN 63**, cũng như kinh **MN 64.2–3**; **SN 35:95** (quyển 4).] (967)

817 [Nguyên văn: *Itthabhāvaññathābhāvaṃ*. **Mp** giải thích: “sự sống ở đây” là sự sống này, sự đang hiện-hữu này (*ayaṃ attabhāvo*); “sự sống ở nơi khác” là chỉ những sự hiện-hữu trong tương lai (*anāgatattabhāvo*). Lời đoạn kinh là tương tự như lời của kinh **4:9** ở đầu quyển này, và chú thích là như vậy.] (636)

818 [Coi thêm kinh **SN 42:9** (quyển 4), đoạn cuối, nói về 8 nguyên nhân làm suy bại những gia đình.] (969)

819 [Đây là kinh song hành với kinh **3:96** được mở rộng thêm yếu tố thứ tư.] (970)

820 [Đây là kinh song hành với **3:98**, được mở rộng thêm yếu tố thứ tư. Đây

cũng là kinh song hành với kinh **3:97** trong đó có đoạn (3) nói về bậc thánh Bất-lai, (mặc dù đoạn (3) tương đương tìm thấy có trong *Quyển “Bốn”*.) (971)

821 [Một cách tương tự như tội “*sát sinh*” ở kinh **4:264**, mỗi bài kinh trong dãy này, từ kinh **4:265–73**, sẽ lần lượt thay bằng mỗi tội kế tiếp.] (972)

822 (Tương tự theo cách của **NHÓM 8** cuối cùng của *Quyển “Ba”*, từ kinh **184–352**.)